

Đ DNV
1.648
ĐH62
10920.

THANH TUẤN — NGUYỄN KẾ TRUYỀN
AN HỒNG — NGUYỄN ĐĂNG LƯƠNG

ĐÔI

ĐÔI

thư viện
HỘI KÝ

THANH NIÊN

PHAN THANH TUẤN — NGUYỄN KẾ TRUYỀN
XUÂN HỒNG — NGUYỄN ĐĂNG LƯƠNG

ĐỒI ĐỜI

(Hồi ký công nhân già)

ĐIV: 1648



202

~~thư~~

~~đ~~

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ-NỘI — 1964

HẠNH PHÚC NGƯỜI THỢ

Tôi lấy vợ năm 1933, năm ấy tôi vừa đúng 30 tuổi. Tôi cũng chẳng nhớ là chúng tôi bắt đầu thương nhau từ bao giờ. Ngày nào cũng vậy, chúng tôi thường gặp nhau, ở đầu ghế hàng cơm, dưới chân cầu Xi-moong, của mụ xã Hảo. Mụ ta người đầy đà, mặt bầu bầu. Mồm mụ lúc nào cũng tòm tẻm nhai trầu. Nước cốt trầu cần chi ở hai bên mép.

Chúng tôi, cũng như hầu hết anh em phu phen ở Sở Xi-moong, không có tiền phải ăn cơm chịu đến kỳ lĩnh lương mới trả. Mỗi lần lại ăn, sau khi li nhệ chào mụ, chúng tôi khẽ rón rén ngồi vào đầu ghế. Mụ xới cho chúng tôi mỗi người xùm xùm một bát cơm ngô. Thức ăn thì một đĩa con rau muống mặn chát, canh chẳng ra canh xào chẳng ra xào; hoặc một đĩa cà pháo chan nước vối. Chúng tôi và vôi lưng cơm rồi lại vào làm quần quật đến tối.

Cứ như thế chúng tôi gặp nhau luôn; nhưng hầu như chẳng ai nói với ai câu gì. Thực ra thì cũng có đôi lần nói với nhau vài câu chẳng ra đầu ra đũa gì cả:

- Cô làm ở đâu?
- Đội đất khô gần nhà lấp-bô⁽¹⁾.
- Cô tên là gì?
- Bính.
- Bao nhiêu tuổi?

Chúng tôi bắt đầu làm quen với nhau bằng những câu cộc lốc như thế đấy. Thật ra những lần gặp sau này cũng đã nói chuyện với nhau được nhiều hơn. Nhưng có điều lạ là cứ mỗi lần gặp lại

(1) Laboratoire : phòng thí nghiệm.

nhau, cô ta có vẻ lúng ta lúng túng và hình như có ý muốn lảng tránh. Tuy vậy chúng tôi vẫn đều gặp nhau mỗi ngày hai lần. Còn tôi cứ hể trông thấy « cô ấy » là như có hàng trăm, hàng nghìn con kiến cắn vào đầu, vào cổ, vào tai...

Và, từ đấy mỗi lần có việc đi qua nhà lập-bô, có một cái gì không cưỡng nổi, cứ bắt tôi phải ngoái lại cái nhà chứa đất, bụi xông lên mù mịt ấy. Hàng mấy chục người đầu đội những thúng đất khô đầy lè đang nặng nhọc bước về phía in-cát⁽¹⁾. Đầu những chiếc thắt lưng bao lòa xòa, dung đưa theo nhịp bước chân. Những giọt mồ hôi lẩn đắt cát chảy ngoằn ngoèo trên những khuôn mặt đen xạm.

Lần nào thấy được cái khổ người dầm dẫm ; nhất là bất chợt thấy đôi mắt to đen hiền hậu trên khuôn mặt rám nắng quen thuộc là tôi thấy người mình nhẹ hẫng đi. Lần nào chẳng gặp là y như thấy bồng chồn lo lắng không ra làm sao cả. Vài ngày không gặp là thấy nhớ nhớ lạ... Anh em phu phen cứ trêu đùa gán ghép mãi :

— Này Chẳng ạ, cô Bính thế mà chịu thương chịu khó ra phết. Sấm coi trâu đi, đây làm mồi cho.

— Xứng đôi lắm rồi ! Chồng đánh đai, vợ đội đất ; đấu sức nhau lại chẳng mấy lúc mà khấm khó.

Cứ mỗi lần có ai gán ghép là tôi cứ giầy nảy lên. Nhưng nói của đáng tội, cũng có lúc tôi ước ao được cùng « cô ấy » nên vợ nên chồng.

Nhưng... Một buổi chiều mùa đông. Trời xám xịt. Những đám mây đen sà thấp xuống như muốn ôm gọn lấy cả cái Sở Xi-moong này. Cũng như mọi bận, khi đến nhà đất, tôi nghiêng mắt nhìn vào, hy vọng sẽ gặp lại cặp mắt to đen, rụt rè quen thuộc. Nhưng lần này mắt tôi bỗng đập phải lưng « thằng Một ». Nó đứng hơi dẹt hai cẳng, như muốn làm cho cái thân hình gầy cao của nó thêm oai vệ trong bộ quần áo tây vàng. Hai tay chống nẹ, đôi giày đen thỉnh thoảng lại di di xuống đất. Trên cái mặt dài ngoẵng như mặt ngựa, đôi mắt xanh cú vọ thêm muốn của nó dán chặt vào người Bính. Còn Bính thì run lên như con chuột trước con mèo, tay lòng không cầm cái chổi mái một quét lia lịa mãi một chỗ. Tôi nín thở, tim như ngừng đập, người nóng bừng lên, tôi nấp vội vào chiếc cột gần đấy. « thằng Một » ngấm nghĩa hồi lâu, nó khẽ gật đầu khoái chí, miệng dòn ra một làn khói thuốc lá màu trắng nhạt, đồng dục quát :

— Ê ! Cai !

(1) Khu vực lò số 4.

Tên cai Khôi béo xăn trong bộ quần áo lụa trắng bốp, như nấp đầu dấy, lật đật chạy lại khom người trước thằng Một. Thằng Một khẽ hất ngược cái cằm nhọn về phía Bính. Cai Khôi khom người thêm một tí nữa, đầu gật gật ra chiều hiểu ý. Thằng Một dĩnh đạc bước đi, khói thuốc thì nhau ở mồm hẫng tuôn ra ngàn ngút. Cai Khôi leo đéo theo sau, miệng nở một nụ cười ranh mãnh, quỷ quái. Bộ râu quai nón của nó hơi dãn ra về phía hai bên quai hàm. Còn Bính thì dờ dãn như người mất hồn, chiếc cán chổi rời khỏi tay lúc nào không biết. Tôi khẽ thở phào rẽ vào nhà đất. Thấy tôi, vẻ bối rối hiện lên nét mặt, Bính hơi cúi xuống tay mân mê gấu áo. Lần đầu tiên đứng một mình trước mặt Bính, tôi thấy hồi hộp lạ, tim cứ như muốn nhảy ra ngoài lồng ngực. Sau một lúc im lặng, tôi khẽ nói : « Cô... ». Bính từ từ ngàng đầu lên, không còn vẻ bối rối như trước nữa. Đôi mắt to đen, không còn e lệ như mọi ngày, nhìn tôi như van lơn, như cầu cứu... Tôi thấy người mình run lên và không sao chịu nổi mãi cái nhìn ấy, tôi chuệnh choạng bước ra ngoài. Làn gió lạnh buốt từ dòng sông Cẩm bích lên phá vào mặt khiến tôi thêm tỉnh táo. Lòng bồng chồn, lo lắng, uất ức... Biết làm thế nào bây giờ đây ? ! Câu hỏi đó cứ vang mãi trong đầu tôi. Ở cái sở Xi-moong này ai còn lạ gì cái tính dè già của thằng Một. Tuy nó đã có vợ người ta ; nhưng ngày nào thằng cai Khôi cũng phải chọn cho nó một cô gái đẹp, lấy có là vào quét dọn buồng của hắn, kỳ thực là để cho hắn hiếp. Ai cưỡng lại không chịu đi là chúng đuổi liền. Nhưng thường thường là thằng Một nó đi chọn lấy. Hễ cô nào nó ưng ý, y như là, mấy hôm sau cai Khôi bắt vào quét dọn buồng nó... Lại còn cái thằng cai Khôi nữa ; cái thằng « đi dục » ấy, có mấy cô làm dưới quyền mà thoát khỏi tay nó đâu ! « Liệu Bính, cô ấy có thoát khỏi tay nó không ? ! Biết làm thế nào bây giờ ? ! » Cái ý nghĩ ấy cứ bám lấy tôi, cấu xé tim tôi, vang mãi trong đầu tôi.

Đêm hôm đó về nằm trên đồng bao xi-moong, tôi cứ giờ mình trần trọc mãi không sao ngủ được. Trước mắt tôi cứ chập chờn bộ mặt ngựa dài ngoẵng của thằng Một và bộ mặt xệ, xồm xoàm râu quai nón của thằng cai Khôi. Cả hai đứa như kết làm một xông vào đè đầu đè chân tôi. Còn tôi thì cố vùng khỏi tay chúng. Tôi co chân đạp vào bụng vào đầu chúng... Cứ thế tôi vật lộn với chúng đến suốt sáng.

Hôm sau là đúng ngày đầu kỳ lương. Trời rét ngọt. Gió bắc lóc vào tận xương. Ngoài manh áo tứ thân vá chằng vá đụp, tôi còn choàng thêm bên ngoài một manh chiếu rách nữa, thế mà người cứ run lên cầm cập. Nhưng nghĩ đến số tiền sắp được cầm

trong tay, lòng lại thấy hồ hởi lạ. Cái rét hình như cũng dịu đi đôi phần. Tôi nhẩm tính : mình đánh đai kỳ này được 200 chiếc thùng, mà mười lăm xu một chục chiếc, vị chỉ là được ba đồng bạc. Trá tiền cơm hết một đồng bảy xu rưỡi. Còn một đồng hai xu rưỡi, phen này nhất định phải nhờ ngay bà Nhiêu và anh Chung mua hộ ngay buồng cau và nửa « tay » trầu... làm cái lễ trạm ngõ mới được. Nghĩ đến đây tôi thấy người mình ấm hẳn lên, lòng rộn một niềm vui sướng dào dạt. Quên cả những hạt mưa lạnh buốt cùng với gió đánh vào mặt rất rát, tôi lách qua đám đông phu phen dươn lên phía trước. Chân giẫm phura lên những vũng bùn nhầy nhụa, những hòn đá lờn nhõn, những thanh sắt nhọn..., chạy gần về phía nhà Đai. Những tưởng rằng mình đến sớm nhất, ai ngờ anh em đã tụ tập trước cửa nhà thành từng toán nhỏ. Mọi người trò chuyện râm ran. Ai cũng sốt ruột mong chờ có đồng lương để mang về trang trái nợ nần.

Mưa càng nặng hạt, gió thổi lồng lộng. Quần áo ẩm ướt, chiếc khăn vuông quấn riu trên đầu dầm nước, đọng lại ở cái nút buộc ngang trên trán và cứ theo đó chảy tong tong xuống những khuôn mặt tím bầm. Mọi người cứ tự mình ngồi xít lại gần nhau cho đỡ rét.

— Cơ ngơi này không khéo đến mất hết cả thôi — Một bác có tuổi ngồi bên tôi kéo dài giọng nói

— Mất gì cơ bác? Tôi hỏi,

— Lại còn mất gì nữa ! Cứ đầu kỳ lương nào thằng Ma-rin chẳng cùng thằng cai Túc kéo nhau đi rượu chè cờ bạc trai gái đến suốt sáng. Hôm nào nó được nó phờn, nó về sớm, thì lương của phu phen chỉ mất ít nhiều. Chứ chẳng may mà nó thua thì cứ gọi là có khi mất ráo. Tôi giật bản người và chột hiệu ra : Tháo nào, chẳng có kỳ lương nào mà mình lĩnh được đủ tiền. Cứ tưởng rằng mình không có chữ nên tính không ra, chứ có ngờ đâu ra nông nổi thế.

Giữa lúc đó thằng Ma-rin khệnh khạng dẫn xác đến. Bộ quần áo màu hồng của nó như muốn nứt ra vì cái thân hình béo phì. Đôi giày bột-tin màu mận chín bóng như thề soi gương vào đấy được. Sau lưng nó, thằng cai Túc xun xoe trong bộ quần áo tây vàng. Cái đôi giày băng-túp trắng như lao đao theo nhịp người của nó nghiêng ngả. Cái mũ cát chụp lên cái đầu nhọn, lắc lư như muốn bật khỏi cổ. Thấy chúng mọi người bật dậy nhanh nhẹn đứng thành hàng. Tên Ma-rin hăm hăm, gương đôi mắt xanh đỏ đần. Hắn nhìn lướt qua đầu mọi người như đe dọa, rồi lại khệnh khạng khua giày về phía phòng nó. Tên Ma-rin vừa đi khuất, cai Túc đã mất hẳn vẻ xun xoe. Nó háng giọng như lấy lại vẻ hách dịch, mở khóa cửa, rồi kéo ghế chững chạc ngồi xuống. Đôi cánh tay

khuyển khuyển trên bàn. Sau khi háng giọng thêm một lần nữa đã lấy đà, nó mở quyển sổ cái bìa xanh ra và đồng dục gọi tên từng người : « Thời đâu !... Nhớ đâu !... Chẳng đâu !... » Những người được gọi tên vội vàng chia thẻ của mình qua chiếc cửa nhỏ chỉ vừa đủ lọt cái đầu. Sau khi so tên ở thẻ với sổ cái và bắt lẩn ngón tay (điểm chỉ) vào sổ, nó vớt ra một nắm tiền hào tiền xu... kêu xoang xoang và thét : « Cút đi ! »...

Tiếng ồn ào nổi lên, lắm lúc chỉ nghe thấy những tiếng « đâu »... « đâu », giăt giọng của cai Túc. Người nào cũng tưởng gọi tên mình nên xô đẩy chen lấn nhau ỉ oái...

Sau khi làm xong cái « lệ » ấy tôi vợ vội nắm tiền chạy ra ngoài. Lòng hồi hộp, tôi run run đếm lại nắm tiền xu, tiền hào sáng lóe ấy. Đếm đi đếm lại hàng mấy lần... ; nhưng lạ chưa ! Sao lại chỉ có một đồng một thôi ! ? Tôi tưởng mình hoa mắt nên lại đếm lại thêm lần nữa, nhưng rốt cục cũng chẳng thấy hơn xu nào. Hay là mình nhầm chẳng ? Một câu hỏi này ra trong đầu. Tôi vội cời cái dây sợi ở ngang người, mà trước đây, mỗi lần đánh đai xong một chiếc thùng tôi đã thận trọng thắt vào một nút. Tôi lần đếm lại từng nút buộc như xưa kia mẹ tôi lần tràng hạt mỗi khi tụng một câu kinh. Đếm đi đếm lại vẫn chẵn hai trăm nút. Tôi hết hoảng định quay vào nói với cai Túc, nhưng thấy hắn chưa phát xong tiền. Tôi nhủ thầm : « chắc là thầy cai nhầm » Nhất nữa tính ra thầy sẽ trả nốt mình thôi ; chẳng đi đâu mà mất ».

Anh em phu phen trước lúc lĩnh tiền thì hăm hở là thế. Lĩnh xong thì mặt mày ngơ ngác, lăm bầm câu gì tôi nghe không rõ, rồi mỗi người lạng lẽ tán đi một nơi.

Gần trưa, mọi người đã về hết. Thấy tôi còn ngấp nghé ở cửa, cai Túc đã mắng phủ đầu :

— Thằng kia ! không về còn thập thò ở đây làm gì hử ?

Sau khi nghe tôi lúng búng nói xong, nó nhổ toét bãi nước bọt, lần giở ngược mấy trang giấy, rồi giăt giọng nói :

— Nguyễn văn Chẳng hả ?

— Thưa thầy vâng.

Nó hí húi một lúc vào sổ rồi ngừng lên nạt nộ :

— Chẳng một đồng một thì còn mấy nữa ! Cút đi không có ông lại cho ăn mấy cái cặc-bò bây giờ.

— Dạ thưa thầy... Con đánh được những 200 thùng...

— Thầy với bà gì ! Mẹ kiếp, này nhé : ngày mồng 5 mảy làm có hai đai thùng lông quan xếp phạt ba hào. Ngày mồng 8 mảy

đi chậm nên không được ăn công mà còn phạt sáu hào. Còn... ngày... mồng mười, gặp quan xếp mảy không chào... quan phạt chín hào...

Tôi run người lên ; nhưng chưa kịp nói gì thì thằng Ma-rin đã xông xộc bước tới. Sau khi nghe thằng cai Túc xì xồ mấy câu, nó quay lại thằng cánh tát vào mặt tôi một chiếc. Mặt tôi tóe đom đóm, mặt mày xây xâm. Chưa kịp định hồn thì thuận tay nó lại tát trái thêm một cái nữa và đá vào mạng sườn khiến tôi lảo đảo ra ngoài cửa. Lồm cồm bò dậy, phần uất quá... tôi định lao vào liều mạng với chúng một phen. Nhưng, cánh cửa đã đóng xập lại, tiếng ồ khóa kêu lách cách. Tôi dướn lên nhìn qua lỗ khóa thì thấy thằng Ma-rin cười hềnh hếch, giơ tay đón tập bạc mà thằng cai Túc đang khom người đưa cho hắn, đầu gật gù, miệng lắp bắp : « Bồng ! Boong... ! (1) »

Tôi lặng lẽ bước đi, lòng đầy uất ức... Bao nhiêu ngày quần quật làm việc. Mà mỗi ngày làm những 12 tiếng chứ có ít đâu. Đến nay thành ra công cốc. Biết lấy gì mà trả tiền cơm, biết lấy gì mà lo liệu cưới xin ! Cái hình ảnh đôi mắt to đen, van lơn, cầu cứu lại hiện lên trong đầu...

Về trưa, bỗng dưng nắng chói chang gay gắt như đốt cháy thịt da ; nhưng trong lòng tôi có một cái gì còn nóng hơn nhiều, nó cứ thôi thúc giục giã tôi : « Nhất định phải làm một cái gì đây ! Không thể dễ như thế này mãi được ! ». Nhưng làm thế nào, làm cái gì thì thật ra lúc bấy giờ tôi cũng chưa nghĩ ra. Cứ như thế tôi bước đi giữa hai cái nóng. Một cái nóng nung nấu da thịt và một cái nữa, nóng hơn nhiều, âm ỉ đốt cháy tâm gan...

Vừa ra đến chân cầu xi-moong tôi thấy Bính, tuy đã ăn xong, nhưng vẫn còn ngồi lại ở ghế hàng cơm mụ Hảo, mắt ngó quanh như tìm kiếm cái gì. Thấy tôi Bính khẽ cúi đầu xuống, chiếc khăn vuông chít mỏ quạ bịt kín mặt chỉ còn để hở hai gò má hồng hồng.

Khác hẳn mọi ngày mụ xã Hảo mặt tươi tỉnh hẳn lên đón đá :

— Thế nào, cậu lính lương rồi chứ ?

Tôi « vâng » một tiếng nặng chình chịch, đưa cả số tiền còn lại cho mụ. Tôi kể lại cho mụ nghe cái cảnh ban sáng, chưa nghe hết mụ đã tru tréo lên như muốn phân bua với mọi người, cái khối thịt thừa bằng nắm tay ở cổ của mụ rung rung, quết trầu ở miệng bắn ra tung tóe :

(1) Bon — tiếng Pháp có nghĩa là tốt... tốt.

— Này, đồ xỏ lá, mày định ăn không ăn hồng của bà đấy phỏng ? Bà thì bà cứ lột xác mày ra. Không tiền thì đừng ăn. Thử xem thằng nào con nào nó rước làm bố nó...

Mụ còn tuôn ra hàng tràng những lời đánh chua nữa ; nhưng tai tôi đã ù lên chẳng còn nghe thấy gì nữa. Tôi chỉ kịp nhận thấy Bính như giận dữ đứng lên bỏ đi. Vừa xấu hổ, vừa giận dữ, vừa uất ức..., tôi quay ngoắt người bỏ đi, định bụng từ nay sẽ sang ăn hàng lý Khuê chứ không thèm ăn cơm ở hàng mụ nữa. Tôi mang chiếc bụng rỗng không và với tâm trạng ấy tôi đi lang thang đến tận khuya.

Trưa hôm sau, tan tầm rồi, tuy bụng đói cồn cào nhưng tôi vẫn chẳng muốn đi ăn. Cái nỗi buồn phiền, lo âu, uất ức... vẫn còn canh cánh một bên. Liệu cô ấy có khinh mình không nhỉ — tôi tự hỏi và lại tự trả lời — khinh dứt đi chứ lị. Nếu không khinh sao cô ấy lại vùng vằng bỏ đi. Chen vào đấy lại còn nỗi lo về cái khoản ngót một đồng tiền nợ lại của mụ Hảo. Lấy tiền đâu mà trả đây. Liệu ra cổng sở có bị mụ đón đường làm toáng lên như những bận trước không ? Bất giác tôi khẽ thở dài.

— Sao không đi ăn mà còn ngồi đây thở dài sườn sượt thế anh ? Tôi nghe thấy giọng nói quen thuộc và một bàn tay đặt nhẹ lên vai. Tôi quay lại thì ra Doãn (1).

Từ lâu rồi tôi đã thấy mến mến cái anh chàng người xương xương có cái tướng học trò này. Anh tính tình vui vẻ, luôn thăm hỏi mọi người. Ai ốm đau hoặc gặp hoạn nạn gì anh đều tận tình giúp đỡ... Mọi người đều quý mến và coi anh như người nhà. Nhưng cái khiến chúng tôi quý mến anh nhất là anh rất ghét bọn chủ Tây và những điều chí tình, chí lý mà anh thường nói cho chúng tôi nghe. Qua những điều anh nói tôi đã được biết rằng : cái tội độc ác nhất không phải chỉ có bọn chủ Tây ở sở này, ở nước này, mà còn là những thằng to hơn, giàu hơn ở mãi tận bên cái nước Pháp. Muốn đến đó phải đi ô tô và tàu vượt biển, nhanh nhất cũng phải mất hơn chục ngày đường. Ở bên đó cũng còn có những người Tây nghèo khổ như mình. Họ biết thương nhau, góp sức nhau chống lại bọn nhà giàu... Anh còn nói cho tôi nghe về sự đình công của thợ thuyền, về những thắng lợi của anh em thợ thuyền ở bên nước Nga và đời sống sung sướng của họ ra sao... Tôi nghĩ bụng : Thế ra ở đâu cũng có người nghèo khó và bọn giàu sang. Mà bọn giàu thì ở đâu cũng độc ác như nhau. Còn người nghèo

(1) Tăng văn Doãn, đảng viên cộng sản.

muốn được tự do sung sướng thì trước tiên phải cùng một lòng đánh đổ bọn chủ, bọn giàu sang đi đã. Lần đầu tiên nghe thấy những điều kỳ lạ, tôi thấy lòng mình rạo rức và như được truyền thêm sức mạnh.

Không đắn đo tôi kể một thôi cho Doãn nghe việc mình bị cúp lương, bị đánh đập ra sao, kể cả cái việc riêng tư của mình và cái ý định liều mạng đánh cho Ma-rin một trận. Nghe xong anh nói :

— Anh em mình ai mà chả ghét tụi chủ Tây ; nhưng mà đánh riêng một mình Ma-rin thì chưa nên. Muốn thoát khỏi cảnh áp bức này phải đánh, đánh cho kỳ hết tất cả tụi áp bức mình kia!

Thấy tôi có vẻ như chưa hiểu hết, ngừng một lát anh nói tiếp :

— Thôi chúng mình sẽ bàn đến chuyện ấy sau, còn bây giờ thì đi ăn cơm đã chứ.

Nói xong chẳng chờ tôi trả lời, anh cầm tay tôi kéo đi về phía cổng sờ. Cách cầu Xi-moong độ mười bước nữa, tôi đã nghe thấy mùi xả Hảo cất cái giọng ngọt như mía lùi vồn vã chào mời.

— Sao hôm nay cậu ra muộn thế. Thôi đi ăn cơm đi kẻo nguội hết rồi. Ngừng một lát mẹ nói tiếp :

— Hôm qua chị hơi nóng một tí, cậu đừng chấp nhé.

Tôi còn đang lù lù chưa hiểu ra sao thì mẹ đã thao thao : — Ấy, cái cô gì thất lung bao màu hoa lý, cô ấy đã đưa một đồng của cậu gửi cho tôi rồi. À, phải rồi cô ấy là cô Bình. Người nom đến nên.

Tôi giật mình đến thót một cái. Lạ quá, mình có gửi tiền cô ấy đâu. Với lại tiền đâu mà gửi chứ. Tôi định bụng : phải gặp cô ấy hỏi cho ra nhẽ mới được.

Tối hôm ấy cơm xong, tôi mặc chiếc áo trắng lành nhất của mình. Tuy vậy nó cũng có đến mười mụn vá. Sang qua cầu Xi-moong tôi tạt luôn vào ngõ Hậu-thái tìm vào nhà Bình.

Ngay từ đầu ngõ, cái mùi hôi hôi nồng nồng của những đồng rác lớn, rác bé đã xông vào mũi tôi. Trời mới mưa một trận nhỏ thế mà một lớp bùn lầy nhầy, đen ngầu đã ngập đến mắt cá chân. Mùi hôi thối của những chiếc áo tù đọng, của những bãi phân người, phân lợn xông lên ngọt ngọt.

Tôi cứ mò mẫm đi qua bao nhiêu chiếc nhà xiêu vẹo, ngọt ngọt trong cái mùi hôi thối ấy, vừa đi vừa hỏi thăm. Cuối cùng cũng đến được nhà Bình. Trong cái tranh tối tranh sáng, cái nhà lụp xụp, ngả nghiêng xiêu vẹo như chực khuỵu xuống. Trên mái, những tàu lá gồi đã cùn hết chỉ còn trơ cọng. Xen vào đấy những miếng sắt tây, những miếng tôn gì nom loang lổ, nham nhở như những mụn vá.

Trong nhà tối mù mù. Tôi đánh tiếng với vào trong rồi cúi khom người bước qua hậu cửa bằng một ống bương đen bóng. Một mùi hôi hám, âm thấp xông lên. Mấy con chuột chủ hôi rích chạy lượn qua dưới chân tôi kêu « chí, chí ». Hàng đàn gián nâu, thấy động, chạy tấp tểnh trên những chiếc vách trát đất bùn đã long nhiều mảng. Trên xà nhà những con chuột nhắt chạy loạn xạ làm rơi xuống đầu tôi những lớp bụi xào xạo. Ở góc nhà, một chiếc đèn con hoa kỳ, ngọn lửa bằng hạt đỗ xanh đang leo lét cháy. Cạnh đó một chiếc chõng tre ọp ẹp, trái kín bằng nhiều manh chiếu rách. Một bà cụ già mặc chiếc váy dụp màu nước gio. Chiếc áo tứ thân chẳng chít hàng trăm mụn vá. Thấy tôi vào, bà cụ nhòm dậy hỏi vọng ra :

— Bác hỏi gì đấy ?

— Dạ thưa cụ cháu hỏi... chị Bình ạ ! Tôi ngượng ngáp trả lời và đề bà cụ khỏi nghi ngại tôi nói tiếp :

— Cháu cũng làm ở bên sờ Xi-moong đấy ạ.

— À, ra thế bác cũng làm ở chỗ em. Bác ngồi chơi xơi nước. Nói xong bà cụ với cái ấm đất rót vào chiếc bát đàn cho tôi một bát nước với. Tôi đỡ lấy bát nước ở tay cụ, miệng hỏi :

— Thưa cụ chị Bình đi đâu ạ ?

Bà cụ chép miệng nói :

— Ấy, hôm nay nó bảo phải làm đêm làm hôm gì đó — khế thờ dài cụ tiếp :

— Chả là kỳ lương này nó bảo phải phạt phải vạ gì đó hết cả tiền, chỉ còn mấy hào mang về nhà. Đạo này nó định đi làm đêm đề thêm thất vào ; chứ mấy hào thì đến uống nước bốc cũng không đủ. Bác tính thời buổi này mà con gái con nứa đi làm đêm hôm sao được. Tôi lo cho nó lắm, nhưng biết làm sao được — Nói xong bà cụ lại thờ dài não nuột. Còn tôi, tôi đã hiểu ra rồi, hiểu tất cả rồi. Chính vì mình, chính vì thương mình mà cô ấy đã giấu cả mẹ ngấm ngấm trả tiền cho mình. Lòng bồi hồi cảm động, có cái gì nghèn nghẹn ở cổ ; ngụm nước trong miệng không sao nuốt đi được khiến tôi ho sặc sụa. Tôi muốn ôm chầm lấy bà cụ mà nói to : « Không, không phải thế đâu mẹ ơi. Tại con, chính tại con mà cô ấy phải lam lũ thế đấy ». Bất giác tôi quay vội vào vách và cứ thế tôi để mặc cho mấy giọt nước mắt sung sướng, cảm phục, thương mến... nhỏ giọt xuống lòng mình. Tôi biết rằng : Ngoài mẹ tôi và những người thân thích ruột thịt ra, từ đây, tôi lại có thêm một người thân nữa, mà cả cuộc đời tôi, tình thương của tôi

đã gần bó thiết tha với người đó, không sức mạnh nào có thể dứt ra được. Đêm đó, lòng hân hoan sung sướng, tôi gieo mình xuống đồng bao xi-măng, chỉ kịp nghe tiếng giấy kêu rào rào dưới lưng rồi ngủ thiếp đi ngay.

Sáng ra, tôi trở dậy, chưa kịp nhớ đến cái vui đêm qua thì nỗi lo âu lại ở đâu kéo đến. Vấn đề tình cảm đã tạm ổn, nhưng mà lấy tiền đâu mà lo liệu cưới xin bây giờ. Hay là đi giật tạm? Nhưng giật tạm ai? Còn đang suy nghĩ miên man và chưa tìm được câu trả lời thì lại thấy Doãn đến. Thấy tôi ngồi thẩn người ra, Doãn hỏi:

— Thế nào, sao mà trông người dờ dẩn thế. Lo được tiền cưới vợ chưa?

— Chưa anh ạ — Tôi chán ngán khế lắt đầu rồi trả lời anh. Anh khế vỗ vai tôi rồi nói:

— Thôi đừng lo nữa, hôm qua tôi đã nói hết tình cảnh của anh với anh em ở đây. Anh em đã đồng lòng giúp anh đấy? Tôi chưa kịp nói gì thì anh đã rào bước đi. Trước khi đi anh còn quay lại dặn dò:

— Thôi liệu mà phiên phiên lên nhé.

Không biết tại sao lần này tôi cũng thấy nghèn nghẹn ở cổ, nhưng những giọt nước mắt không trào ra nữa. Lần đầu tiên tôi cảm thấy sâu sắc và có ý thức về tình hữu ái của những người cùng nghèo khổ, và tự tôi, tôi lại thay đổi lại cái điều mà tôi nghĩ đêm qua: Trên mảnh đất này không phải tôi chỉ có thêm một người thân, mà có nhiều người thân. Từ đây, cuộc đời tôi, tình cảm tôi, con người tôi đã gần bó chặt chẽ với họ. Không có một sức mạnh nào, một thử thách nào, một khó khăn nào có thể tách ra được.

Không biết có phải vì quá xúc động không mà hình ảnh những ngày qua cứ hiện lên đồn dập trong đầu tôi khiến tôi không dừng nói ra được...

★
★★

Năm ấy là năm tôi mới 12 tuổi. Người tôi cộc như đứa bé lên 10 tuổi. Quê tôi vùng đồng bãi Hưng yên nhưng gia đình tôi không một tấc đất cắm dùi. Thầy bu tôi phải đi làm thuê làm mướn cho bọn nhà giàu khắp vùng để nuôi năm anh em tôi. Ngày nào cũng đi từ tỉnh mù tinh đến nhọ mặt người mới về. Hôm nào may ra mới mang về được lẻ gạo hoặc vài lẻ ngô, hôm đó bếp mới đỏ lửa. Chúng tôi chia nhau mỗi người lưng bát cháo húp xì xụp. Hôm chẳng may thì anh em tôi đành vuốt bụng ôm nhau ngủ trừ. Năm đó

nước cường lên sớm. Nước sông Hồng đỏ ngầu đã dâng lên gần lụt những bãi ngô xanh mướt. Cái đói, cái rét trông thấy trước mắt. Nhiều người ở làng tôi đã rủ nhau đi tha phương cầu thực. Anh cả tôi thì đã theo người làng đi Sài-gòn biệt tăm tin tức. Còn tôi, cực chẳng đã thầy bu tôi cũng đành phải để theo anh em đi Hải phòng kiếm ăn. Hôm lên đường, mẹ tôi chạy vạy mãi mới được một bát đàn gạo trộn ngô. Mẹ tôi thối nếm cho tôi một nắm cơm bằng quả bưởi con, bọc trong một chiếc mo cau với ít muối trắng. Lúc ra đi mẹ tôi cứ xoắn xuýt mãi bên tôi, nước mắt đầm đìa nói chẳng ra hơi: « Con,... Con... ra đi... chịu thương... chịu khó, cố mà bằng anh, bằng em... » Kề ra thì mẹ tôi còn nói nhiều nữa, nào là đi đường phải nghe anh nghe em... phải cẩn thận tàu xe... Nhưng tôi không sao nhớ hết nữa. Bàn tay chai sần sùi của mẹ cứ nắm chặt lấy tay tôi. Còn tôi, tuy có buồn vì phải xa mẹ nhưng trong lòng có cái thình thích vì được đi xa và có vẻ như một người lớn; nhưng nhất là lần đầu tiên tôi biết mình được ăn một mình một nắm cơm to như thế.

Vì mẹ con tôi còn dùng dằng nên mọi người đã đi cách xa đến mười thừa ruộng. Sợ lỡ, tôi giật vội tay ra khỏi bàn tay mẹ và ù té chạy theo mọi người. Mẹ tôi ngồi bệt xuống bên vệ đường òa lên khóc nức nở và gào lên: « Ơi Chẳng ơi! Ơi con ơi... » Tiếng khóc nghe sao mà rền rĩ và não nuột thế! Tôi thấy thương mẹ tôi vô cùng, nhưng không hiểu tại sao, đáng lẽ phải chạy lại với mẹ tôi một tí, thì ngược lại tôi chỉ ngoái cổ lại rồi lại vụt cắm đầu chạy theo anh em. Lúc đó dù sao tôi cũng chỉ là một thằng bé và tôi có ngờ đâu lần đó lại là lần cuối cùng tôi được trông thấy mẹ tôi. Sau này trận đói năm Ất Dậu đã cướp mất mẹ tôi và hai em tôi. Tôi cũng chẳng biết bà con xóm làng đã chôn cất mẹ tôi và các em tôi ra sao. Chỉ biết rằng cái đói, cái rét đã cướp đi của tôi những người thân thiết nhất. Đến nay cứ mỗi lần nghĩ đến tôi lại hối hận và không bao giờ tự tha thứ cho mình cái việc đại dột ấy. Chỉ có một người có thể tha thứ cho tôi là mẹ tôi; nhưng mẹ tôi đã không còn nữa. Tôi thấy hối hận. Trong đời, có những cái cứ theo năm tháng mà mất dần đi. Còn cái hối hận này của tôi, nó như cái nhọt trong đầu, thỉnh thoảng lại tấy lên nhức nhối. Ấy thế mà trong đời tôi còn nhiều cái lúc cứ phải hối hận như thế đấy. Nhưng đó là câu chuyện sau này.

Sau mấy ngày đêm hầu như chỉ uống nước lã cầm hơi, đến ngày thứ ba tôi lết được đến chân cầu Xi-moong. Người lả đi vì đói vì khát, vì mệt. Chân tay bủn rủn, mắt hoa đi, tôi tìm một góc tối ở gầm cầu và thiếp đi lúc nào không biết. Tôi bất tỉnh dậy bởi

một bàn tay lắc mạnh vào vai. Một bóng người thâm thấp hơi bệ ngang đứng trước mặt. Tôi cảm thấy hơi lo không biết người đứng trước mặt mình là ai, mình nắm đây có tội vạ gì không. Bóng người đó cất lên cái giọng ồm ồm hơi có vẻ khó nhọc và hình như có vẻ thương hại nữa, khiến tôi hơi yên tâm.

— Này chú mình, nhà cửa đâu mà lại nằm vạ nằm vật ở đây thế. Tôi trần tình với anh hoàn cảnh của mình và cũng không quên nói rõ ý định xin vào làm cu ly ở Sở Xi-moong. Anh khẽ thở dài, bàn tay lạnh cóng nắm lấy tay tôi khẽ nói :

— Thôi được hãy về nhà tôi ngủ đã, mai hãy hay.

Tôi lết người theo anh. Dưới ánh đèn vàng khè của những cột đèn đêm, tôi nhìn anh rõ hơn. Người anh thấp lùn, quần áo rách tướp. Mặt vuông, hai lỗ mắt sâu hun hút. Râu ria tua tủa, tóc dài thành bờm. Nom anh dữ tợn nhưng tôi vẫn thấy tin ở anh. Tôi nhủ thầm : « Anh ấy cũng nghèo đói, khổ sở như mình ».

Hai chúng tôi dựa vào nhau, lảo đảo lần về nhà anh ở xóm Đình-hạ. Nhà tối om om chẳng có đèn đóm gì cả. Tuy tôi thấp chưa đến vai anh nhưng cũng phải khom người xuống mới khỏi va đầu vào mái nhà. Nhà anh trống thênh thênh địa ; tuy tối mờ mờ nhưng tôi cũng nhìn thấy nhiều vết sáng mờ mờ ở trên mái nhà và bốn chung quanh vách. Một tiếng phều phào của người đàn bà :

— Bố thằng cu đã về đây hử.

Anh « ừ » một tiếng cũng nặng nhọc như lúc nói với tôi.

— Có kiếm được việc làm không.

Anh thở dài không nói. Im lặng một lúc. Tôi thấy hai anh chị thì thảo với nhau, thỉnh thoảng lại bật lên tiếng găt của anh hoặc chị... Cuối cùng tôi nghe thấy tiếng chân đi về phía góc nhà, có tiếng lách cách và tiếng thổi lửa. Gian lều sáng lên một chút. Chị bung cho anh một bát đàn con cháo hoa. Anh húp vài húp, còn già nửa anh đưa cho tôi. Người thấy mùi cháo, cái đói tạm quên đi lại lờng lờng lên cồn cào. Tôi húp lấy húp để đến nhẩn bát. Ăn xong vẫn có cảm giác là mình chưa ăn gì cả. Tuy vậy cái đói cũng dịu đi đôi phần và lúc đó tôi mới nhận thấy ở chiếc giường tre độc nhất còn ba đứa trẻ nữa. Trên mình chúng quấn mấy cái tã rách còn hờ cả chân lẫn đầu. Người như chỉ có xương bọc da. Sáu cái chân bé tẹo nhưng mấy cái đầu thì to lạ. Lửa vạc đi nhanh, nhà lại tối mù. Anh kéo tôi lại chiếc giường và, đêm đó không chán không chiếu, chúng tôi nằm ngủ giữa luồng gió bắc, từ các khe hở hun hút lửa vào cửa xé thịt da. Đêm đó và mấy ngày sau tôi lên cơn sốt liên miên. Hết nóng lại rét, lúc tỉnh lúc mê. Những lúc tỉnh lại, qua câu chuyện loáng thoáng của hai anh chị tôi biết rằng :

Một lần thằng Bô-tép đánh một em bé làm cu ly « nhau » mà chỉ vì cái tội em này đi qua chỗ đường ngoặt, không trông thấy nên không kịp chào. Có thể thôi mà nó cứ đánh em bé mãi. Lòng bất nhân, không dừng được, anh đã lại gằn gặt tay hấn ra. Thằng Bô-tép tức bực định quay lại đánh anh, nhưng thấy mắt anh như lửa, răng nghiến chặt, hai bên quai hàm bạnh ra... Nhất là đám phu phen chung quanh đều ngừng làm việc, mắt hần học nhìn hần. Hần ngái ngại chửi mấy câu rồi xéo hần.

Chiều hôm đó anh bị đuổi với cái chữ ký mực đỏ đồng đọc của thằng Mô-lanh vào tấm thẻ li-vê⁽¹⁾.

Thế là gần hai mươi ngày nay rồi, anh chạy vạy khắp nơi, hết máy tơ, máy chai, máy chi... nhưng chẳng kiếm đâu nổi việc làm... Anh nghiệm thấy rằng hễ cứ nơi nào công việc thu xếp đã hòm hòm ; nhưng khi chìa tấm thẻ Li-vê với chữ ký đỏ đồng đọc của thằng Mô-lanh là y như rằng chỗ đó lại không mượn anh làm nữa. Anh đi suốt từ sáng tinh mơ đến tối xẩm mới về. Nhiều hôm bực bở quá anh chửi vung lên : « Đ. mẹ chúng nó chứ. Ba bốn miệng ăn trông vào tay này, thế mà chúng nó ăn cánh với nhau nhất định không mượn « ông » làm. Mà « ông » cũng cần phải có cái mà đút vào mồm chứ !... » Nói xong đáng chừng mệt, anh húp vội lưng bát cháo hoa rồi lăn ra ngủ. Sáng mai lại dậy đi từ sớm tinh mơ... Đến ngày thứ tư, sau khi xông một nồi nước lá xông và « đánh gió », bằng cảm với tóc rối, tôi thấy mình tỉnh hần lại. Tối đó tôi đã húp hết được một bát con cháo hành. Đêm đó khuya lắm anh mới về. Tôi thấy anh chẳng ăn uống gì cả. Tưởng tôi ngủ say hai anh chị thì thảo bàn bạc. Qua những lời bàn tán đó tôi hiểu rằng đã mấy ngày nay không chạy vạy được cái gì ăn, hai anh chị đều nhịn suông. Chỉ có tôi và mấy đứa nhỏ được lưng cháo cảm hơi. Lòng tôi thất lại, nhức nhối... Và, như có một sức mạnh thôi thúc, tôi bật dậy và nói với anh :

— Anh Nghên ạ, em đã khỏe rồi, ngày mai anh dẫn em đi kiếm việc làm với.

Nghên không nghe, nhưng thấy tôi năn nỉ mãi cuối cùng anh cũng phải bằng lòng vậy.

Sáng hôm sau chị vợ anh Nghên dậy rất sớm. Nhà còn mấy lế gạo chị dốc cá vào nồi thổi, nắm cho hai anh em tôi mỗi người một nắm bằng quả trứng vịt.

Tôi còn nhớ trời hôm đó rét lắm. Sương muối và gió bắc lạnh cóng. Chân tay tê dại. Chân giẫm lên những hòn đá dăm nhọn mà

(1) Livret nomagnetif.

chàng thấy đau đớn gì cả. Hai anh em khoác chung một mảnh chiếu rách. Tuy đã nép sát vào anh mà người tôi cứ run lạt lạt. Nước mắt nước mũi cứ giàn giụa ra. Nghẽn dần dò tôi: nào là phải đề ý tránh bọn xếp và cai ký đánh đập như thế nào, cúp phạt ra sao... Và, nhất là phải đề dành năm cơm đề nếu có việc làm thì trưa còn có cái mà ăn cầm hơi tiếp tục làm đến chiều... Tiếng anh phều phào khác hẳn mọi ngày, tôi nghe câu được câu chẳng. Chúng tôi bước đi nghiêng ngả, xiêu vẹo, đầu hơi cúi về phía trước như muốn cho mình thêm sức nặng đề chống lại luồng gió bắc phũ phàng cứ muốn đẩy lùi người lại phía sau. Cứ như thế chúng tôi đi nhau đi như hai người say rượu. Và rồi cuối cùng cũng vào được trong sở Xi-moong.

Đối với tôi lúc ấy cái gì cũng mới lạ. Từ chiếc cần cầu đến một lần có thể nhắc bổng hàng ngót tấn hàng, đến chiếc xe goòng nghiêng xào xạo trên đường ray... Nhưng tôi chẳng còn bụng dạ nào chú ý đến chúng. Trong đầu tôi chỉ độc có một ý nghĩ là: « làm sao kiếm được việc làm đề khỏi chết đói, chết rét! »

Vào đến trước cửa nhà giấy, một đám đông hàng hai ba trăm con người đang chen chúc, xô đẩy nhau... ồn ào như một cái chợ, đã hút lấy tôi. Người lớn, trẻ con, đàn bà ai cũng muốn tìm một chỗ tốt nhất, đề may ra chốc nữa bọn cai, ký nom thấy mình, nó lấy đi làm chẳng. Anh Nghẽn biến đi đâu tôi không rõ. Lát sau trở lại tôi thấy anh lễ mễ khuôn hai miếng vắn dầy. Tôi chưa kịp hiểu thì anh đã chổng chúng lên nhau, tay run run kéo tôi cùng đứng lên đấy. Anh khê bảo tôi: « Đứng lên đây cho nó cao. Chốc nữa bọn cai, ký... nó tưởng mình nhớn nhao khỏe mạnh nó mới lấy đi làm... » Cùng lúc ấy bọn chủ Tây, bọn cai ký, hàng hơn một chục đứa khệnh khạng đi vào. Những tiếng kêu gọi hỗn loạn vang lên:

— Thầy cai Túc ơi, thầy cho con làm với!

— Thầy Ba Nghệ...! Thầy Bích...! Thầy Thanh...! Đám đông rộn hân lên, nhấp nhô như một đợt sóng xúm quanh lấy bọn chúng. Những tên cai ngấm mọi người như ngấm đàn súc vật. Ưng ai thì chúng chỉ hoặc cầm roi quất vào đầu vào mặt, miệng quát tháo: « Ê thằng này...! Thằng kia...! » Thế là người đó được vào làm. Những người được vào làm mặt mày rạng rỡ hẳn lên, tíu tít theo sau những thằng Cai, tản ra về mọi phía của Sở. Tôi và anh Nghẽn bị xô đẩy giữa đám người hỗn độn. Bỗng tôi trông thấy một thằng chủ Tây to béo, mặt đỏ, râu quai nón lừ đừ tiến gần lại phía chúng tôi. Nó giơ cao cái gậy to bằng cổ tay thẳng cánh quật vào gáy anh Nghẽn. Tôi chỉ kịp thấy anh Nghẽn run run khuyu xuống. Liền ngay đó tôi bị những người chung quanh cuốn đi. Tưởng anh

Nghẽn được đi làm tôi khắp khởi mừng thầm trong bụng. Đến khi cổ lách người lại được phía anh, tôi thấy đầu anh gục xuống trước ngực, người cong như con tôm. Một tia máu róm hai bên mép. Lay mạnh vai mấy cái không thấy anh động đậy. Tôi sợ quá khóc òa lên nhưng những người chung quanh đang mãi chú ý vào bọn cai, ký nên không nghe thấy gì cả. Mãi sau này khi thằng chủ Tây mặt đỏ và bọn cai ký cùng anh em vào làm đã đi hết, lúc ấy mọi người mới nghe thấy tiếng khóc của tôi. Nét mặt đau xót, uất ức, một người kéo tôi ra. Hai người khác, dáng khỏe nhất, cúi xuống xốc nách anh dậy. Và, gần như kéo lê anh và cả tôi nữa về nhà anh.

Hơn một ngày sau anh tắt thở. Trước lúc bỏ chúng tôi đi, mắt anh ngời lên một tia lửa căm thù, miệng lầm bầm: « Bô-t...ép ». Tiếng nói đã ngừng lại mãi mãi ở môi anh. Còn tôi thì tôi không sao quên được cái tiếng vang ấy. Tôi muốn khóc nhưng nước mắt hình như đã khô hết rồi không còn đâu mà khóc nữa. Bên tai tôi văng vẳng tiếng kêu gào của vợ anh và các con anh. Không biết tại sao tôi cứ nghe như tiếng khóc của mẹ tôi khi tôi ra đi. Ruột tôi thắt lại, đau đớn như có hàng trăm chiếc dùi đâm vào nó. Tôi cảm thấy mình mất đi một cái gì quý lắm không sao kiếm lại được. Và, không hiểu sao tôi cứ nghĩ rằng tại mình nên anh ấy mới chết. Tôi cứ tự buộc tội cho mình: ừ, nếu không nhường cho mình thì làm gì anh ấy phải nhịn đói ba, bốn ngày. Mà cái đói thì mình đã biết thừa đi rồi. Khi đói thì chân tay rã rời, mắt hoa lên... chỉ khác xác chết là tim còn đập, còn thở... Vậy thì lấy hơi sức đâu mà chống đỡ lại cái rét như cắt thịt da và nhất là cái đòn thù của thằng tây mặt đỏ...

Suốt đời tôi, không bao giờ tôi quên được hình ảnh của con người tốt bụng ấy đang run run gục xuống vì đói, vì rét, vì miếng đòn thù. Trong trí non nớt của cái tuổi 12, tôi thật không sao hiểu nổi: Những người tốt bụng như anh Nghẽn lại phải chết. Còn tội khốn nạn hay đánh đập phu phen như tên Tây mặt đỏ... lại sống ung dung quần là áo lượt, chân giày chân dép, ăn sung mặc sướng. Không biết chúng lấy ở đâu ra cái « quyền » tự tiện đánh người đến chết ấy? ! ! !

Vài ngày sau tôi được mấy bác phu người lớn dắt vào làm ở nhà dai. Tuy còn bé nhưng tôi vẫn phải làm quần quật ngày 12 giờ. Hết nhất dai lại đến gỡ danh thùng cho thằng Lý Hàn. Công việc làm chẳng kém gì người lớn. Nhưng thằng Lý Hàn chỉ thí cho bảy, tám xu một ngày. Thế mà ăn cơm hàng của mẹ Lý Khuê thì ít nhất cũng phải hơn hào chỉ một ngày. Mấy năm trời liền tôi

chẳng hề bao giờ được một bữa no. Người đã gầy lại càng quắt lại, chỉ còn trơ những xương là xương. Quần áo thì tối tả chỉ độc mỗi một manh, nóng cũng như lạnh, dè che thân.

Mấy bác phu lớn tuổi, phần thì thương tôi, phần thì thấy tôi cũng làm được việc nên đã cho tôi sang đánh đai thùng khoán cùng các bác. Ấy thế mà muốn làm được việc ấy cũng phải « phong bao » cho thằng cai Túc mất 5 đồng nó mới dè yên cho đấy.

Cũng từ ngày ấy, tôi chính thức được coi như một người phu lớn. Suốt ngày quần nhau với những chiếc thùng đã đóng hờ hai chiếc đai sắt từ trên nhà thùng lóc cộc lẩn xuống. Tháo những đai sắt đó ra thay vào đó bằng 5 chiếc đai song. Làm việc luôn chân luôn tay. Lắm lúc mệt quá đỡ không kịp những chiếc thùng nối tiếp nhau lẩn xuống, nên bị dè dập nát cả chân, phải nghỉ không đi làm được. Mà tất nhiên những ngày nghỉ thì chẳng bao giờ được xu nào. Những ngày mát trời còn khá ; nhưng những ngày oi bức thì mồ hôi tháo ra như tắm. Hụi nước lã cũng chẳng có đủ mà uống. Cả sở chỉ có hai vôi ; có người đã từng đánh nhau sứt đầu xé tai vì tranh nhau một ngụm nước lã... Sống cứ như thế tôi lẩn đi lẩn lại mãi cái công việc buồn tẻ và nặng nhọc ấy. Kề ra, nếu không bị thằng Ma-rin và cai Túc ăn chặn đi thì mỗi người một ngày cũng được 25 xu. Nhưng chớ có chê cút thì chúng nó mới chê tiền. Chúng tìm ra trăm phương nghìn kế để ăn không ăn hổng của mình. Hết viện ra có này lại đến có khác để cướp, để phạt lương. Nhiều khi chẳng có có gì chúng cũng trắng trợn lấy không tiền của mình mà cũng phải chịu. Chẳng những thế mà thôi, chỉ ngồi tay một tý là chúng đánh, chặm chân một tý, cũng đánh. Gặp chủ Tây hoặc cai ký chưa kịp chào, cũng đánh. Đi trước mà không biết nó đi sau để tránh dạt ra vệ đường, nó cũng đánh. Nó ăn chặn tiền lương của mình mà mình kêu ca nó cũng đánh. Thậm chí nhiều khi chẳng có có gì nó cũng đánh. Hình như chúng ngứa chân ngứa tay, không đánh người được là chúng ăn không ngon ngủ không yên. Những hôm bị đánh nhiều quá, da thịt sưng nần nần, tím bầm, người phát sốt phát rét lên...

Kề ra thì còn hàng trăm thứ khổ dè lên đầu lên cổ không sao kể hết được. Cuộc đời của phu phen lúc bấy giờ thật không bằng con chó của bọn chủ Tây. Chó của chúng nhón nhơ, dong chơi mà ăn thì toàn thịt bò, bơ sữa... Còn anh em phu phen thì cơm chẳng đủ ăn, áo không đủ mặc. Có người cả đời chưa hề biết đến miếng thịt bò. Thế mà lại còn đòn, phạt, hiếp tróc nữa chứ !

Nhưng... đã có bọn chúng tôi làm cho bọn chủ thất điên bát đảo và mở mắt cho chúng hiểu rằng : Không thể nào áp bức anh

em phu phen mãi được. Lần ấy, công đánh đai thùng đang từ 15 xu một chục, bỗng dưng bọn chủ ra lệnh cho bọn cai hạ xuống còn 10 xu. Một sự phản nộ bùng lên ở nhà dai. Càng ngày sự phản nộ càng lên cao như lửa cháy lòng mọi người. Mọi người xúm nhau lại bàn tán sôi nổi. Có nhiều ý kiến nhao lên phản đối :

— Không thể thế được anh em ơi ! Cứ thế này cũng đã khổ cực lắm rồi, nhất định không chịu hạ lương nữa.

— Được đằng chân sẽ lân đằng đầu. Cứ dè chúng dè nên mãi thì cũng đến chết hết mất thôi. Anh em ta phải lên nhà giấy làm cho ra nhẽ. Tiếng đồng tình nói lên ào ào như ong vỡ tổ. Mọi người bỏ hết công việc nườm nượp kéo nhau về phía nhà giấy. Cả nhà dai, nhà thùng vắng tanh vắng ngắt. Thấy anh em đình công, phu phen ở các nhà tháo, nhà ngui, in đơ⁽¹⁾, in cát... cũng cùng nhập bọn. Đoàn người cứ dài mãi ra, rầm rập kéo đến nhà giấy. Thấy động, bọn chủ tiu nghỉu như mèo cắt tai, đóng xập các cửa nhà giấy lại, không dám lộ mặt ra đến ngoài. Một lúc sau có tiếng ô-tô và thằng xếp Cẩu trong bộ quần áo xen dầm màu vàng, khẩu súng lục khệ nệ bên sườn trái, dẫn đầu một toán xen dầm chừng hai chục đứa hùng hổ chạy lại. Tiếng hò từ đám đông lại nổi lên, như sấm :

— Không được hạ tiền công !

— Không được đánh người ! Không được dân phu, phải thương lượng với anh em !

Toán xen dầm như chùn lại. Bộ mặt non choẹt trắng bệch của thằng xếp Cẩu bỗng đỏ bừng lên vì tức giận. Nó quay lại toán xen dầm la hét, chửi bới. Mấy chục tên xen dầm như bất đắc dĩ phải xông vào đám đông ; những chiếc đuôi cui trắng vung lên lấp loáng. Đám đông người biểu tình như chuyền mình, phát ra những tiếng ầm ờ như tiếng sóng, nuốt thõm cả mấy chục tên xen dầm vào giữa. Cuộc giằng co kéo dài, tên xếp Cẩu đứng ngoài cuống cuống lo lắng giậm chân khua tay. Xem chừng không lợi thế, tên Bô-tép cho tên thông ngôn mở hé cửa ra nói lớn : « Khoan đã anh em ơi, ông chủ bằng lòng nói chuyện với anh em đấy ». Đám đông dân ra, những tên xen dầm quần áo nhem nhuốc, mặt mũi đỏ gay tuồn ra ngoài đứng thõ phì phò.

— Ông chủ muốn nói chuyện với đại diện của anh em — Tên thông ngôn lại nói. — « Không có đại diện » — đám đông ồn ào trả lời.

(1) In-đơ : Khu lò số 2.

— Thế anh em muốn gì nào ?

— Không được hạ tiền công. Không được đánh người !

Lời qua tiếng lại, cuối cùng thằng Bô-tép phải đồng ý giữ nguyên mức khoán cũ, anh em mới chịu tán ra về.

Cuộc đình công đã để lại trong tâm trí tôi một ấn tượng đẹp đẽ.

Lần đó là lần đầu tiên tôi thấy rõ sức mạnh của anh em phu phen mình, của chính mình. Tôi cảm thấy có một cái gì mới lắm, đẹp lắm đã thành hình và bắt rễ trong lòng tôi khiến tôi xúc động. Và, cũng chính trong cái ngày đẹp đẽ ấy, lần đầu tiên tôi biết Bính..

Hôm đó trời như cao thêm, trong xanh thêm.

*
**

Thấm thoát đã ngót mười năm trời. Giờ đây nghĩ đến chuyện cưới xin, hôm đó mà nẫu cả ruột. Mười bảy năm, phải đúng 17 năm tới làm cu ly ở cái sở Xi-moong này ; thế mà đến nay tay không vẫn hoàn tay không. Một đồng xu dính túi không có. Mùa rét thì ngủ trên đồng bao Xi-moong với một tờ giấy Xi-moong nửa năm nửa đắp. Mùa bức thì đã có gốc da ở miếu Đồ công hậu. Sáng dậy sương ướt đầm người. Nay lấy vợ thì ở vào đâu ? Ít ra thì cũng phải có cái mà chui ra chui vào, tránh nắng tránh mưa chứ. Chả lẽ lấy nhau rồi lại đưa cô ấy về ngủ trên đồng bao Xi-moong mà được à ? ! Càng nghĩ tôi lại càng thấy chua xót, uất ức. Thà rằng chả thương nhau cho xong, càng thương lại càng thêm khổ. Dành rằng anh Doãn có bảo anh em sẽ cho mình giặt tiền để lo liệu. Nhưng anh em cũng cùng cảnh khổ như mình thôi. Có đâu mà giúp cho tôi nhiều. Đến cưới không, cũng chưa chắc đã đủ, chứ còn nói chuyện chi đến nhà đến cửa.

Đêm đó tôi cứ thao thức, suy nghĩ vẩn vơ mãi không sao ngủ được. Hình ảnh của Bính cứ chập chờn mãi trong đầu.

Đến nay tôi cũng chẳng còn nhớ rõ, anh em bà con, phu phen đã xoay xở cho tôi như thế nào. Ngồi trong đám cưới đơn giản chỉ có trầu và nước tôi cũng vẫn chưa thật tin rằng mình đã có vợ. Tôi như sống trong một giấc mơ đẹp và liên tiếp những điều lạ lùng. Chân bước vào gian nhà gianh bẹp gianh cho vợ chồng tôi mà lòng sung sướng, xúc động đến ngạt thở. Không sung sướng sao được vì từ năm 13 tuổi đến nay có bao giờ tôi có được một cái gì thuộc về mình đâu. Kể cả con người của mình nhiều khi cũng không thuộc về mình nữa. Mình muốn sống một cuộc đời không có đói khổ, không có bọn chủ Tây, cai ký bóc lột đánh đập. Nhưng

nào đã được đâu. Đến nay lại được cả nhà lẫn vợ. Tôi càng nghĩ càng thấm thía và hiểu sâu sắc rằng : Trên đời này chỉ có những người nghèo khổ mới thật lòng thương nhau mà thôi !

Đêm đó, cái đêm đầu tiên mà hai đứa sống bên nhau ấy, chúng tôi kể cho nhau nghe cuộc đời khổ cực của mình và cứ thế khóc ròng đến sáng. Không biết có phải Bính khóc vì thương tôi hay vì nghĩ đến cái cơ cực của người đàn bà : Lương thì bằng nửa đàn ông. Chẳng những bị đánh đập tàn tệ mà còn bị tụi chủ Tây coi như một thứ đồ chơi, lúc nào cũng lo lắng bị đuổi không có việc làm. Còn tôi, tôi khóc cho cuộc đời khổ cực của mình, cho cả cuộc đời đói nghèo của anh em phu phen xi-moong, cho cả cuộc đời mình. Trong quãng đời ngắn ngủi vừa qua, vì sự đói khổ, vì sự dăm man của bọn chủ Tây, tôi đã mất đi bao người thân yêu : mẹ tôi, các em tôi, anh Nghên... và biết bao nhiêu anh em, phu phen mà tôi không sao nhớ hết được nữa. Tôi cứ tự hỏi không biết bao nhiêu lần : « Đến bao giờ thì không còn tụi chủ Tây và cai ký nữa ? ! Đến bao giờ thì anh em phu phen không phải sống một cuộc đời khổ cực như hiện nay ? ! » Đêm đó trời giông bão mù mịt. Những luồng gió phũ phàng như muốn giật đổ căn nhà gianh nhỏ bé của tôi. Nhưng nó đã đứng vững và đứng vững mãi đến khi mặt trời bừng lên như một lò lửa tỏa ánh nắng chói chang.

Cái vui chưa đến thì cái buồn đã tiếp liền theo. Hôm sau, cái ngày mà người ta gọi là « nhị hi » ấy. Mới tờ mờ đất chị Tý đã hót hải bảo nhà tôi :

— Sáng hôm qua, thằng cai Khôi nó bảo chị lên quét buồng cho Thằng Một nhưng chị không lên. Đến chiều nó đã gạch tên chị không cho đi làm nữa đâu !

Nói xong chưa kịp đôi hồi thì tiếng còi tầm gọi, như tiếng rú của một con chó điên rít lên. Chị chạy vụt ra ngoài. Hai vợ chồng tôi uất ức, sưng sờ nhìn nhau không nói. Những tưởng lấy nhau rồi dẫu sức lam làm thì cũng bớt đi được phần nào đói khổ. Nhưng cơ ngơi này thì cái khổ càng ngày càng chồng chất thêm.

Những ngày sau này, vì lam lũ cực nhọc và bị đánh đập quá nhiều, nên đến mười năm sau nhà tôi cũng chẳng có con cái gì. Hồi đó, cứ mỗi lần nhìn thấy con cái của anh em phu phen trong xóm nhem nhuốc, lê la bốc cả cứt đất, thì tôi cứ tự an ủi mình rằng : Đời mình đã cơ cực nhiều rồi, không thể để cho con cái mình khổ sở như thế được nữa !

Nhưng cái chính là tôi không sao phụ bạc được lòng tốt của nhà tôi. Không sao phụ được cái tình của vợ chồng anh Nghên, anh Doãn và bà con phu phen đã hết lòng gây dựng cho chúng tôi.

Anh Nghên không còn nữa, nhưng hình ảnh anh cứ xoáy riết vào trái tim tôi. Tôi thương nhớ anh và tôi càng căm thù thằng Bô-tép. Đối với nó, tôi còn một mối thù mà phải trả cho anh Nghên. Còn vợ anh, người vợ lam lũ và nghèo nàn ấy tôi thường đến giúp đỡ và an ủi chị.

Bây giờ đã khác xưa rồi, nhưng tôi không bao giờ quên được chuyện cũ, cái mối thù giai cấp ấy làm sao mà quên được.

★
★ ★

Hạnh phúc ư? Cuộc đời người thợ xưa kia làm gì có hạnh phúc. Còn bây giờ thì hạnh phúc mới thật sự đến với chúng tôi. Thực ra thì phải nói là bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 kia...

Người ta nhiều khi sống trong hạnh phúc thì lại không cảm thấy là mình có hạnh phúc. Còn chúng tôi, những người thợ già của nhà máy xi-măng, những người thợ đã từng bị bọn chủ Tây và cai ký áp bức bóc lột, chúng tôi hiểu rất rõ thế nào là hạnh phúc !...

Xi-măng 7-1964

PHAN THANH TUẤN

(ghi theo lời kể của bác Nguyễn Văn Chưởng)

ĐỜI THỢ XI-MOONG

*Kính tặng những người thợ
xi-moong 1898—1955*

CHÚ BÉ NHẬT ĐÌNH

Một sáng cuối mùa đông, bên dòng sông Hạ-lý, xóm thợ xi-moong như còn chìm đắm trong bóng tối và làn sương mù dày đặc. Từng đợt gió từ phía cửa biển ào ạt tràn vào, mang theo luồng không khí lạnh buốt ! Bầu trời xám nặng, không một vì sao. Nước sông đang chảy xuôi theo dòng sông Cẩm, đổ ra biển. Không gian vắng lặng quá ! Thình thoảng nổi lên tiếng gió rú rít, đập vào những tấm phen-nứa hầy còn đóng kín ở mấy túp lều nằm quay mặt ra sông. Một con vạc đi ăn đêm, đang soãi cánh hốt hoảng bay về tổ trước khi trời sáng, nó kêu lên từng tiếng dứt quãng và mệt mỏi.

Trong túp lều ở đầu xóm, có tiếng người ho khan. Bên ánh sáng tù mù của đĩa đèn dầu lạc, một người đàn bà trạc ngoài bốn mươi tuổi, người nhỏ bé, trông mắt đỏ hoe, ngồi thu hai bàn chân vào trong chiếc váy sồng năm bức, đã có nhiều miếng vá chằng chịt. Hai bàn tay với những ngón tay to mập và trai sọc, cào lên mớ tóc lơ thơ xoa xuống trước ngực, bà chậm chạp cuộn túm tóc vào một miếng vải đen, quấn lên đầu. Vừa làm bà vừa xuýt xoa như thề đang chống đỡ, với cái rét cău xé thịt da mình. Sau khi khều to cái bắc của đĩa đèn dầu lạc, bốc mùi khen khét, bà kéo vạt áo cánh nâu bạc day day hai con mắt. Bà bần thần nhìn cái ổ rơm lâu ngày đã bị xẹp dí xuống mặt đất ẩm ướt ; nhìn đứa con trai

độc nhất của mình nằm co quắp như con tôm; trong chiếc chăn bao gai. Bà vỗ vỗ rất nhẹ vào cái đầu trọc lều của con, dịu dàng gọi :

— Vịt, dậy bu bảo ... Dậy đi tắm, con !

Vịt, thằng bé chưa đầy mười ba tuổi vẫn mê mết trong giấc ngủ. Mãi sau, nó chỉ hơi cựa mình, cái đầu trọc, nhẵn lì thụt vào trong mảnh chăn bao thưa và rách tướp. Người mẹ ngồi lặng đi, hai hàng nước mắt trào xuống hai gò má hơi cao và đen sạm :

— Sắp sáng rồi, dậy bu bảo này.

Giọng nói của người mẹ trầm và ấm ; nó chứa đựng một sự cảm súc. Và cũng rất cầu mong sự đồng tình của đứa con. Chứng như thấu hiểu lòng mẹ, Vịt bỗng ngồi nhồm dậy, dụi mắt, nhanh nhẩu hỏi :

— Hôm nay con được đi làm sở phải không, bu ?

— Ừ, thôi thì mẹ già, nhà nghèo, con thương bu. Bu đã xin với ông Lý Hàn cho con làm. Anh Bích bảo sẽ dẫn con đến — Người mẹ cài lại mấy cái cúc áo cho con rồi dỗ dành : — Mày có thương bu thì hãy chịu thương chịu khó mà làm ăn, rồi bu may áo mới cho.

Vịt lắng tai nghe mẹ nói, nó vừa gật lia lịa vừa cười ra vẻ thích chí. Cho đến một lúc, khuôn mặt gầy với nước da cháy nắng sạm đen của nó bỗng ỉu xiu. Nhưng lại lộ rõ những nét cứng rắn, của một đứa bé đã từng chịu đựng trong cảnh nhà : mẹ góa, con côi !

— Con làm được thừa sức, bu không lo.

Chú bé nói dứt khoát như một người lớn tuổi.

— Được vậy bu cũng mừng bụng, Vịt ạ !

Người mẹ và đứa con trai độc nhất, đang cùng nhau phác tá tới những cánh sống no đủ rồi đây sẽ đến với gia đình mình. Càng nói, cặp mắt của Vịt càng như có một ngọn lửa ngời chói. Và, câu chuyện vui vẻ như đã xua tan cái không khí lạnh, ẩm ướt trong căn nhà tối và xiêu vẹo này.

Táng sáng. Vịt theo mẹ bước ra khỏi nhà. Ra tới đường nhựa, Vịt phải nắm lấy tay mẹ, để khỏi bị lạc vào dòng người đang nườm nượp đổ vào cổng sở. Vịt để ý thấy những người thợ lớn tuổi ấy, cũng đầu trần, chân đất cả. Họ lầm lũi bước đi, không một tiếng chuyện trò. Thình thoảng nổi lên một cơn ho rũ rượi và tiếng khạc nhổ. Trước mặt mọi người, sở xi-moong với một dãy lò cao dựng đứng như những cánh tay thép vươn lên nắm bắt lấy bầu trời. Những bóng đèn lù mù, chạy suốt từ đỉnh lò, xuống tới mặt đường rồi chạy lan cả ra phía bờ sông. Khói ở nóc những chiếc lò ấy bốc lên, bị gió thổi dạt về phía làng Thượng, trông như một đám cháy lớn. Tiếng máy nghiền xi-măng dội lên từng đợt, nghe như tiếng nhai nghiền từ một cái miệng khổng lồ

phát ra. Vịt chợt hiểu rằng : đêm qua, giữa cái đêm rét thâm da, tím thịt vẫn có những người phải làm việc. « Họ làm thế nào mà thức cả đêm được » Vịt tự hỏi. Đôi bàn chân của Vịt vẫn bước hập tấp trên mặt đường lạnh cóng.

Gần tới cổng sở, hai mẹ con Vịt cố len lách qua vòng người đang quây tròn lấy chị bán bắp bung. Vịt nghe thấy mẹ nói :

— Chó cháu xin một trình. Chị !

Và khi mẹ lần lần cạp váy, để tìm mấy đồng trinh cuối cùng trong tháng thì, Vịt đã ngấu nghiến nhai những hạt bắp bung nguội rồi rạc. Lần đầu tiên Vịt được ăn quà sáng nên chỉ một loáng, bát bắp hết nhẵn không còn một hạt. Ngon quá, Vịt hau háu nhìn thùng bắp, nhưng mẹ đã giục :

— Đi con, « còi gọi » kéo đến nơi bây giờ.

Vịt muốn xin mẹ một trình nữa, nhưng mẹ kéo Vịt đi ngay. Hai mẹ con vào qua cổng sở, có thằng Tây đen như cột nhà cháy đứng gác. Hai con mắt nó trắng già lù lù nhìn mọi người y hệt con chó đang bị nhốt. Vịt đi nép vào người mẹ, đôi chân vẫn không khỏi run. Lát sau, mẹ giao Vịt cho anh Bích. Trước khi đến chỗ làm việc mẹ còn dặn đi dặn lại.

— Phải chịu khó mà làm ăn con nhá ! Ở đây có các bác, các anh, con phải « nhẽ » phép thì các bác mới quý. Các bác ấy cũng là chủ quen biết với bố con ngày trước. Thôi thì thân lươn chẳng quản làm đầu con ạ !

Tiếng còi thét lên một hồi dài, như quát vào tai Vịt. Vịt nhón nhác nhìn trước nhìn sau, ý chừng muốn được trông thấy cái còi không lồ ấy một lần. Đối với Vịt, tiếng còi này đã rất quen thuộc, bởi vì Vịt đã được nghe từ khi còn nằm tròn trong lòng mẹ. Nhưng từ hôm nay, tiếng còi sẽ trở thành một mệnh lệnh rất nghiêm ngặt, nó bắt buộc Vịt phải tuân theo. Vịt bước vào cuộc đời làm thuê từ cái tuổi mười ba của mình...

Vịt cứ thập thò ở cửa kho, nửa muốn bước vào, nửa muốn không. Vừa rồi nghe anh Bích nói, Vịt mới biết, mẹ đã phải sắm một cái lễ có tới mấy đồng bạc để mang đến nhà ông Lý Hàn, thì ra ông lý nhận Vịt vào làm là vì cái lễ ấy chứ, phải đâu ông ấy thương cảnh mẹ góa con côi của mình ! Tự nhiên Vịt cảm thấy tiếc khoản tiền quá sức tưởng tượng ấy. Anh Bích bảo : mỗi ngày công của Vịt sẽ được từ 8 đến 12 xu, nhưng trừ các khoản phạt linh tinh, may ra cuối kỳ, Vịt cũng sẽ có thể được nhận hơn một đồng bạc

lượng. Chà, một đồng bạc. Một đồng bạc thì phải ăn được bao nhiêu bữa bắp no căng bụng? Vịt miên man nghĩ đến khi có tiền, sẽ ăn một bữa quả rồi còn đưa cho mẹ tất, chắc mẹ sẽ mừng lắm, mẹ bảo mẹ sắp may áo mới cho mình. Thích quá! Vịt nhất quyết bước vào trong kho. Những bác thợ nhìn Vịt có vẻ ái ngại, nhưng Vịt giả tảng như không trông thấy họ. Một trong những đứa bé cùng tuổi quay ra hỏi:

— May đến làm phải không? Tên gì?

— Tôi tên... Vịt.

— Ô. Vịt. — Một đứa reo lên: Vịt vìn Vịt à? Vịt dân hay Vịt giới d... ấy?

Bị trêu, Vịt đỏ mặt. Mấy bác thợ cũng bật cười khi nghe cái tên ngộ nghĩnh này. Khoảng năm sáu đứa trẻ bằng đầu nhau quây lấy Vịt, hỏi han riu rít. Những đứa trẻ con nhà nghèo thường dễ thân nhau. Vịt nhìn chúng nó mặc những bộ quần áo trắng may bằng thứ vải thô đầu đội khăn như kiểu thợ mộc, rồi lại nhìn cái áo nâu rách của mình, Vịt xấu hổ quá. Trong số chúng nó, Vịt đã biết một đứa tên là Soi một đứa tên là Văn. Trong bọn, có một đứa bé loét choắt, chân đi đôi guốc mộc, có hai sợi dây buộc chéo móc vào giữa ngón chân cái và ngón trỏ. Cặp mắt lác của nó khinh khinh nhìn Vịt, ra cái vẻ dằn anh lắm. Vịt thầm nghĩ: «Dùng dờ trò ma cũ bắt nạt ma mới, thằng này chẳng sợ đâu». Có tiếng guốc quẹt quẹt trên nền nhà. Một người cao to đang đi tới. Vịt thấy các bác thợ vội vàng cầm búa gõ chan chát vào những chiếc dăm thùng, còn bọn trẻ thì lấm lét chạy mỗi đứa một nơi. Người ấy hách dịch hỏi:

— Thằng Vịt đâu?

— Cháu đây ạ!

Người vừa hỏi là cai Độ, hắn chống tay vào mạng sườn đồng dạc:

— Lần sau nói với tao phải thưa gửi cho có lễ phép, không là chết đòn nghe chưa? Tao không ưa cái lối ăn nói xách mé của nhà chúng mày. Liệu hồn... Hắn vút cái thùng gỗ, có đôi quai bằng dây song xuống đất, rồi bảo:

— Làm ăn phải cho nó đáng đồng tiền, bát gạo. Dùng dờ cái thói ăn thật, làm giả tao đánh tuốt xác nghe chưa? Thôi đi làm.

Vịt cúi xuống xách cái thùng, vừa ngang lên bỗng bị xoi một cái bợp tai choáng váng. Cai Độ cười gằn một tiếng, nói lớn:

— Phải nhặt sạch sẽ mọi cái đinh, nếu quan xếp đến, thấy chúng mày ăn bơ làm biếng thì, đừng có trách tao, nghe chưa?

Không một ai trả lời. Chỉ có tiếng đinh đóng vào gỗ sần sật và tiếng búa lát chát. Mấy bác thợ đã quá quen với cái lối đe dọa

của cai Độ, nên chẳng ai chịu để lọt tai những câu nói của hắn. Riêng bọn trẻ thì, vừa nhặt những chiếc đinh queo vắt vào hòm vừa ăm ức nhìn về phía Vịt. Lúc này, tự nhiên Vịt thấy mắt mình cay cay, rồi hơi mờ đi. Vịt khóc! Nước mắt chảy ròng xuống hai bên gò má. Vịt không hiểu vì sao cai Độ lại đánh mình như vậy. Mình đã làm gì nên tội? Rõ ràng là cai Độ bắt nạt mình, hắn cậy thế lấy thịt đè người ư? Ừ quá, Vịt thoáng nghĩ: «Hay là thôi, không làm nữa?». Nhưng nhớ tới lời dặn của mẹ; nhớ tới bát bắp bung khi sáng, Vịt lại thấy mình cần phải làm việc, có làm mới có tiền đưa cho mẹ chứ! Vịt đưa cánh tay, quệt vội những giọt nước mắt rồi xách thùng đi theo bọn trẻ. Vịt muốn hỏi chúng nó xem, ông Cai có hay đến đây không. Và, có hay đánh không? Nhưng Vịt chả biết nên hỏi đứa nào.

Chùng đoán được ý định của Vịt, thằng Văn hỏi:

— Mày khóc thật đấy ư? Ông ấy đánh mở hàng thôi. Chúng tao bị như thế luôn. — Văn mỉm cười, bình thản: — Rồi nó quen đi mày ạ! sợ cái dếch gì.

Một bác thợ đóng đai, dừng tay búa nhìn Vịt, bác an ủi:

— Chúng tao cũng còn bị ắn đòn nữa là — Bác thờ dãi: Cái kiếp mình nó vậy thì phải chịu, chứ kêu ai? Thế bố cháu đâu?

— Chết lâu rồi!

— Mẹ cháu làm gì?

— Đội than ở trong sở.

Vừa nói, Vịt vừa ngáy người nhìn bác thợ có thân hình gầy, cao đang khom lưng xuống đóng dăm gỗ và những vành đai bằng dây song bên rất sắn. Bác lắp từng chiếc dăm vào cái khuôn tròn. Rồi dùng búa tay, chêm những miếng gỗ khít vào nhau. Chỉ một lát, trước mặt bác ta đã có một cái thùng tròn và to hơn cái chum đựng nước. Mỗi lần bác vung tay lên, một chiếc đinh dài bằng ngón tay của Vịt, lại cắm ngọt vào lớp gỗ. Thình thoảng gặp phải chỗ gỗ có sọc rần, chiếc đinh chùn lại, còng queo, bác thợ mím môi giật phắt ra. Như một cái máy, bọn thằng Văn, thằng Soi cúi xuống nhặt lấy chiếc đinh, vắt vào chiếc thùng gỗ xách kẻ bên mình. Sau ít phút bở ngỡ, Vịt lập tức làm theo bọn trẻ. Đúng là lần đầu tiên Vịt được xem người ta đồn thùng, nên vừa nhặt đinh vịt vừa chăm chăm nhìn những bác thợ đứng rải rác ở trong kho. Cái kho mới rộng và cao làm sao chứ, có nhẽ nó cao gấp mười lần túp nhà của mẹ con Vịt ở.

Từ đấy, Vịt và cả bọn cứ chạy như đèn cù, quanh những chiếc thùng. Hai con mắt lúc nào cũng phải nhìn xuống nền nhà, tìm kiếm. À thì ra những thùng này để đựng xi-măng đấy, nó to thế

hòn nào chả chứa được những ngót nghét ba tạ. Ba tạ chắc là phải nặng gấp chục lần so với người mình. Tài thật, những mảnh gỗ rời, vánh lại với nhau để thành một cái thùng kín mít, đựng nước cũng không rò, ai bảo mà những bác phó lại biết cách làm như vậy? Vịt khoan khoái như vừa khám phá ra một điều bí ẩn.

Làm được một lúc, bác phó già có mớ tóc bó tròn như củ hành ở đằng sau gáy, dùng tay, lấy cái điều cày làm bằng một đoạn tre già, đã được nhiều bàn tay mài đến nhẵn bóng lên. Bác ộp thuốc, móp má kéo một hơi đầy. Hút thuốc xong, bác ta thông thả dờ sợi thắt lưng thắt ở ngang bụng, lấy một miếng trầu bỏ vào mồm nhai một cách ngon lành. Cùng lúc, bọn thằng Văn chạy ủa lại tranh cướp nhau cái điều. Chúng nó chuyền tay nhau, mỗi đứa kéo một hơi, rồi cũng ngả người vào thành tường thở ra những làn khói loãng. Thằng mắt lác hau háu nhìn bác phó nhai trầu rồi năn nỉ:

— Cho con một miếng, bố nào!

— Dào, của đâu. Xéo ra chỗ khác.

Thằng Lác tên tò chạy lại cướp giật lấy cái điều, bắt đồ vấp phải chiếc thùng gỗ của Vịt vừa để xuống, nó liền quay ra gây sự:

— Ông đánh bỏ mẹ giờ. Chỗ mày để thùng đấy à?

Vịt không trả lời, nhưng hai bàn tay đã nắm chặt, phòng thủ. Thấy vậy bọn trẻ reo ầm lên:

— Có giỏi choàng nhau xem thằng nào khỏe nào?

— Thằng Vịt thua đứt đuôi rồi. Cái đồ hèn như... Vịt.

— Nói phét. Tao bảo thằng Lác thua đứt đuôi, Uych nhau đi chúng mày ơi!

Bọn trẻ cứ thi nhau gào tướng lên, đứa nào cũng gân cổ, phùng má ra vẻ ta đây hơn cả.

Bị nói khích, mặt thằng Lác đỏ gay, nó hơi cúi đầu phẩm phẩm xông lại phía đối thủ. Vịt lùi một bước, hai bước, rồi bất thành lĩnh xông tới, ôm chặt lấy cái thân hình gầy như ống sậy của Lác. Và, chỉ một miếng khèo chân, thằng Lác ngã vật xuống. Đám người đứng xem cười rộ, như đứng trước cuộc chọi gà.

— Thằng Vịt giỏi lắm. Dè thật chặt. Thế... cứ thế. Tổng thật lực vào... Thế.

Vịt vừa định thôi cho Lác vài quả tổng thì, thằng Lác đã vội kêu:

— Thôi, tao thua rồi, tao chịu mày rồi! Ái... ngh.. ẹn cồ.

— Muốn chết cả lũ đấy hả? — Bác phó già có búi tóc củ hành, trừng mắt nhìn cả bọn: — Đi làm ngay. Chúng mày không biết liêm sỉ ty nào cả! Bọn cai nó đánh chưa đủ hay sao mà còn gây sự đánh lẫn nhau?

Nghe bác phó già nói vậy, bọn trẻ cũng biết sợ. Chúng len lét mỗi đứa xách một thùng gỗ, lảng dần y như mèo bị cắt tai!

Sự việc vừa rồi xảy ra nhanh chóng quá, khiến Vịt vừa buồn vừa bực. Nhưng Vịt cũng thích chí, bởi vì Vịt đã đánh ngã được thằng Lác. « Nhất định nó sẽ thù mình ». Vịt thầm nghĩ. Rồi truyện này đến tai ông Cai thì sao? Ông ấy thương gì mà không đuổi mình ra, thế là mất toi mấy đồng bạc lẻ của mẹ rồi! Vịt nghĩ lan man, cái thùng cứ mỗi lúc một nặng, Vịt đã phải đi hơi lệch người về một bên, nhưng cánh tay vẫn cứ muốn rời ra. Và, hai ống chân cũng như không muốn bước nữa. Càng về trưa, đình queo càng nhiều, cúi xuống ngang lên đến sái cả cổ, vẫn không nhật hết. Tự nhiên, Vịt thấy ghét cả cái bác phó già này...

Ngoài trời, những tia nắng vàng nhạt trải rộng trên khoảng đất ngập ngựa, than bùn. Nắng lên, giá rét tan dần. Song Vịt cảm thấy mình bứt rứt như bị nhốt vào trong cũi. Vịt khát nước quá, giá như những ngày lặn lội đi kiếm củi, nhặt than ở bãi sông thì, Vịt đã vục dầu xuống dòng nước uống một hơi căng bụng. Nhưng ở đây, liệu có được phép đi uống nước không? Và, uống ở chỗ nào? Nghĩ tới hộp nước, cõ họng Vịt càng se lại, miệng khô một cách lạ. Khát! Khát! Khát quá! Vịt đánh liều ngồi xuống đồng gỗ nghỉ chân một lát. Nhưng chưa kịp lau hết những giọt mồ hôi đọng từng giọt lấm tấm ở trán thì, đã nghe tiếng guốc lộc cộc đi đến. Thoáng thấy bóng cai Độ, Vịt đứng bật dậy. Bác phó già khẽ nhắc: « Coi chừng, lão Cai đến đấy ». Vịt nghe thấy tiếng búa ròn hơn và bọn thằng Văn thì cứ lảng xảng như lặn ngụp, sau những chiếc thùng kia.

Cai Độ chấp tay sau dít, đứng giữa nhà, hẩn đưa mắt nhìn đồng vô thùng, miệng lầm rầm như nhảm tính rồi hỏi gần như quát:

— Sáng đến giờ, những đứa nào bỏ đi đâu. Nói?

Không có tiếng đáp lại. Hẩn vất miếng bã trầu xuống đất, vung tay hùng hổ:

— Theo luật lệ, vắng mặt một giờ, phải phạt hai công! Nghe chưa? Thằng nào lếu láo thì đừng trách. Hiền với bụt, chứ không hiền với ma. Nghe chưa? Chịu khó làm ăn, tao xin với cụ lý xét lại lương cho. Tao vậy nhưng mà lúc nào tao cũng thương các chú...

Cai Độ nói một thôi dài, nhưng Vịt chẳng để ý gì mấy. Thực tình cũng không còn đầu óc nào mà nghe nữa. Tiếng búa chan chát, chan chát cứ như đập vào màng tai, và cái thùng đình cứ như muốn nứ Vịt quy xuống. Thế là cái sự náo nức; cái sự khoái trá khi được tin mình sẽ đi làm ở sở, vụt biến mất. Vịt thấy trong

mình còn lại nổi bồn chồn khắc khoải. Tiếng còi cấm khi sáng rống lên một hồi rồi câm bặt. Vịt mong sao cho chóng tới lúc được nghe thấy cái mệnh lệnh rất nghiêm ngặt ấy, bởi vì chỉ khi nào có còi báo, Vịt mới được nghỉ việc... Vịt cảm thấy buổi sáng hôm nay sao mà lâu thế! Một trình bắp bung, lúc này cũng đã biến dạng nào, ruột gan Vịt cồn cào như bị sát muối ớt. Vịt muốn òa lên khóc cho hả cơn bức dọc. Nhưng khóc thế chẳng hóa ra mình kém bọn thằng Văn sao? Không. Chúng nó làm được, mình cũng phải làm được. Vịt bậm môi, cố ghìm cái tính nôn nóng mà mẹ thường bảo đó là tính: «Cả thềm chóng chán», rồi tự an ủi: «thôi, về nhà rồi hãy khóc, đừng khóc trước mặt bọn thằng Văn, chúng nó cười cho». Thằng cai Độ hậm hộc anh em một lúc rồi cấp đít đi ngay. Vịt thở một hơi nhẹ nhõm. Thế là không ai mách với nó, về cái tội mình và thằng Lác đánh nhau. Ờ, các bác ấy cũng có lòng tốt đấy chứ. Vịt nhìn những người thợ lớn tuổi bằng con mắt biết ơn.

Sự chờ đợi căng thẳng của Vịt đã tới. Tiếng còi bỗng «ù... ù» lên một hơi, nghe như tiếng thở dài, Vịt đặt cái thùng dính vào một góc kho rồi theo mọi người đổ ra phía con đường dọc đạo. Thế là đã qua năm giờ đồng hồ làm việc. Vịt thấy lòng mình vui vui khi đôi bàn chân nhỏ bé của mình, nối tiếp những bước chân than bụi trong đoàn người lem lức vì bụi khói từ các xưởng đi ra...

Vịt theo thằng Văn đến trước cửa lò. Trước mặt hai đứa, một giẫy nhà xây tròn và đứng liền nhau, sừng sững, có nhẽ còn cao hơn cả giẫy núi Đèo ở bên kia sông. Những đường cầu thang chạy vòng vèo như xoáy tròn ốc, khiến Vịt phải ngửa cổ ra phía sau mới nhìn tới đỉnh. Ở đây, đông người làm hơn. Phu đàn ông có tới năm sáu chục người, đang bám tay vào thanh sắt to và dài bằng cái cột điện. Cứ mỗi tiếng: «dò... ô này» người ta lại đâm cái đầu thanh sắt vào cửa lò. Ở phía trên, những phu đàn bà, so vai, rụt cổ đội thùng đá đầy có ngọn, ỉ ạch leo từng bậc, từng bậc thang. Họ nối đuôi nhau bò lên chậm chạp và kiên nhẫn như đàn kiến tha mồi. Nhưng đông hơn cả vẫn là chỗ cửa lò vừa mở. Vịt tròn xoe mắt nhìn đám trẻ bằng tuổi mình, đội những cái thùng tre có cặp to. Những cái thùng ấy lồi dẹt. Và, cái chỗ tròn thùng đại úp chụp lấy từng chòm đầu; có quấn một mảnh bao tải, hoặc một miếng lót bằng mo cau. Bọn trẻ ấy còn dùng mảnh vải bao quấn lấy hai bàn chân, thành ra mỗi bước đi, đều in trên nền đất

những dấu chân to tướng. Vịt đã nghe kể, những ngày mưa làm ở đây còn cực hơn, vì nước vôi ăn chân, có người bị sưng mọng lên, trở thành đui què, sâu quáng. Rồi nước mưa chảy qua thùng cờ-lanh-ke¹ cứ tràn mãi vào mắt vào mũi, những người phu lớp trước, đã có người mù mắt vì cái nạn này. Thì ra không phải chỉ có bọn trẻ nhất định như Vịt, mà ở chỗ các Cai bao khoán, đều có những cu-ly «nhau», rất nhiều cu-ly «nhau» làm việc. Vịt thấy mẹ bảo: Cai khoán thuê đàn bà và trẻ con vì, chỉ phải trả lương bằng nửa số lương của đàn ông. Hèn nào mà ở đây nhiều «nhau» và đàn bà quá!

— Mở lò đấy. Mày có thấy nóng chưa? Văn đột ngột hỏi Vịt.

— Nóng thật!

— Sang chỗ lò mới xem đi.

Vừa nói, Văn vừa kéo tay bạn. Nhưng Vịt còn chưa muốn đi. Đôi mắt nhỏ và đen của Vịt dừng lại rất lâu ở một người đàn ông to béo, người ấy mặc quần nái vàng, Áo ka-ki có bốn túi to, may lối cao cổ, chân đi giày đinh lợp cộp. Người ấy đứng bên cạnh một thằng tây lùn, bụng phệ. Cả hai cùng lăm lăm nhìn những người phu đội thùng cờ-lanh-ke còn bốc hơi nghi ngút đi qua trước mặt. Một thùng cờ-lanh-ke bị vơi một tí: Vút! ngọn roi song của tên Cai, quất thật lực vào cái lưng gầy gò phủ ngoài bằng một lớp bao tải thô. Vịt giật thót như chính mình vừa bị ngọn roi ấy quất vào da thịt. Bỗng chỗ cửa lò đằng kia, có tiếng người ồn ào:

— Không làm nữa, phải lên kêu ông chủ thôi! Đánh người vô cớ-quá lắm.

— Kêu ăn thua gì, đánh bỏ mẹ nó đi. Cứ đồ thùng than nóng vào mặt nó thì nó mới chừa cái lối ức hiếp mình. Thà đói còn hơn. Ưc thế này không sống nổi nữa!

— Nó đánh chết người, anh em ơi! Có người chết... chết.

Nghe tiếng kêu, đám phu đang mở cửa lò, bỏ việc chạy toán loạn. Đám phu đàn bà đứng dừng cả lại trên các bậc cầu thang. Đám phu trẻ con cũng thi nhau ùa tới. Vòng người mỗi lúc một đông thêm, tiếng chửi rủa, la hét ầm ĩ. Những khuôn mặt đầm đìa mồ hôi, bụi bậm rân rẩy lại. Vịt cố len vào phía trong. Ở dưới chân đồng than xi, một thằng bé trạc tuổi Vịt, nằm chết giắc, da mặt nó xám ngoét như con gà bị cắt tiết. Chiếc áo bao gai mở phanh, để lộ cái bụng lép chỉ còn thoi thóp, những dẻ xương sườn

(1) Xi-măng đã nung luyện, nhưng chưa xay thành bột.

hãy cô ra. Một bác phu già ngồi cạnh thằng bé, bác vừa giật giật hai bên tóc mai, dài trùn xuống vành tai nó vừa gọi giật giọng :

— Tỉnh lại, tỉnh lại cháu ơi! Đừng chết...

Thằng Tây bụng phệ và tên cai, hung hăng rẽ đám đông đi thẳng vào. Thằng Cai giờ cái roi lên nói lớn :

— Ông xếp bảo, đâu về đấy làm việc ngay. Dứa nào không nghe lời, ông xếp sẽ đuổi ngay lập tức. Tất cả nghe rõ chưa? Dứa nào ương bướng thì hãy trông gương đấy...

Đám người càng ồn ào, những cuộc, xềng, đĩa xua xua giờ lên như những mũi mác. Có rất nhiều cặp mắt gườm gườm nhìn về phía tên Cai và tên xếp Tây.

— Đâu về đấy làm việc ngay. Việc này đã có người lo liệu — Tên Cai nhắc lại một lần nữa, rồi chùng như thấy đứng ở đây không có lợi, nó vội xun xoe nói xì xà, xì xồ mấy câu tiếng bồi rồi mở một con đường nhỏ cho tên Tây đi thẳng. Nó không hề may mắn đề mắt tới thằng bé đang nằm ngắc ngoải kia...

Vịt đứng ở đấy, cho tới lúc người ta khênh thằng bé vào một gian nhà gần cửa lò. Người nó rũ xuống như tàu lá úa. Khi cùng với Văn đi sang chỗ lò mới. Vịt vẫn như đang sống trong cơn mê. Chốc chốc Vịt lại vấp ngã!

— Bọn xếp, Cai ở đây ác thật lắm nhỉ? Thế nào, mày có sợ không?

Văn lên tiếng hỏi. Nhưng Vịt không đáp. Vịt đang tự hỏi, vì sao lại có những con người hung dữ như vậy? Vì sao anh chị em phu lò không đánh lại thằng xếp? Chả nhẽ vì thùng than với một tí mà thằng sú xếp lại đánh dứa trẻ chết ngất rồi bỏ chạy ư? Ôi! sao mà nhiều chuyện ngược đời? Ở cái sở này, đâu đâu người ta cũng ức hiếp nhau như thế hay sao? Vịt muốn được giải đáp ngay một lúc, những câu hỏi ấy, song ai là người có thể nói cho Vịt hiểu được cái nguyên nhân này. Vịt lơ lảo nhìn những ngôi nhà cao hai, ba tầng, nhìn những cỗ máy đen chúi chúi, bất giác Vịt thấy lo sợ, cặp mắt tinh nhanh thích khám phá, bỗng trở nên dờ dẩn, hốt hoảng. — Tao không ra lò mới đâu. — Vịt mệt mỏi bảo bạn :

— Mày sợ phải không? Sợ cái đếch — Văn mỉm cười bình thản:

— Thôi, đến ông lý lĩnh tiền đi. Hôm nay kỳ tiền đấy.

— Lại phải đến nhà ông lý lĩnh tiền à?

— Kỳ này chắc cậu Vinh đi vắng, mọi kỳ thì văn lĩnh ở kho.

Nghe nói tới tiền, nét mặt Vịt tươi tỉnh hẳn, Vịt bằng lòng ngay. Trên đường đi ra làng Thượng, Vịt nhăm tính xem mình sẽ được lĩnh bao nhiêu. Đúng nếu phải trừ ba ngày tập việc thì còn một

đồng hai tất cả. Một đồng hai, Vịt sẽ giữ hai hào, còn thì đưa cả cho mẹ. Chồng thật, kể từ buổi chiều ngồi ghè đình, xuýt giập ngón tay đến nay đã gần nửa tháng rồi. Cũng từ hôm thằng Văn bị cai Độ đá cho một cái dạo căng, hai đứa đã chơi thân với nhau. Cái thằng Văn này vào làm trước Vịt độ hơn một tháng, vậy mà xó xỉnh nào nó cũng biết. Nó còn thuộc tên từng ông xếp. Và biết rõ ông nào đánh cu-ly bằng roi, ông nào đánh bằng tay. Ông nào có vợ dầm ông nào có vợ « a-nam! » Nó biết nhiều chuyện. Và, hầu hết là chuyện của người lớn. Lần lúc nó nói năng như một ông già. Nhưng cũng có lúc nó nghịch tình đáo để. Một hôm, nó hút thuốc bị say, sùi cả bọt rãi. Vịt thương nó quá. Vịt bảo nó đừng hút thuốc nữa. Nhưng nó bảo : « Thỉnh thoảng kéo một khói cho nó ấm bụng thôi! » Nó còn nói, nó biết đánh xóc đĩa và đang tập đánh chắn ; nó còn bảo nó sẽ tập uống rượu. Vì có như thế mới chóng thành người lớn!?

Thế là thế nào? Đầu óc Vịt rối mù. Bỗng Văn chậm rãi bảo :

— Ở sở, chỉ có các ông chủ, ông xếp, ông ký, ông cai là giống người, còn anh em phu lớn, phu « nhau » đều là cu-ly tuốt!

— Ai bảo mày thế?

— Ơi người — Thằng Văn cười khanh khách : — Buồn cười thật, ông chủ suốt ngày dắt vợ dầm đi chơi với con chó, thế mà các xếp cứ sợ xanh mặt ra. Cả mấy lão cai cũng vậy, cái bọn người thấy Tây thì sợ như cộp, nhưng lại hay bắt nạt cánh « nhỏ dít » thật đáng ghét. Ở đằng xóm nhà tao, dạo trước có một bác phu đánh vỡ đầu thằng cai khoán rồi thất cổ tự tử. Nghe đâu bác ấy phải dầm đầu lộn hòng hết cửa nợ đến cửa kia, mới có đủ tiền lấy được người vợ ở mãi tận bên Thủy-nguyên núi Đèo. Vậy mà hai người vừa ở với nhau được vài ngày thì thằng cai mò đến giờ trò chim chuột. Chim vợ bác không được, thằng cai lập tức dấn bác ấy không cho làm nữa. Những xếp Tây nó khôn lắm mày ạ. Nó muốn người nào, là ra lệnh cho bọn cai phải tìm cách bắt buộc người ấy đến cho nó ngay. Mẹ cha chúng nó!

— Mày nói vậy, không sợ các ông cai, ông xếp đánh à?

— Sợ cái đếch. Tao quen đòn lắm rồi. Tao chỉ mong tao chóng lớn, để có sức tao choảng lại những đứa đã đánh tao... Thật đấy, tao lớn tao không chịu để cho bọn cai, xếp bắt tai, đá dít như mấy bác phó đâu. Các bác ấy thế mà hèn! Vui chuyện, hai đứa đã tới ngõ nhà lý Hàn. Chúng nó dừng lại trước ngôi nhà lợp lá cao và khá rộng. Vịt thoáng trông thấy bác phó già từ trong ngõ đi ra, bác đang lèm bèm chửi rủa, hết sức tục tĩu. Khi bác phó đi qua, Vịt ngửi thấy người bác ta sặc mùi rượu! Cái đáng người

nhỏ bé của bác, gù xuống, bước đi xiêu vẹo. Mớ tóc dài mọi ngày vẫn búi gọn ở sau gáy, lúc này xòa xuống vai, trông bác càng thảm hại hơn.

Vịt đang ngầy mặt nhìn theo bác phở già, người mà Vịt cho là hiền lành nhất trong số thợ lớn tuổi thì, nghe tiếng thằng Lác léo xéo :

— Chúng mày vào nhận tiền đi. Ông cai gọi tên thằng Vịt rồi đấy.

— Có bị trừ buổi nào không? — Thằng Văn túm áo Lác hỏi :

— Mất ba « hừu » (hào). Thí cho hần ta. Đ... cần !

Thằng Lác vẫn giữ cái giọng anh hùng rơm, sau hôm bị thua Vịt, nó đâm ra nề cái thằng bé thấp lè tè đúng như « vịt » ấy. Lác đi rồi, Văn kéo Vịt đi sâu vào trong ngõ, qua mảnh sân rộng có trồng những cây ăn quả ở trước cửa nhà. Cả hai đứng nhập vào bọn người đang đứng xếp hàng châu chực ở đây. Về chiều, bầu trời thấp và đen như lòng chảo. Những cây lá chỉ khẽ lay động, nhưng Vịt thấy hai đầu gối mình run lên. Có phải vì cái rét ngọt hay vì quá vui mừng mà Vịt lại như vậy. Vịt làm sao hiểu nổi ! Chỉ biết rằng một lúc nữa, Vịt sẽ nhận những đồng lương đầu tiên của mình. Một đồng hai bạc, số tiền lớn ấy đã làm Vịt quên hết những điều đã trông thấy, đã nghe thấy từ lúc tan tầm đến giờ. Vịt không còn mảy may nhớ tới cái thằng bé nằm chết ngất ở chân đồng than xỉ như khi nãy nữa. Vịt cũng không hề bận tâm tới những chuyện rượu chè, bê tha của những người lớn mà thằng Văn vừa kể. Một đồng hai, nhất định Vịt phải đi ăn một bữa bánh đúc riêu. Chà, cái nồi riêu của bà hàng ngồi ở đầu phố mới, trông mới béo và thơm làm sao. Vịt tưởng tượng đến một bát bánh đúc thái mỏng rồi chan nước riêu nóng, có thêm tí ớt cay vào nữa thì, thật là tuyệt ! Đã bao lần, Vịt đã phải đứng nuốt nước bọt trước cái gánh hàng ấy rồi. Phải ăn, ăn một bữa thật no. Còn một đồng thì đưa cho bu. Còn những một đồng cơ mà ! Bu sẽ may áo mới cho mình. Không, trước hết phải xin bu mua cho một vuông khăn đội đầu cho ra vẻ người lớn đã. Vịt miên man tính toán và quên khuấy cả thằng Văn, lúc này đang đứng trước mặt mình. Đoàn người nhích dần, nhích dần. Vịt để ý người nào lúc cầm tiền đi trở ra cũng có vẻ bực bội. Có một người đứng lại bên cạnh ông lý nói năng có vẻ khàn khoản lắm. Nhưng ông lý trừng mắt lên một cái, người đó vội xách nón đi ra. Vịt thầm nghĩ : « Thôi chết, có nhẽ ai cũng bị ông lý phạt chắt ? Liệu mình có được lĩnh đủ một đồng hai không ? Dù chừ, mình có bị « phốt » gì đâu. Với lại, đời nào ông lý lại ăn chặn của đứa

trẻ như mình. » Nghĩ vậy, nhưng Vịt cũng vẫn cứ lo ngay ngáy. Thằng Văn vịn tay vào hè leo lên, rồi đến lượt Vịt. Như mọi người Vịt hơi cúi đầu xuống nói « Lạy ông ạ ! »

Tên lý Hàn ngồi xếp chân bằng tròn trên tấm phản, nét mặt của hần lạnh như những đồng tiền hào, tiền xu, buộc từng xâu, từng xâu sáng loáng ở trong cái tráp kia. Hần khẽ nhắc cái kính gọng đồng nhìn lướt trên người Vịt.

— Mày được mấy công, thằng nhãi ? Lý Hàn hỏi dần giọng. Vịt cuống lên, lắp bắp :

— Thưa ông... đồng hai ạ !

— Mày nói gì ? Hử ?

Lý Hàn thông thả bỏ miếng bã trầu xuống cái đĩa sứ đặt ở trên phản. Cái khổ người to béo của hần hơi nghiêng về một bên. Hần nhặt mấy đồng tiền hào rồi chậm chạp đặt từng đồng xuống tờ giấy do cai Độ mang đến nộp lúc chiều. Tờ giấy này ghi rõ, mỗi người phu làm được bao nhiêu công, bị phạt mấy công về tội gì. Thực ra, chẳng cần tờ giấy này lý Hàn cũng vẫn phát tiền được. Tiền trong tay hần, hần muốn trả thế nào phu cũng phải chịu. Hần vẫn thường khoe là hần có oai, nên phu phen nhất nhất nghe theo hần. Hần có biết đâu rằng, trước mặt hần, người phu buộc phải cúi đầu chào hần. Nhưng sau đó người ta bàn tán về hần ; thù ghét và nguyên rủa hần biết chừng nào !

— Tiền của mày đấy, cầm lấy rồi xéo !

Vịt lập cập nhặt lấy ba đồng hào và một nắm những đồng xu đồng: Vịt nhằm đếm : Mới có năm hào rưỡi. Vịt đứng đấy, mắt dán vào cái tráp bạc ở bên cạnh lão lý Hàn, Vịt chắc mẩm sẽ được ít nhất là mấy đồng hào trắng nữa. Nhưng lão Lý Hàn đã đồng dục gọi đến tên người khác.

— Thưa ông — Vịt nuốt nước bọt, trấn tĩnh : — của cháu còn thiếu nhiều...

— Cát con mẹ mày đi. Mày không biết tính ông nội mày. Hử ? Đi hỏi cai Độ !

— Cháu làm mười công, ông xét lại cho cháu ạ !

Lý Hàn với tay lấy cái roi mây, Vịt hốt hoảng né người sang bên, song hần cười gằn : — Lại đây, lại ông... cho thêm con ạ ! — Hần vung cái roi lên quá đầu :

V...éo, V...éo. Vịt tưởng như cái áo của mình tước ra vì những ngọn roi ấy. Và người Vịt nóng sực như khi đứng trước cửa lò

vừa mở. Phía sau Vịt, có tiếng lao xao, rồi im bật. Một đồng xu trong tay Vịt văng ra, Vịt nghe tiếng lý Hàn-quát : — Chúng bay trông gương đấy. Cút ! Hân « e hèm » một tiếng rồi cao giọng : Nguyễn văn Vành lên nhận tiền ! Ông bảo thật, đũa nào i eo, ông thì lột xác ra. Tền Vành đâu ?

— Thưa ông, nhà cháu đây ạ !

Bác phó Thùng bước lên hè. Vịt nhận ra đó là người đã an ủi Vịt, hôm Vịt bị cai Độ đánh : « Cái kiếp mình có vậy, biết kêu ai ? » Câu nói của bác phó hôm ấy, lúc này như một lời giải đáp thiết thực nhất đối với Vịt. Vịt cắn răng xoa xoa chỗ đau. Bàn tay Vịt đã sờ thấy một vết hằn dài tới hơn một gang, nằm chéo từ bả vai xuống ngực. Vịt loạng choạng quay đi. Thằng Văn vẫn đứng chờ Vịt ở sân. Nó đã trông thấy tất cả mọi việc vừa xảy ra, nên nó nắm tay Vịt bảo :

— Tiền ở tay họ, họ cho bao nhiêu được bấy nhiêu. Quyền mình đâu mà mình đòi nhiều. Ai cũng bị « cúp » chứ có phải một mình mày đâu. Đại thế ?

— Tao chỉ lấy đủ công thôi. Vịt hậm hực nói tiếp : — Của tao những đồng hai mà lão ấy mới đưa có năm hào rưỡi, tao phải hỏi chứ ! Lão ấy cậy quyền thế để ăn chặn của tao à ?

— Rồi sau sẽ quen đi — Văn mỉm cười — Tất cả rồi sẽ quen đi hết, tao chẳng sợ đêch gì. Cứ có làm là có ăn mày ạ ! Mày tưởng tao không bị phạt à ? Mất đứt gần hai « lư ». Tao dám chắc lão cai Độ lại chơi khăm mày rồi. Thế mày đã kiếm cái gì nói lót với hân chưa ?

— Lại còn phải nộp lễ cho hân nữa à ?

— Hèn nào. Văn lại cười khẩy : — Thôi, chính lão Độ ăn bớt của mày rồi ! Không, cả hai lão cùng chén. Lão lý Hàn thường vớ bẫm hơn.

Nghe Văn nói, Vịt càng uất người. Quen, cái gì nó cũng bảo rồi sẽ quen. Thế là thế nào ? Chả nhẽ lão lý Hàn cứ ngồi xếp chân bằng tròn ở nhà rồi ăn sung mặc sướng, bằng cái cách ăn chặn của phu phen ư ? Lão ta còn vậy thì, những xếp Tây sẽ còn phải như thế nào ? Vịt lảng lảng bước đi, nét mặt ủ rớt, Vịt hiểu vì sao khi nãy bác phó già vừa lèm bèm chửi rủa, vừa nghêu ngao hát như ông lão say, trong cái tích chèo mà Vịt được xem từ năm nào năm nào. Thế là chỉ có năm hào rưỡi. Cái ý định ăn bánh đúc riêu vớt tan đi trong sự tưởng tượng của Vịt. Vịt nghe thấy tiếng mẹ văng vẳng bên tai : « Kỳ tiền này, được đồng nào mày góp cho bu, đề rồi bu còn phải trả nợ, vào cái khoản lễ ông cai. Kỳ sau bu may áo cho ». Lúc này, Vịt lại lo là sẽ nói thế nào, đề mẹ

khỏi nghĩ là Vịt ăn bớt tiền. Chao ôi ! mười ngày giới quần quật đến bại ống chân, giật ngón tay, suốt mười tiếng đồng hồ, được bù lại bằng mấy hào chi này ư ? Biết đến bao giờ mẹ mới trả hết số nợ. Và, đến bao giờ mình mới có được cái áo mới ? Nghĩ xa rồi nghĩ gần, đầu óc Vịt nhức nhối khó chịu quá. Vịt buột miệng hỏi băng quơ :

— Có phải uống rượu say nó đã cái cơn bực không ?

— Mày muốn uống à ? Tao dẫn đi. Vào xóm cô đầu còn nhiều chuyện hay lắm mày ạ ! — Thằng Văn liến thoắng nói : — Vào đấy, mày sẽ thấy đủ mặt. Phu nhà lò, phu làm đất, phu đội đá và cả mấy bác phó nhà thùng nữa. Ồi, ời chuyện ! Đi, đi... Thằng Lác chắc cũng ở đấy rồi. Đi mày...

— Không, tao về nhà đây. Bu tao dặn lĩnh tiền xong phải về ngay.

Vịt nói vậy rồi vùng ra chạy một mạch. Những cơn gió như có tay, cứ lật mạnh áo của Vịt lên. Và, châm vào da thịt nó những mũi kim sắc ngọt.

VÀO NGHỀ

Trời nắng như đổ lửa. Những người phu làm cái việc « ra hàng » đang gò người xuống đẩy những chiếc xe bàn, nhích dần từng đoạn, từng đoạn ngắn trên hai thanh đường ray, bắt nổi trên nền sân lát xi-măng. Những tia nắng từ trên dội xuống, và hơi nóng từ mặt đường bốc lên hừng hực như muốn thiêu đốt, những cái lưng trần gầy guộc và đen sạm. Một người phu già, buông tay xe, đứng thẳng lên, nhìn trước nhìn sau rồi lột cái nón mê rách xuống, quạt mấy cái. Mặt người phu đỏ như, như đang say rượu, mồ hôi kẻ thành từng vệt dài trên khuôn mặt hốc hác. Và nhể nhại trên cái lưng hơi gù. Đứng ở dưới chân bệ máy trục, Vịt hốt hoảng kêu lớn :

— Nhanh chân lên, thằng Si-lu nó đến đấy...

— Mặc xác bố nó ! Người phu già nói vậy, nhưng cũng đã chụp vội cái nón lên đầu rồi mím môi, mím lợi đẩy cái xe nặng có tới một tấn, đi ra phía bên. Vịt lắc đầu nhìn bác ái ngại. Khi ra đến xe cho bác phu già. Vịt nói nhỏ :

— Bố « khề » đi mà ngại một chốc. Chúng tôi làm đỡ.

— Ngồi sao được hở anh. Thằng Si-lu nó sẵn mình chỉ còn thiếu cái nước « bình » ra quần, làm thế nào thoát khỏi con mắt cú của nó? Tôi...

Bác phu già chưa nói hết lời thì, đã nghe tiếng giầy đinh rộp rộp ở phía sau. Thằng Si-lu lừng lững tiến đến. Nó đội cái mũ trắng rộng vành nên cái nước da đen nhem của nó càng bóng lên. Cặp mắt lúc nào cũng đỏ như mắt cá chày. Nó rất ít nói, những người phu ở đây chỉ thấy nó nói với mình độc một tiếng « Mọc » và sau cái tiếng đó là : một cái đá dít hoặc một cái bộp tai. Thấy nó, Vịt vội vàng cùng bác phu già bám tay vào xe, đầy miết.

Thằng Si-lu đứng khuỳnh tay ngai, nheo mắt nhìn đoàn xe chuyển động ; nhìn những phu phen dưới quyền cai trị của nó một lát rồi đi vào kho. Cái lưng to như tấm phản và những bắp thịt tay, thịt chân của nó rung rung theo mỗi bước đi. Một người trong đám phu nói như reo lên :

— Nó xéo rồi ! — anh ta bỗng sa sầm ngay nét mặt, lưng bụng :

— Thằng cai Thằng đã lại dẫn xác đến kia kìa... Làm đi, không có nó lại ngoác mồm ra, những phạt, phạt. Tiên sư cha chúng nó !

Từ ngày được làm cái việc mắc « ngáo », Vịt đã thấy hết nỗi khổ của người phu chuyển hàng. Vịt không còn là cu-ly « nhậu » nữa. Bây giờ, Vịt đã làm công việc của người lớn và cũng đã, được hưởng lương hai hào hai một ngày ! Kể rằng tháng thì một tháng, Vịt có thể được tới bảy đồng. Nhưng hiềm một nỗi ở đây, bọn chủ chỉ trả công theo giờ ; làm giờ nào ăn tiền giờ ấy, thành ra có tháng chỉ kiếm được vài đồng. Lắm lúc Vịt cứ tiếc là đã không học nghề đồn thùng, nên mới phải đẩy mặt ra cái nơi nắng mưa này. Nhưng của đáng tội, ra đây đỡ tù cẳng hơn, lại được làm gần máy móc, nên đầu óc cũng có phần được mở mang chút ít. Đối với Vịt, bây giờ không có chuyện gì đáng đề tâm như trước nữa. Càng nghĩ, Vịt càng thấy thằng Văn nói đúng : « Sẽ quen tất ». Ừ, bị đánh lăm rồi cũng dạn đòn. Bị cúp, phạt mãi rồi cũng cứ coi đấy là cái chuyện tất nhiên. Hơi sức đâu mà nghĩ ngợi cho mệt ! Vịt chỉ ao ước làm thế nào, học được cái nghề lái máy trục, như ông tài Sương kia là sung sướng hơn cả. Nhưng một chữ trong đầu không có, thì học hành làm sao ? Và, đời nào người ta chịu bảo ban mình mà học với hành ! Đến năm nào, mình mới thoát khỏi cái cảnh cu-ly, cu leo ?

Mỗi lần, thận trọng móc những chiếc móc sắt vào đáy thùng, cho cần cầu nhắc bổng lên, đôi mắt đen và sáng của Vịt lại thêm thường nhìn theo cái buồng máy xoay một vòng, trên trụ bê-tông cao ngang ngực mình. Ôi ! cái tiếng máy nghe mới rộn làm sao. Và

cái cánh tay sắt của nó mới khỏe chứ. Bốn thùng xi măng nặng là thế mà nó nhắc lên cứ ngon như chơi. Giá mình có sức khỏe như nó thì hay biết mấy. Cứ thế, Vịt đứng ngây dưới chân chiếc cần cầu, suy nghĩ.

— Này muốn vỡ đầu, hân. Tránh ra không chết giờ.

Nghe tiếng ông Tài Sương quát. Vịt như người vừa bừng tỉnh, vội đẩy chiếc xe sang con đường cụt, lấy lối cho xe khác đi tới. Trong khi chờ đợi đợt xe khác ra hàng. Vịt lân la đến bên máy, hỏi ông tài :

— Bác ơi, học cái này có khó không ? Không biết chữ có học được không ?

— Cậu muốn học à ? Tài Sương hóm hỉnh bảo : Chịu khó « điều đóm » cho tớ, tớ truyền nghề cho. Nhưng có giỏi cũng phải là ba năm.

Thấy ông tài Sương có ý vui vẻ. Vịt nói thẳng ý định của mình :

— Vâng, cháu thêm học nghề từ lâu rồi. Người ta bảo : « nhất nghệ tinh, nhất thân vinh » phải không bác ?

— Vinh hiển cái khi gió gì. Cậu không thấy tớ phải ngồi đến mọc rế trên ghế này, suốt 10 tiếng đồng hồ đấy như ? — Ông tài Sương phân nản : — Nó trói chặt mình vào cái máy này, thế mà động xảy ra chuyện gì nó lại đe bỏ tù. Thật ngồi tù có nhẽ còn sướng hơn đây chứ mình à !

Một đoàn xe bàn chở bốn thùng xi-măng nối tiếp nhau lao đến, cắt đứt câu chuyện của hai người. Ông tài Sương lại mở máy, xông những đoạn dây xích xuống trước mặt đám phu mắc « ngáo ». Vịt và các bạn cũng đang ra sức đẩy từng thùng xi-măng, sang cái mặt bàn gỗ cao và to hơn cái giường. Khi bốn thùng xi-măng nằm sóng hàng, Vịt vội vàng móc những chiếc móc sắt vào đáy thùng cho cần cầu nhắc bổng lên...

Công việc trông có vẻ nhẹ nhàng. Nhưng lại rất nguy hiểm. Vịt còn nhớ có lần, một người phu chỉ sơ ý một tí, nên đã bị dây xích nghiền đứt hai ngón tay. Thằng Si-lu, trông thấy máu chảy ròng ròng, vẫn cứ lơ đi. Còn người phu, sau khi bị nạn, vẫn phải cần răng làm việc. Đau quá, anh ta mắc trượt một bên « ngáo ». Khi cần cầu kéo lên, một thùng xi-măng rơi tòm xuống sông. Hoàng hốt anh ta bỏ chạy. Nhưng thằng Si-lu lại nhanh chân hơn. Nó kéo giật cánh tay anh ta. Và, đá thốc một mũi giầy đinh vào bụng, khiến anh ta ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Vịt và mọi người ở đây đều căm giận thằng Si-lu lắm. Nhưng không làm sao được. Vì vậy, mỗi khi cầm lấy cái móc sắt, Vịt lại thấy dờn dợn. Vịt cứ nghĩ, không chừng đến một lúc nào đó rồi cái dây xích kia, cũng sẽ

nghiến đứt tay Vịt chứ chả chơi. Ý nghĩ ấy càng thôi thúc Vịt phải tìm mọi cách để học lấy một cái nghề. Và, một lần nữa, Vịt lại chạy đến chỗ ông tài Sương. Vịt hy vọng ông tài sẽ giúp mình, tìm được lối thoát...

Thoáng một cái, đã hết mùa hè. Rồi mùa thu cũng qua đi, gió heo may báo hiệu những ngày đông tháng giá đang tới. Vịt đứng trong buồng máy của chiếc máy cầu số 5, bên cạnh ông tài Sương. Cái khổ người thấp bé của Vịt, hình như chưa vượt quá ngực, cái ông già cao và gầy như con hạc ấy. Mỗi lần được nắm tay vào cái cần lái, được ấn ngón tay vào cái nút điện. Vịt thấy lòng mình phơi phới và một sự thích thú, gần như kiêu ngạo. Cũng những lúc như lúc này, Vịt thấy quên hết tất cả, mọi sự sai phách của ông tài Sương. Thế là đã gần một năm rồi, ngoài công việc mắc « ngáo » để lấy tiền sinh sống, Vịt còn phải làm thêm cái việc « điều đóm » nữa. Chao ôi ! Thật là trăm khôn, không bằng một khó. « Điều đóm », hai cái chữ này mới rộng nghĩa làm sao ? Có nhiều lúc, Vịt tưởng như mình không thể kham nổi. Nhưng đã dăm lao thì phải theo lao. Vì vậy, ngoài cái tiếng nạt nộ của cai Thăng, ngoài tiếng « mec » của Si-lu. Vịt còn luôn luôn phải đón nghe những tiếng...

— Vịt, chạy ù đi lấy ca nước về uống, mày, nhanh nhanh chân lên, tao khát đến cháy cổ họng rồi !

— Vịt, gầy cho bác niêu cơm cháu. Ờ hay, sao mày cứ lạch bạch như... Vịt thế ? — Vịt, tối nay đến rào nốt hộ tao quăng giậu nhá. Và, — Vịt, anh cho bác giặt tạm mấy hào... cho bác tạm kỳ này nữa thôi ! Vịt suốt ngày Vịt. Hình như ông tài Sương lúc nào, cũng chỉ nghĩ ra những việc để sai phách, nhờ vả. Vì thế, mỗi lần trông thấy cặp mắt Vịt dăm dăm nhìn lên buồng lái là mỗi lần ông Tài tìm có đề Vịt không được bèn mắng đến gần, phần vì ông sợ Si-lu và cai Thăng trông thấy ; phần vì ông muốn trả thù cuộc đời. Nhiều lúc ông cũng thương Vịt, nhưng ông lại tự biện bạch : « có đứa nào thương mình đâu, thằng Cai, thằng xếp nó dè dặt, bóp cổ mình, nó bóp sức mình nhiều chứ, mình nạt nộ được ai ? Thôi thì, mưa lúc nào mát mặt lúc ấy, mình phải làm thế cho cái thằng ranh này nó bỏ cái ý định học nghề đi. Cho nó lên máy thì chỉ « dăm bữa nửa tháng nó sẽ làm được. Mình thì ngày một già, nó ngày một lớn. Nó vững tay nghề thì thằng hèn Cầm hèn gì mà không mượn nó. Thế là mình treo vấu. Chà ! Cuộc đời này sao mà lăm cái cơ cực ? »

Thế nhưng cái thâm ý của người thợ già dần dần mất đi, bởi sự siêng năng chịu thương chịu khó của Vịt. Nhiều ngày, hết tầm rồi, Vịt vẫn ở lại phục dịch ông thầy khó tính ấy. Và, chỉ chờ lúc nào ông ta đi đại, tiêu tiện là Vịt nhảy lên máy. Lúc đầu, Vịt chỉ nhìn ngắm cái vòng dây cáp ; cái tay lái và cái mô-tơ đặt ở góc buồng lái. Sau dần, Vịt thử ấn tay vào nút điện. Vịt cho máy quay một vòng, rồi tiến đến mức, Vịt dám nhắc cả những thùng xi-măng cho xuống sà-lan, xuống thuyền...

Đáng lẽ, ông tài Sương phải cảm ơn Vịt đã làm đỡ mình mới phải. Nhưng có một lần, sau khi đứng nhìn Vịt sử dụng máy một cách thành thạo, ông tài lại nhảy lên và mắng như tát nước vào mặt Vịt :

— Mày định cho tao đi ngồi tù chắc ? Mày tưởng mày đã làm được đấy như ? Cơm, cứ gọi là còn sứt trán, nát gối con ạ ! Từ rày tao cấm chỉ...

Câu nói của ông tài Sương đã đánh mạnh vào lòng tự ái của Vịt, đã mấy lần Vịt ngồi bó gối nhìn xuống dòng sông Hạ lý, như thầm oán trách số phận hẩm hiu của mình, Vịt không ngờ ông tài lại có thể trả công mình như vậy. Vịt quên sao được những buổi trưa nắng đến dộp da lưng, Vịt vẫn phải tìm mọi cách đẩy người này, thích cảnh người nọ, mới chen nôi vào chỗ vùi nước. Rồi khi lấy được nước, lại phải đánh vật trong cái khối người đứng bâu đen như đàn ruồi bâu đĩa mặt ấy, mới ra thoát. Và, xô nước cũng chỉ còn lại non nửa. Có ngày khát, không dám nói sợ khô hết nước bọt, Vịt biết chắc ông Tài còn nước. Nhưng không dám hé răng xin một hớp, mặc dù có những lần cai Thăng đến điểm danh, vào giữa lúc Vịt đi lấy nước, thế là ngày công ấy lập tức bị trừ nghiêng vào cái tội « bỏ việc đi chơi ». Rồi mỗi khi nghe ông tài Sương hỏi vay tạm vài hào, Vịt lại phải tìm đủ mưu mẹo nói dối mẹ đẻ bớt số tiền lương vốn đã không đủ ăn của mình, mua rượu cho ông. « Kề ra cũng tiếc công tiếc của của mình, nhưng ông ấy đã vậy thì chẳng cần nữa. » Vịt tự nhủ. Và định tâm bỏ nghề từ đấy. Song Vịt không có gan bỏ nghề, mỗi ngày không được leo lên buồng máy một lần, Vịt thấy như bị thiếu mất một cái gì. Rồi mỗi khi nhìn thấy ông tài Sương nhăn nhó vì mệt, Vịt lại thương ông, muốn trở lại với ông. Thực ra, Vịt cũng đã thấy được những đức tính cần cù, nhín nhục của người thợ già. Ông rất hiền, nhưng tính hơi cục. Mỗi khi bị thằng Si-lu, thằng cai Thăng mắng mỏ là ông không chịu được. Nhiều lúc, vui chuyện, ông đã kể cho Vịt nghe cuộc đời đói nghèo của ông. Ông bảo : « Những người nghèo mới

biết thương nhau, còn bọn nhà giàu thì chỉ rình giết nhau thôi». Và, cũng chính ông đã vỡ lòng cho Vịt, những bài học về cách cư xử ở đời. Ông nói : « Cháu chỉ đáng tuổi con bác, bác có mắng, bảo cháu, sau này cháu mới biết đường mà ăn ở, khi nào cháu biết nghĩ, cháu sẽ không giận bác nữa ». Thật thế, cho đến một hôm, Vịt vừa lên máy thì Si-lu bắt gặp, nó vẫy tay gọi ông tài Sương và đánh ông một cái tát cháy mặt. Từ bấy, tuy thương Vịt, nhưng ông tài không dám nhận dạy nghề cho Vịt nữa. Nhưng sự đời lại không đơn giản thế. Những lúc ngồi trong buồng máy nóng như cái hầm lò này người ông mệt rũ ra, có hôm ông gục xuống tay lái vì đói, vì khát. Ông muốn đi uống hớp nước, nhưng lại sợ thằng Si-lu trông thấy bỏ máy mà đi là nó báo với chánh Cầm, cúp lương ngay lập tức ; lại sợ vì sức yếu không chen nổi vào tới cái vòi máy nước công cộng, đề mà ngửa cổ ra hớp lấy vài hớp cho nó đỡ cơn khát. Ông tài chẳng còn lạ cái cảnh đánh nhau xé đầu, toạc cẳng vì tranh nhau một hớp nước lã ở cái sở này nữa ! Có đời thuở nào, mấy nghìn con người, mới có một cái máy nước công cộng đề cầm hơi. Lắm lúc ông cứ tự hỏi : « Tiền của ở cái sở này nó đi vào những nơi, những chỗ nào, mà con người làm ra nó cứ phải đầy đọa mãi vậy ? »

Thế là, từ ngậm nước, miếng trầu, đến niền cơm, nhất nhất ông phải nhờ vào cái tài nhanh nhẹn của Vịt. Rồi những lúc nhặt mồi, nhặt miệng ông lại phải trông vào cái túi tiền của Vịt, đề kiểm tí rượu cho nó giải sầu. Nhờ lắm rồi cũng nề, từ cái sự nề đến cái sợ chả cách nhau bao xa. Ông sợ rằng nếu không có Vịt giúp đỡ thì rồi sức ông cũng chẳng thọ được lâu, vì vậy ông lại gọi Vịt đến và dần dần dạy nghề cho Vịt, tuy nhiên ông vẫn nơm nớp sợ thằng Si-lu. Hôm nay, ông tài cho Vịt điều khiển máy lần cuối cùng. Chả là bọn chủ vừa mới lắp thêm hai cái cần cầu mới. Ông tài muốn cho Vịt chiếm lấy một cái, đề sau này khỏi cái sự tranh giành với nhau. Ông còn mách Vịt rất tỉ mỉ, về cách thức dứt lẽ cho chánh Cầm nữa. Nhưng hiềm một nỗi là Vịt chưa có thể li-vê, không hiểu rồi sẽ ra sao đây ? Hừ, thật là rắc rối quá ! Ở cái thời thế một cỗ máy trông này, sao mà lắm cái sự trói buộc ? Bất giác ông tài Sương nhớ lại câu vè của một người nào đó đặt ra tự hỏi nào ông không biết. Nhưng ông thấy nó giống với cái tình cảnh của dân thợ mình quá.

« Ngày hai hào chỉ năng đi : vò,
bữa sáu xu cơm xực cũng no.

*Tìm chốn ăn hình, « cò » cóc sợ
Nhờ ơn đeo thẻ, « diệc » vô lo » (1)*

Mỗi khi nhăm đọc bài vè, ông tài lại thấy hiện lên trước mắt mình những tên cút-lít, thỉnh thoảng lại xục vào các xương khảm thẻ, khảm hình. Gớm chết, trông chúng nó cứ như hung thần ấy. Người nào chưa đủ hai đồng rưỡi bạc đề lấy hình, khi thấy chúng đến là phải tìm đường tìm nẻo mà trốn cho mau. Nếu không thì, nhẹ ra cũng phải nộp tám hào bạc phạt, nặng thì ngồi nhà pha hai mươi bốn tiếng đồng hồ ! Rồi mới đây, lại còn phải nộp thuế nước, thuế đèn nữa chứ. Trăm thứ đều phải chiết vào đồng lương. Có nhẽ chúng nó không muốn cho thợ thuyền sống nữa chắc ?

Ông tài Sương rất hài lòng nhìn đứa học trò của mình. Nhưng đôi mắt lơ dờ rẽ cau của ông, phảng phất một nỗi buồn lo. Không hiểu sao, lúc này đây, ông thấy thương Vịt thế. Cái tuổi trẻ của nó, liệu có thoát khỏi những cảnh trớ trêu không ? Ông buột miệng :

— Thôi thì hãy gắng mà xoay lấy cái lẽ cháu ạ ! Thời buổi này người ta trọng đồng bạc hơn mạng người. Không tiền nói chẳng nên khôn đâu. Cứ nghe đại bác một lần. Các cụ thường nói : « Tốt lẽ, dễ kêu » đấy, Vịt ạ.

— Vâng, cháu cũng đã nói với bu cháu đi vay lãi rồi. Nhưng chưa đâu họ nhận nhời cả. Họ có tin cánh áo rách đâu, bác !

— Thôi, thế thì về đi chẳng lại nhờ ráo. Lãi năm phân chẳng xong, thì mười vậy. Cốt sao được việc mà làm. Giời đề khỏe mạnh thì chẳng lo cháu ạ !

Vịt thấy ông tài nói đúng ý mình, nên sau khi cầu nốt mã hàng, Vịt giao tay lái cho ông tài rồi bước ra khỏi buồng máy. Về chiều, nước sông đang lên to, những chiếc thuyền Nghé, chở đá từ mỏ Trảng-kênh về đang nối đuôi nhau cập bến. Vịt nhìn đám phu thuyền, mặc quần nái mội màu vàng và những chiếc áo cánh đôi vai sặc sỡ, ngồi đánh bạc trên một chiếc mũi thuyền gần đấy mà ngao ngán. Thì ra, ở đâu người ta cũng chỉ nghĩ đến chuyện sát phạt nhau. Ở đâu cũng chỉ toàn những rượu, đánh nhau và nhả thỏ. Liệu mình có thoát được cái nạn này không ? Vịt vẫn bước thong thả dọc theo triền sông. Dưới chân Vịt, từng lớp sóng bạc đầu xô đẩy nhau chồm lên bãi, nhận chìm những cành sù khẳng kheo, xơ xác. Nhưng những con sóng vừa rút ra thì, các cành sù lại đứng thẳng lên, kiên nhẫn và bướng bỉnh. Vịt mỉm cười, nụ cười làm khuôn mặt xương xương của Vịt trở nên già dặn một

(1) Mấy câu văn vần này có từ năm 1932. « Diệc » chỉ bọn lương lý ở nông thôn, « cò » chỉ bọn mật thám và cảnh sát.

cách lạ. Vịt nhớ lại câu chuyện do mẹ Vịt kể cách đây ít ngày. Mẹ nói: Hồi Vịt còn ẵm ngửa, gia đình đã dất dúi nhau ra cái dất này làm ăn. Bố Vịt, người nông dân mất đất, hiền lành chất phác là thế mà từ ngày vào làm phu ở sở rồi cũng dăm ra rượu chè, cờ bạc. «Cứ đến kỳ tiền là tao mất chồng». Mẹ Vịt thường nói với các con như vậy. Mẹ bảo rằng: Suốt tháng mẹ phải đi đong chịu gạo kỳ; rồi lại mẹ đẻ lại con, lại con sinh lại cháu. Kỳ tiền lĩnh được đồng nào bố Vịt lại tìm đến sòng bạc, với ý định gỡ nợ. Cũng có lần bố được bạc, mang về trang trải, nhưng phần nhiều là thua. Và đã thua thì bố không dám về nhà nữa. Cứ thế, hết kỳ này sang kỳ khác, bố Vịt lao theo cái cơn đen, đổ thành ra cuộc sống càng ngày thêm túng đói. Vịt lớn lên không biết mặt bố, nhưng Vịt đã tìm thấy hình ảnh người bố, qua những bác phu già. Ừ, đã bao năm rồi, giờ đây những người đáng tuổi ông, tuổi bố Vịt, vẫn cứ sống theo cái nếp cũ; vẫn cứ bê tha chè rượu! Có phải mọi người muốn tìm sự an ủi tìm sự vui thú, trốn những canh bài bạc không? Hay họ muốn dùng những thứ đó, để hủy hoại con người mình; để sớm được thoát khỏi cái cảnh đánh đập cúp phạt mà những ông xếp, ông cai đã giành cho họ?

Nhiều lúc Vịt đã tự hỏi: Rồi mình sẽ sống thế nào? Nhưng chẳng bao giờ Vịt giải đáp được. Trước kia Vịt tưởng có cái nghề trong tay thì sẽ được trọng đãi. Nhưng bây giờ Vịt đã hiểu: có nghề mà không có tiền dút lót thì cũng như không. Tiền, cuộc đời đã dạy Vịt phải tìm cách để có được đồng tiền. Chỉ có Tiền thì mới làm nên chuyện được. Lòng Vịt se thắt lại, khi nghĩ tới cái lễ sắp phải nộp cho hàn Cẩm. Nghĩ tới người mẹ ốm, không tiền thuốc thang, hiện đang nằm trông ngóng vào những đồng lương của con kiếm được một cách hết sức cực nhọc.

TẤM THẺ «LI-VÊ»⁽¹⁾

Vịt mệt mỏi khẽ đẩy tấm cửa liếp, lách mình vào nhà. Căn nhà tối như hũ nút. Mấy con chuột thấy động chạy nháo nhào, một con nhảy xổ qua chân Vịt, nhưng Vịt cũng mặc. Sau khi vắt cái

(1) Livret nominatif: có nhiều điều khoản. Nhưng điều I quy định: Chủ Pháp có quyền đuổi, dân người làm công bất kỳ lúc nào. Không cần lý do. Không có bồi thường. Và những người cu-ly muốn làm việc cho chủ Pháp nhất thiết phải có thẻ này.

nón vào góc nhà, Vịt liền ngả lưng xuống chiếc ổ rơm ẩm ướt. Trời mưa, trong nhà nước đọng thành từng vũng lênh láng, mặt đất nhão nhoét như một thứ cháo đặc, Vịt định trở dậy vun vén lại cái ổ. Nhưng cái đói, cái mệt cứ níu chặt lấy, khiến Vịt không sao cưỡng nổi. Vịt ngóc cổ, nhìn sang phía ổ bên kia hỏi:

— Sao, có xoay được không, hờ bu?

— Chị mày nó bảo, chốc nữa nó đến, có nhẽ may ra thì được.

— Chân bu đỡ chưa?

Bà cụ thờ dài, nói như đếm từng chữ:

— Cơ này không khéo tao đến cái nước ngồi đâu, ngồi đấy mất thôi. Khốn khổ, giá ông giới ông ấy bắt tao chết đi, còn hơn bắt tao phải đeo bệnh đeo tật thế này — Bà cụ thờ dốc như trút gánh nặng rồi tiếp: Mà tao có ăn độc, ở ác gì cho cam. Từ ngày bố mày về châu tổ tiên, một mình tao xoay vát, vậy mà hai tay vẫn không vun đầy được lỗ miệng. Tao ăn đói nhịn khát để nuôi chị em mày cho đến ngày nay...

— Thôi bu nói ít chữ, đề hơi mà nghỉ. Tôi cũng đang rối ruột đây.

— Ừ thì tao thôi. Nhưng mà mày nói cho bu biết xem công việc đến đâu rồi. Liệu có xong óng không?

— Nếu chạy được lẽ là xong ngay.

— Thế ông hàn, ông ấy đã nhận nhờ cho mày lên làm rồi như?

— Nhận rồi, nhưng chưa có lẽ thì cũng như chưa nhận. Bu còn lạ gì nữa.

Vịt muốn chộp mắt một lát cho lại sức, song chiều ý mẹ, nên anh cứ phải ăm ừ cho qua chuyện. Từ dạo bà cụ bị phong tê liệt đến nay, bà cụ sinh ra lắm nhời. Nhiều khi chẳng có chuyện gì, bà cụ cũng chửi chớ mắng mề, mà ở cái nhà này có mề, có chớ đâu cơ chứ! Thương mẹ, nên Vịt phải cắn răng nín nhịn, Vịt biết rằng mình cũng chưa báo đáp được gì, thành ra Vịt chỉ lấy cái sự vui vẻ làm cho mẹ khuây khỏa. Nhưng bà cụ, thì hình như cứ chờ con về là mề nheo hết việc này đến việc khác.

— Vịt này, mày phải xem lại cái nóc nhà một tí, kéo rồi mưa to gió lớn sắp tới, nó lại tốc đi mất. Có đời thuở nào, vừa bị bết vài hột mưa mà trong nhà đã như ngoài sân vậy không?

— Vâng, hôm nào rồi con làm.

— Vịt này, năng lên mày phải tính cái việc, giặt giũ hai chiếc bao tải đi để lấy cái mà đắp. Tuyết giời năm nay, thế nào cũng đại hàn đấy...

Vịt vờ như đã ngủ say, nhưng bà cụ vẫn nói. Cho đến lúc không chịu nổi nữa, Vịt rón rén bò dậy, lách ra ngoài. Trời vừa mới mưa lâm lâm, ngõ xóm đã lầy lội gôm quá. Hai bên vệ đường, rác thối,

cột người, chuột chột cứ ngáp lên trông đến phát buồn mửa. Vịt thăm nghĩ: «cứ an chui, ở rúc lẩn với cứt thế này, còn là nhiều bệnh». Tuy đã quen lẩn với cảnh sống của xóm thợ, vậy mà lúc này Vịt cũng phải nín hơi, chạy một mạch ra tới đường Tây — con đường mới giải nhựa — Vịt định bụng vào sờ kiếm chỗ vắng, ngả lưng một lát cho nó bỏ cái ngày nghỉ. Nhưng vừa đi được mấy bước thì Vịt gặp chị cả của mình.

— Cậu đi tầm đấy à?

— Nay tôi nghỉ. Chị xách gà đi đâu đấy?

— Còn hỏi. Tôi mua hộ cậu đây. Trông này, đôi gà thiện béo khiếp nhỉ?

— Bu nhờ chị mua à? Bao nhiêu tiền?

— Phải. Ngót ngét chục bạc chứ, chả ít đâu. Tôi phải đứng ra tôi vay cho cậu, chẳng rồi lại bảo chị em không giúp nhau. Cơ mà lại những mười lăm phân đấy nhá...

— Vâng, — Vịt xách đôi gà ngấm nghĩa rồi bảo: — Chị vào nói chuyện với bu một lát. Bu hỏi, chị bảo tôi xuống dưới cụ hàn. Giờ này chắc cụ hàn cũng sắp về tầm rồi.

Nói xong, Vịt vội vã đi ngay. Vào giờ này các sở còn đang làm việc, nên đường sá chỉ lác đác đám ba đứa trẻ, hầy còn cời trường đi nhặt than rơi, củi mục. Mưa vẫn xấp xỉ trên đầu. Nhưng Vịt bất chấp tất cả! Đối với Vịt, điều quan trọng lúc này, làm thế nào để đưa được hai con gà này vào tới nhà hàn Cẩm. Vịt nghe nói, vào nhà hàn Cẩm còn khó hơn vào cửa quan, bởi vì hàn Cẩm lúc nào cũng tỏ ra nhân đức và liêm khiết!? Không bao giờ hắn nói tới chuyện ăn lễ của phu phen, nhưng ai muốn làm việc cho hắn là phải nghĩ ngay đến cái khoản này, nếu không thì, chẳng bao giờ hắn cho làm cả. Vịt còn nghe nói, có người mang lễ đến, nhưng không khéo léo nên hắn không những không nhận mà còn sai đầy tớ ra đánh cho mấy gậy vì, đã phạm vào tội làm ô danh cái tính «liêm khiết» của hắn. Vừa đi, Vịt vừa nhớ lại câu chuyện cách đây ít ngày. Hôm ấy vừa hết giờ làm việc của mình, Vịt còn đang tha thân dưới chân cầu cầu thì thấy hàn Cẩm đi tới. Anh em phu ra hàng đứng cả dãy, có người cứ nem nép «như rắn mừng năm». Vịt nghe thấy những tiếng: «Lạy quan ạ!» hoặc «Bầm cụ lớn» ạ!

Hàn Cẩm chỉ hơi nhếch mép. — Không dám các chú có việc làm đều đấy chứ?

— Bầm quan vâng ạ!

Vịt còn đang trở mắt nhìn cái khỗ người cao lớn, có khuôn mặt vuông chữ điền ấy, bất đồ hắn đến trước mặt Vịt hỏi:

— Con làm gì ở đây?

— Bầm quan, con làm — Vịt lúng túng nhìn mọi người: — Dạ, bầm cụ lớn con làm máy ạ!

Hàn Cẩm hơi biến sắc mặt. Ở cái bộ phận máy cầu dưới quyền cai trị của mình làm gì có cái thằng nhãi ranh này? Chắc là nó muốn lăm mình đây. Được, cho mày biết tay cụ hàn của mày, để mày sáng mắt ra. Nghĩ vậy, hàn Cẩm cười khẩy bảo Vịt:

— Con biết làm máy à? Con lên con làm cho cụ xem.

Nghe hàn Cẩm nói vậy, đám phu ra hàng ai cũng lo thay cho Vịt. Họ biết rằng mỗi khi hàn Cẩm ngọt nhạt với ai, người đó sắp sửa bị khốn khó với hắn. Nhưng Vịt thì trái lại. Thấy hàn Cẩm cho phép mình lên máy, Vịt lập tức nhảy phắt qua mấy bậc thang sắt. Và, chỉ một phút sau, mọi người đã nghe thấy tiếng máy nổ ròn. Vịt nắm chắc tay lái, nhắc mã hàng lên, cho máy quay nửa vòng rồi nhả phanh cho mã hàng từ từ đặt xuống lòng sà-lan. Vịt sử dụng máy thành thạo đến mức, bác tài bạn cũng phải gật gù ra vẻ rất hài lòng. Riêng hàn Cẩm thì lại tỏ ra hết sức ngạc nhiên. Hắn vẫy tay gọi Vịt xuống, thông thả hỏi:

— Con học máy từ bao giờ? ai dạy? — Hàn Cẩm về về mấy sợi râu cứng mọc ở chỗ cái mụn cứt ruồi, to như hột đỗ đen ở dưới hầu, nhìn Vịt trừng trừng.

— Bầm quan, con mặc «áo» ở chỗ ông cai Thăng. Con học một nghề ông tài Sương ạ.

— Khá lắm. Con có muốn làm việc với quan không?

— Bầm quan được thế còn gì bằng ạ! Con xin đội ơn quan.

— Thôi được, để quan liệu... nghe không.

Từ hôm ấy, Vịt chắc chắn sẽ được lên làm máy ngay. Nhưng một ngày, hai ngày rồi một tuần lễ, Vịt vẫn cứ sống trong sự thấp thỏm, chờ đợi. Mấy lần Vịt đánh liều đi giáp mặt hàn Cẩm, nhưng hắn phớt lờ như chưa hề biết Vịt là ai. Và cũng chưa hề nói rằng sẽ cho Vịt đến làm. Sốt ruột quá, Vịt mang chuyện kể với ông tài Sương. Và bây giờ thì Vịt đã vỡ lẽ...

Đi hết con đường giải nhựa, Vịt bắt đầu rẽ vào con đường dề lăm lẹ. Vịt bắt gặp đám trẻ vắt mũi chưa sạch đang nằm rạp trên lưng những con trâu béo tròn, béo núc. Hỏi ra mới biết đấy là đàn trâu, của nhà cụ hàn. Vịt lật đật men theo con đường nhỏ đi vào làng. Lát sau, Vịt đứng trước cái cổng gạch khá to, có hai tấm cánh bằng gỗ lim. Tìm một chỗ khô ráo, Vịt đặt dít ngồi xuống. Bây giờ Vịt mới thấy người mình rét tím lại. Manh áo mỏng ướt sũng những nước. Hai con gà cũng bị thấm cả mào! Vịt vuốt vuốt mớ tóc hôi rình rích của mình cho ngay ngắn, để tí nữa còn ra mặt

hàn Cầm. Vịt lại lo không biết hàn Cầm có còn nhớ mình không? Và hôm nay hàn có về nhà như mọi hôm, hay lại mời thằng Cầm, đi rượu chè thì thật khổ cho mình. Cũng may cho Vịt. Chiếc xe tay có mũi của hàn Cầm, đang nghiêng nghiêng rẽ vào làng. Vịt thoáng thấy người phu xe đầu trần, vừa cầm cổ kéo xe chạy; vừa đưa tay quạt nước mưa ở trên mặt. Vịt đứng lên, bốn cái chân gà run run trong tay Vịt. Và Vịt thấy trống ngực mình đồ hồi. «Mình sẽ nói thế nào đây?» Vịt tự trách mình, đã không chuẩn bị từ trước. Chết thật, nói không khéo, hẳn phạt ý là hỏng hết cả...

Chiếc xe tay gọng đồng, có lốp lốp cao su đặc dừng lại trước mặt Vịt. Vịt nghe thấy người phu xe thở dốc từng hồi. Và cái khổ người cao lớn của hàn Cầm bệ vệ bước xuống. Vịt bóp mạnh một cái, hai con gà kêu toáng lên, Vịt vội giơ đôi gà lên ngang ngực, có ý để cho hàn Cầm trông thấy rồi áp ứng.

— Con chào quan ạ!

— Ph..ái! Con đi đâu mà rét mướt vậy?

— Bầm quan... Con..

Hàn Cầm nhìn anh phu xe như truyền lệnh: «nhận lấy lễ» rồi đồng dặc:

— Thôi được. Về, ngày mai đến sở quan nói với ông xếp cho mà làm.

— Bầm quan...

Vịt chưa nói hết câu, thì hàn Cầm đã nghiêm nét mặt. Hần lững thững bước, bước một. Anh phu xe giằng xấn đôi gà sống thối trong tay Vịt, rồi cũng kéo xe chạy đi nốt. Vịt nhìn hai cánh cửa gỗ đóng đánh sầm một tiếng, hai chân Vịt run lên, cơ hồ không đứng được nữa...

Sau khi nộp lễ cho hàn Cầm và dăm môm ký Tịnh năm đồng bạc, đi kèm với hai chai rượu vang, Vịt mới được chính thức nhận vào làm. Nhờ ký Tịnh bao che, nên Vịt được đổi tên là Thủy cho đúng với tên người đã ghi trong tấm thẻ thân (1). Tấm thẻ ấy, Vịt mượn của người anh họ, hiện làm ruộng ở quê mình. Vịt chỉ mong sao cho qua cái tết này, để Vịt có đủ mười tám tuổi, rồi Vịt sẽ chạy tiền, lấy tấm thẻ thân cho đúng luật làng phép nước. Thời

(1) Từ 18 tuổi trở lên, hàng năm phải nộp một khoản tiền để lấy thẻ: thuế thân.

buổi hôn quân hôn quan này, chỉ cần mập mờ một tí là ngồi nhà pha ngay lập tức. Biết vậy, nhưng Vịt không làm thế nào được, chỉ còn cách bóp bụng mà chờ, mà đợi. Hồi này trong sở xảy ra nhiều chuyện quá, khiến Vịt cũng phải suy nghĩ. Vịt thấy có một số anh em, hình như không chỉ nghĩ đến việc làm ăn, kiếm sống mà họ còn làm một công việc gì nữa. Ủ, nếu không phải là những người ấy thì làm sao giữa ban ngày ban mặt cò đồ lại bay phất phới, ngay trước cửa nhà giấy của chủ xưởng. Rồi truyền đơn, cứ bay như bướm bướm khắp nơi, khắp chỗ. Vịt được nghe anh em bảo cái máy của Vịt đang làm, cách đây mấy năm là của anh Tịnh. Anh Tịnh đã bị bắt vì cái tội làm cộng sản! (1) Cộng sản là người như thế nào; họ làm những việc gì mà mỗi khi nhắc tới họ, anh em cứ phải ghé sát tai nhau, thăm thì một cách vừa thích thú vừa kính nể như vậy? Mới đây, Vịt lại nghe anh em nói, anh Tịnh đã được tha về và lại xin vào làm ở bộ phận nhà nguội, nhưng thẳng quản Mạ cho tay chân theo sát anh Tịnh từng bước. Vịt chẳng biết chuyện ấy thực hư thế nào, song dịp này bọn cút-lít khám xét và hỏi thẻ gắt lắm. Được ký Tịnh cho biết, thẻ thân của Vịt đã nộp lên những sở gì, sở gì Vịt không nhớ nổi, đề đòi thẻ li-vê. Và, theo thủ tục thì lý trưởng của làng Vịt, phải lên tận sở «săng-tan» để nhận diện cho đương sự. Biết tin này, Vịt choáng váng một lúc lâu: «Thôi chết, lão lý Nghếch, biết mình mượn thẻ thân của anh Thủy thì lòi thôi to. Hẳn thương gì mà không phát giác với bọn chúng. Như vậy là mình sẽ bị đi tù và anh Thủy cũng bị liên lụy. Phải về làng ngay, về làng nói lớt với lão lý Nghếch thì may ra còn kịp.»

Nghĩ thế nên hôm nay, Vịt đã xin phép nghỉ một buổi. Và bây giờ Vịt đang đứng trước cái cổng gạch xây cuốn của nhà lý Nghếch. Vịt lên tiếng gọi mấy lần, nhưng vẫn không có ai trả lời, chỉ có tiếng con chó vàng, nấp ở một lỗ giậu gần đấy sủa ầm ỉ. Lát sau, một cô gái mặt mũi trông cũng dễ coi, nhưng chỉ mặc độc một cái áo cánh cộc tay, một cái váy ngắn cùn cùn, màu sồng bạc phếch ra công bảo Vịt:

— Ông lý tôi đang ở trên nhà khách, xin mời cậu vào chơi.

Theo chân cô gái. Vịt đi qua một cái sân lát gạch chỉ khá rộng; qua một dãy nhà ngang rồi đến nhà khách. Đây là một ngôi nhà gỗ cao rộng. Thoáng dăng, cánh cửa bức bàn. Trước nhà có xây

(1) Đồng chí Đặng Văn Tịnh, đảng viên cộng sản bị Pháp bắt chối năm 1931. Hiện nay là phó bí thư Đảng ủy nhà máy Xi-măng.

một dãy tường hoa và có trồng những cây ăn quả. Vịt mãi gót đôi dép da xuống mặt sân, rồi vén vạt áo dài bước lên cái hè cao.

— Chú em về thăm làng từ hôm nào, mà tôi không được biết vậy? Lý Nghếch thon thốt mời Vịt ngồi xuống cái sập gỗ quang đầu. Hắn gọi người hầu mang nước lên rồi quay sang hỏi Vịt về những chuyện làm ăn ở sở. Thoáng nhìn khổ người đầy dãi và nghe giọng nói của lý Nghếch, Vịt liền tưởng ngay tới hân Cầm. Chúng nó có những kiểu cách giống nhau quá. Nhưng đối với lý Nghếch dù sao Vịt cũng là người của tỉnh thành. Vì thế qua sự đón tiếp, Vịt biết ngay lý Nghếch ở cái hạng người « trông thấy tiền là tối mắt lại », cho nên Vịt chẳng cần giữ ý tứ gì cả. Sau khi uống chén nước chè xanh hãm đặc, Vịt thấy bụng mình ấm hân, anh nhìn lý Nghếch bằng con mắt khinh nhờn, nói :

— Chắc ông lý đã biết tôi về đây, có việc gì rồi nhỉ?

— Có. Có, tôi mới nghe phong phanh là chú sắp về chơi. Lý Nghếch vít cái cần xe điều ổng, rít một hơi rồi cười nhạt : — Chú sắp được nhận thẻ « li-vê » phải không nào? Hà... hà.. à, tôi đã nghe thần tài đến gõ cửa...

Nghe lý Nghếch nói đến « thần tài », Vịt cười thầm, lần đầu tiên Vịt xét đoán đúng tâm tính của một con người! Về phía Lý Nghếch, sau mấy lời gọi là giao thiệp hân cũng thăm nghĩ : « Trông thằng này có màu mặt đây. Ái chà, quần ống sớ, áo dài lửng, dép đen. Coi được. Nó làm thợ, chắc cũng kiếm ăn khá, nên mới diện oách thế này chứ? Đúng là ông bà ông vải lại dẫn đến cho mình cái « bông » đây. Được, đừng lòng mà thoát khỏi tay thằng lý Nghếch này, con ạ! » Nghĩ vậy nên sau một hồi thuyết lý dài dòng về những chuyện pháp luật, những chuyện mạo nhận giấy tờ. Và quy kết vào thành từng tội, từng tội một, lý Nghếch thông thả hớp một hớp nước, như thể xấp giọng rồi vừa rung đùi vừa ê a như đọc văn tế :

— Nói gần nói xa chẳng qua nói thật. Chỗ dân làng với nhau. Tôi rất nể chú nên mới dám đứng ra đảm nhận cái công việc hệ trọng này. Ấy, làng ta cũng có mấy chú đi làm ăn ở trên các công sở. Mỗi năm một lần, các chú ấy về nhờ tôi lên trên tỉnh để nhận dạng vào cái thẻ « li-vê ». Tính tôi nó cũng dễ dãi và cả nể, nên anh em nghĩ cho thế nào cũng xong. Tôi nhớ, có chú thì đưa biểu năm đồng, cũng có chú xộp hơn thì bảy đồng, mười đồng cũng là... Còn về phần chú, tôi nghĩ nó rất ư là khó, bởi nhẽ chú chưa đến tuổi vào suất dinh...

— Ông lý, ông chỉ nhận giúp rằng cái tên Thùỵ, chính là tên tôi thôi mà!

Lý Nghếch cười tít mắt, trông hân chẳng có cái vẻ gì là những người « phụ mẫu » đứng ra đảm đương việc làng việc nước cả! Giọng lười và cái lối làm tiền của hân không bằng một anh bán thuốc rong. Vịt thường bắt gặp ở đầu phố. Hân lên giọng trộ nạt :

— Cái khó cho tôi là ở như chỗ ấy. Đứng trước quan chánh cầm, đứng trước pháp luật nghiêm minh, tôi làm sao có đủ gan để nhận rằng : tên Thùỵ lại là tên của Vịt? Thiềng thử tôi muốn giữa tôi với chú, nên có sự thỏa thuận trước... Anh em cái gì cũng vậy từ ngày ra gánh vác việc dân việc làng, tôi đây « vườn » lấy cái sự cẩn thận làm đầu. Cẩn thận nó vẫn hơn chú ạ!

— Tôi xin biểu ông năm đồng như những anh em trước, có được không?

— Ấy không — lý Nghếch xua tay : Tiền thì ai cũng quý, nhưng có những công việc không thể tiếc tiền được. Trong việc này, mình tôi lo giúp chú làm sao nổi. Tôi phải nhờ cậy lên quan huyện rồi các quan tỉnh. Thành ra chú phải lo ít nhất là chục bạc để tôi còn chè lá cho các vị chức. Thời thế này chú còn lạ gì. « Đồng bạc đâm toạc tờ giấy » mà!

Đến nước này, Vịt mới thấy hết cái sự bóc lột quá quắt của bọn hương lý ; trách gì bố mẹ Vịt, phải bỏ làng mà đi. Vịt tưởng năm đồng cũng đã là nhiều, nào ngờ hân lại chém nặng thế. Mười đồng, nếu ăn nhin để dành thì ít nhất cũng phải mất dăm tháng. Nhưng nghĩ cho cùng, mất chục bạc còn hơn ngồi nhà pha. Đôi lông mày khum khum hình cánh cung cau lại. Vịt hơi sảng :

— Thôi, sáu đồng, ông vui lòng vậy nhá. Sức tôi cũng chẳng lo được nhiều hơn nữa đâu.

— Ấy không. Tôi chưa nói đến cái khoản xe pháo đi về. Chú còn lạ gì cái cảnh chân đi miệng đi. Chả nhẽ đi lo việc giúp các chú mà tôi lại mang tiền nhà đi để rải đường?

Lý Nghếch vẫn ngọt nhạt. Nhưng ở cái xã này ai còn lạ « cái miệng thon thốt dạ ớt ngấm » của hân nữa. Thế là, con trai một người cùng dinh và một ông lý trưởng, người có quyền cao chức trọng nhất trong làng trong xã, ngồi mặc cả với nhau từng đồng. Cuối cùng, lý Nghếch đành phải nhận tạm bảy đồng. Và đòi thêm một điều kiện : Sào rươi rươi công điền của Vịt, sang năm sẽ thuộc về tay hân cây cấy... Hai bên cứ giằng co mãi cuối cùng buộc lòng, Vịt phải ưng thuận mọi điều khoản do lý Nghếch đòi hỏi.

Trên đường trở về Phòng, Vịt không còn một xu dính túi. Tự nhiên anh đâm ra trách mình đã đại dột, đi mượn bộ quần áo này. « Có nhẽ lý Nghếch tưởng mình sung sướng lắm hân thôi! ». Vịt uể oải bước, hai bàn chân đi dép không quen nên sưng đỏ lên,

rất như phải bông. Vịt không ngờ đời mình lại gian truân đến thế. Không biết từ nay về sau mình sẽ còn phải chịu đựng, đến mức nào nữa. Ôi! Thẻ với hình. Số tiền ăn chắt để dành suốt từ ngày làm cần cầu đến nay phút chốc tiêu ma hết. Vịt khinh lão lý Nghếch hết chỗ nói. Nhưng Vịt lại đã tìm được chứng cứ để giải oan cho lý Nghếch: « Trăm sự là ở như mấy cái thẳng mũi lõ, tóc quần kia! Chúng nó là người cai trị mình, chúng nó không bày ra hình này thẻ khác thì, làm gì bọn cai, bọn xếp, bọn hương lý dám giở trò sờ lưng nắn túi của cánh lưng đen, khổ cao như mình? »

Thế là trong vòng chưa đầy bốn tháng, Vịt đã phải mất gần ba mươi đồng bạc lẻ, để kiếm cho mình cái công việc, mỗi ngày làm suốt 10 tiếng đồng hồ với số tiền lương hai hào tư! Ừ, giá không phải thẻ này thẻ khác thì làm gì Vịt chả có tiền thuốc men chạy chữa cho mẹ? Vịt thấy cõ mình nghèn nghẹn, khó thở, lúc này Vịt ao ước, giá có được quyền hành gì trong tay, nhất định Vịt sẽ xử hết bọn mũi lõ, tóc quần và bọn một dân, bọn cai ký như hàn Cẩm, lý Nghếch! « Phải đánh đổ bọn chúng nó thì mới hết khổ, hết nghèo được »; lời nói của Doãn, giờ đây như một tia chớp vụt sáng trong óc Vịt. Vịt tự hỏi: không biết anh Doãn có làm cộng sản không? Nhất định phải hỏi anh cho vỡ lẽ mới được. Vịt cảm thấy người mình như vừa được truyền thêm sức mạnh, bước chân Vịt mỗi lúc một nhanh thêm.

NHỮNG NGƯỜI CÙNG XÓM

Tan tầm sáng, Vịt vừa từ trên máy bước xuống thì chạm trán thẳng quán Mạ. Hôm nọ bị nó đánh vào đầu một roi đến nay hãh còn ể ầm, nên thấy cái mặt bì bì, lúc nào cũng xám ngoét và sắc mũi rượu của nó, Vịt định tìm cách chuồn lối khác. Nhưng quán Mạ đã hách dịch vẩy ngón tay trở, khiến Vịt không nhắc nổi chân nữa! Ở cái sở Xi-moong này, có mấy người thoát khỏi ngón roi của Mạ đâu. Là người Moóng cái, Mạ vốn có sức khỏe và có võ tàu, nên được bọn chủ giao cho chức quán gác. Như một con chó săn, suốt ngày Mạ lừng xục trong các xường. Trong tay lúc nào cũng lăm lăm một cái dùi cui bằng cao su dúc. Cứ riêng cái roi đó, quất vào người, cũng đã đủ rách da, lằn thịt, song Mạ muốn tạo cho mình một cái gì thật khác người. Vì thế, Mạ đã gắn thêm

vào đầu cái roi đó, hai chiếc đinh ốc to bằng hai ngón tay. Mạ đánh cu-ly bằng nhiều ngón đòn riêng cũng khá đặc biệt. Nhưng mọi người, đều khiếp sợ nhất cái roi có bắt đinh ốc kia. Hôm nay không thấy quán Mạ cầm roi nên Vịt không ngại lắm. Vịt dám nhìn thẳng vào cái mặt dằng dằng sát khí của Mạ, bước tới.

— Chào quan Quán ạ!

Quán Mạ không trả lời, cái môi mỏng của nó chỉ hơi mấp máy trên cái hàm răng vồ, luôm nhuôm đen trắng. Nó « E...hèm » một tiếng, rồi thọc tay vào túi quần nhà binh, rút ra một cuộn dây cáp. Vịt vừa kịp giơ tay che lấy mặt thì đã bị hai ngọn roi thép, chém xuống bả vai và cánh tay. Trong khi Vịt nghiêng chặt hai hàm răng, để khỏi bật ra tiếng nguyên rủa thì quán Mạ bình thần rút thuốc lá hút phì phèo.

— Mày thấy sao? — Đôi mắt đỏ ngầu của Mạ cười sần tít:

— Có phải món này khó ăn hơn dùi cui không?

Vịt im lặng!

— Chúng bay ăn dùi cui quen rồi, tao và ông « Một » mới kiếm cho chúng bay món ăn này. Cũng phải đòi món cho nó lạ miệng, có phải không? Hử?

Thằng Mạ cười nắc nẻ lên mấy tiếng rồi nhìn suốt trên chòm tóc Vịt, buồng thông một câu:

Đ... mẹ, cãm ả? Mày là người được ông đánh mở hàng đấy. Bước!

Vịt vẫn đứng lặng đi, đôi vai hơi lệch càng như lệch thêm! Máu nóng dồn lên khiến mặt Vịt đỏ lựng rồi tái dần. Vịt trừng mắt nhìn theo cái lưng bè bè của quán Mạ, đang đủng đỉnh đi chuyền vào phía nhà giấy; chiếc dây da to bản đánh đai lấy cái lưng hộ pháp. Và, con dao găm sáng loáng kệnh kệnh bên sườn nó, khiến Vịt dờn dợn. « Mẹ cha thẳng chó, sao cũng có ngày chúng ông vắn cổ mày ». Vịt chửi thầm trong bụng rồi uể oải đi nhập vào đoàn người quần trắng, áo vá từ các xường đổ ra. Giữa trưa, những tia nắng yếu ớt trải những đốm ánh sáng vàng nhạt xuống mặt đường, và nhảy nhót trên những cái gậy, cái lưng trĩu trát bụi than, bụi đá. Trời rét ngọt. Đoàn người theo chân nhau đi vào một cái hồ, bên cạnh nhà lửa, để tắm giặt.

Vịt còn nhớ hồi làm mắc « ngáo », lúc ấy chưa đủ tuổi lấy thẻ « Li-vê », nhưng mỗi lần theo bọn thẳng Soi ra đây, Vịt cứ thấy tai mình nóng bừng. Có đời thuở nào; đàn ông, đàn bà, ông già, trẻ con đều trần truồng như nhộng vậy không? Hình như, không còn ai biết xấu hổ nữa. Những ngày đầu, trông thấy cảnh ấy, Vịt không chịu được. Nhưng bây giờ thì chả có gì là lạ nữa, Vịt lẳng

lặng cời cái áo cánh nâu cuộn tròn lại, giắt lên một cành cây rồi cời quần. Chung quanh Vịt, mấy cô con gái, đội khăn mỏ quạ sụp xuống tận mắt. Các cô cũng cời áo yếm tự nhiên như đàn ông, có khác là các cô cứ dề cả váy, lội xuống mép hồ. Rồi lúc nước ngập tới đầu, các cô mới kéo váy lên tới đấy. Có những cô nghịch ngợm hơn đã cuộn váy lên chồm đầu, làm thành một cái khăn rất lớn rồi ngoi ngóp bơi tới chỗ đàn ông, năn nèo xin một nắm đất sét để tắm cho sạch ghệt! Gần đây Vịt mới biết, sở dĩ các cô phải cuộn váy như vậy là vì trước kia, thằng Ca-de, cái thằng tây lùn, bụng to như tang trống đại ấy, thường nhắm vào giờ mọi người đến tắm là nó dẫn xác đến. Cái thằng dê già đã bắt lão Cai dưới quyền nó, hoặc chính nó dùng đôi bắp chân mập như đùi ếch, đá hết váy áo của các cô xuống hồ. Có cô bị mất bộ cánh phải chờ tới mịt mới dám bò lên, kiếm miếng bao, hoặc mảnh giấy dầu che thân lên lút ra về. Cái thằng Ca-de quả là chó đều!

Vịt dùng một mảnh tre, gạt lớp bụi than đóng mảng trên mặt nước rồi ngụp cả người xuống. Mùi nước tanh tanh nồng nồng, theo hơi nóng xộc lên mũi, khiến Vịt hắt hơi dõn mấy cái. Trước mặt Vịt, sau lưng Vịt, và chung quanh Vịt, mấy trăm con người đang bì bõm, tắm giặt; gội đầu bằng cái thứ đất sét mà phải lặn sâu xuống mới lấy được. Vịt cũng đang xoa nắm đất lên mớ tóc cứng quèo vì bụi xi măng bột vào, bỗng nghe tiếng người gọi:

— Vịt ơi, lại tôi bảo này.

Nhìn trước nhìn sau mãi, Vịt mới tìm thấy người vừa gọi mình:

— Anh Doãn đấy à? Lại đằng này vắng hơn.

Vịt vừa nói xong thì như một con rái cá, Doãn đã rẽ lớp bụi than, văng dầu lao tới. Mấy cô con gái đứng tắm quanh đấy, không những không thềm tránh khi Doãn bơi qua trước mặt mà còn té nước như mưa vào người Doãn. Vịt nghe thấy Doãn hỏi một cô:

— Có muốn đi tàu ngầm không?

Cô ta nhìn thẳng vào khuôn mặt xương xương và nước da trắng bột của Doãn, nói cứng:

— Thách đấy, có giỏi cứ động vào...

— Thôi, chả chơi đại — Doãn cười hóm hỉnh — Ngộ nhớ ra có làm sao thì chạy đâu ra tiền mà cheo, cưới...

— Em dám đâu chê thân phận anh nghèo. Không tiền cheo cưới em cũng cứ theo anh về... thì tính sao?

Một cô cứng tuổi nhất bọn nói vậy, khiến Doãn và Vịt không dám đối đáp nữa. Hai người bám nhau, bơi qua chỗ góc hồ. Ở chỗ này văng dầu, bụi than và các thứ rác bẩn bị gió thổi dồn lại, trông càng tòm lợm. Đã mấy lần Doãn gạt lớp bụi và rác bẩn ra,

nhưng chỉ một lát, chúng lại từ từ khép lại như đóng khung lấy hai con người. Nhìn những vết lằn tím bầm trên vai, trên cánh tay Vịt, Doãn sa sầm nét mặt.

— Lại thằng Ca-de đánh phải không?

— Thằng Mạ!

Vịt dụi dụi mắt, vì những giọt nước dắt từ mớ tóc cứ ròng ròng chảy mãi xuống. Lát sau Vịt hỏi nhỏ Doãn:

— Anh Tuyên bảo tối nay sang phố, phải không anh?

—Ừ, Vịt có đi không? Com xong mình sang gọi nhá. Đi mà xem, vui lắm cậu ạ!

Vịt khẽ gật đầu, rồi ngụp xuống rữ rữ cho lớp đất tơi ra; một lần nữa Vịt lại phải ném cái chất nước tanh tanh nồng nồng ấy. Đằng kia, mấy cô gái cũng đang lò dò kéo nhau lên. Chung quanh hồ đã bớt người. Trời vẫn rét ngọt. Ngâm ở dưới hồ hơi lâu nên bây giờ, Vịt thấy rét tợn. Đi bên Doãn, hai hàm răng Vịt cứ gõ lập cập. Vịt kéo vạt áo cánh nâu ngăn cùn cùn về phía trước thì, lại bị hờ lưng, kéo đằng lưng thì hờ bụng. Chiếc quần may bằng thứ vải đen dày cộm cộp, bó sát lấy hai ống cẳng, nhiều lúc ngồi xuống, Vịt thấy khó chịu vì cái quần may không đủ vải này. Doãn kiểm đầu được miếng chiếu cói, vẫn khoác vào người khi đùn xe goòng than, đây giờ cái miếng chiếu ấy đang được quàng lên vai hai người. Ra khỏi công sở, Doãn như vô tình hỏi:

— Có đau lắm không? Cậu đại lắm, ai lại bị rách da như vậy lại đi ngâm nước mặn bao giờ? — Doãn thấp giọng an ủi: — Lăn sau thì cẩn thận, không là chết có ngày. Chúng nó chẳng thương gì bọn mình đâu.

Nghe Doãn nói, Vịt thầm nghĩ: « Thôi đúng rồi, thảo nào nãy giờ ở chỗ những vết lằn cứ rát như phải bỏng. Đại thật, trách gì người cứ như sắp lên cơn sốt ấy! » Vịt thấy miệng đắng ngòm, ở hai lỗ mũi, hình như có những cục bụi xi-măng vít chặt lấy, khó thở quá! Không hiểu sao mỗi lần gặp Doãn, Vịt cứ muốn nói với Doãn tất cả những điều đã khiến Vịt phải buồn bực phải suy nghĩ lo lắng. Tuy ở cùng một xóm, nhưng ít khi anh em gặp nhau vì mỗi người làm ở một nơi, lại phải làm ca, kíp bất thường. Đối với Vịt, Doãn không chỉ hơn về tuổi đời mà còn rất già dặn về sự hiểu biết, rắn rỏi trong cách ăn nói. Và, một điều, Vịt nhận thấy rõ nhất ở người anh em cùng xóm mà sự vui tươi, hoạt bát. Doãn không biết chữ, nhưng chuyện gì anh cũng biết và nhớ rất tài. Khi nói, anh hay có thói quen, hỏi lại người nghe xem có hiểu không và hiểu đến đâu. Vịt nghe nói, ở trong đám anh em lái cần câu có anh Tuyên, hiện có chân trong một hội kín, nhưng Vịt không

thích anh Tuyền vì tính anh rất nóng, chả thể đã có lần anh đánh cả thằng Si-lu. Sau khi hỏi Vịt, những chuyện gia đình như : Mẹ đã khỏi chân chưa? Chị cả đẻ xong có khỏe không... Doãn đột ngột hỏi :

— Cậu sắp cưới vợ phải không? Cái khoản tiền mua lễ cho hàn Cầm, giả xong rồi à?

— Xong đâu, — Vịt khề thờ dài : — Tôi cũng định xin cưới nhưng chưa xoay được tiền, mà chưa cưới thì tôi cứ lo cho cô ấy lắm. Anh lạ gì bọn xếp ở sở ta nữa, nó coi người đàn bà không tày cái đồ chơi!

— Cậu biết chuyện chị Thái rồi chứ? Bọn phát xít cũng không đến mức hành hạ con người như vậy, Vịt ạ! Cậu có cảm bọn chúng nó không?

Vịt im lặng, trước mắt Vịt, hình ảnh chị Thái hiện lên rõ nét. Mới hồi trưa chứ đâu. Vịt và số anh em lái máy, anh em phu ra hàng đều đứng sững, nhìn người đàn bà trần truồng, đầu tóc rũ xuống một mội đang chệnh choạng bước. Theo sau chị là thằng Mô-lanh — một thằng xếp đánh và hiếp phụ nữ có tiếng — Nó dong chị đi trước con mắt kinh ngạc của mọi người. Ra tới trước cửa nhà giấy chị Thái vùng chạy. Mấy cô làm việc gần đấy nhăm nhiền mắt và hét lên thất thanh. Một bác phu già chạy theo đưa cho chị Thái một cái khăn rồi kéo chị ngồi nấp vào một đồng gạch đá gần đấy. Như con thú thềm mồi, thằng Mô-lanh chạy sấn lại. Nhưng không ai bảo ai, đám phu đã quây tròn lấy chị Thái. Một người trong bọn nói lớn : — ông xếp, ông không biết xấu à? Chúng tôi là người, chứ không phải giống vật.

Thằng Mô-lanh, không hiểu người ta đang nói gì, song nó đã bắt gặp mấy chục con mắt, quắc sáng chiếu thẳng vào nó. Nó dơ tay lên vẻ thất vọng, nhưng đầy vẻ bức tức rồi bước đi. Tiếng chửi rủa ào ào đuổi theo cái vóc người to lớn của nó.

Chị Thái nằm là trong cánh tay bác phu già; nước da chị tái nhợt. Chiếc khăn không đủ che kín cái thân thể mềm nhũn của chị. Lát sau chị tỉnh lại, đứng bật dậy cào cấu, cấn xé những người chung quanh. Và cười sảng sặc. Tiếng cười của chị, nghe như tiếng kim loại chém vào nhau. Tiếng cười sặc, lạnh ấy như một lưỡi mác đâm xuyên vào những trái tim tưởng chừng đang muốn vỡ tung. Phút điên loạn qua đi, chị Thái dần dần hồi tỉnh. Chị kể rằng : Như thường lệ, chị đội thùng xi-măng quét hót được ở các bến cầu, về qua nhà thằng Mô-lanh. Chị thấy thằng Mô-lanh gọi, chị chạy. Thằng Mô-lanh đuổi theo; nó dùng sức khỏe

co kéo được chị vào nhà. Sau khi thỏa mãn tình dục, thằng Mô-lanh muốn khỏi mất danh dự với cấp dưới, nên đã vu cho chị ăn cắp xi-măng. Và, định dẫn chị ra nộp cho bọn quản Mạ!

Nghe chị Thái nói, anh em phu càng thấy rõ cái bộ mặt giết người của bọn chủ, bọn xếp Tây. Mấy cô con gái ngồi quây tròn bên chị Thái, như thể muốn đùm bọc, che đậy cho chị. Và không khỏi lo lắng cho số phận của mình...

Lúc này, nhớ lại câu chuyện ban trưa, Vịt tưởng như chị Thái đang chạy trước mặt mình. Cái thân hình mảnh dẻ, lóa lờ của người đàn bà ấy là một bằng chứng rõ ràng; là một cái tát thật lực, đập vào mặt bọn Pháp văn huênh hoang những : « khai hóa, văn minh! » Vịt nghiêng chặt hàm răng để khỏi bật ra tiếng thờ dài. Nhưng Vịt thấy sống lưng lạnh buốt. Vịt ôm ghì lấy người Doãn như để tìm chút hơi ấm của người anh em cùng xóm.

Hai người lăm lũi rẽ vào con đường nhỏ, cái xóm thợ lầy lội với những túp lều thấp bé, lụp sụp như những cái chuồng gà, chuồng lợn nằm thu mình trên một miếng đất nhỏ. Chung quanh xóm, một cái hồ nước suốt năm đóng văng, mấy mảnh ruộng bỏ hoang, một bãi tha ma và một dãy chuồng nuôi bò sữa của mấy thằng chủ người da đen. Tất cả đều vắng lặng trong khoảng không gian tranh tối tranh sáng, cái vắng lặng khiến con người, có lúc tưởng phát điên lên vì buồn bực và sợ hãi.

— Vịt này, cơm xong cậu chờ mình đến rồi chúng ta cùng đi nhá. Hôm nay có anh Đồng, anh Tinh, anh Tuyền và một số anh em nữa. Đi mà nghe, hay lắm cậu Vịt ạ!

Nói rồi Doãn vội vã bước đi, cái dáng cao gầy của Doãn như bó tròn vào miếng chiếu cói, đã bị rách xơ ra. Xóm thợ chìm hẳn trong cái màu đen của đêm tối...

— Vịt đã về đấy à? Thời buổi nhộn nhạo này mà mày còn la cà, đàn đúm được như? Mày không sợ bị dẫy vào nhà pha như anh Đồng, anh Tinh hay sao? Mày thương bu, bu chẳng có năm có bảy gì. Ngộ nhờ ra mày có làm sao thì bu sống với ai... Nghe mẹ nói, Vịt thấy thương mẹ quá. Cái bệnh phong đã làm mẹ bại liệt hẳn rồi. Hồi này, gần như ngày nào, mẹ cũng nói với Vịt như vậy nên Vịt chỉ âm ừ cho mẹ vui lòng. Thực ra, anh cũng có tham gia công việc gì hệ trọng đâu. Kể từ cái buổi tối đi cùng với Doãn sang công sở « Ca-ri-ích » ở bến đò phốt phát, Vịt mới biết rằng anh Đồng, anh Doãn, anh Tuyền, anh Tinh, anh Phúc — những người

cùng xóm của mình, chính là những người đã lãnh đạo anh em đấu công, treo cờ và rải truyền đơn. Hôm ấy, có khoảng năm sáu chục người từ các ngả kéo đến. Chính anh Doãn và một người nữa, đã khiến anh Đồng đứng lên vai mình diễn thuyết. Anh Đồng nói nhiều lắm, nhưng Vịt chỉ nhớ loáng thoáng. Song Vịt cũng đã hiểu được vì sao mình phải làm việc mười giờ một ngày mà vẫn cứ ăn đói mặc rách. Anh Đồng nói đúng quá : ... « Thợ thuyền chúng ta dệt ra vải nhưng không được mặc, làm ra xi-măng nhưng vẫn phải chui rúc trong những lều tranh vách đất... Bọn chủ, bọn xếp không hề dúng tay vào một công việc gì, nhưng lại ăn chơi phè phỡn, rượu ngon, gái đẹp... Còn chúng ta, chúng ta chỉ có quyền còng lưng xuống đụn xe, mắc « ngáo », lái máy... Và, bất cứ lúc nào cũng có thể được hưởng những ngọn roi, những tiếng chửi và cúp phạt... Chúng nó quản thúc chúng ta, từng bước đi, từng lời nói, chỉ còn thiếu có hơi thở là chưa bị chúng quản thúc thôi ! Hỡi anh em thợ thuyền ! chúng ta phải đoàn kết muôn người như một, để chống lại sự đàn áp, bóc lột của bọn thực dân cướp nước... »

Anh Đồng còn đang nói thì, được tin bọn mật thám và lính sắp đến, thế là cuộc diễn thuyết tạm ngừng. Mọi người tản về các ngả. Cũng từ buổi ấy, Vịt đã được anh Tuyên, anh Doãn, giới thiệu vào hội ái-hữu. Được gần các anh ấy, Vịt thấy đầu óc mình như hiểu biết thêm ; sự suy nghĩ đã có phần chín chắn. Thế mà cũng đã hơn một năm rồi. Một năm qua, Vịt lén lút đi khai hội, rải truyền đơn và tham gia đấu tranh trong các xưởng. Vịt vẫn giấu, không cho mẹ biết.

Mấy hôm nay, Vịt không còn đầu óc nào, làm việc nữa. Cái tin anh Đồng và hai đồng chí ⁽¹⁾ nữa bị thắng đội Nghinh, dẫn mật thám đến bắt, giữa lúc các anh đang in truyền đơn ở ngay trong xóm này, khiến Vịt bàng hoàng. Nhiều lúc, Vịt đứng ngẩn ra, chân tay rời rã như vừa qua một trận ốm. Tan tầm về. Vịt chỉ muốn nằm, muốn ngủ phất đi cho quên mọi sự. Nhưng Vịt không sao ngủ được, phần vì bà mẹ ca cầm, hết chuyện này đến chuyện khác ; phần vì lo lắng cho thân mình. Lúc này ngồi trước niêu cơm đã nguội, Vịt thấy bụng mình cồn cào, nhưng miếng cơm trong mồm cứ bã ra, không sao nuốt được. Mấy con tép kho mặn đắng, không đủ sức đưa nôi miếng cơm vào bụng. Cái giọng nói thều

thào của người mẹ lại cất lên : — Mày xem kỳ tiền này rồi mang mà giả người ta lấy vài đồng. Mấy hôm nay, nó cho khách nợ đến thúc như thúc tà ấy. Cha đẻ mẹ nó, người ta vay phải trả lãi mà nó cứ làm như đi ăn xin không bằng.

— Hồi này ít việc, mỗi ngày kiếm được có vài giờ, giả họ lấy tiền đâu mà ăn, hở bu ? Con còn đang lo mất việc đây. Chủ dạn người hàng loạt bu ạ !

— Cốt cái miệng mày đề lấy sức mà làm. Còn tao, tao kiếm củ khoai, củ ráy tao ăn rồi cũng qua bữa. Cốt nhất cái sự thật thà, mình không phải hạng người lừa lọc, thời buổi này biết sống chết lúc nào. Ông giời ông ấy bắt tội tao, tao đã yên một bề, còn mày phải lo lấy thân chứ. Rồi còn chuyện vợ con nữa, mày định ở vậy mãi hay sao ?

— Bu mặc con. Đến đâu hay đấy, chẳng hơi đâu mà lo xa. Cứ có việc làm thì chẳng sợ.

Vịt xếp mấy cái bát sành, cái niêu đất vào xó nhà rồi đi ngủ. Đặt lưng xuống tấm phản đóng bằng các miếng gỗ thùng ọp ẹp, Vịt kéo chăn đắp ngang ngực, vẫn cái chăn bao gai hồi nào ẩm và hôi hám. Vịt nhắm nghiền hai mắt tưởng có thể ngủ ngay được, nhưng mấy con muỗi dúi cứ vo ve bên tai, thỉnh thoảng một con sà xuống chạm vào mặt Vịt một nốt, đau nhói như kim châm. Vịt tưởng như có thể quơ một cái, được hàng năm muỗi chửi chửi ít. « Ngủ đi. Ngủ một giấc cho khỏe ». Vịt thầm nhủ rồi kéo cái chăn bao tãi lên đầu. Nhưng che được cái đầu thì hai bàn chân lại thò ra. Vịt bỗng ngồi nhồm dậy, vì, cánh cửa liếp như vừa có người nào đó đập đập mấy tiếng. Rón rén lại phía cửa, Vịt hỏi nhỏ :

— Ai thế ?

— Vịt chưa ngủ à ? Doãn đây, bà cụ ngủ chưa ?

— Bu tôi ngủ rồi, có việc gì cần không ?

— Ra mình báo cái này. Nhanh lên.

Vịt lách người bước ra, thấy anh Doãn đội nón, Vịt nhanh nhẩu :

— Đi đâu thế anh Doãn ?

Doãn ghé tai Vịt nói thầm rồi vén áo lên, vỗ vỗ vào cái bọc giấy cuộn tròn ở trước ngực — Đi chứ ?

Vịt gật đầu, hai anh em dò dẫm, bước trên con đường đất lép nhép những nước.

— Cậu có sợ không ?

— Sợ gì ?

— Mật thám nó lùng riết lắm. Nhưng lấp sông lấp biển chứ lấp sao được miệng người. Đồng chí Đồng bị bắt, chúng ta càng phải hoạt động mạnh, để chúng nó không có cơ kết tội đồng chí ấy là

(1) Mùa rét năm 1939, đồng chí Bùi đình Đồng bị bắt cùng đồng chí Tô Hiệu và đồng chí Ngô minh Loan.

người lãnh đạo ; để chúng nó biết rằng người của chúng ta còn nhiều. Và, chúng ta không sợ chúng nó. Cậu có hiểu không ?

— Hiểu.

— Có dám dân truyền đơn với bọn tớ không ?

— Sợ gì ! Nhưng mà có đông người làm, hay là chỉ có tôi với anh thôi ?

— Tị nữa cậu sẽ thấy.

Đường vắng, dòng sông Hạ-lý chật chội những thuyền buồm, sà lan và boọc. Doãn và Vịt ung dung bước như những người vừa đi tắm về. Ra tới gần chân cầu, Vịt đã thấy anh Tuyền, anh Thương, anh Nhiễm và một số anh em nữa... toàn là những người cùng xóm, nên Vịt rất yên tâm. Doãn dúm vào tay mỗi người một bọc giấy rồi phân công địa điểm cho từng người và dặn :

— Phải hết sức đề phòng, giờ này bọn mật thám chưa đi lùng. Nhưng cũng phải cẩn thận lắm mới được. Nếu thấy lộ, phải tìm cách đối phó chứ, không được manh động.

Anh em nhận nhiệm vụ, chia nhau đi các ngã. Vịt theo anh Doãn vào sở, còn các đồng chí khác thì sang phía bên kia cầu xi-măng. Bây giờ Vịt mới thấy lo tợn. Cái roi bằng dây cáp của thằng quản Mạ cứ chòn vờn trước mặt Vịt. « Nó vớ được thì sao ? » cuộn truyền đơn nằm tròn trong làn áo ở trước bụng, tự nhiên nặng như một tảng đá, Vịt hơi gù lưng xuống như cố giữ cho cuộn giấy khỏi tụt ra, trước khi đi qua mặt lính gác. Không hiểu sao, Vịt cứ thấy mặt mình nóng rát, hình như cặp mắt của người lính gác đã nhìn suốt qua tim Vịt thì phải. Và mỗi gốc cây, mỗi cột đèn đều như có người đứng nấp đề rình bắt. Vịt kéo cái nón che mặt rồi vượt qua chỗ anh em đang đun than, đội đá ở bờ sông. Bỗng Vịt dừng lại, khi nhận ra thằng Ca-đê bụng phệ, đang khệnh khạng đi ngược lại phía mình. Còn cách đến một cột đèn nữa, Vịt đã ngửi thấy mùi thuốc lá và mùi rượu. Chắc nó vừa ở nhà ăn về.

— Cứ đi tự nhiên.

Nghe tiếng anh Doãn khê nhắc, Vịt không dám đứng lại nữa. Đến trước cửa nhà giấy. Vịt lại tưởng như đang nhìn thấy chị Thái, trần truồng khiếp sợ chạy trước mặt thằng Mô-lanh. Vịt bước nhanh tới chân cầu của mình như anh Doãn đã dặn.

— Anh Vịt vào sở có việc gì vậy ? Bác Tài già chậm rãi hỏi.

— Sáng tôi đề quên đôi guốc, vào lấy về rửa cái chân bác ạ !

— Guốc với chà dép, anh táo thật ! Quản Mạ nó vừa dẫn lính đi hỏi thẻ xong. Ở xóm tôi, khi tối nó cũng bắt mất một người. Cái anh An hiền như đất ấy thì làm được cái gì, mà nó cũng tóm thế nhỉ ?

Vịt vờ tìm đôi guốc, đề nhét gói truyền đơn xuống chân bệ máy. Từ lúc anh Doãn đi về phía lò nung, Vịt cứ thấy bồn chồn, không hiểu chốc nữa anh có trở lại đây không ? Tình hình này sống giờ nào biết giờ ấy. Vịt biết rằng mình còn phải chờ tới mãi mười hai giờ đêm, mới được rải tập truyền đơn này, nhưng Vịt không thấy lo cho mình như khi nãy, lúc này Vịt chỉ mong sao anh Doãn không chạm trán với thằng quản Mạ chỗ đều ấy...

Đói !

Nạn đói như một cơn lốc ập đến, cuốn đi có tới gần nửa số người trong cái xóm « chiều thương » này. Không biết ai đã đặt ra cái tên « Chiều thương » đề rồi giờ đây, người ta lại đặt thêm cho nó một cái tên nữa : Xóm « đau thương » ! Nó nép mình bên cạnh dãy tường gạch khá cao, màu xám xỉn, có gắn mảnh chai và những sợi dây điện mắc song song của sở Xi-moong. Nó là những túp lều, lợp bằng manh chiếu buồm, mảnh sắt tây ; giấy xi-măng loang lổ như những vết loét trên cái cơ thể người bệnh. Chưa nhỏ mặt người, cóc nhái và các loại côn trùng đã thi nhau, kêu lên những tiếng nghe thật rầu rượi. Đã lâu nay, không còn nghe tiếng chó sủa, tiếng gà gáy sáng. Và, tiếng trẻ khóc cũng thưa dần, thưa dần. Số người chui rúc ở những túp lều ấy cứ theo chân nhau mà đi, ngày một người, ngày hai người rồi có ngày tới năm sáu người. Có nhà chết sạch không còn một ai. Họ lẳng lẳng ra đi, không ai rủ rề ai, cũng không ai muốn mời giữ nhau ở lại. Cảnh bãi tha ma, mỗi ngày một ảm lẩn vào xóm, mà mới lúc đầu còn đắp cao đến ngang ống chân, bây giờ người sống không còn đủ sức để đào sâu và đắp cao được nữa. Một lỗ có tới vài ba cái xác chồng chất lên nhau, họ vớt xác xuống đấy rồi lấp liếm qua loa, bằng một lớp đất mỏng. Đói ! Đói đã làm mất đi cái ý nghĩ thiêng liêng về những con người qua đời ; làm mất đi những tục lệ như ván, lạt, hương khói. Người sống không những không còn sức để thương tiếc người chết, mà đối với người sống, hình như cái tình thương yêu, đùm bọc cũng đã mất hết, bởi lẽ người ta còn phải moi móc, tìm kiếm để có đủ thức ăn cho cái dạ dày. Rõ ràng trong lịch sử chưa có chế độ nào lại đẩy con người tới chỗ « Cha bỏ con, vợ bỏ chồng » vì miếng ăn hàng ngày như vậy !

Vào một buổi tối trời, Vịt gắng gượng lê cái thân hình vốn đã còi cọc của mình, trở về xóm thợ. Suốt một tháng nay, lặn lội đi từ nửa đêm, đến công sở chiều chực, mới kiếm được vài buổi làm,

Số tiền lương chỉ đủ đóng mấy ống cân gạo lật, còn thì phải giao trước cho người ta, rồi mỗi ngày đến giữa tay, nhận lấy hai bánh cám đã bị ép hết dầu. Cái món cháo cám, đắng như mật công ấy mà sao lúc này, nó lại ngọt vậy? Có những lúc Vịt tưởng như mình không phải là giống người nữa. Vịt muốn cái chết hãy sớm đến với mình. Nhưng hình như nó còn muốn trêu chọc, dầy ái anh, trên cái mặt đất này. Đôi khi Vịt đã thấy cái chết đến với mình, song nó chỉ chồn vờn rồi lại bỏ đi. Nghĩ đến mẹ già, nghĩ đến người vợ mới đẻ và đứa con nhỏ, Vịt muốn phát điên lên. Đứa trẻ đã làm gì nên tội. Và cả mình nữa, mình cũng đã đáng chết đâu?

Vịt vẫn nặng nhọc bước gầy từng bước. Từ công sở về tới đầu xóm, Vịt đã xuýt vấp ngã mấy lần vì những cái xác đã chết hoặc còn ngắc ngoải, nằm rải rác ở vệ đường. Con đường « chết » sao mà dài thế? Da thịt anh nổi gai, ớn lạnh. Anh gục đầu vào cửa liếp gọi khẽ:

— Bà ơi, tôi đây, tôi mang thức ăn về đây...

Hai tấm cửa liếp hé mở, đủ cho Vịt lách người vào. Ngọn đèn được vặn to lên, nhưng Vịt vẫn chưa trông thấy gì cả. Anh đứng trên nền đất, căng mắt nhìn lại phía góc nhà. « Bà cụ « đi » rồi chắc? » Anh không dám trả lời thẳng câu hỏi đó.

— Nhà còn đứng làm gì đấy, đi ăn bát cháo cho nó tỉnh. Bà vừa mới ngủ được một tẹo thôi...

Người vợ chỉ nói được từng ấy chữ, rồi nằm lăn xuống chiếc phản, khóc dấm dút.

Nghe vợ nói, Vịt hơi yên tâm; anh ghé dít ngồi xuống mép cái giường thấp lè tè. Thăng Hoa, đứa con thứ hai của anh, để đứng vào hôm bọn Mỹ bỏ bom phá sập nóc lò số 4 và máy cưa, lúc này đang nép vào vách mẹ. Qua ánh sáng lù mù, anh không nhìn rõ mặt nó. Nhưng đã mấy hôm nay anh thấy mình lo sợ một cách lạ. Thăng Hoa, chỉ còn là một đám thịt. Không phải, nó chỉ còn lại có cái đầu và cái bụng tròn ồng những nước. Hai con mắt nó vàng như xát nghệ, nó nằm bẹp như con mèo bị ướt. Tiếng khóc của nó nghe cũng đã khác đi. Nhìn thấy nó, Vịt lại ứa nước mắt, anh thương nó, lo cho nó còn hơn cả thân mình. Cái Bầu, chị nó đã bỏ vợ chồng anh vì cái chứng bệnh mười hai thứ sài. Anh đã khóc hết nước mắt khi cái Bầu bỏ vợ chồng anh nghèo mà đi; còn thằng Hoa này, nó mà có làm sao thì, vợ chồng anh sẽ sống thế nào đây? Anh muốn ôm chầm lấy nó, ghì giữ lấy nó, che chở cho nó. Nhưng anh không đủ gan dè nghe cái tiếng khóc. Và, giọng nói còn hơi ngọng của nó: « Bỏ... Con đói ». Vịt muốn ngồi đấy, canh giữ

giấc ngủ cho con. Nhưng cái đói đang bào xé ruột gan, khiến anh không ngồi được nóng chỗ. Anh mò mẫm bẻ cái bát đàn cháo nóng choền như cái đĩa lên, húp lấy húp để. Cái món cháo gạo lật nấu lẫn với rau bắp cải già ấy, cứ ngọt thiu đi. Vịt tưởng chẳng phải nhai, nó cũng cứ trôi tuột xuống cổ. Song anh lại muốn nhắm nháp cho nó được lâu hơn. Cái rau bắp cải già, càng nhai kỹ càng thấy bùi. Chao ôi! Thức ăn của người thợ xi-moong chỉ có thể thôi ư? Vịt bỗng thấy cổ mình nghẹn tắc, câu chuyện khi sáng vụt hiện lên trước mặt anh. Anh và Văng — một thằng bạn của cái thời còn đi nhật đình cùng với Văn, cho lý Hàn ấy — gặp nhau. Anh không nhận được Văng nữa. Cái thân hình mảnh dẻ, ưa xông xáo hoạt động của Văng đã phù nề ra. Hai mắt Văng sưng húp, lớp da cổ bợt xám và chảy sệ xuống. Văng ôm lấy anh, năn nỉ xin anh nhường cho Văng một buổi làm. Văng phều phào:

— Vợ tôi và bọn trẻ « đi » tiết rồi! Tôi cố đến kiếm một buổi, đề lấy tiền chén một bữa no rồi muốn ra sao thì ra; ăn rau má mãi nó xanh ruột không chịu được.

Văng nói nhiều lắm, mỗi lời Văng nói ra, còn vất vả hơn người gánh nặng đi vĩa. Nhưng Văng vẫn nói. Văng kể tội thằng Mô-lanh, thằng Ca-de, thằng quản Mạ. Rồi Văng chửi bọn mũi lõ; bọn Nhật lùn phát xít. Anh em ngồi châu chực quanh đấy, phải gắt lên Văng vẫn không thôi. Văng bảo:

— Đừng chửi tôi, đừng đánh tôi. Tôi đã ăn đủ các thứ tệ hại trên đời này rồi. Tôi đã sống đủ rồi, chỉ còn cái chết. Ừ, đúng đấy, tôi chỉ còn chưa biết có cái chết... Nó cũng sắp, sắp tới tôi đi rồi. Cho tôi ăn, ăn một bữa thật no... Tôi, tôi không muốn chết đói.

Văng ngồi dựa vào gốc cây ba-dăng. Hai ống chân to như hai bắp chuối đuôi dài, thỉnh thoảng Văng lấy ngón tay ấn vào lớp da cho nó dể xuống. Khi nhấc ngón tay lên, da thịt còn in rõ từng lỗ từng lỗ. Văng nói, nói đến lúc thở hắt ra. Và đến khi, lão Cai tới tuyển người vào làm thì, Văng như một người ngủ say. Vịt lay lay vai bạn, mới biết Văng đã chết rồi...

Vịt chưa kịp hoàn hồn, thì người ta đã khênh cái xác tím bầm, co quắp của Văng vất ra một góc, chắc chắn sáng ra Văng sẽ nằm trong chiếc xe bò, với hàng chục người nữa, để vĩnh viễn không bao giờ trở lại, với cái nghề nhật đình, mặc « ngáo » ở số Xi-moong. Vịt muốn gào thét, xua tan cái không khí vắng lặng, đang như một tấm màn đen, bao trùm lên người mình; lên cuộc sống cay cực trong cái xóm thợ của mình. Nhưng, anh choàng tỉnh dậy vì tiếng nấc của người mẹ. Xách cái đèn tới phía chái nhà, Vịt chỉ còn kịp nghe thấy mấy tiếng « ức, ư...ức » từ trong cái thân hình

mòng quắt của mẹ phát ra. Vịt có ngờ đâu, đây là giờ phút cuối cùng của người đàn bà đã đẻ ra anh; đã chắt bóp bòn kiểm, từng đồng từng nuôi nấng anh. Bà tắt thở mà không còn đủ sức để thổi trăng một lời nào!

Cái chết đến với con người nhanh chóng quá! Nó vụt đến rồi vụt biến đi. Vịt không khóc được, mắt anh, cặp mắt đã quen nhìn những đau khổ, tủi cực hình như cũng đã thành trai. Vịt run tay vuốt vuốt hai con mắt hũng sâu như hai cái lòng chén, trên khuôn mặt khô quắt của mẹ. Không hiểu sao, trước cái chết lặng lẽ này, Vịt lại vụt nhớ tới câu nói của anh Doãn: « Phải sống, cố mà sống cho qua cái nạn này, cuộc đời rồi sẽ khác đi. Nhất định sẽ khác đi. Bọn đế quốc, phong kiến sẽ không còn chỗ đứng nữa. Chúng ta, những người lao động nghèo khổ, phải làm chủ cuộc đời mình làm chủ đất nước mình ».

Vịt quay sang phía vợ, qua giọng nói đầy nước mắt của chị, anh được biết thằng Kha em vợ anh, cũng vừa mới chết khi này. Liệu rồi mình có sống sót không? hay ngày mai, cái chết cũng sẽ bỏ sập xuống đầu mình như cậu Vãng, như thằng Kha, và như cái xác lạnh cứng nằm trước mặt mình đây?

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Vịt không chết: đói khát, đánh đập không vật ngã nổi con người khổ từ trong trứng khổ ra. Vịt thấy mình thực sự được làm người, từ ngày lá cờ đỏ sao vàng chiếm lĩnh trên cái đỉnh cao nhất của sở; từ ngày đội quân giải phóng, từ chiến khu Đông-triều trở về, cùng với nhân dân vùng lên giành lại chính quyền. Mùa thu năm 1945, mùa thu lịch sử đã nâng người thợ lên địa vị mới: Chủ nhân đất nước. Những con người trong xóm thợ « Chiêu thương » đã lớn lên. Vịt rất sung sướng, khi thấy anh Bùi-dinh-Đồng bây giờ là trưởng ban kiểm soát kỹ nghệ của thành phố. Vịt thấy anh em nói bây giờ anh Đồng có quyền gọi các chủ nhà máy đến, bắt họ phải tiếp tục sản xuất. Mỗi lời anh Đồng nói, bọn chủ đều đáp lại bằng những chữ: « Thưa ông, vâng ». Anh Tinh chuyển ra Quảng yên, Anh Doãn thì ở tự vệ thành. Còn Vịt, Vịt cũng đã tham gia đội tự vệ, và được chỉ huy một trung đội. Một điều khiến Vịt vui thích nhất là bọn chủ Tây, bọn xếp, không đánh đập anh

em thợ như trước, bọn cai, ký không dám ăn tiền dút lót và đe dọa đuổi người này, dấn người nọ. Ừ, cuộc sống được như thế này cũng là tươm tất lắm rồi. Nhưng cái thằng Tây nó chưa muốn cho người Việt-nam sung sướng, nó đang âm mưu bóp chết chính quyền non trẻ của những người vô sản.

Được giác ngộ, Vịt hiểu rõ nhiệm vụ của mình, hết giờ làm việc, anh cùng anh em ra sức luyện tập quân sự, đề nếu bọn Tây lại giở trò ăn cướp thì, sẵn sàng đánh lại chúng. Đôi lúc, anh cứ nghĩ: « Bọn Tây chắc không dám đánh mình vì mình đông hơn nó và, nếu nó đánh trộm mình thì nó cũng phải thua; bởi lẽ nó là bọn ăn cướp! » Ý nghĩ đơn giản ấy, giúp Vịt tin tưởng vào sức mình; tin tưởng vào tập thể, càng ngày, anh càng say mê với mũi mác, với khẩu súng trường kiểu cò... trên bãi tập.

Mùa rét năm 1946. Bọn Pháp gây hấn. Theo lời kêu gọi của mặt trận Việt-minh, Vịt và hơn bốn trăm người thợ đã cầm súng chống cự với bọn Pháp rất quyết liệt. Những người thợ, tạm biệt xưởng máy của mình ra đi giết giặc, Vịt có mặt trong số đó. Và mãi đến năm 1951 do yếu sức, Vịt trở về nhà máy, cùng anh em hoạt động phá hoại máy móc, phá hoại những âm mưu thâm độc của bọn chủ. Cách mạng tháng Tám thành công, đã vạch cho người thợ, con đường mình phải đi, đã giúp người thợ nhìn xa hơn, hiểu rộng hơn. Và càng thấy thiết tha với cuộc sống.

Vịt trở về bên tay lái cần cầu, trước con mắt nghi ngờ của thằng xếp, nhưng được tổ chức bí mật giúp đỡ. Và do sự khôn khéo của anh, nên bọn mật thám đã bỏ rơi anh, anh có điều kiện tham gia công tác. Mới đây, đã mấy năm qua rồi. Qua báo chí của « đường dây bí mật », Vịt vẫn từng ngày đón đọc tin thắng lợi của bộ đội ta. Rồi nói lại cho anh em biết, cùng vui chung. Tin chiến thắng Điện-biên-phủ; tin hiệp nghị Giơ-ne-vơ thắng lợi đã nhanh chóng bay về với những người thợ, đang sống trong vùng tạm chiếm. Có những giây phút, Vịt ngồi lặng đi, ngắm nhìn cái nhà máy mà anh đã sống; làm việc trong suốt hai mươi lăm năm qua. Hòa bình-Điều mong ước từ bao đời nay đang đến với mình thật sao? Rồi đây, bọn chủ Pháp sẽ phải cuốn gói. Và: cuộc đời, xưởng máy, không khí thở... Tất cả sẽ thuộc về mình ư? Có đúng như vậy không?

Ít lâu nay, Vịt cứ tự hỏi mình như thế. Cái tin bộ đội cụ Hồ về tiếp quản thủ đô Hà-nội đến với anh, trong lúc anh đang làm việc. Anh nháy lên reo hò như một đứa trẻ, trước con mắt hân học của bọn xếp máy, mặc dù anh biết rằng bất kỳ lúc nào, bọn mật thám, bọn cảnh binh cũng có thể xịch tay anh và tống anh lên xe họ

hung. Thế là hết ! Những ngày sống dưới nanh vuốt của bọn thực dân Pháp, có lúc anh tưởng như cuộc sống của mình, hoàn toàn nằm trong tay chúng. Cái chết lúc nào cũng nhắm nhe, vỗ chộp lấy cái thê xác vốn đã sâu vẹo, tàn tật của mình. Nhưng không hẳn thế. Anh đã đứng thẳng lên, cùng với những người thợ dùng mưu trí đấu tranh với kẻ thù, trong những ngày cuối cùng, trên khu vực tập kết 300 ngày...

Lúc này, trên đường vào xưởng, Vịt tưởng như cuộc đấu tranh giữ máy đang diễn ra trước mắt. Anh thấy rất rõ thằng Gay-a, tên Pháp già thọt chân, thay mặt bọn chủ, hốt hoảng, rất hốt hoảng trước những yêu sách của những người mà nó thường gọi là « cu ly ». Anh thấy một khối người, quần chẳng áo vá, sát cánh nhau đứng trước cửa nhà giấy. Và, những lời nói của khối người đó vang lên : ...« Chúng tôi muốn sống, muốn có việc làm ở cái nhà máy mà ông cha chúng tôi, đã ngoi ngóp dùng hai bàn tay vượt lên từng sào đất ; ông cha chúng tôi đã dùng tất cả sức lực để đội, vác, xây nên cái cơ nghiệp này. Chúng tôi có quyền đòi hỏi và đề nghị các ông chủ, không được phá dỡ máy móc ; không được dân thợ. Và phải tiếp tục làm việc, cho đến ngày cuối cùng. Chúng tôi phản đối việc di chuyển những máy móc, vật liệu ở các xưởng.. »

Gay-a nghĩ gì ? Hắn cảm thấy xuống, lúng túng. Hắn nhìn những con người đầu trần, chân đất đứng trước mặt hắn. Hắn đã thấy hàng nghìn bộ mặt lầm lì, gan góc đang đòi hắn phải trả lời. Hắn lại nhìn những tên hiền binh, tay dùi cui, tay súng lục đứng như những cái mốc, rải rác ở ngoài bãi sông. Hắn biết rằng, chỉ cần một cái vẫy tay của hắn là bọn hiền binh sẽ lẫn sả vào đám « cu ly » này, cầu xé, đánh đập. Nhưng hắn không đủ gan làm việc ấy. Hắn đã tính hết mưu kế để đối phó với cuộc đấu tranh này. Nhưng giờ đây hắn thấy mình bất lực, hoàn toàn bất lực ! Súng đạn, lưỡi lê và dùi cui của bọn lính kia, không đáng kể gì cả. Gay-a, tên tư bản, chuyên sống trên lưng người thợ, đã biết thế nào là sức mạnh, khi những người thợ ấy vùng lên. Cái bản năng tham sống, sợ chết của hắn, đã buộc hắn phải nhượng bộ. Hắn hứa trước mọi người là không phá dỡ các máy nữa. Thế nhưng... Hắn đã nuốt ngay lời hứa « danh dự » của mình. Hắn cho lính đứng gác ở hai cổng sở, ngăn cản không cho thợ vào làm việc. Hắn mua chuộc một số thợ Hoa kiều, lên lút dỡ và đóng máy vào các hòm...

Nhưng vô quyết định đã có móng tay nhọn. Trước âm mưu của bọn chủ, các tiểu tổ hoạt động bí mật, đã có phương hướng đấu tranh mới. Vịt vừa nhận được chỉ thị của ban lãnh đạo đấu tranh... « Cần cầu hiện nay là khâu yếu quan trọng, bởi vì số hàng hóa và

máy móc sẽ phải đi qua tay anh em lái máy, để xuống các sà-lan. Vậy làm thế nào thật trị trệ hoặc lãn công... nhằm mục đích giữ lại bằng được, tất cả những thứ bọn chủ đã đóng vào hòm... » Yêu cầu của trên như vậy, thực hiện thế nào đây ? Thằng Vi-la, tên xếp máy nham hiểm đã bắt đầu đề ý, theo dõi anh em lái cần cầu rồi. Và, bọn mật thám cải trang trà trộn vào các xưởng, ngày càng nhiều. Bọn chúng đã bắt cóc những người chúng nghi là cầm đầu cuộc đấu tranh. Làm thế nào bây giờ ? Vịt tần ngần nhìn đồng hòm gỗ, xếp đầy ùn ở dưới chân máy cầu. Anh đã thoáng thấy thằng Vi-la, đang vừa nói vừa chỉ vào đồng hòm như ra lệnh cho tên lính ngục, mang lon đội xếp. Vịt uể oải bước lên buồng máy, đầu óc anh nóng bừng, những mạch máu hai bên thái dương nổi hẳn lên, trong lớp da mặt sạm nắng, chúng cứ giật giật liên hồi, khiến anh tưởng như đầu mình sắp vỡ tung ra. Vịt biết rằng, phong trào cất giấu máy móc đang phát triển sâu rộng trong toàn sở. Anh em làm ở kho, không chịu đóng những loại hàng quý vào hòm. Anh em thợ cơ khí bỏ trốn, không ai chịu tháo máy. Hôm qua, ở cần cầu số 5, một chiếc hòm khá lớn bị tuột « ngáo », rơi xuống vỡ tan. Mọi người xúm lại xem, thì ra đó là một hòm chứa đầy những viên gạch cũ, của lò nung thải ra. Thằng xếp coi kho lồng lên như đứng giữa đồng lửa, nó không ngờ những người phụ dưới quyền nó, đã dám cả gan đánh tráo số nguyên vật liệu đắt tiền của nó, bằng những viên gạch khốn khổ này ! Nó ra lệnh mở hết các hòm kiểm tra lại, thế là nó đã mắc mưu một lần nữa. Hàng đóng vào đã lâu, mở ra càng lâu hơn, những tấm gỗ thông đẹp là thế, anh em cứ bảo nhau thúc sà-beng, nện búa tạ vào, cho tan nát ra. Thằng xếp chết điếng người, nhưng chỉ nghiêng rằng, trốn mắt trong phòng riêng của mình. Nó còn lo rằng, chuyện này đến tai Gay-a thì nhất định nó bị cúp lương và mất chức. Ngược lại, anh em nhà ta thì khoái chí lắm. Nhằm những lúc sơ hở, anh em chuyền tay nhau cất giấu những chiếc vòng bi, những bộ phận nhỏ, nhưng có tính quyết định cho cả cỗ máy. Thế rồi những tấm kính xem lò ; những dụng cụ dùng trong phòng hóa nghiệm, cứ không cánh mà bay biến mất. Rồi ở trong các xưởng, máy đang chạy, tự nhiên dừng cả lại. Những chiếc mô tơ 5.000 to như những con voi phục ấy cũng bị hỏng đột ngột. Thế là buộc lòng bọn chủ phải cho lắp cái mới thay vào đó. Máy hỏng bỏ vào một xó, máy mới phải đem ra làm. Tài sản trong kho cứ hao hụt dần, khiến bọn chủ phải xin thêm lính sang tuần phòng suốt đêm ngày...

Nghe được những tin ấy, người Vịt cứ như lửa được tưới thêm dầu. Anh thấy mình cũng đã đến lúc, phải thực hiện ý định : phá

máy ! Đúng, ở sở này chỉ có hai cái máy khỏe nhất thì một cái đã bị liệt rồi. Bao nhiêu hàng nặng chúng đã tập trung ở đây. Không phá rồi chúng cũng sẽ gọi bọn nhà binh đến lái máy ; nếu như anh em cần cầu bỏ trốn như kế hoạch đã định. Nhưng mỗi khi định tâm phá máy, Vịt lại thấy bút rút trong lòng. Chiếc cần cầu này đã chứng kiến biết bao nhiêu chuyện vui buồn trong đời anh. Cách đây mười lăm năm, thằng Ca-de dẫn anh lên chiếc máy này và bảo : « Ông chủ rất mến cái tính làm ăn siêng năng của mày. Hãy nhận lấy máy và phải làm thế nào xứng với sự quý mến của ông chủ ». Ngày ấy, Vịt rất sung sướng khi thấy thằng Ca-de khen ngợi mình. Nhưng sau gặp các anh Tuyền, Doãn... được các anh giảng giải, Vịt mới thấy là mình đã bị mắc lừa. Thế rồi cũng ở cái máy này, Vịt đã gặp một người con gái. Cô ta thường đứng ở dưới kia, mỗi lần nhìn chiếc vòng sắt ở tay cô ta, mắc vào cao bán là mỗi lần hai tai Vịt nóng bừng. Vịt đã yêu một cách vụng trộm và đã nhờ mối lái, dạm hỏi cô. Rồi Vịt đã vay giạt để cưới cô ta, bằng một số tiền, mà sau này hai vợ chồng phải công lưng trả nợ, tới ba bốn năm chưa hết ! Cũng chính ở nơi đây, trước mặt Vịt, thằng Mô-lanh — con dê già khét tiếng — đã có lần nó toan làm nhục người con gái vừa mới về nhà chồng ấy. Cực chẳng đã, Vịt phải đành để vợ nghỉ việc ở nhà... Bây giờ Vịt đã có con bông, con dất. Chồng quá ! Thằng bé nhật định ngày nào, đã lại trở thành bố trẻ con rồi. Đã bao lần mệt mỏi, Vịt gục xuống chỗ tay lái này thiu thiu ngủ. Đã bao lần bọn xếp, bọn cai nạt nộ mắng nhiếc Vịt, trong cái buồng máy nóng như hầm lò này. Vịt thấy đời mình đã gắn liền với cỗ máy, có nhiều lúc buồn bực, Vịt đã tìm thấy sự an ủi, trong cái tiếng kêu ròn và trong của chiếc mô-tơ kia. Nó gần như một bộ phận, không thể thiếu được trong cơ thể Vịt, Vịt yêu nó như con mình, mặc dù nhiều lúc vì nó mà Vịt phải ăn đòn, phải cúp lương... Phá máy ! Vịt không bao giờ nghĩ rằng : mình có thể phá phách cái máy mà mười mấy năm qua, lúc nào Vịt cũng chỉ lo chạy chữa, sang sửa cho nó. Mặc dù đối với nó, Vịt chỉ là một người tù giam lỏng, gần đây đã có lúc Vịt tự nhủ : « Nhất định sẽ giữ cái máy cho thật đẹp, thật khỏe để sau này còn làm việc cho chính phủ ta, làm quà ra mắt các anh bộ đội. Và tặng những người thợ Xi-moong đã tạm biệt xưởng máy đi kháng chiến cứu nước, từ năm 1946. Ngày ấy, chẳng còn bao lâu nữa sẽ đến ». Thế mà mấy ngày nay cái ý nghĩ phá máy cứ thôi thúc Vịt, bắt Vịt phải hành động. Ừ, anh em thì lo nát gan, bàn nát trí để cất giấu, để làm trở ngại việc chuyển máy, chuyển hàng của bọn chủ. Vậy mà mình lại giúp chúng nó, mang hàng đi

hay sao ? Không, phải giữ lại, giữ lại tất cả. Nếu không, sau này chính phủ về lấy máy đâu mà làm. Nhà máy không chạy thì đời sống sẽ ra sao ? — Phá, phải phá thôi. Vịt ngắm nhìn cái vành bánh xe, đang quay tít kia suy tính. Anh em ở kho cho biết, số bánh xe ấy hiện không còn nữa, nếu đúc mới, phải mất ít nhất một tháng mới xong. Một tháng, khoảng thời gian ấy, đã cản trở biết bao nhiêu công việc nằm trong âm mưu của bọn chủ ? Chà, 'cứ mỗi giờ không phải cầu xuống bảy mươi tấn thì, nhất định số hàng còn lại sẽ thuộc về ta. Máy móc nặng thế, không thể dùng tay và vai người mang xuống được. Phải phá ! Nhưng... một dấu hỏi khá to đặt ra trước mắt Vịt : phá thì dễ, nhưng sẽ ăn nói thế nào với thằng Vi-la ? Trót lọt đã vậy, ngộ nhỡ chẳng may bị lộ thì tránh sao khỏi đồn roi, tra tấn. Rồi thân mình đã thế, còn vợ và các con ? Hòa bình đến nơi, trong lúc người ta đang chuẩn bị đón bộ đội cụ Hồ về giải phóng thì, mình lại phải bước vào cái vòng nguy hiểm này ư ? Chết ! đành rằng cái chết không bỏ sót một ai, nhưng chết như thế nào đây. Chết mà không được trông thấy đất nước khi giải phóng thì thật uổng đời quá ! Bỗng nhiên anh thoáng nghĩ tới những người đã chết cho đất nước được giải phóng. Vịt lặng người, anh buông lỏng tay phanh, hai sợi dây cáp, cuộn nhanh vào cái trục bánh xe. Vịt tưởng như sợi dây cáp rắn như thép ấy, đang đứt ruột, đứt gan mình lại. Có tiếng tên đội xếp, ầm ầm quát mắng bọn lính. Vịt giạt mình, đưa tay gạt những giọt mồ hôi chảy ra ở trán, ở cổ. Thằng đội xếp lại hò hét, hình như nó đang gọi Vịt thì phải. Đã mấy giờ đồng hồ, Vịt mới chỉ cầu xuống được có mấy hòm. Thế cũng quá nhiều rồi ! Không, không thể kéo dài tình trạng này được. Phải hành động... Trong một giây, tất cả những kỷ niệm đau buồn trở lại rõ nét trong ký ức Vịt. Anh thấy ngay cái cảnh, những người bạn của anh chết đói, chết rét. Cái cảnh mẹ anh nằm thoi thóp chờ cái chết, chỉ vì không tiền uống thuốc. Cảnh đứa con trai thứ ba của anh, nằm chết trên lưng mẹ nó... Cảnh công lưng trả nợ, những món tiền phải dứt lốt cho hàn Cầm, lý Nghếch. Cảnh thằng quản Mạ, thằng Si-lu, thằng Ca-de, thằng Vi-la cầm roi, quát vào lưng, vào mặt anh bất cứ lúc nào... Sau mấy phút ngắm nghía cái cỗ máy, mình đã quen tên từng chiếc đinh ốc ; quen từng miếng sắt, miếng thép nhỏ nhất, Vịt hơi dướn người nhìn qua cửa sổ. Từ trong các kho, số hàng chở ra mỗi lúc một nhiều, và dưới chân máy cầu, bọn lính đang cãi vã với nhau, hình như chúng cũng biết rằng chúng đang làm cái việc

đồng lõa với bọn chủ Pháp, ăn cướp mồ hôi, máu và nước mắt của người thợ. Vịt cho máy quay một vòng thật nhanh, rồi từ từ nhả những sợi dây xích xuống, nói lớn :

— Cho một hôm nhẹ thôi, máy yếu lắm rồi các ông lính ạ !

— Lệnh của trên, phải cho các hôm nặng đi trước, chúng tôi không có quyền. — Thằng đội xếp nói vọng lên : — Bác Tài mệt hả ? Uống tí rượu mạnh không ?

Vịt vờ như không nghe thấy, anh nhìn thẳng vào mặt tên đội xếp, ướm hỏi :

— Cầu nặng quá, vỡ máy thì sao ? Các ông có dám làm chứng cho tôi không ?

— Được, cứ làm, vỡ bọn tôi làm chứng cho đừng sợ, chúng tôi nói một câu là xong ngay.

« Làm chứng à ? » Hay lắm ! Vịt chỉ mong có thể « Chúng mày mắc mưu tao rồi ». Lúc này, Vịt thấy mình đã rất bình tĩnh. Anh thận trọng nhắc mã hàng lên cao hết mức rồi bất thình lình, thả phanh... mã hàng lao vút xuống như một quả bom. Bọn lính đứng đỡ hàng ở dưới lòng sà lan rú lên. « R...aà...m » âm thanh của một sự đổ vỡ lớn, dội lên rồi vang vọng đi. Chiếc máy rung lên những tiếng :...« Bập... bập » nghe như một tràng đạn súng máy rồi « tách » một cái, chiếc vành bánh xe vỡ rời ra, rơi xuống loảng xoảng...

— Máy làm sao thế ? Thằng đội xếp hốt hoảng hỏi lớn.

Vịt làm ra vẻ thiều não, quay xuống trả lời xằng giọng :

— Vỡ mẹ nó rồi ! Tôi đã bảo từ trước mà !

Thằng đội xếp lùi lại, gieo mình xuống vệ đường, mặt cắt không còn hột máu. Nó thoáng nghĩ : « Không khéo mình mắc mưu thằng « Vẹm »⁽¹⁾ này rồi ! » Trong khi tên chỉ huy lo sốt vó thì bọn lính thò phào. Một đứa nói vào tai bạn :

— Máy vỡ càng được chơi. Mẹ cha bọn « lỗ » gớm thật. Chết đến đít vẫn không từ bỏ cái tính ăn cướp... Tao nghi lão tài lắm mày ạ !

— Đào, đừng vạ mồm.

Dưới sông, chiếc sà lan vẫn chòng chành, mặt nước phù sa đỏ ngầu cuộn lên từng đợt, từng đợt sóng.

(1) Bọn Pháp ám chỉ Việt minh.

Mấy hôm nay, Vịt bị đau chân không vào sở được. Cái bệnh phong tê liệt ở người mẹ, hình như đã di truyền sang dòng máu Vịt. Nằm nhà, anh thấp thỏm, lo lắng cho anh em, đồng chí mình. Được bác Đào cho biết, anh Viễn cũng vừa phá chiếc cần câu số 12 trót lọt. Sau khi Vịt phá vỡ chiếc bánh xe, chiếc máy nằm chết cứng trên bệ. Thằng Vi-la đã mấy lần gọi điện cho sở mật thám. Nhưng bọn mật thám, hồi này cũng không thích vác mặt sang cái sở này nữa. Chúng nó cho một tên sang dò xét, song mấy người Cai — từ dân thợ lên — có cảm tình với phong trào, đã đứng ra bảo chữa cho Vịt. Được tin ấy, Vịt vui như mở cờ trong bụng, anh gắng gượng dậy mấy lần nhưng đi không vững nữa. Hai cái cõ chân cứ phù nề như hai bắp chuối, Vịt không chộp mắt nổi lấy một giờ đồng hồ vì, các ống xương cứ như bị con sâu, con mọt đang gặm nhấm, đục khoét vào đến tủy. Hồi này bọn tay sai, đang ráo riết tuyên truyền dân chúng theo Pháp vào Nam, nó nói xấu chính phủ ta đủ đường. Và dùng cả tiền bạc dụ dỗ, mua chuộc, nhưng cả xóm không một nhà nào chịu đến đăng ký cả. Xóm làng quanh quẽ, một số gia đình bỏ về quê — khu vực đã được giải phóng — một số quần chúng tốt thì được cử đi học lớp tiếp quản ở hậu phương, thành ra số đàn ông vợ hẵn đi.

Vịt bực bội, bảo thằng con lớn thấp đèn lên rồi bò đến giường nằm. Mỗi bước đi, nét mặt anh lại nhăn nhúm, cái vai hơi lệch càng gù xuống, trông anh già hốc hác như một ông cụ.

— Nhà này, hay là ta lánh ra ngoài ít lâu chứ, bình tình này rồi nó cũng sẽ cần mình xuống tàu há mồm, như bà con công giáo vừa ở các tỉnh đến thì chết.

— Ai cũng nghĩ như mình, thì ai là người ở lại đề giữ máy ? Mình nghĩ xem, nó dở hết đi, sau này lấy gì mà sống, đời mình khổ sở đã quen rồi. Nhưng còn con cái thì sao. Đời chúng nó, không thể sống như cái kiếp mình được.

Vịt nhìn vợ, qua ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu hỏa, không biết anh đã nói với vợ như thế bao lần rồi. Nhưng lúc này anh vẫn muốn nhắc lại. Vợ anh, một người trạc gần bốn mươi tuổi, khỏe mạnh và mẫn dẽ. Cái cô con gái mặc váy năm bức, đội khăn mỏ quạ, thường đứng dưới tay lái cần trục của anh, đã sống với anh hơn mười lăm năm rồi. Người đàn bà đã từng chịu đựng những đắng cay ; mất mát trong cuộc đời, giờ đây đang ngồi ôm thằng con nhỏ vào lòng. Chị vuốt vuốt mái tóc nham nhở, trên cái đầu trọc của con rồi chậm rãi nói :

— Nhà ạ, tôi tính kỹ rồi, anh em trong sở thiếu gì người mạnh chân, khỏe tay. Thiếu mình, anh em vẫn làm được kia mà. Nhà

nội phải đây, thân mình đã vậy, còn lũ con đây, nhà mà có xảy ra chuyện gì thì tôi sống sao nổi? Mấy hôm nay tôi cứ thấy máy mất luôn luôn, chẳng hiểu cơ sự ra thế nào nữa...

Nghe vợ nói, Vịt thấy cũng có lý. Nhưng nghe vợ thì anh chưa dám quả quyết. Giữa lúc đó, có tiếng người gọi gấp, hình như người ấy vừa chạy từ xa đến. Chị Vịt quay sang thò mạnh một hơi, ngọn đèn nhỏ vừa bằng hạt đỗ phụt tắt. Gian nhà tối như bưng lầy mắt. « Mật thám chắc? » Chị Vịt thoáng nghĩ, đứa con nhỏ đang nằm tròn trong lòng chị, cựa quậy rồi khóc ré lên, chị Vịt vội vàng nhét vú vào miệng nó. Có tiếng còi ô-tô và tiếng hò hét, từ trên phố cảnh binh ở chỗ đầu xóm vọng lại... Tiếng chó sủa mỗi lúc một to. Vịt khẽ trở mình, thằng con trai lớn cũng nhích ra nép sát vào ngực bố.

— Bố ơi, con hãi lắm.

— Im!

Căn nhà lắng trong sự im ắng đột ngột. Vịt nghe rõ tiếng tim mình đập rộn trong lồng ngực. Và, hơi thở hồn hển của đứa con trai. « Sao hôm nay chúng nó xục sớm thế? » anh thầm nghĩ: « nó tóm mình chắc? »

Một phút rồi hai phút trôi qua! Hai cánh cửa gỗ ộp ộp lại khẽ rít lên.

— Cậu Vịt ngủ rồi à? Mở cửa ra, Vĩnh đây. Vĩnh cao đây...

Nhận ra tiếng người quen, Vịt nhồm ngay dậy chào phào:

— Chết chưa, bác Vinh sang chơi... Ủ mày thấp đèn lên...

Người đàn bà vẫn chưa hoàn hồn. Như một cái máy, chị sờ túi lấy bao diêm, châm vào đèn. Cái đốm sáng vàng ệch, hắt lên khuôn mặt hầy còn nhợt nhạt của chị. Bác Vinh khom người, đi qua khuôn cửa gỗ. Biết anh Vịt đau chân, bác ra hiệu bảo anh cứ nằm nghỉ rồi bác đến ngồi ở mép phản nói nhỏ:

— Nguy to cậu ạ! Cái thằng Sinh không chịu được đòn...

— Sao bác? Tình hình ra sao? — Vịt ngồi dậy nhăn nhó hỏi dồn: — Nó khai anh em ta rồi à? Hay là...?

Bác Vinh ngồi thừ ra, cái vóc người cao quá khổ của bác, hình như hơi gù xuống. Bác nhìn về phía người đàn bà rồi nhìn Vịt như có ý dò hỏi. Vịt hiểu rằng: Công tác bí mật đã giúp người thợ già này, có thêm kinh nghiệm trong việc « phòng gian bảo mật », vì vậy anh lên tiếng trước:

— Bác cứ tự nhiên, ở đây chỉ có chúng ta thôi!

— Chiều nay, thằng Sinh dẫn bọn mật thám về trạm bơm nước ngọt — Bác Vinh hạ thấp giọng gần như nói thầm: — Chúng nó bắt cậu Vân thọt rồi.

— Đồng chí Vân bị bắt? Còn ai bị nữa không?

— Chưa biết, nhưng có lẽ chúng ta phải tạm tránh đi thôi cậu ạ!

— Chạy đi đâu?

Vịt bỏ thông cả hai chân xuống mép phản, anh không giấu nổi sự băn khoăn lo lắng nữa. Anh nghe thấy vợ anh phàn nàn: — Tôi đã báo mà. Nước đến chân rồi mới nhảy...

— Bác định chạy đâu?

— Tớ vào sở! Ở trong ấy rộng chỗ hơn. Nếu nó vây, mình còn có lối mà chuồn, và lại lúc này mình không thể bỏ máy cho chúng nó được... Cậu thấy có phải không?

— Đúng đấy, nhưng phải cẩn thận. Thế bác đã báo cho anh em chưa?

— Đã, khi nãy tớ gặp anh Đào, anh Hãnh nên đã báo đề các anh ấy biết rồi, còn các cậu khác thì ở cả trong sở. Bây giờ vào tớ sẽ báo một thẻ.

Bác Vinh cao ngồi chưa nóng chỗ, đã vội đứng lên:

— Thôi tớ đi đây, cậu cũng chuẩn bị thì vừa.

Vịt cố nhịn đau, tiễn bác Vinh cao ra đến cửa. Rồi quay vào, bàn thêm với vợ xem nên như thế nào. Hai vợ chồng rì rầm bàn tính một hồi; cuối cùng anh an ủi vợ:

— Chẳng lo, nếu cô bắt thì nó bắt rồi, chắc là thằng Vinh không khai ra mình. Nói vậy thôi, thực tình lúc này Vịt không dám thò mạnh nữa, anh có cảm giác như bọn mật thám, đã phục sẵn ở quanh nhà mình rồi. Bất kỳ lúc nào chúng nó sẽ xông vào, gọi đích danh Vịt và trói gô anh lại, quăng lên xe, tống vào nhà giam... Hơn lúc nào hết, Vịt thấy rõ tác hại của sự hèn yếu! Ừ, giá nó gáng nó chịu thì làm gì đến nỗi. Khổ thân cậu Vân thọt, sức vóc ấy chịu sao nổi đòn roi của chúng? Liệu cậu ấy có xưng khai không? Cút thật! Làm thế nào bây giờ? Cái bệnh phong quái ác này, định bắt mình chết hay sao? Chết! nếu nó cho mình một phát đạn chết tươi ngay thì còn đỡ chứ, nó tra tấn què chân, gãy tay rồi sau này có sống cũng chẳng làm được mà ăn. Ồi người ở tù ra đã trở thành tàn tật, chính mắt mình trông thấy rồi! Chạy ư? chạy đằng nào cho thoát, trong khi mật thám, cảnh binh đang chăng lưới khắp nơi, lại còn trách nhiệm nữa. Vịt đang rối bời lên vì những câu hỏi, do chính mình đặt ra, bỗng giật thót người khi nghe tiếng phanh xe, rít trên mặt đường. Anh khẽ đẩy cánh cửa sổ nhìn ra. Thôi chết! chiếc xe díp đứng án ngữ ngay đầu xóm. Và, còn kia nữa; một chiếc xe bộ hung đang chiếu hai ngọn

dèn pha sáng quắc, vào đúng ngôi nhà này. Nó vậy xóm thật rồi! Thảo nào, khi chiều ở đồn cảnh binh làm người thế, chắc là nó tập trung, đề tiến hành cuộc vây lùng hẳn thôi!

Vân dấn mắt vào cửa sổ, qua ánh sáng của hai ngọn đèn pha, Vịt đã nhìn thấy bốn thằng lính đội mũ sắt, nháy ra khỏi xe díp. Chúng bám đèn pin loang loáng và xì xỏ với nhau những gì chẳng rõ. Nó tìm nhà mình chẳng? Vịt dướn người, nhìn tới chiếc xe bộ hung đen chúi chúi, anh đã nghe thấy tiếng máy nổ đều đều. Và, tiếng bọn ngồi trên xe lao xao, anh đoán đó là bọn cảnh binh ở trong bột, đi hộ vệ chiếc xe díp của bọn Pháp.

— Bu mày ơi! Nếu nó rẽ vào ngõ nhà mình thì bu mày, dắt tôi ra cái bờ nước nhá. Tôi lách vào đó rồi bu mày dậy nấp lại...

— Thế còn tôi và lũ trẻ thì sao?

— Đừng nói to thế. Cho tôi vào bờ rồi mấy bu con, chạy sang hàng xóm mà ngồi. Vịt thờ dốc: — Nếu nó gọi thì chớ có chạy, chạy nó bắn là tôi đời, nghe chưa?

— Chết thì cho nó chết cả, mẹ con tôi không đi đâu đâu.

— Kia, bu mày làm sao thế? Gắt với tôi được tích sự gì, vợ chồng chỉ cậy nhờ nhau có cái lúc hoạn nạn này... Ấy là phòng xa vậy, chứ chết thế nào được.

Hai chiếc xe vẫn đứng ở đầu ngõ. Có tiếng người nói rất to, như truyền lệnh rồi chiếc xe díp rú ga, chồm lên lao thẳng lại phía cuối xóm. Hai ngọn đèn của chiếc xe bộ hung lừ lừ tiến theo sau. Tiếng chó sủa mỗi lúc một dữ. Nó đi đâu, bắt ai? Vịt làm sao biết được, anh gieo mình xuống tấm phản, hai ống chân bị động mạnh, đau nhói lên đến tận óc. Cái cảnh tù đầy, tra tấn mà ngày nào anh Doãn kể cho nghe, lúc này vụt hiện lên trước mắt Vịt. Vịt tưởng như đang gặp lại tất cả những người thợ xi-moong còn sống ở trong các đơn vị bộ đội. Và cả những anh em đã chết. Vịt nhớ đã có lần một đồng chí trong ban lãnh đạo phong trào nói: «lớp thanh niên xi-moong những năm 1930, không còn nhiều. Nhưng các đồng chí đó, đã sống kiên cường và chết anh dũng. Mảnh đất chúng ta đang tranh giành lại trong tay bọn chủ Pháp, đã thấm máu và nước mắt của hàng vạn con người, trong suốt nửa thế kỷ nay. Trách nhiệm của chúng ta không phải chỉ giữ máy móc, giữ tài sản lại cho những người còn sống. Mà chúng ta còn phải giữ lại tất cả, những gì hiện có trên mảnh đất này vì những người đã chết...» Đúng quá, hai mươi năm năm lần lộn trong nhà máy. Vịt đã nếm mọi sự bất công, áp bức. Và, Vịt đã vượt qua cái đói, cái rét, vượt qua đòn roi, để giành lấy sự sống trong đời thợ của mình. Lúc này đây, giữa sự sống và cái chết đang tới,

anh muốn rằng mình không được ru^{sợ}. Ừ, từ ngày còn là thằng bé nhất định mắc «ngáo» anh đã ước ao được nhìn thấy những người thợ làm chủ vĩnh viễn nhà máy của mình, ngày ấy sắp đến rồi đây! Không thể chết được. Phải sống, sống để kể lại cho lớp con, em mình nghe những gì mình đã trông, đã nghe và, đã từng nghiền răng chịu đựng... Phải sống, sống để làm việc cho mình, cho con em mình...

Ý nghĩ ấy nhen lên trong lòng Vịt một ngọn lửa. Không, ngọn lửa đã có trong anh từ khi anh gặp Doãn, gặp các đồng chí đảng viên cộng sản của chi bộ Xi-moong, giờ đây anh thấy như mình vừa tiếp nhận một ngọn gió; ngọn gió ấy đã thổi bùng lên trong lòng anh một niềm tin sắt đá ở tương lai. Anh khẽ mỉm cười. Ngoài kia, cách gian nhà giột nát âm thấp này, không quá hai trăm thước. Hai chiếc xe với những tên mật thám, những tên cảnh binh, có đầy đủ vũ khí đang đi lùng xục. Ánh sáng của hai ngọn đèn pha như đôi mắt của con quái vật hung dữ, đang nhòm ngó vào xóm thợ. Vịt không thấy sợ nữa. Cặp mắt anh như cũng bật ra những tia sáng; tia sáng ấy muốn xé rách bức màn tối. Và chiếu thẳng vào mặt kẻ thù: «Chúng mày có thể bắt tao, đánh hoặc giết chết tao. Nhưng chúng mày không thể, không bao giờ có thể giết hết được những người thợ xi-moong».

Tiếng phanh xe lại xiết nghiêm trên mặt đường. Bọn lính tranh nhau nhảy xuống, tiếng súng ống va chạm nhau lách cách. Và, tiếng chó lại sủa ran...

Vịt thấy đứa con trai lớn nín áo anh hỏi:

— Bố ơi. Khi nào thì các anh bộ đội của ta mới về bờ?

— Sắp rồi, bộ đội ta sắp về rồi con ạ!

Vịt ôm xiết đứa con trai vào lòng, anh lăm răm như thề đang tâm sự với nó: «Còn tám mươi hai ngày nữa bộ đội sẽ về; những người thợ xi-moong sẽ về. Cũng chỉ còn tám mươi hai ngày nữa bọn lính Pháp sẽ cuốn gói, thằng Gay-a và bọn xếp lớn, xếp nhỏ sẽ phải rút xéo khỏi sở Xi-moong. Năm chiếc lò nung không lò. Và, hàng trăm, hàng trăm máy móc các loại sẽ ở lại, vĩnh viễn ở lại với mình; với hàng nghìn anh em đồng chí mình. Ừ, có chẳng mình chỉ mất đi, cái KHỒ cái NGHỀ mà mấy chục năm qua mình đã phải đeo đẳng!

Lát sau, hai chiếc xe ô-tô nổ máy, b^{ấm} hực trở về đồn cảnh binh, xóm thợ trở lại không khí vắng lặng của nó. Vịt dấy tấm cửa sổ ngược nhìn lên. Trước mắt anh, sở Xi-moong vẫn đứng bộ vệ; nung cao quá tầm mắt. Tất kiêu hãnh với những cột ống khói lơ lửng một góc thành phố Hải-cảng cả cái cơ nghiệp đồ sộ, chiếm hẳn

này, in nổi lên nền trời trong và xanh ngắt. Đẹp, đẹp và hùng vĩ quá, sở Xi-moong của những con người đang sống. Và, những con người đã chết!

Vịt đã thức một đêm trắng, đó là đêm thứ hai trăm mười tám, của những người dân Hải-phòng sống trong khu vực tập kết 300 ngày. Anh mỉm cười khoan khoái. Và thầm nghĩ:

— Sáng nay phải vào sở. Đau cũng đi, không thể để cho bọn ăn cướp, chúng nó phá tan cơ nghiệp của anh em mình được. Phải bám chắc lấy từng cỗ máy. Nhất định phải giữ lại, giữ lại tất cả.

ĐÔI ĐỜI

Hôm nay bác Việt⁽¹⁾ dậy sớm hơn mọi ngày. Chiếc đồng hồ báo thức còn kém mười phút mới đầy năm giờ. Bác xách cái ấm nhôm xuống bếp, đun ít nước sôi. Sáng mùa xuân, nền trời ngan ngát tím; gió nhẹ. Khu nhà công nhân tập thể nằm thành từng dãy, từng dãy như một đường phố. Trăng thượng tuần trải ánh sáng trong vắt xuống cảnh vật, những mái ngói đỏ xẫm, dịu mắt quá! Ngồi bên bếp lửa, nghe tiếng củi nổ tí tách, tiếng nước reo nhỏ nhỏ, bác Việt thấy lòng mình thật sự khoan khoái. Ngoài kia, năm ống khói của bảy chiếc lò nung khổng lồ đang thi nhau «thở» lên bầu trời những hơi thở đều đặn. Bác nhớ đã có lần đồng chí Bùi đình Đồng — người thợ xi-moong cũ — bây giờ là giám đốc kiêm bí thư đảng ủy nhà máy đã nói: «... Sắp đến Hải-phòng từ xa ai cũng nhìn thấy làn khói trắng. Có người bảo đó là khói, là bụi hay đẹp hơn là lụa, là mây. Nhưng công nhân nhà máy chúng tôi thì coi nó là «hơi thở» của mình». Đúng quá! Trên cái xóm thợ «chiều thương» xưa kia, giờ đây là một khu nhà máy mới xây dựng. Cái ống khói mới, trông cao vượt hẳn lên. Mỗi lần đi qua, bác Việt lại đứng sững nhìn không chán mắt hai chiếc lò nung lộ thiên, năm sóng hàng trên những bệ máy cao quá đầu người. Có những lúc, bác cố tìm lại một dấu vết, dù là rất nhỏ bé của cái xóm thợ «đau thương» ấy, nhưng trước mặt bác, những ngôi nhà đúc bằng bê-tông cốt thép đứng sừng sững, với những cỗ máy thoạt trông chỉ thấy rất nút xanh, nút đỏ. Nếu

như khu nhà máy cũ, có cái vế đường bê cổ kính thì, ngược lại khu nhà máy mới, mang cái nét trẻ, khỏe mẽ như người con trai đang ở cái tuổi mười tám, đôi mươi. Đẹp, đẹp lắm! Bác Việt chỉ biết dùng cái chữ «đẹp» để ca ngợi thành quả lao động và sức sáng tạo của lớp thợ mới. Thoáng đấy, đã mười năm qua rồi. Mười năm qua, bác đã thực sự sống và làm việc cho mình. Bác đã sống một cuộc sống với đầy đủ ý nghĩa của nó. Đôi khi, bác có cảm giác như mình đang ở một nơi nào rất xa lạ. Và đã có lúc bác ngỡ rằng mình không phải là thằng Vịt, cái thằng bé nhất định; cái tên cu-ly mắc «ngáo»; cái anh thợ cần trục luôn bị đánh đập, cúp phạt, mà là một con người khác, hoàn toàn khác. Không, vẫn con người ấy, con người đã vượt lên cái khổ; cái nghèo; cái đói rét của những năm xa xưa, để giành lại quyền sống làm người.

— Kỳ lạ thật!

Bác Việt nói to lên một mình, đôi mắt đã hơi bị lơ dờ cùi nhăn, vụt sáng như ánh lửa đang nhảy múa trước mặt kia! Sau khi rót nước sôi vào cái phích vỏ sắt có in bông hoa hồng rất đẹp. Và, nhẹ nhàng mở tủ «buýp-phê» lấy lọ chè hương, bác Việt mỉm cười thầm hỏi: «Quái thật, chẳng biết mình nghiện cái món này từ bao giờ nhỉ?»

Lát sau, ngồi nhấm nháp thưởng thức cái hương thơm và độ chát của tách trà, bác Việt ngắm nhìn gian nhà của mình. Ừ, từ hôm đóng thêm cái giường «mô-đéc» để khi nào thằng Hoa hết hạn nghĩa vụ quân sự trở về, rồi sẽ lo chuyện vợ con cho nó. Nhưng chẳng biết nó có đồng ý không, thành ra gian nhà hơi chật một tí. Có nhẽ rồi phải chuyển một cái tủ vào phía trong kia. Cái tủ «buýp-phê» này kê sang chính giữa bức tường, cho nó cân xứng với bộ bàn ghế. Chà, không biết những đồ đạc này nó kéo nhau đến quần tụ ở đây từ lúc nào thế?

Tiếng loa phát thanh ở đầu xóm vang lên. Bác Việt đứng dậy với tay bật «toách» một cái, căn nhà thêm vui vì tiếng nhạc rộn ràng từ chiếc máy nhỏ phát ra. Như thường lệ, khi nghe bản nhạc dạo của đài tiếng nói Việt-nam, bác Việt gái trở dậy, chuẩn bị đi tắm. Và, Bình, Cường, Thường ba đứa con trai, mỗi đứa cao hơn nhau một cái đầu, cũng bảo nhau xem lại sách vở; học ôn bài rồi đến trường. Tất cả mọi việc đã đi vào nề nếp, nên bác Việt không phải bận tâm nữa. Bác lấy bộ quần áo, may bằng thứ vải ka-ki màu hồng ra mặc. Hôm nay bác đi dự đại hội chiến sĩ thi đua toàn thành đây. Bác mở cái hộp nhỏ, thận trọng gài lên ngực áo bốn chiếc huy hiệu chiến sĩ, bằng kim loại màu trắng. Và một

(1) Sau Cách mạng tháng Tám, bác Vịt được đổi tên là Việt

chiếc huy hiệu bằng kim loại dày có cái cuống dẹt bằng thứ vải « ba-ga » màu đỏ, viền vàng rất đẹp. Mỗi lần ngắm nhìn ngôi sao đỏ in nổi trên nền kim loại màu vàng nhạt. Và, hàng chữ : « Thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa » bác Việt lại thấy quả tim đập rộn trong lồng ngực mình. Những ngón tay tù mập rần rần lại vì trãi sẹo, nâng niu cái huy hiệu ấy, một cách trang trọng lạ. Mười năm qua, sáu năm được anh em suy tôn là chiến sĩ thi đua, bác đã từng được tham dự những đại hội lớn. Nhưng lúc này đây, ngắm nhìn chiếc huy hiệu mang dòng chữ : « Thanh niên tích cực lao động xã hội chủ nghĩa ». Bác Việt, như đang sống lại những giờ phút sôi nổi, trong đại hội của những người thợ trẻ tiên tiến toàn miền Bắc. Đúng rồi, trong đại hội ấy chỉ có mình và hai ông bạn già — một ở cảng, một ở mỏ — được mời về tận thủ đô. Và ngồi trên hàng ghế đầu tiên, trong cái hội trường rộng mênh mông ấy ; với tư cách những người tích cực giúp đỡ phong trào thanh niên. Bác không ngờ trong bản báo cáo của Đoàn thanh niên Xi-măng, các đồng chí ấy lại nhắc đến tên mình. Và chính đồng chí bí thư thứ nhất của Trung ương Đoàn, đã mời mình và hai ông bạn già lên tận bản Chủ tịch rồi, trình trọng gắm tặng mình chiếc huy hiệu này. Cảm động và sung sướng hơn cả là mình đã được gặp Bác Hồ, được thấy Bác hồng hào khỏe mạnh và được nghe Bác khuyên dạy lớp thợ trẻ, những điều thật chí tình, chí lý. Có bao giờ mình quên được, nét mặt hiền hậu của Bác, khi Bác từ diễn đàn bước xuống. Bác đã đến trước mặt mình, vỗ nhẹ lên vai mình, lên vai hai ông bạn già của mình, Bác nói : « các chú thanh niên, các chú phải học tập, khiêm tốn học tập các bác thợ già... » Và Bác không quên hỏi thăm sức khỏe mình nữa! Chao ôi! Còn gì sung sướng hơn thế nữa. Bác Việt, không hiểu lúc đó mình đã nghĩ gì. Nhưng từ sau ngày được gặp Bác Hồ, được gặp Thủ tướng Phạm văn Đồng, được nghe những bản báo cáo diễn hình, được nghe những lời phát biểu của các đại biểu thanh niên quốc tế, tự nhiên mỗi cảm tình sẵn có của Bác đối với lớp thợ trẻ, mỗi ngày một tăng lên. Bác còn nhớ hồi bác xung phong dạy nghề cho thanh niên, đã có người bảo :

— Ông Vịt ọ! Có ai lại dạy như ông không? Ông dạy bọn trẻ đề rồi sau này, nó hất cẳng cánh già chúng mình sao?

— Tôi không nghĩ thế. Bác Việt trả lời rất thẳng thắn.

— Bọn nó làm được rồi ông xem, tôi sợ đến lúc mất chân rồi hối không kịp.

Bác Việt không thể nghe theo ông thợ già còn mang cái tư tưởng bảo thủ giấu nghề ấy. Bác yêu lớp thợ trẻ bởi nhiều lẽ. Nhưng

một ý nghĩ rõ nhất thường đến với bác : « Thanh niên là cánh tay đắc lực của Đảng, là linh xung kích trên mọi mặt trận. Họ là những người hăng hái yêu đời ; là lực lượng chủ chốt trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Trái lại, mình ngày một già yếu, không truyền nghề cho họ, sau này chết đi, có mang theo cái nghề xuống mộ thì cũng thành đất chừ, làm gì được? » Ý nghĩ đúng đắn này đã giúp bác vượt qua khó khăn trở ngại. Và bác thấy hứng thú khi nói với anh em thợ trẻ, những điều mà mình đã gạn chắt bằng tất cả công sức suốt mấy chục năm lăn lộn trong nghề. Chóng thật, mới ngày nào, vậy mà cũng đã hơn một chục các cậu, các cô học trò của mình vào nghề rồi. Mình chịu cái tài thông minh của họ. Nhiều lần những tay có văn hóa cao, hần hỏi lắm câu mình cứ bí rì, nói của đáng tội mình cũng học được ở bọn trẻ ổi cái hay. Sung sướng, tuổi trẻ của họ bây giờ sung sướng thật, giá mình được trở lại cái tuổi của họ nhỉ?

Mãi suy nghĩ, bác Việt không đề ý tới mấy đứa con nhỏ. Sau khi rửa mặt và ăn quả sáng, chúng đang đứng quây tròn sau lưng bác. Thăng Thường bỗng reo to :

— A, bố đẹp quá, bố diện quá này bu ơi!

Bác Việt gái mỉm cười nhìn con rồi nhìn chồng. Bác mừng yêu bọn trẻ :

— Thế chúng mày không thích cho bố diện à? Hôm nay bố đi đại hội chiến sĩ, thế nào cũng có quả đấy. Dặn bố mua cho.

— Không, chúng con thích xi-nê cơ! Mai, chủ nhật bố lại chúng con sang phố xem nhé!

Bọn trẻ cứ lúi rúi quanh chân bố. Ba đứa đều béo tròn và trắng hồng. Bác Việt xoa đầu thằng con út, vui vẻ bảo :

— Được, nếu chủ nhật này anh Hoa về chơi, bố cho cả mấy anh em đi xem một thể. Bây giờ bố phải đi đây...

Mỗi lần nhắc đến Hoa, thằng bé mắt vàng, bụng ông suýt chết mấy lần trong nạn đói « bốn năm », bây giờ đã là anh lính không quân. Bác Việt lại tự nói với mình : « Ai có thể ngờ được rằng, cuộc đời lại thay đổi nhanh chóng đến như vậy? » Bọn em thằng Hoa, không còn nghĩ ngờ gì nữa, nhất định chúng nó rồi sẽ lại vượt xa ; vượt rất xa cái lớp đàn anh của nó.

Bác Việt xuống xe, bước vào cổng nhà máy — Người đội trưởng đội cần trục, muốn đến dặn dò anh em đồng nghiệp, những công việc cần phải giải quyết, trước khi đến dự đại hội.

Đi ngang khu vực nhà máy mới, theo thói quen, bác Việt hướng đôi mắt, về phía những chiếc lò nung không lồ ; về phía hai chiếc máy cầu, đang chạy đi chạy lại trong gian nhà cao và

to nhất kia. Bác sung sướng khi biết rằng, những người học trò của mình, đã sử dụng một cách thành thạo mấy cỗ máy hiện đại ấy.

Năng! Những tia nắng sớm vàng óng làm đẹp thêm con đường nhựa với hai hàng phi lao xanh mướt. Bác Việt thông thả dắt chiếc xe đạp đi nhập vào đoàn người, đang nườm nượp đổ vào các xưởng, lòng bác rộn lên một niềm vui. Dưới chân bác, mặt đất như rung chuyển theo tiếng máy. Và bên tai bác, tiếng động cơ của hàng trăm cỗ máy lớn nhỏ, hòa vào nhau, nghe như một bản giao hưởng, mà người chỉ huy dàn nhạc lớn với hơn 6.000 « nhạc công » là tập thể Đảng ủy, trong đó có đồng chí Đồng, đồng chí Tinh — những người thợ xi-moong cũ. Còn gì sung sướng hơn, khi người thợ thực sự làm chủ nhà máy : thực sự làm chủ cuộc đời của mình?

Cảng Hải-phòng mùa hè 1964

NGUYỄN KẾ TRUYỀN

(ghi theo lời kể của bác Nguyễn thế Vịt)

TỪ THAN BỤI VƯỜN LÊN

Bố tôi làm tàu thủy chạy đường Hải-phòng — Sài-gòn chết năm nào tôi không được biết mặt. Mẹ tôi suốt ngày vất vả hết đầu chợ cuối chợ Hàng Kênh buôn rau muống ; rau cải, tôm, tép mà hai mẹ con vẫn không đủ ăn.

Mười bốn tuổi, cái tầm đang ăn đang lớn của tôi, mỗi ngày chỉ được ăn có một bữa khoai hoặc cháo. Tôi gầy guộc hơn những đứa trẻ khác cùng tuổi. Những đứa trẻ nhà nghèo mồ côi đều thế, cha mẹ đã bỏ. Mười ngoài bốn mươi tuổi, tóc mẹ tôi đã bạc trắng phía trước trán. Mẹ già đi trước tuổi quá nhiều. Già vì làm việc lam lũ, vì lo lắng đến ngày mai mờ mịt của hai mẹ con. Thường ngày mẹ tôi cứ cầm bát lại nhường con, lặng nhìn tôi ăn mà thở dài. Có người thấy hoàn cảnh khổ quá thương hại bảo mẹ tôi :

— Sao thím không dọn nhà sang Xi-moong mà ở, xin việc cho thằng Nấu đi làm ? Sức vóc nó thể chịu khó làm lụng chả được nhiều, ngày cũng kiếm được hào bạc đỡ thím. Hai mẹ con không dư dật cũng còn được bữa cơm bữa cháo. Ở đây thím buồn bán gì cho đủ lãi dán vé chợ?

Cứ kể rằng thằng không có cái khoản vé chợ, buôn bán cũng đã khó khăn, lại còn vé nữa mẹ tôi kiếm vất vả lắm ngày mới được dăm xu. Hai hào vốn cà chua, rau cải phải bốn xu thuê chợ, năm hào vốn tám xu thuê. Buôn được lãi xu nào chỉ vào thuê là hết. Nhiều hôm ở chợ về mệt nhọc mà không lãi, phải ăn lạm vào vốn, mẹ tôi nằm vật ra giường khóc rức lên, vừa khóc vừa hờ hững tôi sao vội chết sớm để khổ cho hai mẹ con.

Mùa hè năm 1922 mẹ tôi dứt khoát dọn nhà sang Xi-moong vì ông bác họ bên phố Bàng đã bằng lòng cho ở nhờ với giá hai hào

một tháng tiền nhà. Kề ra như thế cũng là quá rẻ, so thuê của chủ thầu năm hào một gian nhà giột nát lại phải đóng gạo ăn của nhà nó thì hơn nhiều.

Tôi ngẫm nhìn mười lăm cái lò đứng cao lớn lừng lững chắn ngang bầu trời : khói đen, khói trắng mù mịt, vừa tò mò vừa sợ sệt. Nhà máy chứa đựng cơ man nào là người. Mỗi buổi tầm họ kéo nhau đi về nườm nượp chật cả đường. Họ làm gì ở dưới những căn nhà mái bằng, mái cong nhiều tầng chồng chéo lên nhau ấy ? Tôi không thể hiểu nổi cái gì đã khiến họ nhem nhuốc, mệt lử không buồn bước. Tôi chờ đón và tự nhủ chỉ ngày mai thôi, tôi sẽ biết tất cả những điều đối với tôi nó vừa bí mật vừa kỳ lạ ở trong nhà máy. Tại sao đi làm về là họ phải uống rượu, liệu tôi đi làm có phải như thế không ? Cả đàn ông đàn bà họ uống rượu như uống nước lã. Ở quán lý Tất họ cầm cả chai tu một hơi hết sạch. Vừa uống vừa chửi rủa tục tũn, có lúc lại cười lên the the. Uống xong mặt đỏ gay họ bước những bước lảo đảo về nhà gây sự với vợ, đánh vợ một cách vô lý bằng bất cứ một vật gì thuận tay vớ được. Có chị vợ cực chẳng chịu được đã vác đòn gánh gọi chồng có giới ra đây sống chết cũng đánh nhau. Hàng xóm không khéo can thì anh chồng đã cầm dao đâm vợ như đâm kẻ thù. Lúc ấy còn nhỏ nên tôi chưa hiểu được rằng tất cả những nhục nhằn, đau khổ trong nhà máy mà họ phải chịu đựng chỉ còn cách trút lên đầu người vợ khi họ chưa giấc ngộ, vác gậy vác dao định giết nhau như thế đến đêm họ lại vẫn nằm chung giường và ngày hôm sau chị vợ vẫn gọi chồng dậy. Chồng trở dậy đi làm lăm lăm li không nói một câu, trông vẻ mặt lại hiền như cục đất. Tôi tự hỏi chẳng hiểu mình đi làm có phải uống rượu không ? Tôi thấy lo lo nếu như tôi phải uống rượu mới làm thợ được. Vừa đến đây có đêm ngày, tuy chưa hiểu biết nhiều tôi cứ thấy sợ những người thợ xi-moong thế nào ấy, kể cả ông bác họ tôi.

Tôi lang thang trên bờ sông đào Hạ-lý ngẫm nhìn nhà máy bỗng thấy đàn ông đàn bà đang bùm bùm tắm ở sông không ai bảo ai tự nhiên vội vã lên bờ thay quần áo. Lũ trẻ con cứ nòng nòng chạy lên xô đẩy nhau chí chèo. Tôi thấy lạ hỏi một đứa bằng chạc tuổi tôi :

- Con gì dưới ấy mà chúng mày phải chạy ?
- Không nghe thấy máy kêu à ? Tàu quan chủ đi chơi tiêu cơm.
- Ông chủ nào ?
- Đồ ngốc ! Quan chủ nhà máy chứ quan chủ nào.
- Tao cứ tưởng cá mập đuổi chúng mày.

Một đứa có cái sẹo ở má tỏ vẻ hiểu biết bảo tôi.

— Xi... sông này nước ngang làm gì có cá mập mà sợ.

— Sông này có phải của quan chủ đâu ? Tàu của quan chủ đi cứ tắm sợ gì.

— Đùng — thằng bé có cái sẹo ở má can tôi — Tắm là ăn đá sỏi ở súng cao xu các thầy thông ngôn bắn đấy. Thằng Tý con bác Luyện phó thùng bị bắn đá sỏi vỡ toang đầu chảy bao nhiêu là máu. Các thầy thông ngôn bảo « Tắm như vậy bắn mất quan chủ. Nên người lớn cũng cấm ! »

— Ai bảo nó cứ nhè lúc tàu đi qua là cầm đầu xuống nước giồng cây chuối ngược. Một đứa khác xen vào nói. Nó đã đề ý nhiều lần mình vô phúc nó đừng bắn cho à ? Mọi khi tắm có việc gì đâu... Tàu máy ra đấy !..

Chiếc ca nô mang tên Dơ-sông từ phía nhà tên Sơ-luy đi xuôi dọc sông đào Hạ-lý, bên trên lỗ nhỏ những tây đầm vừa cười vừa nói chỉ trỏ lên hai bên bờ. Nước bị rẽ ra hai bên triển ca nô như hai dải lụa bạc sóng rềnh làm những chiếc thuyền nhỏ đậu trong sông chúi lên chúi xuống trông thành chực đắm.

Tôi đang nói chuyện làm quen với bọn chúng thì người anh con bác tôi đã gọi về. Buổi tối khi cả nhà sắp sửa đi ngủ tôi hỏi ông bác họ :

— Bác ơi sao họ lại cấm tắm khi tàu máy ông chủ xi-moong đi qua. Sông có phải của ông chủ đâu ?

— Ôi dào ! Từ hôm đến tới nay mày hỏi nhiều quá ! Đã là ông chủ, họ muốn cấm cái gì mà không được ? Đùng hỏi nữa, đi ngủ mai dậy mà đi làm sớm. Lớn lên sẽ biết tất cả vì sao.

Buổi đi làm đầu tiên của tôi, mẹ tôi vừa lo lắng vừa mừng, chẳng biết tôi có kham nổi công việc nặng nhọc không. Mẹ nhờ cậy những người hàng xóm làm chỗ ông anh họ xin việc cho tôi là vào đây giúp đỡ tôi, tôi không biết cái gì thì bảo ban họ. Mẹ tôi cứ than vãn với bác tôi là cháu còn nhỏ quá chưa trải việc đời làm tôi rất bức. Bác tôi chả vẫn bảo : « Con người ta làm được, con thím cũng làm được » là gì ?

Mẹ dậy từ ba giờ sáng nấu cơm như những gia đình khác có người làm trong sở Xi-moong. Lúc mẹ đánh thức dậy, trời vẫn còn mờ đất, tôi còn ngái ngủ nhưng cũng cứ đi rửa mặt ào đi cho tỉnh. Mẹ tôi nói như với một người lớn :

— Ăn cơm rồi đi làm con !

Tôi sung sướng, thấy mình đã đi làm có thể giúp mẹ, tôi ngồi xuống mâm nắn nắn cơm sẽ mang theo ăn bữa trưa. Mẹ tôi ngồi nhìn tôi ăn và dặn dò :

— Vào sở phải ngoan, phải chịu khó làm mới kiếm được miếng mà ăn. Giá bố mày còn sống chả đến nỗi này, nhưng bố mày chết sớm ! Tao vất vả cũng không nuôi nổi mày.

Vừa nói nước mắt mẹ tôi cứ ứa ra. Bà thương tôi quá nhưng không làm thế nào khác được. Bữa cơm trộn hai phần khoai khô, tôi ăn rất ngon lành. Ăn xong tôi mới nhớ ra là không hiểu mẹ vay ở đâu ra gạo và khoai để cho tôi ăn. Tôi an ủi mẹ tôi.

— Con đã lớn rồi ! Việc gì mẹ phải lo như thế.

Quả thật tôi nghĩ khác. Không sợ vất vả mà hy vọng đến sự thay đổi mức sống nhiều hơn, hình dung đến những thắng lợi cùng lứa tuổi lúc nào cũng cời trần giờ cái lưng râm nắng đen trũi và cái ghét ra. Nó sung sướng đưa tiền cho mẹ, tôi thấy vui. Mẹ tôi cũng sẽ mỉm cười cầm lấy đồng tiền đầu tiên do con kiếm được đi đóng gạo. Ý nghĩ ấy làm tôi nao nức trong lòng, chẳng e nhớ đến chuyện vất vả bần thiêu mà bọn bạn chúng thường kể.

Khi người anh em họ xa dẫn tôi vào sở, mẹ tôi đưa chân vào tận cổng chờ cho đến khi tôi khuất sau bức tường nhà máy ở mốc màu xin xin của than bụi như tôi sắp đi xa lắm.

Trước còi cấm một lúc người ta dẫn tôi đến giao tôi cho anh Đinh làm cai kíp. Anh lĩnh ở kho cho tôi một cái thúng nói :

— Làm thì phải giữ lấy. Cuối tháng họ trừ tám xu một cái đấy.

Gọi là cai kíp nhưng anh Đinh vẫn phải xúc phải đội như mọi người. Xúc cho tôi một thúng đầy bột vừa ra lò, anh dặn :

— Người ta đội, đổ vào đâu thì mày làm theo đồ vào đấy nghe không ? Đồ sai chỗ, cái đốc công nó đánh cho thì dừ đòn.

Tôi chỉ biết có vâng dạ nghe lời. Anh Đinh bảo ngày trước còn nhỏ tuổi hơn tôi anh đã phải đi làm rồi. Còi cấm nổi lên là tôi thấy tiếng chân người chạy và tiếng roi vụt vun vút vào người, vào nón mọi người. Tôi cũng đội thúng đi theo mọi người.

Với cái tuổi nhằng nhằng mười hai mười bốn chúng tôi họ gọi là phu trẻ con, lương mỗi ngày một hào ba xu, đội bột lò từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối. Những anh lớn hơn được xếp vào trong đội gà giò lương hào rưỡi. Phu ở Xi-moong chia làm hai loại : phu ăn công tây, tây đánh và phu ăn công ta, thì cả ta lẫn tây cũng đánh.

(1) Còi cấm là còi lượt hai. Ai đi sau còi lượt hai thì bị mất buổi.

Công tây là thợ cơ khí, thợ coi máy vận hành... nói chung là về các loại kỹ thuật do Tây quản lý. Công ta là phu hồ, thợ mộc, đẩy xe than xe đá và phu lò do cai thầu quản lý.

Sau khi tháo cờ lạnh-ke trong lò ra, những anh gà giò lại hùng hục xúc cho chúng tôi và phu đàn bà đội. Cái thúng tôi đang đội không lớt mè bên trong nên chỉ vài chuyển tôi đã nhăn nhó mặt như cái bị rách, vì bị nóng trên đầu. Những hạt cờ lạnh-ke còn nóng bỏng giới nước vào sôi xèo xèo, chôn thúng ai cũng ướt xùng, một thứ nước nóng hằm hập rỉ ra tràn cả xuống mặt. Tôi hết nghiêng đầu bên này lại nghiêng bên kia. Mồ hôi vã ra đầm đìa quện với bột lò đóng kết trên da mặt tôi ram ráp.

— Mày mới vào hả ? Đây cầm lấy mà lớt đầu kéo nóng.

Một chị phụ nữ thương tôi cho tôi một mảnh bao tải rồi dặn thêm :

— Có đội thì đi nhanh lên kéo cái nó đánh cho.

Có một cái Sở lò dưới mà mười lăm tên cai : cai Túc, cai Vinh, cai Diêm, cai Kỳ, cai Tít, cai Hợi, cai Long, cai Uất, đội Thước, cai Tều, cai Tích, giáo Minh, cai Hải, cai Hồi, cai Lư.

Trời nắng như thiêu, tôi thấy khát khô cả cổ mà không có lấy một ngụm nước. Muốn uống nước là phải ra máy công cộng. Vào làm đây ai cũng phải chuẩn bị lấy một chai nước, tôi mới đến chưa có kinh nghiệm nên không có nước uống. Mặt nóng bừng bừng, nhìn người ta tu nước mà mình thêm rỏ rãi ra, muốn hỏi nước để xin phép đi uống nhưng tôi sợ cái roi trên tay những thằng cai.

Một bác cùng làm với tôi xin phép cai Kỳ :

— Thầy cai cho tôi đi uống một ngụm nước.

— Không được ! Cai Kỳ hách dịch nói.

— Nắng nôi thế này cháy khô cả cổ mà tôi có dám lơ là đâu ? Tôi chỉ đi một lát rồi về thôi...

Bác ta nói với về ngập ngừng van lơn của một người bậc dưới.

— Được đi nhanh rồi về ! Chậm tao cắt giờ đấy.

Cai Kỳ vụt cái roi vào nón của bác ta kêu bộp một cái. Bác ta mừng rơn, chạy nhanh để tránh làn roi và cũng là để đi cho mau rồi về kéo bị phạt.

Một lúc sau bác ta về cứ lết chân đi một cách khờ sở, mặt nhăn lại trông đến thảm hại. Bác cầm gói giấy xi-măng như ta gói măm tôm, nước ở trong vãi tong tong trên nền nhà lấm bụi đưa cho tôi và bác bảo :

— Uống đi !

Cai Kỳ vụt vào lưng bác một cái roi mây bác oằn người lại, chạy tập tễnh cố lết đi để nhập vào dòng người chúng tôi. Hỏi

ra mới biết chân bác bị vôi ăn giờ lại dẫn nước nên chỗ loét lở bị xót. Cả nhà máy chỉ có hai vôi nước lã, chỗ nước chảy bụi vôi tan ra, ăn những mảnh giấy, cọng rơm người ta vớt lại thành màu vàng khè.

Bác kể lại tôi mới hiểu tại sao mọi người ở đây cứ đi tập tễnh. Ở cửa máy hấp, cửa lò tháo : bụi vôi bay tung ra. Xông vào mũi, phủ người trắng từ đầu đến chân và ăn loét da chân. Những chỗ sứt sứt vì xéng cuốc hay bông không có thuốc thang lại bị vôi ăn thành sâu quảng. Những người bị vôi ăn xót chân như bác không phải là ít. Bàn chân ai cũng loét chảy nước ra vì ngâm trong vôi, không thể đi guốc mà chạy được... Nếu hôm nào trời mưa, vôi ẩm ăn róc da chân từng mảng. Về nhà phải lấy quét trầu cau khô giã với lá nhọ nôi để bôi và hun chân bằng giẻ thì hôm sau mới đi làm được. Nhưng vôi đã hiểm thì giẻ làm gì có nhiều, họ phải hun bằng lá khô.

Chỉ có một máy hấp mà những mười kíp đội thúng lên đồ cờ-lanh-ke vào. Phải xếp hàng một đầu vắn đội nặng, thúng cờ-lanh-ke dè triu trên đầu.

Mỗi kíp bảy tám chục người nên khi tới máy phải tranh nhau mới đồ vào được. Người ta chen nhau ở cửa máy tôi lần lần đứng nhìn các anh gà giò hè nhau đẩy một thanh ray buộc lưng lẳng lên trần bằng cái xích vào lòng lò chạy vô chỗ bị đóng mảng lại. Tôi rất ngạc nhiên, vì sao họ lại vừa đẩy vừa hò « — Ơi đồ ta ! Ơi đồ ta !... »

Từ đằng sau, thằng cai Hợ ở đầu đến vọt đánh véo một cái ngang lưng tôi :

— Mẹ mày, đứng đấy à ?

Không hiểu mình làm gì mà bị đánh, tôi đứng sững và mở mắt to ra nhìn, môi bặm lại.

— À thằng này bướng. Mày định xác xược với ông cụ mày hả.

Lão cai Hợ vọt luôn tôi mấy roi nữa. Tôi đang oằn oại dưới đầu roi thì một người xách thùng dầu đến đỡ ngọn roi cho tôi và nói :

— Xin ông tha cho nó. Nó mới vào làm chưa biết.

— Mới vào thì phải dạy cho nó biết.

Lão cai Hợ hậm hực nói vậy và hai tay uốn cong cái roi bằng mây nhỏ tết xoắn vào nhau. Tôi vừa xoa hông xoa vai thút thít khóc.

— Đi làm đi, còn đứng đấy mà khóc à — Nói xong ông chấm đầu dây vào vai tôi. Tôi vừa đi vừa ẩm ứ, đầu đội thúng cờ-lanh-

ke mà nước mắt cứ trào ra. Cai Hợ bắt cái roi kêu vút vút trong gió làm oai rồi đi. Về nhà tôi không dám kể cho mẹ tôi biết, vì sợ mẹ thương tôi không cho đi làm nữa.

Mấy hôm sau tôi mới biết người bệnh vực tôi hôm ấy là ông Diều già thợ chấm dầu ở lò.

Hàng ngày đến giờ ghi công ký Huỳnh mặc quần tây áo sơ-mi vàng tay, cặp cặp dây cộm đi qua lưng lửng không nói không rằng. Mọi người vây quanh nó tíu tít ghi tên. Nếu ai đến chậm nó đã gấp sổ vào rồi thì đừng hòng nó giờ ra nữa, kêu nài là ăn đòn. Giờ ghi công lại bất ưng không nhất định. Cai muốn đi ghi giờ nào thì ghi cho nên phải nhanh mồm nhanh chân để được ghi công làm vào sổ như xin phát chẩn. Ký Huỳnh mặt cứ lạnh như tiền, đi đến đâu những người xung quanh kêu lên : « Tôi số 31 », « Tôi số 115 », « Tôi số 276 thưa thầy ký ». « Nhờ thầy ghi cho tôi 197 ».

Mỗi lần hắn đi ghi công cũng có mười người mất công mất giờ và hai ba chục người ăn roi vọt. Cho nên vừa thấy hắn đến từ lớn tới bé cứ đồ xô lại. Người ta đã bỏ đi cái tên cha mẹ đặt cho mà nhớ lấy cái số hiệu. Cai ký gọi người cũng gọi theo số. Vào làm sổ làm là phải quên cái tên hàng ngày thường gọi của mình, mà phải nhớ lấy số thẻ làm việc. Ai quên hay nhầm là mất công, bị trừ giờ. Mỗi ngày ký Huỳnh ghi công năm, sáu lượt chẳng may cho ai, đi đại tiểu tiện không kịp báo thì mất giờ công ấy ; mất công đối với phu lò chúng tôi là chuyện thường xuyên xảy ra. Một lần tôi đang xúc cho chị em phụ nữ đội thấy ký Huỳnh đi qua vì đông tôi nghĩ chẳng cần báo công vôi. Mình làm đây thế nào ông ấy chả trông thấy. Khi ký Huỳnh đi quay lại, tôi báo công thì hắn quắc mắt lên hỏi :

— Thế lúc nãy mày đi đâu ?

— Tôi vẫn xúc ở đây, tưởng thầy đi qua cũng trông thấy. Thôi thầy làm ơn ghi công cho.

— Mặc kệ mày ! Ký Huỳnh cặp sổ cứ lửng lơ đi. Tưởng hắn ngại giờ sổ tìm tôi lỗi thôi. Tôi chạy theo nằn nèo van xin thương cho mẹ tôi đang ốm, nó quát :

— Cút ngay đi ! Đến giờ chấm công cứ lần ở đầu ấy bây giờ còn kêu van cái gì ? Mày trốn không làm việc, bây giờ mới tới ra ? Đã thế tao phạt mày nửa công.

Nói xong ký Huỳnh giờ sổ gạch toẹt cả những giờ làm buổi sáng của tôi. Tôi kêu oan hắn liền bắt tại tôi và nói :

— Cấm cái mồm ! Lái nhái nữa, ông đánh bỏ mẹ bây giờ. Cút !

Hắn dùng chân đá tôi. Từ trước đến nay những người vắng mặt bị cắt công trừ giờ là chuyện dĩ nhiên, và ai kêu van là nó đánh nhưng đảng này tôi vẫn làm sờ sờ ra, nó cũng cắt công tôi chỉ vì tôi không kịp báo ngay lúc ấy. Thật uất ức mà không biết kêu ai. Tôi có cảm tưởng xung quanh tôi mọi người đều nhún nhúc thế cả. Họ tin ở số mệnh, cái số nghèo đói làm ăn vất vả. Cũng có đôi người bưng bình chống lại thì bị đánh đập thậm tệ hơn, bị đuổi, hoặc sợ mà bỏ việc đi làm nơi khác.

Chủ thầu Chu Văn Minh, chủ thầu Ngải, chủ thầu Lân, thằng nào cũng giống thằng nào. Chúng thuê hàng đàn hàng lũ du côn làm cai đề ộp phu. Bọn này đã từng can án giết người và có tiếng là anh chị trong đám giang hồ đầu trộm đuôi cướp. Đứa nào càng ác càng được hưởng lương cao, càng anh chị càng được lòng ông xếp. Bọn này mỗi đứa có một cá tính kỳ quặc và thường tỏ chức ộp phu đội thúng đầy chạy như ngựa đề làm trò chơi. Chúng chia nhau đứng từng chặng, thuận tay là vút, vút không kè là đi nhanh hay chậm. Cái vòng người cứ xô nhau lên máy đồ cờ-lanh-ke, lại xô nhau xuống máng xúc, dội và chạy. Nhiều lúc đầu đội nặng, chân đau vì vội ăn tôi chạy một quãng đến đứt hơi vẫn phải nghiêng rặng cổ chịu. Nếu chỉ khuyu chân đồ thúng cờ-lanh-ke xuống hay ngừng lại thở là ăn hàng trăm chiếc của đủ các thứ dụng cụ: mây tết, cọc bỏ, roi tre gai v.v....

Cai Thuyết có đôi mắt to và đen, cái mồm cười rất xinh, nhưng xinh không phải để cười nụ, cười nhân hậu độ lượng với mọi người. Mồm nó cười tay nó vút, cứ có người đi qua là vút không phân biệt già cả hay trẻ con. Vút người hình như thành một cái lệ của nó với phu phen. Đánh được người là nó thích rồi! Nó cười khờ khạo trước sự oằn oại của người bị đánh. Cai Kỳ còn ác hơn. Tính nó nghiện rượu, uống luôn mồm. Nó chõng mấy cái thúng lên nhau ở giữa đường đi rồi đặt mâm nào thịt, nào nem, nào giò, nào chả và một chai rượu đã pha nước lã. Không bao giờ nó quên chiếc roi mây vót nhỏ tết xoắn vào nhau rất tỉ mỉ. Hóp một hóp rượu, cai Kỳ vút một roi vào người đi qua, không cần biết người ấy làm ăn thế nào, đi nhanh hay chậm. Hắn không bao giờ biết cười. Bộ mặt lúc nào cũng quăm quăm như đang đứng trước kẻ thù. Vô phúc cho ai uốn người tránh roi hoặc oằn oại mình mà đồ thúng cờ-lanh-ke xuống là lập tức bị đâm thùm thụp vào ngực vào mặt, bị đá vào bụng vào sườn bằng đôi giày da trâu bít sắt ở mũi cho tới lúc cai Kỳ mệt nó mới ngời tay. Cai Uất cái ác nó khác hai thằng kia. Người hắn gầy tọp vì hút thuốc phiện, mặt sắt lại, hai môi thâm sì trông đến ghê. Cai Uất mang cả bàn đèn

vào sờ. Hắn hút xong thuốc phiện, đứng chống hai tay vào đầu gối khom lưng như người ra một thế võ. Hắn lại hay ngủ đứng. Hễ mở mắt ra thấy người đi qua là cai Uất đá liền.

Phu đội sờ lò chúng tôi ngày nào trong mình cũng có nốt lằn của roi hay vết tím bầm của những chỗ bị đá bị đâm, bị đánh bằng dùi cui. Ai không có vết bầm vết tím là không phải phu sờ lò.

Mỗi ngày phải làm quần quật mười hai giờ liền, đầu mả mà không được nghỉ.

Sắp đến kỳ tiền là không khí thợ thuyền nhốn nháo hẳn lên. Bao nhiêu khoản trông cả vào đồng lương, tôi cũng mong lĩnh được tiền để đưa cho mẹ. Ở mấy cửa có cai Vinh phát tiền để các bỏ lên bàn ai kêu thiếu kêu mất là nó đánh luôn, thì ở sờ lò dưới có cai Diêm ngang nhiên ăn chặn tiền của phu. Ngày mai là kỳ tiền nó gọi tôi:

— Này thằng kia!

Tôi dừng lại lo sợ hẳn sẽ nên cho một trận cần thận bây giờ, nên quay lại với vẻ rụt rè. Hắn bảo:

— Đừng sợ! Lại gần đây. Kỳ này mày được bao nhiêu tiền biết không?

— Dạ cháu đi làm đủ.

— Biết rồi! Mày chỉ được bảy hào thôi, trừ hai cái thúng mất hào sáu, niếu chưa? — Tôi im lặng cúi gằm mặt xuống. — Nhưng mà tao ghi mấy kỳ này lĩnh đồng bảy. Của bố mày một đồng ở đấy, xếp Huỳnh nó có phát thì cứ lĩnh cả rồi đem một đồng lại đây nghe không.

Đôi lông mày rậm xị của hắn nhú lại và đe dọa: « Không đưa đây thì cứ dờ hờn! » Tôi đem chuyện này kể lại cho anh Đinh cai kíp, anh bảo:

— Số mày may đấy, lĩnh bảy hào là hơn nhiều người rồi. Nhiều đứa cũng làm như mày kỳ đầu chỉ được lĩnh có năm hào. Thầy cai muốn chấm dứt vào đấy nên nói tay cho mày. Không phải biện lễ là tốt rồi.

Làm vất vả cả ngày nhưng không bao giờ lĩnh trọn được một công lương. Cúp phạt, trừ đầu xén đuôi tính ra ngày chỉ ăn có 6 giờ là cao nhất. Mới vào làm có mười lăm ngày tôi đã bị trừ một hào sáu tiền thúng, xót ruột rêu rạo cũng đành chịu. Đôi thúng rách, đất rơi, cờ-lanh-ke vãi là ăn đòn và bị cúp phạt cũng quá tội.

Đến kỳ tiền là xóm thợ om xòm lên và xảy ra lắm chuyện. Những mụ Tín, mụ cả Nghi, mụ Bái, mụ Gián vợ xếp Trang và hàng chục chủ nợ khác đã đón đường người thợ ngay từ lúc chưa tận tầm. Kỳ tiền nào cũng thế, chẳng kỳ nào các mụ ấy không

đón đường bắt nợ. Bán gạo chịu; cho vay lãi; cho thuê nhà, người nào không trả được các nợ ngay thì một vốn phải có bốn lời. Lãi mẹ đẻ lãi con chồng chất lên nhau, năm này qua năm khác, ngày càng bâm vào nhiều. Con nợ không bao giờ trả nổi.

Anh Ngà là trai một, chỉ ốm chưa đầy kỳ tiền, phải vay đề ăn đề thuốc thang mà bốn năm đi làm không đủ trả nợ lãi. Vừa lĩnh hai đồng bạc anh tươi tỉnh bảo tôi:

— Tao không muốn chết nhưng nợ nhiều quá cũng đến chết mất thôi. Trước khi chết phải ăn một bữa cho thỏa thích đã. Tối nay chú mày có đi chén với tao không? Ta hẹn nhau!

Tôi lắc đầu:

— Em chả dám đi đâu. Tiền anh đề mà trả nợ.

— Thôi cho các nợ ấy xuống âm phủ mà đòi. Tao cũng đi làm trầy trặt một kỳ mười lăm buổi chứ có nghỉ đâu? Các nợ ấy lấy lãi nhiều rồi!

— Anh chỉ nói đại.

— Đại à? — Anh cười có vẻ chế nhạo tôi — Rồi mày sẽ biết, tao đại hay khôn!

Vừa tan tầm, thợ ra đông ngòm. Ai nấy có vài đồng bỏ sâu mãi tận đáy túi và lòng khắp khởi vui, nhưng có người sa sầm nét mặt lùi lại vì trông thấy các chủ nợ thập thò ở cổng. Mụ xã Thân túm lấy ông Bộ thợ đội đá đòi lột áo để cầm tiền nợ gạo. Mụ Lý Tất túm lấy anh Ngà đòi tiền vay, mụ móc tất cả hai đồng của anh là mức lương cao nhất trong chúng tôi. Khi các chủ nợ khác xô đến thì chung hững vì anh chả còn tiền. Họ to tiếng, giảng co với anh. Anh Ngà dịu dàng và tươi cười bảo họ:

— Các bà cứ yên tâm kỳ sau tôi làm sẽ trả cả không chịu ai. Tôi sắp cưới một con vợ giàu rồi, nó sẽ trả hết nợ cho các bà!

Biết anh chả còn tiền nữa, các chủ nợ buông ra cho anh đi, đề còn bâu vào eo kéo, nắn túi sờ lưng con nợ khác. Anh quay lại nhìn tôi cười chổng chể:

— Đây chú mày xem liệu mà ăn ở.

Nói xong anh huýt sáo bỏ đi như không có chuyện gì.

Tôi còn bé nên đi làm về là lăn quay ra ngủ, họa hoằn may lắm mới ra đầu xóm đánh vài ván khăng hoặc xem bọn trẻ chơi đáo lỗ mà thêm thưởng. Thực ra cũng chẳng biết làm gì khác sau mười hai giờ liền đầu đội nặng, chân chạy như ngựa nhọc

mệt rã rời. Những anh trai một lớn tuổi hơn thừa thì giờ lại kéo nhau xuống khu mát rờng⁽¹⁾ ở phố Bàng trai gái rượu chè. Những ngày kỳ lương là các anh ở đây suốt.

Dưới những mái rá hiên lạnh của phố Bàng, của xóm Chiêu thương, đình Hạ là hàng trăm cái hồ sa đọa của chủ thầu cai xếp mở ra đề sẵn sàng bóc lột đồng xu cuối cùng sau những ngày làm vất vả của chúng tôi. Những gốc bàng lá dày tán rộng phủ đầy than bụi thành màu xám che lấp thêm cuộc đời của những người « cu-ly ».

Những cảnh buôn sên bán phần cũng thành cửa hàng hân hoan. Cô đầu chùa Am; cô đầu phố Bàng, nhà chứa mụ Dáng, mụ hai Trạo; nhưng nổi danh nhất vẫn là nhà chứa ở phố Trần Tài Mậu ấy là những cửa hàng có thuê má hân hoan, hàng tháng mang tiền lên đóng cho các quan bảo hộ trên nhà băng Năm-sao, đem đến được phép treo đèn đỏ tam giác ở cửa. Còn những cửa hàng trốn thuế không giấy phép thì nhiều vô kể. Ba giờ sáng còi tàu Nam ra, những ông chủ, bà chủ xách đèn ra bến rảo « Có ai trọ không? » Nhà trọ lại chỉ chứa toàn con gái, vừa mới ở quê ra Hải phòng tìm anh tìm chồng. Chúng đưa những cô gái đó về cho ăn vài ba bữa bảo sẽ tìm hộ người nhà. Nhưng chẳng bao giờ chúng tìm cho. Ở quê ra kiếm được suất tàu là may mắn rồi, lấy đâu mà trả tiền cơm? Đành phải miễn cưỡng cạo bộ răng đen đi mà tiếp khách. Vợ các thầy ký lục thông ngôn thua bạc cũng vào nhà chứa vụng trộm mười đêm vừa có tiền vừa thỏa mãn.

Đường phố Bàng, phố Chiêu thương không ngày nào hết nước mắt và mỗi kỳ phát tiền là lại diễn ra cảnh đâm chém nhau.

Sáng hôm sau tôi đi làm thấy mọi người xúm lại quanh gốc đa công sở xem một người chết treo. Có người bàn là anh chết vì thất tình, có người bàn là anh chết vì bị bệnh lâu ngày không chữa khỏi. Khi tôi vừa len vào trông thấy mặt đã rú lên sợ hãi:

— Anh Ngà!...

Cứ thế nước mắt tôi trào ra rờn rờn. Thương anh Ngà quá! Chết mà mắt anh vẫn mở trừng trừng nhìn đầy vẻ hân thù. Miếng trầu anh ăn quét trầu còn đỏ tươi trên môi. Chết không được ăn một bữa thỏa thích như anh Ngà ước mơ cả đời. Mụ lý Tất không cho anh thực hiện cái ý định liễn lĩnh ấy. Với mụ thì phải trả nợ trước đã! Mụ móc tất cả hai đồng do anh nhin đói nhin khát làm ra gọi là đề trừ nợ lãi.

— Đây bà chỉ lấy đủ tiền lãi còn gốc bà cho chịu.

(1) Địa điểm đánh bạc, trường học nghề xi-măng đen bây giờ.

Chết dịch tả mỗi năm vài chục người, chết vì lao rượu như anh Vạn vác gạo — mỗi bữa một lít, anh uống đến cháy phổi — giờ lại đến anh Ngà chết vì chủ nợ.

Chiều hôm ấy tôi bỏ buổi đi đưa ma anh Ngà. Gọi là đưa ma thì to chuyện, vì chỉ có dăm người quen đưa anh ra nơi an nghỉ cuối cùng. Trước lúc đi chôn, thằng cầm Tây và mấy người đội xếp đến làm biên bản khám nghiệm tử thi. Trong túi áo rách anh Ngà chỉ có độc quyền sô-li-vê, nhợt nhạt những dòng chữ in dằng sau : « 1. Chủ có quyền đuổi thợ bất cứ lúc nào nếu xét thấy buồng bình. — 2. Thợ có thể bị phạt rất nặng về chuyện đó. Ngược lại người thợ muốn thôi việc phải báo trước 15 ngày và được phép quan cầm — Trích trong nghị định ngày 26-8-1899 ». Tên cầm người Tây mắt đỏ gay ngà cái mũ kê-pi viền chỉ kim tuyến màu vàng lau mồ hôi xong, giọng giọng cái ba toong xuống đất hỏi bằng tiếng Pháp chính thống với vẻ bức bối. Anh thông ngôn dịch lại « Quan cầm hỏi tại sao nó chết mà không báo ? » Chẳng ai trả lời. Chúng tôi không phải là hộ phổ. Còn anh Ngà, cái thùng đã đeo vào cổ rồi làm sao mà nói lên lời được ! Hôm ấy thằng cầm giận lắm !

Người ta cắt thùng hạ xác anh Ngà xuống. Không khí nén trong người phì phì tuôn ra như anh thở dài, bằng lòng với cái kết thúc thế này.

Chúng tôi bó xác anh bằng manh chiếu rách và cái lạch giường ken mây sợi anh đã nằm hơn chục năm nay. Hai người vác mai đi trước, hai người dùng đòn ổng khiêng anh đi sau. Chiều ngắn, thò cái bộ mặt đã lạnh lẽo bì bì xám bệch căng lên một cách đáng sợ, đôi bàn chân đỏ nhằng nhịt hầy còn lem luốc than bụi. Mưa sụt sùi như thương tiếc anh. Đám ma lặng lẽ đi, người đi đường dừng lại nhìn mà nghĩ đến cuộc đời mình, mũi lòng xót xa cho cảnh ngộ của anh.

Những mụ chủ nợ vẫn đứng đưng như không, chúng còn ngoác cái mồm quen chanh chua chông lòn ra kêu rằng : « Thằng Ngà chết đi tôi thiệt thòi quá, mất không chục bạc ! » Tôi tự hỏi chẳng biết chúng nó có thiệt thòi không ? Tiền anh làm ra đâu cả mà anh vẫn ăn đói mặc rách ?

Trời mưa nước xối vào mái gianh cùn chảy xuống nền nhà tong tong. Đi qua rẽ vào trú mưa, ông Điều già ngồi xồm trên cái chõng tre tôi vẫn nằm nói với tôi :

— Chú nói bà đi cắt cỏ gianh có giăng ở bãi về mà lợp nhà. Ai lại để nhà giọt như ngoài sân ấy.

— Vâng rồi em bảo bà cụ.

Giữa lúc ấy thì mẹ tôi đi chợ làng về quần áo ướt sũng nước. Vừa thấy ông Điều, đã hỏi :

— Lâu nay bác có gặp ông Bộ vác đá không ? Bệnh tật khôn nạn gì chả biết. Tôi thấy ông ấy cứ dẹt chân mà đi ăn xin ở chợ. Người ta bảo : ông ấy mắc bệnh hủi, nên ai cũng sợ. Tôi gặp, muốn hỏi ông ta vài câu. Nhưng tội nghiệp cho ông ấy, bệnh tật như thế ai dám đến gần.

Ông Điều cười :

— Cả bác cũng sợ ông ấy à ?

Câu hỏi như một lời quở trách. Mẹ tôi không nói gì. Ông Điều nói tiếp :

— Ông ấy xưa nay vẫn khỏe mạnh chứ bệnh gì đâu ! Tại già không đội đá khỏe như trước nên tây nó đuổi không cho làm thì phải đi ăn xin thôi.

— Tội nghiệp cho ông Bộ (quê ông đâu ở làng Nguyễn, Tiên hưng, Thái bình) lúc khỏe thì tây thuê làm. Những lúc yếu đau, già lão tây đuổi. Không có vợ con, không có nhà ở, ông ngủ via hè trú vào các mái hiên tránh mưa. Trước đây ông cũng thuê nhà, từ ngày nghỉ việc chẳng kiếm đâu ra tiền trả, xã Trang đuổi không cho ông ở, ông phải ra ngủ đường ; nhưng làm sao mà ông bị bệnh hủi nhanh thế ? Cách đây chưa lâu, tôi vẫn gặp ông Bộ đi làm kia mà !

Tôi gặp ông lần cuối cùng vào những ngày bệnh dịch lan truyền rất mạnh trong thành phố, chỗ nào cũng có người chết. Hôm ấy tôi đang ngủ vì vừa làm đêm về. Bọn Sở vệ sinh tường tôi cũng mắc bệnh dịch tả như những người khác. Nó dựng tôi dậy định đem ra xe, với bột đã chuyển vào sân. Tôi cười đùa lại :

— Các ông có rắc hộ với bột phòng bệnh thì cứ rắc. Còn tôi nhờ giờ vẫn khỏe.

Bà cụ tôi khóc sụt sùi vì sợ bị lôi ra xe. Bao nhiêu nhà có người bệnh bị chúng đem xe đến lôi đi, với bột nó rắc khắp nhà khắp xóm. Người nhà giữ cũng không được. Nghe đâu dù chết hay ngắc ngoải, tây đều bắt chôn hết không chạy chữa cho ai cả. Sở vệ sinh đi rồi tôi vào sờ ông Bộ còn chế nhạo tôi : « Thằng chết hự ! »

Tôi bảo ông Điều già :

— Bác ấy có lẽ ăn thịt gà cá chép ba ba gì đấy nó mới phá nhanh thế chứ.

— Làm gì có những thứ ấy mà ăn ? Cơm còn chẳng có nữa là ! Tạnh mưa rồi tôi với chú thử ra ngoài chợ một tý xem sao.

Mưa có một tý mà đường xóm lầy lội lưng mắt cá chân bùn. Trong một cái lều vắng cuối chợ ông Bộ đang ngồi buộc lại những nút giẻ ở đầu ngón chân ngón tay, bất chợt thấy chúng tôi đang nhìn, mặt ông đỏ bừng ngượng ngịu, ông hỏi:

— Đi chợ đấy à?

Ông Điều không trả lời câu hỏi, mà lại nói:

— Anh mà cũng giờ cái trò này ra à?

Im lặng một lúc ông Bộ nói:

— Còn cách nào khác để sống cho được? Đi làm tây không mượn, đi xin người ta chẳng cho. Ba tháng nay không có việc rồi! Chết như thằng Ngà tôi không muốn.

Ông Điều mở ví ra nói với vẻ đau xót.

— Thôi chỉ còn độc năm hào anh cầm lấy tìm cách khác mà sống thôi.

Nói xong ông đặt vào tay ông Bộ số tiền rồi kéo tay tôi đi thật nhanh. Đứng đấy ông sẽ khóc mất! Đói quá ông Bộ mới phải khoằm khoằm tay giả hùi xin ăn. Sẵn cái mồm méo nên ông giả hùi người ta dễ tin hơn. Ai cũng sợ hùi phải cho ít nhiều để tổng khứ ông đi còn bán hàng.

Đến chỗ rẽ về nhà, ông Điều bảo tôi:

— Chú nhớ lấy cảnh này, nhưng đừng nói cho ai biết đấy! Tôi gặt đầu rồi quay mặt đi không nói, nước mắt tôi muốn trào ra.

— Đừng buồn! Ông Điều bảo tôi: Sẽ có một ngày thay đổi hết. Người nghèo sẽ có đủ cơm ăn áo mặc được sống sung sướng.

— Đến ngày nào? Tôi hỏi vẻ không tin tưởng.

— Một ngày gần thôi. Muốn có ngày ấy là phải do các chú hết. Thôi tôi đi đây.

Ông Điều vỗ vai tôi rồi đi. Tôi đứng nhìn theo cái dáng người quen thuộc của ông cho tới khi ông rẽ vào một ngõ khác.

Tôi lớn lên trong lầm bụi và nhọc nhằn. Ở trong sở thì thấy tây, thấy cai đánh đập người, về nhà lại chứng kiến cảnh tự tử vì thua bạc, đói cơm và bệnh tật. Tôi thương cô gái xinh xinh bị ông chủ gọi lên phòng giấy để cưỡng bức. Tôi đau khổ vì mình bất lực, đã có lúc tôi muốn xông lên liều một phen nhưng thấy chẳng ích gì. Tôi nghe lảng máng chuyện hội kín hội hở, chuyện truyền đơn khẩu hiệu nhưng không biết ai để tìm mà gặp. Anh em thường nói đến anh Hiếu một thanh niên mới vào làm công nhân sở lò đã nói chuyện về Liên-xô và dạy cho công nhân học văn hóa nhưng khi tôi đến tìm thì anh đã đi đâu không ai biết! Anh em bàn tán « chắc anh ấy là cộng sản ».

Hồi này tôi hay đi lại giao thiệp với ông Điều già. Cảm kích bởi ông đã bên vực tôi ngày mới vào và lại rất thích nghe ông kể chuyện Tam quốc, tôi chỉ nghĩ chơi với ông để mà chơi thôi chứ cũng chẳng mong gì tìm gặp được người có tinh thần ái quốc ái quốc.

Nhà ông Điều cũng giống nhà tôi. Gọi là nhà thì hơi quá. Nhưng thật ra nó chỉ được dựng bằng mấy cây dóc nhỏ ở ven đầm. Trời nắng còn khá, trời mưa trong nhà cũng như ngoài sân không còn chỗ mà nằm mà ngồi. Những đêm mưa, cả nhà nhòm dậy đội nón ngồi chồm hồm trên giường nhìn nhau qua ánh chớp lọt vào. Một ngày mưa, ba bốn ngày phơi hong đồ dùng, ngô vào nhà bùn nhão lầy đến mắt cá chân. Có trận mưa to nước chưa rút kịp nước dâng lên lưng chân giường. Đi làm vất vả, ăn đói mà ở chui rúc như ở chuột thế nhiều lúc tôi thấy mình không còn là người nữa. Phải tìm một lối thoát khác thôi!

Cứ phải sống trong nỗi dằn vặt như thế cho đến một ngày tôi đang tháo lò gạch bị vỡ, cò-lanh-ke tràn ra ngoài. Hai người cùng làm với tôi bị bóng nặng cổ lè dẹt ra ngoài một xó. Cả Đông con chủ thầu cai Lân không hỏi han một câu nào đến hoạn:

— Các anh làm ăn thế à? Đồ của nhà người ta đi còn gì?

— Thừa cậu, gạch nóng quá nứt mà vỡ không phải tại chúng con sợ ý.

Tiếng thưa gửi mới chưa xong, tôi đã thấy ông Điều đi tới.

— A anh muốn bú sữa hả.

Hắn vừa nói vừa quật roi da túi bụi vào anh em cửa lò bên kia. Đứng bên này nghe tiếng roi da vun vút kêu trong không khí tôi thấy nóng bừng mặt bứt rứt tay chân, định chạy sang. Một cái gì khích lệ không thể nén trong tim tôi. Tôi tự hỏi mình là trâu hay là chó? Tôi nhớ tới anh Xim tải than, xe nặng bụng đang đói, anh đầy không nổi, xe dừng lại giữa đường. Thằng Ca-de cùng đi với quán Mạ rãng vô, giằng lấy cái roi song bắt bu-lông ở tay quán Mạ quất vào anh một cái anh siu xuống lại cổ vùng lên với xe để đẩy đi. Một roi nữa vào giữa ngực anh ngắt ngay tại chỗ. Về nhà anh Xim phải bán vợ cho cai Bàn lấy mười ba đồng để thuốc thang nhưng cuối cùng vẫn chết, chôn ở Tám Quán. Tôi đứng sững nghe mỗi ngọn roi quật xuống lại có tiếng van: « Lạy cậu ạ! Cậu tha cho » mà bức mình. Là người phải liều chứ! Hắn đi vòng cửa lò đến cửa lò của tôi hất hàm hỏi:

— Làm ăn thế nào mà đề lò ra với hả?

Cả Đông vùng roi da lên định đánh vào tôi. Tôi với cái xẻng, quắc mắt nói:

— Không được đánh tôi.

— Các anh ngu như lợn ấy ! Làm ăn người ta bảo không nghe, còn bướng hủ, hủ...

Hắn vung cái roi lên đến gần tôi, cầm ngang cái xèng tôi nói to :

— Anh không được đánh tôi. Chúng tôi đi làm anh không muốn thì thôi. Tôi nói cho anh biết : anh mà đánh tôi thì tôi đánh lại. Thân anh cành vàng lá ngọc đáng quý chó tôi một thằng cu ly liễu thân thì có tiếc gì ?

Hắn hạ roi xuống cười :

— «Can đảm nhỉ? Tôi có thể gọi cai nó gô anh lại nhưng thôi anh cũng là người có khí phách đấy !»

Hắn hạ roi xuống, quay quay cái dây tết bằng da trong tay rồi bỏ đi. Thực ra cả Đông cũng chẳng lý gì mà không nện cho tôi một trận ra trò. Nhưng bố hắn vừa mới chết, hắn còn phải giữ tiếng, và lại ông chủ trẻ cũng phải lấy lòng mọi người nữa nên nó không cần làm quá thôi.

Cái tin thằng Nấu dám đánh lại cả Đông chẳng mấy ngày lan khắp nhà máy. Nhiều người bàn tán sôi nổi, có người còn nói quá là tôi học võ tàu 7 năm nên cả Đông không địch lại được. Do chuyện này, những tay cai ác như cai Kỳ, cai Túc, cũng phải kiêng mặt tôi không dám đánh đập.

Chuyện này đến tai mẹ tôi, lần nào đi làm bà cũng dặn :

— Vào trong ấy, chịu khó mà làm ăn, đừng gây gổ đánh nhau nữa con ạ ! Mày lớn rồi phải lấy vợ đi chứ, cứ lêu têu mãi à ?

Nói thế nhưng tiền đâu mà lấy vợ mẹ tôi cũng chẳng biết. Thương mẹ, sợ mẹ buồn nên việc tiêu pha của tôi cũng tiết kiệm làm vui lòng mẹ. Còn mẹ tôi thì cố dành dụm mong sao tôi có vợ, nhưng tôi đi làm cũng chỉ đủ ăn mà mẹ thì không giảm phần vất vả.

Một buổi tối tôi đi làm về, vừa ăn cơm xong thì ông Điều già đến. Bọn thanh niên ở lò đứng chúng tôi rất thích ông Điều già, những giờ rỗi việc không ăn công thì chúng tôi lại quây quần nghe ông kể chuyện. Ông Điều già kể chuyện có duyên lắm ! Không phải chỉ riêng bọn chúng tôi thích nghe mà nhiều tên cai cũng hay sán đến nghe chuyện. Ông là người có uy tín đối với chúng tôi không chỉ ở tuổi đời lớn hơn, chín chắn, nhiều kinh nghiệm đối xử hơn, mà cả về hiểu biết những chuyện đây đó.

Vừa bước vào nhà ông đã hỏi :

— Thế nào. Chú mày ? Sức khỏe bình thường đấy chứ ?

Hiền ra chuyện tôi định đánh lại cả Đông ngày nọ, tôi cười :
— Chả nói giấu gì bác, lúc ấy em nghĩ cũng đánh liều thôi. Thực tình nếu ông ấy đánh là em liều thật. Mình đi làm chứ có phải con trâu con chó đâu mà đánh đập.

Ông Điều cười ngồi vào mép cái chõng tre nói :

— Kề cũng to gan ! Không sợ bị báo thù à ?

— Em nghĩ : đẳng nào mà chả phải chết. Nếu không vương bà cụ em thì chết cũng chẳng đáng ngại gì.

— Phì thôi... Ỉa mồm dãi miệng mày.

Bà mẹ tôi đứng sau nói. — Chỉ nói gở thôi ! Lạy thánh-mở bái mày đã làm gì cho tao nhờ, mà đã lo chết. Đi làm phải biết vâng lời ông chủ chứ !

— Khốn nhưng tức lắm không chịu được chẳng lẽ cứ để người ta đánh đập mãi à ? Cứ chịu mãi thì đến bao giờ hết khổ. Chẳng làm sở lò con xin làm sở thùng. Có sức khỏe làm việc là sống được. Đề đánh ốm ra đấy ông ấy có cho đồng nào đâu ?

Ông Điều bảo tôi :

— Sao lại nói thế ? Bà cụ dạy đúng đấy. Ông ấy là ông chủ mình phải nhường ông ấy. À này bao giờ chú lấy vợ nhỉ ? Liệu lấy vợ đi cho bà cụ nhờ vả chứ !

— Đấy ông xem con giai ngần này tuổi rồi mà chưa chịu tìm vợ, tìm con. Tôi háy giờ chú mong cháu bé thôi.

— Vâng đúng đấy ! Bác cũng nên xem có dám nào ưng ý thì liệu lo cho chú ấy đỡ đỡ bớt cái tính hung hăng đi. Mai chú có rỗi sang tôi chơi nhé. Nhân tiện đi qua rẽ vào đây thăm chú một tý thôi. Tôi về, ở nhà cũng chưa com nước gì cả. Mai chú nhớ thế nào cũng tạt sang chơi nhé ! Tôi sẽ nấu nước chè tươi cho mà uống.

— Vâng mai em sang.

Tối hôm sau tôi sang nhà ông Điều già chơi. Ông vỗ vai tôi nói với một người to lớn ngồi ở cái ghế đầu đang uống nước.

— Đây là chú Nấu người mà tôi vẫn hay nói chuyện với anh. Một thanh niên hăng hái đầy nhiệt tình ái quần ái quốc. — Ông chỉ vào người khách lạ : — Còn đây là anh Thịnh bạn nước chè thuốc lá của anh.

Anh Thịnh đứng dậy bắt tay tôi nói :

— Được biết anh là người có tâm huyết mà chưa lần nào gặp, may hôm nay lại gặp nhau ở đây.

Anh kéo tay tôi thân mật, làm tôi hơi e ngại ngồi ghé xuống mép giường mộc gỗ xoan :

— Nghe nói hôm nọ anh định liều mạng đánh nhau với cả Đông à ? Anh Thịnh hỏi.

— Bác tính thân ông ấy càn vàng lá ngọc thì mới đáng lo chứ mình thì có gì. Và lại không liều không được.

Anh Thỉnh nhìn ông Điều già, con mắt hai người liếc nhau. Nhưng anh Thỉnh đã vỗ vai tôi, bằng một giọng trầm và ấm anh nói nhỏ :

— Tôi muốn nói chuyện đúng đắn với anh. Anh Nẫu ạ. — Đáng diếu anh khác hẳn, nghiêm nghị và trang trọng, chân tình — Anh thử nghĩ mà xem. Một mình anh liều mạng liệu có đánh chết được cả Đông không ? Tụi cai xếp quanh đấy nó chẳng dễ anh làm liều đâu. Nó sẽ bênh ông chủ trẻ mà cho anh một trận ra trò. Chúng gô cò anh lại với nhiều lý lẽ buộc tội bỏ tù anh. Liều lĩnh như thế sẽ mang lại gì ? Với tiền của sẵn có, thắng cả Đông có thể vãi ra thuê cai tù đánh anh chết rục trong đề lao mà không tội vạ gì. Dù cho khi liều anh có đánh chết thắng cả Đông đi nữa thì còn em nó, chú nó, thằng cai Ngãi, một mình anh đánh sao lại họ hàng nó vừa có tiền vừa có thể lực ? Hành động của anh lúc ấy chỉ là manh động vô ích thôi.

— Khờ lắm em đâm quần, khi nóng lên thì liều. Bác dạy thế em mới sáng mắt ra. Em cứ nghĩ mình làm quần quật suốt ngày miếng cơm chả đủ ăn, manh áo chẳng đủ mặc, sống khổ sống sở thì sống làm gì. Cái số em vất vả cơ hàn từ bé. Tốt hơn hết là nhường ông ấy mình cũng chẳng hại gì, biết thế, nhưng lúc ấy em không kìm lại được.

— Không còn cách nào khác à ? Anh Thỉnh hỏi tôi. Người ta có phải ai không muốn chịu khổ thì liều như anh đâu ? Anh thấy truyền đơn cờ đỏ bao giờ chưa ? Đấy họ cũng chống lại các ông chủ làm cho các ông Tây lớn Tây bé lộng lộn lên vì tức mà không làm gì được.

— Thế nghĩa là phải làm cộng sản à ?

— Đúng ! Chúng ta chống đánh đập, nhưng mình anh hay mình tôi không làm được mà phải mọi người cùng làm, đồng tâm hiệp lực mà đấu tranh với chủ thì nó mới chịu. Nó đánh một người, mọi người cùng bênh, Tây cũng không sợ, mà cai cũng không sợ.

Có tiếng người đi ngoài ngõ, anh Thỉnh ngừng lời cầm chén nước uống. Ông Điều từ trong nhà bước ra :

— Thế nào ? Tối nay có phát tài không bác Quán.

Quán Mạ một tay quán cơ ngày xưa, quê đâu ở Móng cái vừa làm cái thầu vừa làm mật thám đời gác cho Tây trả lời giọng mặt mũi nhưng tiếng nói vẫn sang sảng :

— Sạch túi rồi ! Lúc chập tối tưởng phất to không ngờ chỉ khát nước ba tiếng mà nhả không còn xu nào ? Ông chưa đi ngủ à ? Doan nó đang khăm rượu trên phố Bàng.

— Em đang sắp gạo nước cho ngày mai. Cũng phải nghỉ sớm lấy sức mới làm đều được. Bây giờ nghỉ buổi nào mất gạo cháu buổi ấy. Tây khăm rượu lậu có đông không bác ?

— Đông ! Vỡ đám tôi mới về đây.

Vừa nói quán Mạ vừa ngắt ngưỡng đi. Bộ quần áo vải vàng nhà binh phất cho hắt còn giữ được kêu sột soạt theo hướng chân. Ánh trăng mười sáu soi bóng hắt đổ trên bờ rào như bóng ma. Một lúc lâu ông Điều quay vào nói trống không.

— Đi rồi !

Anh Thỉnh nhìn tôi đặt chén nước xuống nói tiếp :

— Muốn đòi được quyền lợi, chống đánh đập là phải đoàn kết. Ở nước Mỹ, nước Pháp người ta làm rồi. Anh kể cho tôi nghe phong trào thợ thuyền trong nước đấu tranh, chống đánh đập, giảm giờ làm, tăng lương.

Tôi ngồi nghe cái giọng nhỏ nhẹ ngọt ngào trái với vóc người của anh. Mừng vì được gặp anh Thỉnh, tôi kể lại nổi cực nhọc trong đời sống hàng ngày của gia đình tôi và nhiều gia đình khác cho anh nghe.

Mãi đến khuya mới chia tay, anh Thỉnh bảo tôi :

— Nước chảy đá mòn, rồi đến một lúc nào đó người ta cũng sẽ hiểu thôi.

Nói xong anh Thỉnh từ biệt ông Điều về. Ông Điều đi trước dẫn đường để anh ra cổng. Khi trở vào ông đưa cho tôi một tờ giấy cuộn nhỏ như cái xe diều. Giở ra thì đó là tờ truyền đơn kêu gọi thợ thuyền đấu tranh. Tôi ngược lên hỏi giọng thì thào :

— Bác quen người của hội kín à ?

Hút xong diều thuốc lão ông Điều bảo tôi :

— Người ta rắc ở lò, đọc thấy đúng với mình thì giữ lại để xem.

Từ đó cứ thỉnh thoảng ông Điều lại cho tôi xem truyền đơn khi thì ở trong sở khi thì ở nhà.

Mỗi lần tôi hỏi đến anh Thỉnh, ông Điều đều nói: «Anh ấy gửi lời thăm chú đấy».

Vào một ngày bắt đầu mùa đông năm 1929 trời hơi rét, tôi đến nhà ông Điều. Ông hỏi tôi :

— Chú còn giận những thằng cai đánh đập chú hồi bé không?

Tôi im lặng. Nhìn thẳng vào mắt tôi, ông Điều nói tiếp :

— Từ lâu chú có ý muốn tìm gặp những người tốt, cùng họ đánh đuổi thằng Tây đòi lại cơm áo, đòi lại bình đẳng. Bây giờ có một việc nhờ chú làm chẳng biết chú có dám làm không ? Làm việc này thì hơi nguy hiểm đấy.

Linh tính như báo có một sự gì quan trọng sắp xảy ra đối với tôi. Tôi nói :

— Được bác cứ bảo em xin làm được.

— Chú biết việc gì chưa mà cam đoan làm được ?

— Việc gì có lợi cho dân cho nước là em làm, dù có nguy hiểm mấy em cũng làm.

Ông Điều đi ra cổng, nhìn trước nhìn sau rồi xách một bó ra vào trong nhà. Ông quay ra đóng cổng lại cẩn thận rồi mới vào : tháo lạt, lấy cuộn truyền đơn ra. Ông nói :

— Ngày 7 tới là ngày kỷ niệm 12 năm cách mạng Nga thành công, kỷ niệm ngày chính quyền đã về tay giai cấp vô sản, những tờ truyền đơn này kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh, cần phải làm cho mọi người có thể đọc được, chú hiểu không ?

Ông giao cho tôi năm chục tờ truyền đơn in thạch. Tôi cầm nó trong tay vừa hồi hộp sung sướng, vừa lo làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ đầu tiên này. Ông Điều dặn tôi cách dán, cách hủy tài liệu. Hai ba lần ông nhắc tôi là phải trông trước trông sau vì bọn mật thám hay đứng chỗ khuất lắm. Trước khi tôi về, ông lại nhắc :

— Phải làm hết sức cẩn thận, đây là lần đầu những người tốt giao việc cho chú và cũng là đề thử thách lòng ái quần ái quốc của chú, vì vậy phải hết sức cẩn thận. Bây giờ thì chú về mai đem vào sở rồi đem mai dán.

Tôi giắt tài liệu vào cặp quần. Ông Điều già đi trước mở cổng ra ngoài nhìn trước nhìn sau không thấy ai mới ra hiệu cho tôi về. Vì lúc đến có người trông thấy nên tôi chào to :

— Thôi hai bác đi ngủ đi. Em về mai còn đi làm.

Hai ngày hôm sau không riêng gì lò mà cả nhà máy ; nhà rèn, nhà nguội, xưởng đóng thùng, nhà lửa, nhà đèn, Uy-rin một, hai, chỗ nào cũng có truyền đơn.

Truyền đơn thời gian này không có gì lạ đối với công nhân nữa. Bởi vì lẽ tẻ có những đợt truyền đơn dán ngay chỗ làm việc họ đã mạnh dạn dám bàn tán không sợ cái ký như trước. Sung sướng trong lòng tôi, đứng ra nhìn người ta xem truyền đơn và xì xào bàn tán về cộng sản. Tôi muốn hỏi lớn : Các anh có biết ai dán tờ giấy này không ? Tôi đứng mãi đến lúc cái Túc vung

cái roi lên đập vào lưng những người đứng xem mới bỏ đi chỗ khác. Tuy làm việc nhưng anh em vẫn bàn tán về lá cờ đỏ bay ở cửa xe hỏa cùng với cái anh bị bắt và biểu ngữ căng ngang đường vào sở.

Qua việc làm thử thách trên, đầu năm 1930 tôi được chính thức vào hội kín. Lúc ấy gọi là hội kín chứ chưa gọi là Đảng như bây giờ. Nhóm của tôi gồm có ông Điều già và anh Thịnh. Những buổi chúng tôi đi họp với nhau khi bàn công việc ông Điều hay gọi tôi là đồng chí. Hai tiếng đồng chí mới đầu nghe lạ nhưng nó thân yêu làm sao ! Nó không còn là sự quen biết phải nhờ cậy nhau, hay tình bạn thân thiết nữa mà nó cao hơn : vừa là bạn vừa là người cùng chí hướng. Mỗi lần họp gọi nhau là đồng chí là tôi lại thấy trách nhiệm của mình hơn và cảm động, hoàn toàn tin cậy những người cùng công tác bí mật với mình.

Theo lời hẹn trước, tầm trưa hôm ấy vào một ngày đầu mùa hè trời cũng nắng ghê lắm, tôi đến nhà anh Thịnh hội ý. Ông Điều già đã có mặt ở đây rồi. Chị Thịnh ngồi ru con ngoài thềm canh cho chúng tôi thảo luận.

Anh Thịnh phổ biến nghị quyết của thành ủy chỉ thị phải tập hợp quần chúng đoàn kết quần chúng lại bằng mọi hình thức để tuyên truyền và đấu tranh. Các anh giao cho tôi thành lập đội bóng, lấy đội bóng làm cơ sở tuyên truyền và lãnh đạo quần chúng tham gia các phong trào. Kiếm được quả bóng cũ, tôi đưa vào lò, đợi lúc rồi là lôi ra đá. Chúng tôi làm khoán nên đá bóng bọn cai cũng không làm gì được. Tôi làm thủ quân đội bóng sở lò anh em thường gọi là ca-pi-ten. Thành lập đội, mỗi người vào đội đều tự đóng tiền mua bóng, bãi tập là sân xi-măng đen, chiều nào chúng tôi cũng tập để đi đá với đội sở thùng cơ khí v.v... Anh em thích bóng, tôi rủ vào đội những người tốt hăng hái và có lòng ái quần ái quốc như : anh Hoàn, anh Thư, từ chỗ đánh bạn chơi với các anh, tôi rủ các anh vào đội bóng. Thịnh thoảng tôi đưa truyền đơn cho các anh đọc và tuyên truyền lòng yêu nước, kêu gọi lòng căm thù ghét tây, ghét cai, vận động các anh ủng hộ cộng sản. Song song với đội bóng của nhóm chúng tôi, hồi này các nhóm khác cũng thành lập hội hiếu, hội tương tế, đội bát âm để tập hợp quần chúng. Anh Am là một công nhân làm sở lò với tôi vừa mới ở quê ra gặp thằng Mô-lanh ở cửa ga ra không kịp tránh bị nó đánh cho gãy cả răng. Nói chuyện với anh, tôi cố khơi lòng

cảm thù của anh đối với tây, với cai ký. Sau này anh tham gia công hội đỏ. Những cuộc đấu tranh anh là người hăng hái tham gia nhất.

Phong trào nhà máy trở thành rầm rộ, anh em bàn tán đến những cuộc tuyên truyền vận động của Đảng một cách công khai sôi nổi nhất và in vào trí óc mọi người nhất vẫn là hình ảnh đồng chí Phóng được hai người công kênh lên rút trong mình ra lá cờ liềm búa tung ra giữa lúc tan tầm. Công nhân ra đông ngồn ngồn mà diễn thuyết; anh Phóng hô hào anh em cùng nhau đoàn kết đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp và chính phủ Nam triều, thiết lập chính quyền công nông binh. Có nhiều người đứng lại nghe đã giờ tay hường ứng khi đồng chí Phóng hô « Đả đảo đế quốc Pháp, ủng hộ Nga xô ». Sinh động và táo bạo hơn, đồng chí Đặng xuân Thiều đã đốt pháo đề tập hợp quần chúng nói chuyện và mít tinh trong nhà máy. Mỗi một câu chuyện của anh em kể làm cho tôi thấy càng tin tưởng vào con đường mình đi, tin là trong cuộc đấu tranh này không phải chỉ có một vài người đơn độc mà còn rất nhiều người tôi không được phép biết họ. Ngày 1-5-1930 cờ búa liềm bay phấp phới trên nóc nhà giấy của chủ nhất, bay phấp phới trên kết nước mặn như kêu gọi. Chúng tôi lại rải truyền đơn. Những cuộc đấu tranh giữa năm 1930 trên ba nghìn người trước nhà giấy, cử đại biểu đòi: tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập, cúp phạt. Rồi tờ báo Xi-moong ra đời càng làm cho chúng tôi phấn khởi bao nhiêu thì bọn chủ và bọn chó săn lại lồng lộn bấy nhiêu. Với lời lẽ giản dị nhưng danh thép, tờ Xi-moong đã vạch trần những hành động áp bức của tây, của cai đối với anh em. Anh em rất thích tờ báo ấy vì nó hợp với ý muốn của mình nên đã có người tự động bí mật dán nó vào trước mắt cai ký cho chúng đọc. Cao trào năm 30 và đầu năm 31 đã cuốn hút tôi vào hoạt động không biết mỏi và không biết sợ.

Tháng 4 năm 1931 trời mây miền biển rất đẹp, nhưng mây đen cuộn lên từng đồng, cơn ở chân trời báo một ngày bão táp sắp đến, hoa phượng vĩ đỏ như màu máu. Tôi vào sở với ý định truyền đạt lại quyết nghị công tác tổ chức ngày 1-5 mà ông Điều già mới giao cho cách đây hai ngày. Vừa vào sở đã nghe anh em nói:

— Đêm qua họ bị bắt nhiều quá. Cả ông Điều già nữa... Thật tội nghiệp con người lù khù thể ai bảo là làm cộng sản.

Được tin ấy tôi lặng người đi. Thôi chết rồi, làm sao mà bị bắt thế? Đồ hỏi được biết cả anh Vinh lớn, Vinh con, anh Thịnh, anh Tinh, anh Huệ cũng bị bắt. Nôn nao trong người, tôi bí mật báo

cho Thư, Hoành trốn đi còn chính mình không biết trốn đi đâu. Làm đêm tôi không ngủ ngày được vì suy nghĩ không biết mình đã bị bại lộ chưa? Trốn đi hay ở lại tiếp tục hoạt động?

Tôi vẫn đi làm. Nửa đêm thì quần Mạ mặc áo the thâm đi giầy vải đưa hai người lạ mặt vào sở. Thấy tôi hần nói:

— Thưa ông nó đây.

Một gã trắng trẻo vận áo dài đen đeo kính trắng hỏi tôi:

— Anh có phải là Nấu không?

— Phải! Tôi biết sắp có chuyện nên cứng cỏi hỏi: Ông cần gì?

— Giơ hai tay ra xem nào.

Thiếu kinh nghiệm nên tôi giơ tay ra, thẳng đứng bên cạnh lồng ngay cái khóa chụp lấy hai cổ tay tôi bấm lại nhanh đến nỗi tôi không kịp phản ứng. Hần nói:

— Anh bị bắt. Đi ra xe ngay! Tắt vào má tôi một cái, hần ra lệnh và đẩy vào lưng tôi.

— Tôi chả biết việc gì mà bị bắt, sao lại đánh tôi?

— Hội kín hội hồ, không biết mày sẽ biết.

Tôi nhìn vào quần Mạ như dò hỏi, hần quay mặt đi. Anh em cùng ca nhìn theo tôi bị thẳng mặt thám đầy sau lưng lạng lẽ mặt như dò hỏi và chào tôi.

Vừa lúc ấy mẹ tôi chạy vào khóc hờ tên tôi, tay cầm cái áo. Tôi hiểu ra rằng chúng đã vào khám nhà. Tôi dừng lại đợi mẹ, nước mắt muốn trào ra nhưng thẳng mặt thám cứ thụi vào lưng đầy tôi đi. Mẹ tôi níu lấy tay tôi và quay sang tên mặt thám.

— Con tôi tội tình gì mà các ông bắt nó? Rằng mẹ tôi rít lại cầm hờn. Bà giảng lấy tôi và kêu lên: Không! các ông không thể bắt được nó. Nó có tội tình gì?

Vừa gào khóc bà vừa giảng lấy tôi. Tên mặt thám đeo kính trắng không ngờ bà cụ làm dữ thế. Hần liếc mắt cho tên quần Mạ. Thằng này từ chỗ ngoảnh đi làm ngơ đôi ngay nét mặt: nó quắc mắt quát:

— Mụ có xê ra cho các ông đây — ý chỉ hai tên mặt thám — làm việc nước không? Nó dám vào hội kín làm Cộng sản, nó có gan chịu tù.

— Trời ơi! ... — Mẹ tôi kêu nức lên — Các ông hỏi nó xem chứ, tôi không cho các ông đem nó đi.

— Cầm cái mồm — quần Mạ nạt nộ. Con mụ có làm cộng sản thì các ông đây mới bắt. Nó không muốn làm ăn từ tế mà chỉ đi xúi bầy thợ làm loạn. Hần liếc nhìn thấy anh em thợ đến đông đề xem, vội nói nhún. Mụ hãy bỏ nó ra, các ông đây đưa đi hỏi nó rồi lại cho về.

Mẹ tôi quay lại nói với quản Mạ :

— Các ông nói không cho con tôi. Các bác các ông ơi ! Xem đây, thầy quản Mạ muốn người ta thưởng đã chỉ điếm cho người ta bắt thằng Nấu con tôi. Được thưởng thầy ăn sung mặc sướng, vợ con thầy cửa cao nhà rộng... Trời đất ơi, bà con làng nước ơi ! người ta muốn nó vào tù nó chết để được thưởng.

Thằng quản Mạ nổi khùng quát :

— Á à con mụ này lão ! Con mụ có gan làm cộng sản thì có gan ngồi tù. Mụ dám ra đây lăng mạ các ông thay mặt nhà nước.

Hắn vùng roi xốc tới, tôi văng khỏi tay hai thằng mặt thám lấy mình che cho mẹ. Hai thằng mặt thám vội chụp lấy tôi xốc nách lôi đi. quản Mạ giăng tay mẹ tôi. Nó xô bà cụ ngã. Cụ vùng dậy chạy theo ném cho tôi cái áo nâu nhuộm bùn. Hai thằng mặt thám đã đẩy tôi ngã vào thùng xe.

Cả trời đất tối đen như bung lấy mắt. Đêm ấy là đêm 30 tháng 4 năm 1931. Ngày hôm sau là ngày Quốc tế lao động.

Vào đề lao tôi gặp các đồng chí Tinh, Huệ, Điều già, Điều con, Vinh lớn, Vinh con, Thịnh và cả ban liên lạc tàu chạy Pháp như Cừ, Dâu, Đỗ chí Thâm vân vân. Chúng tôi bị bắt, các đồng chí ở ngoài vẫn tiếp tục hoạt động, treo cờ rải truyền đơn. Đánh đập và tra tấn mãi không xong. Sau hơn một năm cầm tù tòa án đế quốc Pháp buộc phải xù chúng tôi vì không lìm đi được. Chúng xù đồng chí Phóng, Điều con, Thảo lùn, Mỹ mỗi người 20 năm tù cấm cố đầy biệt xứ ra Côn đảo, đồng chí Thịnh năm năm tù đầy đi Sơn-la. Những người phản cung, thì hầu hết bị án treo từ ba năm trở xuống. Tôi bị kết án treo hai năm thì đã bị cầm tù một năm rưỡi ở nhà lao Hải-phòng và Hòa lò Hà-nội.

Ra tù chúng tôi càng cứng rắn hơn, có kinh nghiệm và dày dặn hơn. Ở tù ra chúng tôi trở nên có lý luận vững chắc và càng tin tưởng con đường mình đi.

Giờ đây tuy đã qua đi trên ba mươi năm rồi ; nhưng mỗi lần nhớ lại tôi càng thương anh Thịnh. Anh chết ngay ở Sơn-la.

Giờ đây mỗi lần chính bàn chân của mình lại đặt lên mảnh đất đầy than bụi máu và nước mắt, mỗi lần nhớ lại những cái tên phổ Bàng, Chiêu thương, những cái tên gọi lên đã thấy buồn khổ, tôi lại bồi hồi xúc động. Không xúc động sao được khi mảnh đất đã ôm ấp gần suốt đời mình, mảnh đất quần quai đói nghèo suốt bao nhiêu năm tháng nay đã từng sừng sững dựng lên hai lò xi măng năm mới xây xong, còn ánh lên màu thép, màu bê-tông mọc đang

phá khối vào bầu trời Hải-phòng ? Tôi thương tiếc các đồng chí cùng đấu tranh với mình, thương những người hàng xóm ngã xuống trong năm đói, trong bệnh dịch.

Sự đói nghèo và những hành động đánh đập dã man của tây, của cai chỉ còn lại trong tôi những vết sẹo. Cuộc đời mới, một cuộc đời mà chính mắt tôi chứng kiến, đã đến vượt quá sức tưởng tượng, quá sức ước mơ của tôi. Những cái bao gai, những cái bát đàn sành, những đôi giày rơm bây giờ chỉ thấy trong bảo tàng. Những thằng tây mặt ngựa, tây cá mập, tây mũi đỏ, cai Kỳ, cai Túc không còn nữa. Nhưng mỗi lần nhớ lại càng căm thù và càng thấy quý cuộc đời tự do của mình hiện nay.

Tôi đã có một gian nhà tranh và lại đi làm ở lò đứng. Lò đứng bây giờ khác xa lò đứng ngày trước ; hầu hết các công việc đã được điện khí hóa. Dưới bàn tay của tôi — thằng bé đội đất, đội than ngày xưa — những cái nút bấm bằng điện có sức mạnh đã bắt những gầu, vít, băng chuyền, quạt gió quay hồi hả, nhả ra những hạt xi măng nguyên chất màu đen xám. Tôi sung sướng được cùng những bạn trẻ lao động ở cái lò trên ba chục năm trước tôi vẫn đồ mồ hôi. Không phải nói đến những xưởng đóng tàu, máy xay cá hộp, những khu nhà an dưỡng Thượng lý đã mọc lên như thế nào, chỉ một điều được ăn đủ, không bị đánh đập đã làm tôi sung sướng vô cùng vì đó là điều ước mơ từ ba, bốn mươi năm trước của tôi. Ước mơ của hàng chục triệu con người đã thành sự thật.

Mỗi lần nhìn lại cuộc đời mình, nhìn lại con đường mình đã đi, tôi thấy mình chưa cống hiến được nhiều cho cách mạng nhưng không phải ân hận vì đã bỏ qua đi những ngày tuổi trẻ. Tôi đã cống hiến những ngày sôi nổi nhất của tuổi thanh niên cho một sự nghiệp vẻ vang nhất.

Mùa hè 1964

XUÂN HỒNG

(Ghi theo lời kể của bác Nguyễn danh Nấu)

CHỌN DÒNG NƯỚC UỐNG

Gia đình tôi ra Hải-phòng kiếm sống từ trước ngày đại chiến thế giới lần thứ nhất. Ngày ấy dân làng tôi ra cũng nhiều và làm đủ các nghề để sinh nhai. Nhưng đến hồi nổ ra đại chiến 1914-1918 thì Sở « Xi-moong » đóng cửa nên lại phải lữ lượt kéo nhau về làng cày thuê cuốc mướn mà sống. Gia đình tôi được sáu bảy anh em, nghèo rớt mồng tơi. Năm tôi mười ba tuổi thì vỡ đê, cả vùng lụt lội. Thế là tôi phải sang Sợi-nghĩa, Hưng-yên đi ở cho địa chủ. Được hơn một năm sau khổ quá không kham được tôi phải bỏ lên Hà-nội làm thợ sơn. Rồi sau đấy mới về xi-măng và mãi đến tận năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm, vì ruộng đất còn được tí nào thì địa chủ nó chiếm đoạt mất ráo cả, gia đình tôi mới lại dắt díu nhau ra cả xi-măng. Chỗ ở chả có, gia đình tôi phải thuê chiếc nhà gianh bẹp của tên ký Phương. Mà gọi là nhà chứ cái túp rúm ró ấy nông choèn choèn chỉ có vài cây nứa, cây róc rập nát buộc gá vào nhau, trên phủ lên đủ thứ, nào lá gồi, mè thưng, vi buồm, chiếu rách và cả mảnh tôn thùng đựng nhựa đường nữa. Nền đất lăm lăm, động mưa là trong nhà cũng như ngoài sân, lồm bồm những nước như vũng trâu dầm. Đã thế lại ở giữa những bãi lầy, sát ngay bên hai dãy nhà thờ, ở phố Mới. Đi vắng thì chó, về đến nhà là đã bày ra trước mắt cái cảnh đi thối, mời chào đón « khách », bọn cai ký thì rượu say lè nhè, tục tĩu, nhà nọ tranh « khách » nhà kia chửi nhau xa xà, đàn hát nheo nheo rồi nguyên rửa, than vãn cứ sồn sồn âm ỉ cả ngày cả đêm. Những người bán thân nuôi miệng ấy rất là thân tàn ma dại cả, tội nghiệp.

Bấy giờ vào làm lương lậu của tôi mới chỉ có mười hai, mười ba xu. Cơm gạo hầm cũng chẳng có đủ mà ăn, anh tôi làm phu bốc vác vẫn phải cưu mang thêm. Nó lại còn cái nước thế này nữa, thuê nhà của tên cai, tên ký nào là phải mua gạo của vợ nó.

Năm được miếng ăn, chúng nó tha hồ bóp hầu bóp cổ cu ly. Chưa đến kỳ lương mà hết gạo là khổ khổ. Một lần mẹ tôi vác rá tới nhà vợ tên ký Phương xin mua gạo chịu. Cái con mụ đồng đánh ấy cong cớn lên si và nhểch móc là « cái đồ cu ly, cu leo chúng mày chỉ quen bóc ngắn cắn dài nên mới xơ xác rạc rầy ra » mà mình thì có đâu mà phao phí, được bữa sớm lo bữa tối, bát lưng bát vọc. Chửi rửa cho thích mồm rồi nó mới khệnh khạng đóng gạo ra cho và trù vào kỳ lương sắp lĩnh. Mua năm cân nó đóng cho có bốn cũng vẫn phải cắn răng mà chịu. Mẹ tôi cấp rá gạo về mà nước mắt cứ dần dần. Làm sao cho thoát được, bỏ chỗ này đến chỗ khác thì cũng chẳng kém gì. Nhiều bữa bụng chiếc lon sành đựng cơm lên ăn mà tôi cứ ứa hai hàng nước mắt, không sao cầm lại được. Ăn đã vậy mà vận thì là loại áo đen năm tà rất những mè những mảnh, bao tải, giẻ rách, nổi nham chẳng đụp lại dề mà che thân.

Thoạt đầu tiên vào nhà máy, tôi làm cho cai Hàn ở đám xe thùng. Lúc nó nhà lửa còn phải đốt tay. Tôi còn nhớ là có mấy lần tôi vào xem những người làng làm ở đấy. Than bốc rừng rực, phu phen thì đen như cột nhà cháy, mồ hôi ra như tắm mà cũng chẳng được dừng lại một tí để thở. Trông chỉ thấy hai con mắt thò ló, thật chẳng còn ra hồn người nữa.

Làm chỗ này hết việc lại phải cậy cục xin sang chỗ khác. Thôi thì đủ cả, nào là kiến thiết nhà In-đơ rồi quay về làm cho cai Chiến ở sở than, xin vào làm phu cai Sứ, cai Hai, vào lắp tu-bin chỗ thẳng Phay, thẳng Ca-de, thẳng Kang, rồi vào dựng tấp-lô chỗ thẳng Bô-chê, làm thợ chế dầu, bơm nước ngọt, nước mặn, gần khắp ráo cả. Mãi tới năm một nghìn chín trăm ba mươi mới vào làm cần cầu hai mươi lăm tấn thuộc quyền tài Đảng, lúc ấy mới tạm tạm gọi là có nghề ngỗng một tí. Sống trong cái cảnh lẩn lút như cóc bơi vôi ấy, lắm lúc tôi thấy lòng dạ mình héo hắt hẳn đi.

Sáng ra chưa rõ mặt người là còi của sở đã rống lên như con bò bị cắt tiết. Thế rồi nó cầm bật, mặc cho phu phen ngong ngóng chờ đợi đến cháy ruột, cháy gan. Mãi đến lúc gần nhọ mặt người nó mới lại tí tí cất lên thì lúc ấy anh em cu ly chỉ còn có nước nằm vật ra mà thở. Làm quần quật suốt ngày mà nào có được yên thân. Thôi thì bọn cai, xếp, đốc công, chủ thầu chúng nó thét lác xa xà, roi vọt quật xuống cứ như mưa bắc.

Tôi còn nhớ cái ngày vào làm thợ lắp tu-bin chỗ thẳng Phay, thẳng Ca-de. Nào đã được ai chỉ vẽ đâu. Thế mà vẫn cứ phải bắt tay vào làm, khuôn, vác, kê, vận, động sai đâu là roi, gậy bổ xuống đấy. Có khi đang tiện tay cầm kim, búa hay cờ-lê là nó cũng phang

thằng cánh chúng tôi làm như thân trâu ngựa. Hễ roi vọt xuống đầu thì biết là ở đấy sai, tay gạt nước mắt mà tháo ra lắp lại. Khi lắp xong, thằng Phay vác cái bụng khệ nệ đến đặt đồng xu dựng đứng trên nóc tu-bin, thằng Ca-de cho chạy thử. Máy mà hơi rung, đồng xu lăn xuống là chúng tôi chỉ còn có nước chia sẵn lưng ra mà đón lấy những ngọn roi da vọt xuống không thương tiếc. Người nào quy xuống nó túm tóc dựng dậy, bắt đứng lên mà nhận đòn. Chúng nó rống lên chửi rủa, bắt làm lại tất cả.

Lại có một lần, tôi đội thúng than đầy tú ụ nặng đến rứt cổ, oằn xương sống, chân thì bó giẻ to xù xù như chân voi để khỏi phải bỏng vì những hòn cờ-lanh-ke nóng rực đỏ thành từng đồng. Tôi vừa chạy gằn, vừa thở rốc, hai đầu gối run lên bần bật. Đột nhiên mặt tôi tối sầm lại vì một cái tát. Thúng than đổ ụp xuống. Tôi chưa kịp trấn tĩnh thì một ngọn roi cật lực bổ xuống đầu, xoắn lấy lưng. Tôi chới với khuỵu xuống, nước mắt trào ra và sau đó thì tôi cũng không nhớ là tôi đã lăn lộn bao nhiêu vòng trước chiếc mũi giày đinh thúc lia lịa. Tôi đưa tay lên vuốt mặt thì hai bàn tay tôi bết bết những bùn, than, máu, nước mắt và cả mồ hôi nữa nhầy nhụa. Mấy người phu xúm lại, vục tôi về nhà. Cũng vì trận đòn ấy mà chiếc thúng ấy chẳng phải của tôi mà là thuê của chính thằng cai Chiến là thằng đánh tôi. Kỳ lương ấy nó đề nghị ngay ra cúp phạt, khấu tiền thuê thúng hết sạch chẳng còn được xu nào.

Không có tiền trả nợ, vợ chủ nhà chửi bới om xòm đòi tiền nhà, tiền gạo. Tôi đang ốm nhưng cũng đành phải lóp ngóp đến ngựa tay vay tiền của vợ thằng cai Sứ. Nó giờ giọng nói :

— Tao cũng chả có sẵn đâu. Nhưng nghĩ thương tình cảnh của cả nhà mày nên tao cho giạt tạm chục bạc. Đến kỳ lương ông trừ trước ở trong sổ cho, khỏi phải mang lại đây, đi lại phiền phức ra.

Tôi đỡ lấy mấy tờ giấy bạc, đếm lại chỉ có tám đồng. Tôi hỏi lại thì nó bảo :

— Hai đồng bạc ấy là tao trừ lãi trước đấy. Nhưng khi trả vẫn phải trả cả nguyên vốn là mười đồng bạc của tao đấy nhá. Thế nào? Không ưng thì đưa lại cho tao vậy. Bộ tịch lắm nữa. Tiền ở trong nhà tiền chưa, tiền ra ngoài cửa tiền đẻ. Tôi cầm tám đồng bạc về mà ruột cứ sốt như bèo. Mấy kỳ lương sau nó trừ của tôi ngoài mười đồng bạc ấy ra lại còn trừ thêm năm đồng bạc nữa. Thì ra nó ăn lãi những hai lần.

Lần ấy tôi vừa bị thương vừa lên cơn sốt. Trong cơn mê sảng, qua cửa sổ, tôi nhìn vào nhà máy thấy những đám khói sầm sập ùn ùn lên, lắm lúc tôi trông cứ như hình người đàn bà xoa tóc rũ

rượi đang quần quai, vật vã, khóc than thảm thiết. Thế nhưng hễ nhắm mắt lại là cứ y như có một cái gì kẹp chặt lấy giống chân, dốc ngược người lên, quay quay trên miệng chiếc lò than đang cháy phừng phừng.

Mỗi ngày tôi một ốm nặng lên, người gầy đét lại. Anh Phóng, bạn tôi — rất lo lắng. Đi làm thì chớ, động về đến nhà anh lại kiểm lá đắp vào vết thương cho tôi, đun lên đề xông, nấu cho tôi uống. Có lần thấy tôi nằm quay mặt vào vách, anh Phóng đặt tay lên trán tôi, ghé ngồi xuống bên và bảo :

— Đỡ nhiều rồi đấy. Cố mà chạy chữa. Minh mà chết là thiệt thân mà chúng nó thì mừng. Cái quân đều già, chó má ấy nó vẫn thế.

Ít ngày sau cơn sốt ngàn ngàn, tuy người còn yếu nhưng tôi đã phải cố gắng gượng đi làm. Lại vào làm ở sở lò đứng thuộc quyền cai Lân, cai Ngải. Cặp mắt của hai thằng này cứ như cú vọ, đổ ai ngồi tay một tí mà lại thoát được đòn vọt của chúng nó. Cứ một lượt đất, lượt than chõng chắt thành từng đĩa. Đĩa nào đầy nung luyện đĩa ấy. Lò cháy ngùn ngụt, người chạy đi chạy lại rậm rịch. Về đêm trông cứ như là cảnh nấu vạc dầu của quỷ sứ ở dưới âm ty. Nung xong lại phải dỡ ra từng hòn bằng ông đầu rau một cho vào xay thành xi-măng. Hồi nớ, có người đã gọi nó là lò thiêu xác tội, kẻ chúng chẳng ngoa. Có vô khối là cu-ly bỏ mạng ở những cái lò đấy. Những người làm lò đứng chúng tôi chẳng bao giờ quên được... Làm đã vậy mà nào đã hết khổ đâu lại còn cái nạn ầu đã lẫn nhau nữa chứ. Đến là điều đứng đủ điều. Chả vậy mà có anh em thợ đã trở thành gậy gộc, dữ tợn. Tỷ như ông Đinh người làng Keo chẳng hạn. Lúc bấy giờ ông ấy làm ở lò trên, tôi ở lò dưới. Ông Đinh đã từng là tay sừng sỏ trong những cuộc đánh nhau giữa phu lò trên với lò dưới. Họ đánh nhau đến là khiếp. Vớ được cái gì họ cầm cái nấy. Họ chém, họ phang nhau chí tử bạt mạng, chính tôi cũng đã có lần suýt chết.

Hồi bấy giờ dân làng Keo ra làm rất đông mà dân ở Thái-bình, Nam-định ra làm cũng chẳng ít. Họ tụ tập lại như thề chia phường, chia tốp. Lăn nớ đâu như là phu lò trên với phu lò dưới lương lậu chênh nhau mấy xu một ngày. Dầu đuôi chỉ có vậy, mà rồi thì gièm pha, khích bác, cả khía và cuối cùng choảng nhau một trận toán loạn !

Hôm nớ tôi đang chuyển đất ở ngoài thì thấy trong lò có tiếng chửi bới quát tháo om xòm, chưa hiểu đầu đuôi ra sao, tôi chạy bỏ vào xem thì thấy mấy người đang xấn xỏ, xía xối lên lò trên :

— Đừng có cái kiêu được đẳng chân lân đẳng đầu đầu nhá.

— Cứ đánh tuốt xác chúng nó ra. Việc đêch gì mà phải cãi vã, hoài hoi.

Thế là cả đám xồn xồn lên : « Đánh bỏ mẹ chúng nó đi anh em ơi ». Từ trên cầu thang cũng vọng xuống những tiếng la ó ầm ỉ chẳng kém. Tôi cố lách đám đông vào, nhìn lên cầu thang thì khiếp quá : Cuốc, xẻng, búa chim, dao, gậy chĩa xuống tua tua như thê lông dím. Đứng đầu là một người mặt dài, xương xương, cặp lông mày hơi sếch, hai vai vuông chành chành. Vạt chiếc áo cánh cộc ngắn, rách toí mớ, mở phanh ra. Mặt và ngực anh ta đỏ gay như gà chọi. Mắt trợn ngược, tay lăm lăm một con dao dài ngoẵng, lưỡi mài sáng loáng, anh ta rít lên :

— Đứa nào có giỏi thì cứ thử bước lên cầu thang này. Nhất sống, nhì chết, ông không chịu đâu. Nào đứa nào ?

Đám thợ lò dưới cũng giờ gây gộc, cuốc xẻng lên gào « dân làng Keo chúng nó định giết hết chúng ta, anh em ơi ». Loáng một cái, từ trên xuống, từ dưới lên tiếng người gào thét loạn xạ. Có những người gục xuống, có người máu me đầy mặt mà vẫn cố xông vào, kêu rống mãi lên. Lúc ấy tôi đã cố lách ra nhưng bị cả một khối người cứ xô về phía trước. Tôi đang xoay sở hết sức khó khăn thì bỗng một chiếc cuốc chim từ trên cầu thang bổ thẳng xuống đầu tôi. Tôi rúm người lại thì anh Phóng lao tới kéo tôi ngã vật về một bên. Chiếc cuốc chim cắm ngập lưỡi xuống đất. Thật hú vía, chỉ một li leo nữa...

Cái người cầm dao đứng đầu đám phu lò trên mà tôi vừa kể chính là ông Đinh. Mãi sau này tôi mới biết nguyên nhân của cái vụ thợ thuyền đánh nhau ấy toàn là do thằng Mô-lanh xúi giục cả. Đúng là thằng thầy dúi, trông cái mặt nó cứ phỉ ra như mặt lợn, mắt thì lờ đờ như chuột chù phải hơi thuốc phiện. Chỉ tội nghiệp cho mấy người chết.

Ngay sau ngày đánh nhau ấy, ở phố Bàng có mấy đám ma một lúc. Có bà cụ cứ đi sau xác đứa con bỏ trong manh chiếu rách thoi cả chân cả tóc ra ngoài, mà kêu gào thảm thiết.

Đến lúc nớ thì cả hai đám thợ cùng cúi gằm mặt xuống, chẳng ai còn dám nhìn mặt ai nữa.

Mấy ngày sau tôi gặp anh Phóng trong khi đang xách hũ ra lấy nước ở bờ sông. Hồi nớ bọn chủ chúng nó có nước máy, còn anh em phu phen thì phải ra bờ sông đón dòng nước ngọt kén mang về nhà đánh phen để lãng mà ăn. Từ sau ngày đại chiến thế giới lần thứ nhất nhà máy có tới vạn sáu, vạn bảy thợ thuyền nên cứ chiều tối đến là bờ sông đông nghìn nghịt, rất những người đi kén nước về ăn, cho đến mãi tận sau này, khoảng năm một nghìn

chín trăm ba mươi tám đầu tranh mãi bọn chủ chúng nó mới chịu bắc máy nước cho thợ. Nhưng nào có thấm tháp gì, ngọt nghét hai vạn con người mà cũng chỉ có bốn cái vòi nước chảy rì rì, tức anh ách. Chả có thể mà ở xưởng tôi hồi bấy giờ có người đang làm, khát nước quá — cái trò nóng nực, mồ hôi ra như tưới thì làm gì mà không khát, chạy vội chạy vàng đi kiếm được hớp nước chẳng may lại đúng vào lúc bọn cai, xếp đi đốc thợ. Thấy vắng mặt thế là chúng nó lấy cớ trừ ngay một công.

Lần nớ anh Phóng rủ tôi đến nhà chơi. Lúc qua phố Bàng, từ trong dãy nhà ám khói vàng khè vọng ra tiếng xóc đĩa, mặt chược, tiếng con bài lá bạc quật đen đét, tiếng người lão xào. Mấy người gầy như xác ve, quần áo rách như xơ mướp, sắc súa toàn mùi rượu và mùi thuốc phiện, lầu bầu, loạng choạng bước ra, mặt dờ dại. Anh Phóng bảo tôi :

— Anh em mình mà không biết bảo lẫn nhau, cứ cái cảnh này rồi thì chết sạch cả. Làm quần quật không đủ miếng vợ vào mồm mà lại còn cò bạc, rượu chè, thuốc sái, đánh giết nhau nữa. Tội chúng nó đánh đập như đòn tra tù, tai nạn chết người soành soạch, thế chưa đủ khổ hay sao mà lại còn cẩu xé lẫn nhau. Tôi nghĩ cứ rầu cả ruột anh ạ.

Tôi trả lời :

— Cùng cách này khổ sống cho qua được. Tôi có dám dây vào cái chuyện kéo bè, kéo cánh ấy đâu.

Anh Phóng nhìn thẳng vào mặt tôi :

— Nhưng chẳng lẽ cứ để anh em như vậy mình đứng ngoài mà coi được à ?

— Thế chứ làm sao được — Tôi buông thông một câu.

— Làm sao được à ? — Anh Phóng vặn lại, nắm chặt tay tôi và bảo — Bấy giờ ta thử làm thế này : Anh đến chuyện trò và gọi chuyện với anh em phu làng Keo, tôi đến với anh em phu Thái-bình, Nam-dịnh. Ta nói cho họ thấy điều hơn, nhẽ thiệt. Ta phải làm cho anh em thấy được rằng dầu sao thì cũng cảnh áo mề bát mảnh với nhau cả. Anh em mình mà chả đùm bọc lẫn nhau, cứ để cho thằng Mô-lanh với bọn chúng nó xúi giục thì rồi chỉ tỏ « đục nước béo cò ». Chẳng nhẽ anh em mình lại không nghe ra mà giảng hòa với nhau hay sao ?

Tôi ưng theo sự chỉ vẽ của anh Phóng. Ấy, là cứ nhận vậy thôi chứ thực ra trong bụng tôi vẫn thấy khó quá : Làm sao mà can ngăn được họ ? Lỡ ra một cái, dầu không phải, phải tai thì khốn. Cho tới một hôm cai Lân tụ tập anh em phu phen sờ lò đứng lại và bảo :

— Hôm nay, tôi muốn nói với anh em câu chuyện. Chả gì thì ở cái sở lò đứng này ta làm ăn với nhau cũng có thể gọi là trên thuận dưới hòa. Thế mà lại có đứa xanh vỏ đỏ lòng nó thọc gậy bánh xe. Nói gì đâu xa, cái thằng ký Ngọ bên đám thuyền đá nó lại định giờ cái lối tranh phu, đoạt thợ với tôi. Nói có anh em chứ, lành làm gáo vỡ làm môi. Thách ba đời nhà nó cũng chẳng dám đụng đến thằng này. Đây chỉ sì ra một ít tiền là có khối tay chân đàn em đề sửa cho thằng Ngọ một trận. Anh em cứ yên tâm mà ở với tôi. Ai gọi được thợ bên đám ấy về làm sẽ có thưởng. Ai bỏ đi thì liệu hồn. Nếu thằng Ngọ làm già thì ta kéo sang đàn cho nó một trận cho tụi chúng nó biết mặt.

Nghe thằng cai Lân nói, lại nghe anh em xì xào là nước này sớm muộn gì rồi thì cũng lại có ngày phu sở lò đứng và phu thuyền đá choảng nhau, tôi thấy lo quá vì anh tôi cũng làm bên ký Ngọ. Lúc về nhà, tôi chưa kịp hỏi han gì thì anh tôi đã hỏi:

— Chú nghe ngóng bình tình bên ấy thế nào. Bên tôi ký Ngọ nó đang hùa anh em sang gây sự đánh nhau với bên ấy đấy.

Lúc nớ tôi mới lại càng rối ruột rối gan. Tôi chưa biết định liệu ra sao thì ngay hôm sau, tan sở về tới phu sở lò đứng chúng tôi vừa ra khỏi cổng sở đã thấy thằng ký Ngọ kéo một toán phu thuyền đá xấn xồ kéo đến, trong số đó có cả anh tôi. Vừa gặp nhau một cái là cả hai toán đã xùng xộ. Thằng ký Ngọ đứng ở phía sau xúi vào:

— Đánh bỏ mẹ cái quân ấy đi.

Thế là đám phu đội đá giờ gây gộc ủa đến. Nguy quá, không thể trù trù được, tôi nhảy tới trước. Một chiếc gậy phang vào vai tôi đau điếng nhưng tôi đã nắm được tay anh tôi và nói to lên:

— Anh em ơi. Đừng làm thế, hẵng gượng đề tôi nói đã.

Thằng ký Ngọ quát mắt lên quát:

— Cứ phang thật lực, không lùi thôi.

Anh tôi rưng rưng nước mắt nói:

— Đề chúng tôi nói...

Anh ấy đẩy tôi ra phía trước:

— Đây, chú Tinh nó là em ruột tôi. Ai bảo sao thì bảo, chết cùng chết chứ bảo tôi đánh em tôi thì tôi nhất quyết không đâu.

Thấy anh em đã chùn lại ít nhiều, tôi nói luôn:

— Mà chả cứ gì anh em tôi. Cả các bác nữa, ta thù oán gì mà lại đánh nhau. Nghĩ rõ khổ chưa?

Trong lúc cả hai toán cùng đứng tần ngần thì thằng ký Ngọ hét âm lên:

— Đã bảo đánh là cứ đánh.

Nó xấn lại phía tôi, giờ ba-toong lên vụt thì anh tôi đứng chặn ngay phía trước, chiếc ba-toong vụt trúng lưng anh tôi. Thế là cả hai đám thợ xúm lại chống thẳng Ký Ngọ. Núng thế, thằng Ký Ngọ chửi đồng rồi rút. Anh em thì xem ra đã vỡ lẽ. Thấy việc làm có kết quả, từ đấy tôi la cả vào các xóm gặp những anh em phu làng Keo. Lúc đến tôi còn tí tê tâm sự đồng dài, dần dà tôi gọi chuyện. Tôi kể chuyện có những gia đình sống dờ chết dờ, những đứa trẻ phải chịu cảnh cầu bơ cầu bắt, những bà mẹ già mất chỗ nương tựa chỉ vì âm mưu chia rẽ của bọn chủ thầu, cai ký. Thoạt tiên còn có người ương ngạnh, toan gây sự cả với tôi. Tôi cứ thực thà, kiên tâm giảng giải cho kỳ đến họ phải siêu lòng. Có người đã khóc lên rưng rức.

Quả thật ít lâu sau mấy đám anh em phu ấy dần hòa với nhau. Làm được việc ấy tôi thấy mừng mừng trong bụng mà anh em thì cũng mến tôi hơn. Tôi tới nhà anh Phóng và kể lại. Anh khen tôi là người quả cảm.

Cái lần đến chơi nhà anh Phóng tôi gặp mấy anh em nữa cùng làm trong sở, trong số đó có cả anh Thịnh mà sau này tới ngày trước cách mạng thì anh bị hy sinh. Họ quây quần cả trong một cái ô rơm. Rét quá, tôi cũng ngồi thu lu vào một góc mà góp chuyện. Lúc đầu còn nói chuyện nhà, chuyện xóm, chuyện trong sở. Rồi sau câu chuyện xoay đi thế nào không biết, chúng tôi bàn tới chuyện Phan chu Chinh, Phan bội Châu. Chả là thế này, ông cụ đẻ ra tôi trước ngày cũng đi lính nhà vua, chống Pháp. Nhưng từ khi triều đình nhà Nguyễn quý gối rước giặc vào thì ông cụ bắt mất bỏ cơ ngũ về nhà cày ruộng và có tư tưởng « Văn thân » chống Pháp. Cụ thường kể cho con cháu nghe chuyện tổ tiên oanh liệt các đời trước. Chính vì thế nên khi xoay sang nói chuyện về những người yêu nước tôi cũng thấy say sưa. Thú thực là khi ấy còn trẻ, đang sức trai nên lắm lúc trông thấy tụi Pháp, ngứa mắt quá tôi chỉ muốn phang cho chúng một trận như từ.

Chúng tôi bàn tán về các báo đăng tin những người yêu nước bị bắt. Bàn chán rồi quay sang than thở về cảnh sống khổ cực.

Anh Phóng làm như vô tình hỏi:

— Các anh có biết mấy người phu mới vào không?

Anh em trả lời có người biết, có người không. Anh Thịnh hỏi lại,

— Cái số gày gò, trắng trẻo ấy chứ gì?

— Ừ — Phóng đáp — các anh thấy họ thế nào?

Thình lình chìm mắt ông nghĩ và chậm rãi nói :

— Hôm nọ tan tầm về tôi thấy họ cũng lem luốc như mình thôi mà còn có phần gầy gò, yếu đuối nữa là chẳng khác. Nhưng ra đến hồ tắm tôi mới để ý thấy chân tay họ trắng nõn cả. Răng cũng đen nhưng hình như mới nhuộm thì phải. Họ nói chuyện dễ nghe đáo để.

Tôi hỏi lại :

— Thế họ là ai hả ?

— Ai biết được — Phóng đáp và nói lảng — À, mà tôi nghe nói hồi rày có một số du học sinh ở nước ngoài về làm cách mệnh trong nước. Các anh có nghe nói không ? Đâu hình như họ gọi là : Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội thì phải.

Nghe nói vậy thì tôi đoán già đoán non : đúng cái số phu mới ấy là những người làm cách mệnh và có ý ngờ ngợ câu nói của anh Phóng. Mãi sau này tôi mới biết mấy người phu ấy là các đồng chí Ngô gia Tự, Nguyễn đức Cảnh và mấy đồng chí khác.

Một hôm tôi hỏi anh Phóng :

— Như mình bây giờ ghét Tây nhưng cũng chẳng có cách nào, chẳng làm gì được chúng nó. Nghe nói đến chuyện ái quốc, tôi vẫn thấy nó chói với thế nào ấy. Lắm lúc tôi thấy mình lẻ loi quá anh ạ.

— Sao lại lẻ loi ? Sao lại không làm gì được chúng nó — Phóng vặn lại tôi — Thua keo này ta bày keo khác. Một mình thì chẳng làm được cái quái gì thật nhưng nếu đồng lòng cả sở ta bảo nhau được, xem làm có nên chuyện không.

— Nhưng làm sao mà bảo được nhau ? — Tôi hỏi lại.

Phóng vặn lại :

— Thế chứ mấy đám phu đánh nhau hồi nọ sao họ lại dàn hòa được với nhau.

Thấy Phóng nói có lý, tôi bắt đầu đi thăm dò ý tứ, khêu gợi sự uất ức của anh em dân thợ. Đến đâu tôi cũng thấy anh em mình ghét Tây, căm uất bọn chủ. Tôi thấy mình không đơn độc nữa và càng tin lời Phóng hơn.

Dần dà, mãi về sau thấy tôi làm được việc, Phóng mới thổ lộ, được biết Phóng là người của tổ chức tôi càng tin và mến anh ấy hơn. Và, cho đến mãi tận cuối năm một nghìn chín trăm hai mươi chín được sự điều dắt và giới thiệu của anh Phóng, tôi được kết nạp vào tổ chức Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Vào được một năm thì chuyển Đảng. Lúc đó, tôi thực như người đi đêm tìm được bó đuốc soi đường, phần chẵn hẳn lên.

Ngày xưa lớp chúng tôi tìm gặp Đảng gia nhập Đảng và hoạt động cho Đảng trong những hoàn cảnh gay go, khác với lớp các đồng chí bây giờ nhiều. Cứ suy như tôi, trước ngày chưa được Đảng điều dắt thì cứ u u, mình mình có biết quái gì đâu.

Cái ngày được tổ chức kết nạp, tôi còn nhớ như in trong óc. Hôm đó trời nắng ấm, tôi cố chọn manh quần, tấm áo nào tinh tươm nhất để vận. Anh Phóng đưa tôi vào nhà anh Ba-Y ở phía sau đình Hạ. Nét mặt anh Phóng hơi khác mọi ngày, nghiêm nghị hơn. Tôi thì lòng dạ cứ nao nao. Suốt dọc đường đi chẳng ai nói với ai câu nào, thình thoảng anh Phóng lại nhìn tôi cười kín đáo. Chẳng hiểu sao tôi cứ phân vân mãi không biết lễ kết nạp thì như thế nào ? Vào đến nơi tôi thấy mấy đồng chí ngồi quanh một chiếc bàn gỗ cũ kỹ. Chị vợ anh Ba-Y thì bế con đứng ở ngõ hát ru à ơi, ý chừng chị ấy đứng gác thì phải.

Thấy tôi đến, các đồng chí ấy vồn vã mời ngồi. Tôi hơi hộp quá. Tuy trong nhà chẳng bày biện tí gì khác ngày thường, nhưng tôi vẫn cứ thấy lẩn bấn trong người. Nhất là lúc đồng chí Phóng đứng lên giới thiệu thì tự nhiên tôi cứ nghẹn ngào như thế người muốn nói điều gì mà không nói ra được. Tôi ngồi lắng nghe từng câu, từng chữ trong điều lệ. Tiếng đọc tuy khê nhưng rành rọt từng chữ một. Sau khi giờ nằm tay lên xin thề, tôi ngồi xuống bàn tay vẫn nắm chặt, mãi tới lúc các đồng chí ấy giao truyền đơn, áp phích và dặn dò, tôi mới xòe bàn tay ra nhận lấy sổ tài liệu. Tôi hết sức cảm động khi thấy mọi người gọi mình bằng « đồng chí ». Cái chữ đồng chí lúc bấy giờ thật quý hóa.

Ngay đêm hôm đó lần đầu tiên trong đời tôi bắt tay vào làm công tác cách mạng. Tiết cuối năm, gió bắc cứ hun hút cắn thịt, cắn da râm rút. Quần áo rách tả tơi, phong phanh, người tôi co rúm lại, run lập cập. Sương xuống nhiều, càng buốt tợn. Dò dẫm từng bước, lẩn trong bóng tối, khoảng bốn giờ sáng tôi lần được đến cổng sở. Đường xá vắng tanh. Dưới ngọn đèn lù mù phía trong sở tên Tây đen gác cổng uể oải bước ra. Nép chặt vào một khe tường, tôi sờ tay vào ngực áo thì thấy cuộn giấy vẫn y nguyên. Đến cách tôi mấy bước, tên gác cổng đứng lại. Tôi nín thở, nép hẳn lưng vào tường, trống ngực đập thình thịch tường như người ngoài cũng có thể nghe thấy được. Hai mắt tôi căng ra theo dõi cái bóng đen to cao lừng lững ấy. Một ánh lửa lóe lên — hẳn bật diêm hút thuốc, rồi quay gót đi trở vào. Tôi thở phào một cái như người đang bị chìm ở dưới đáy sông, thình lình được ngoi lên khỏi mặt nước. Trời rét là thế mà mồ hôi đổ ra lấm tấm trên trán tôi. Bình tĩnh được rồi tôi mới rón rén bằng mấy đầu ngón chân tiến

đến một bức tường ở ngay cổng sở. Tôi rút vội mớ giẻ trong bọc ra, xoa hồ lên tường rồi miết mạnh tờ áp-phích vào đấy. Đảo mắt nhìn một lượt, tôi lần ngay đi. Cũng đêm hôm ấy, tôi còn dán một tờ áp-phích nữa ở nhà bơm nước.

Sáng hôm sau, vào sở làm tôi thấy anh em xì xào bàn tán :

— Đêm hôm qua có áp phích và truyền đơn cách mạng dán ở mấy chỗ trong sở hồ hào anh em thợ thuyền đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập cúp phạt. Họ kháo nhau :

— Chúng mình khổ quá rồi. Người ta hồ hào thế là đúng.

Nhưng có người lại nói :

— Người ta sướng hay khổ là có số cả đấy.

Rồi người khác vặn lại :

— Số kiếp cái gì? Thế cứ bọn Tây là tốt số. Còn cánh thợ ta thì rặt số cu-ly cả à? Số cái con tầu.

Có anh thì tấm tắc :

— Kề cũng tài thật đấy chứ. Làm thế nào mà lại dán được ở giữa cổng sở nhỉ. Nó mà bắt được có khi nó « pheng đầu » ngay tại chỗ.

— Còn phải nói. Đã có can tràng cách mạng mà lại còn sợ « pheng đầu » à.

Tôi tăng lờ như không biết gì và cũng xen vào :

— Này, họ rải cả truyền đơn nữa đấy.

Mấy người xúm lại, thì thảo :

— Truyền đơn họ nói gì?

Tôi nháy mắt, lảng ra chỗ khuất, lấy một tờ truyền đơn ở khe tường ra và bảo :

— Tôi nhặt được truyền đơn cộng sản. Ta đọc xem họ nói gì nhé.

Nghe đọc xong, ai nấy đều suy nghĩ. Có mấy anh trợn mắt khề rít lên :

— Đúng thế, nhất định là phải vùng lên anh em ạ. Chúng nó đều cười cồ mình mãi rồi — Anh ta phanh chiếc vạt áo rách như sơ mướp ra vung tay vung chân — Con giun xéo mãi cũng quằn. Tôi là tôi dểch sợ gì cả.

Từ đấy, càng ngày tôi càng thấy nhiều anh em đồng cảnh đồng tình. Tôi hoạt động càng hăng. Truyền đơn tôi rải không biết bao nhiêu lần. Những ngày kỷ niệm như ngày mừng một tháng năm; ngày « Sét-nô-văm » — tức là ngày mừng 7 tháng 11, kỷ niệm cách mạng tháng 10 Nga — tôi và các đồng chí khác phân công nhau đi treo cờ đỏ búa liềm ở nóc tu-bin, nóc nhà giấy, các kết nước. Cả các ngày công xã Pa-ri và Quảng-châu công xã cũng vậy.

Một hôm, làm đêm xong, tôi ra tắm ở hồ nước ở cạnh phân xưởng Than bấy giờ đấy. Anh em phu phen ra tắm rất đông, mà bấy giờ làm gì có tiền mua xà-phòng, tắm gội toàn bằng đất sét. Tôi đang cúi xuống vò đầu thì có người hích vào lưng, thì thầm :

— Cờ cộng sản kia.

Tôi nghiêng đầu nhìn lên thì thấy bao nhiêu phu phen tắm quanh hồ đều hướng nhìn cả về phía lá cờ bay phấp phật trên nóc cao chót vót của nhà tu-bin. Anh em chỉ trỏ, lảo xào :

— Cờ đỏ có hình búa, hình liềm là nghĩa thế nào nhỉ?

— Búa là thợ thuyền ta mà liềm là nhà nông. Nghĩa là người nghèo chúng mình liên kết với nhau chống bọn nhà giàu.

Lần ấy, dân thợ bàn cãi với nhau sôi nổi : « thế là ở sở mình cũng có người làm cách mạng đấy nhá ». Anh em càng mát dạ hả lòng bao nhiêu thì bọn chúng nó càng cuống cuống, rồi rít bấy nhiêu. Thằng nọ đùn thằng kia, mãi đến tận tám giờ sáng chúng nó mới gỡ được lá cờ xuống. Nhưng câu chuyện thì đã vùn vụt lan nhanh trong xóm thợ.

Cũng từ những ngày ấy, phong trào trong nhà máy bắt đầu có cơ sở, tuy là ngấm ngầm nhưng lan rất nhanh, bắt rễ rất sâu. Đến năm một nghìn chín trăm ba mươi một thì cả nhà máy sôi sục lên trước cái tin công nhân nhà máy Sợi Nam-định đấu tranh. Trên cửu đồng chí Khuất duy Tiến về, chị Vân ở máy dệt Nam-định ra, mở lớp huấn luyện, hướng dẫn phong trào.

Công việc bận tít tít cả. Tôi chạy vạy đi quyền tiền anh em, có tiền rồi gom góp lại mua thạch, mua giấy bồi về in truyền đơn, công tác chạy băng băng. Rất đông quần chúng nhiệt tình tham gia, đóng góp.

Nhưng dùng một cái, một số đồng chí ở cơ quan trung ương phân cục lúc bấy giờ đóng ở Hải-phòng và nhiều đồng chí khác bị bắt. Trong đó có cả đồng chí Phóng, anh Điều già.

Một buổi sáng, trên đường đi vào sở, đồng chí Thịnh bảo tôi.

— Tình hình này thì rồi còn là nhiều rắc rối đấy. Anh ở nhà nguội có cơ hội lui tới nhiều bộ phận, nên lĩnh một cái thẻ làm đêm để đi lại chứ không thì bí lắm.

Tôi đồng ý và cũng xin được thẻ làm đêm. Ít lâu sau, vào một buổi chiều, nhai chiếu chạp được mấy miếng cơm, xách lon ra vại rửa và vục đầu vào làm mấy hơi nước lá, tôi sửa soạn vào sở. Qua một ngày nắng như đổ lửa, mặt trời đã lặn rồi mà xóm thợ vẫn còn ngột lên xe xém, gió tây hầm hập. Mẹ tôi hỏi :

— Vừa mới đi tầm về, bây giờ lại đi đâu vậy. Bà cụ than thở — Hồi này mày cứ đi biển biệt cả đêm, cả ngày, người hốc hác cả đi. Mà tao thì cứ thấy lo lo... Tao già rồi...

Tôi vui vẻ an ủi mẹ tôi yên lòng:

— Con còn khỏe chán bu ạ. Bu đừng có nghĩ quần quanh rồi sinh ra ốm đấy.

Bà cụ không nói gì thêm nữa, cứ nhìn tôi buồn rười rượi. Làm mẹ ai mà chả thương con.

Ra khỏi nhà, tôi đi thẳng vào nhà ngói. Đến cổng xưởng tôi đã thấy thằng quán Mạ lớn vờn ở phía ngoài và thằng ký Tinh thập thò ở trong bàn giấy nhưng tôi không để ý.

Khi tôi vừa thò tay vào chiếc tủ đựng thẻ làm đêm của phu thì chúng nó ập đến khóa chặt lấy tay, tôi cố hết sức vùng vẫy nhưng không nổi. Tôi uất ức hỏi:

— Tôi có tội gì mà các ông xích tay tôi? Các ông định làm gì? Định đưa tôi đi đâu?

Thằng quán Mạ cất giọng cười khềnh khệch, mắt nó nheo lại, môi thuởi ra và trả lời:

— Tội gì rồi khắc biết, không lo thiếu tội đâu mà sợ. Mày hỏi đưa đi đâu à? — Nó nghiêng răng ken két — Đưa xuống âm ti. Đồ cộng sản.

Chúng đưa tôi về bót gác của sở, và bắt thêm hai, ba người nữa. Thằng Doăng Tây lai—thanh tra mật thám—và đội Thước, đội Chức sang. Nhảy từ trên xe xuống thẳng Doăng xông xộc đi thẳng vào bốt. Giày đinh của nó nện chan chát trên nền xi-măng. Thoạt mới vào, nó xấn đến trước mặt tôi giơ bàn tay hộ pháp của nó ra, tát tôi tới tấp mặt mũi lại. Nó cất cái giọng ồm ồm, lơ lơ.

— Ê! Chúng mày định chống lại chánh phủ há? Vô ích. Khôn hồn thì liệu mà khai ra. Không có thì... Nó đưa ngón tay cái vạch ngang lên cổ làm hiệu cắt họng và huýt một tiếng sáo dài, về đặc thẳng ra mặt.

Chúng nó dùng giày đinh đập dúi chúng tôi ra cửa và luôn mồm chửi bới, văng tục. Ra đến cổng sở thì đã nhò mặt người. Trong cái cảnh nhá nhem đó, tôi đã thấy mẹ tôi đứng đợi ở đấy, mặt tái nhợt hẳn đi — không hiểu ai đã về nhà cho bà cụ biết tin tôi bị bắt. Bà cụ chạy lại nắm lấy vạt áo tôi, mắt chớp lia lịa, đôi bả vai xương xẩu nhô lên, giọng lạc hẳn đi:

— Con ơi... con đi... sống, chết... thế nào chưa bi...ết — Bà cụ chìa ra cho tôi nắm cơm gạo đỏ bọc trong mảnh lá chuối — Con cầm đi mà ăn.

Bà cụ mếu máo. Tôi vừa mới chìa đôi tay bị xích về phía bà cụ thì: Vút! chiếc roi da to bản của thằng Doăng quất thẳng vào tay bà cụ. Tội nghiệp quá... Người bà cụ co rúm lại như một con tôm. Bà cụ loạng choạng nhưng vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Ruột tôi thắt lại, hai hàm răng đánh cèm cạp như lên cơn sốt rét. Nắm cơm văng ra lăn lóc trên mặt đường. Thằng Doăng bước tới, lấy giày đinh đi nát bét nắm cơm rồi quay cổ lại nhìn tôi, nhếch một bên ria mép cười đều giả. Mặt tôi nóng ran lên, hai bên thái dương rần rật.

Sang đến bốt chính tôi gặp anh Điều già, Thịnh, Phóng và nhiều đồng chí khác nữa cũng bị bắt, kể cả những anh em ở Máy tơ, Nhà dây thép, Sở Rô-be, Sở giao thông và anh em ở Kiến-an. Người nào quần áo cũng tả tơi, mặt mày thâm tím, mình mẩy máu me.

Riêng tôi thì được « mở hàng » bằng một trận đòn thừa sống, thiếu chết. Thằng Thước, thằng Chức đè cẳng tôi ra cho thằng Doăng đánh tới kỳ chán tay mới thôi.

Lần ấy tuy có đau thật đấy nhưng tôi vẫn cứ nghĩ — thương bà cụ. Khi báng súng nện tới tấp vào lưng thúc đi, tôi còn cố ngoái lại mấy lần để nhìn mẹ. Ý chừng bà cụ còn muốn nói với tôi điều gì, nhưng không nói được. Đôi môi nhợt nhạt cứ run lên, mấp máy. Đi một quãng xa, tôi trông lại vẫn còn thấy cái bóng gầy còm, mỏng manh của bà cụ run rẩy trong manh áo rách. Lòng tôi quặn lên đau đớn, tôi quên cả xiềng xích, roi vọt mà trong đầu chỉ còn thấy quần quanh một ý nghĩ: Bà cụ sẽ sống thế nào đây? Dựa vào ai mà sống cho qua ngày? Liệu bà cụ có còn... cho tôi được gặp lại không? Càng uất bao nhiêu, tôi trông mặt thằng Doăng càng dài ngoẵng ra như mặt ngựa. Nó đánh tôi đến chết đi, sống lại mấy lần, cuối cùng thì nó quăng tôi vào nhà giam, cùm cả hai chân lại. Tôi lả ra, thiếp đi, không còn biết gì nữa. Khi tôi mơ mơ màng màng, tỉnh lại thì thấy có tiếng thì thảo bên tai: « Đau lắm phải không? Cố mà chịu đựng, đừng khai ra nhá ». Tôi khế cựa mình, cố mở mắt ra nhìn thì thấy anh Điều già bị cùm ngay bên cạnh, mặt anh sưng vù lên từng đám, tím ngắt. Anh ấy cố nhoai về phía tôi báo: « dái ra, lấy nước tiểu mà bóp vào những chỗ sưng ấy sẽ thấy dễ chịu ngay. » Tôi lại cố xoay người thêm tí nữa nhưng hai dóng chân đau điếng lên vì hai cái lỗ cùm sắt sắc cạnh. Tôi bậm môi lại, gật gật.

Hồi nớ là vào tháng tư, đang độ nóng già. Tôi mặc bộ quần áo đi làm vá víu không biết là bao nhiêu mảnh, còn bết bết cả dầu mỡ,

mồ hôi, vào đây lại thêm cả máu nữa nên nó cộp lại, cứng cằn cằn. Trong nhà giam nồng nặc đủ thứ mùi, kể cả mùi cứt, máu.

Sau gần hai mươi ngày ròng rã, thẳng Doăng bắt chúng tôi xếp hàng ra sân, người nào người nấy trông chẳng còn ra hồn người nữa, mặt mũi thì vêu vao, hốc hác. Nó dùng roi da lần lượt quát cho mỗi người một cái như trời giáng — Nó đếm tù như thế đấy — Đứng xoạc cẳng ra, tay chống nạnh, nó nhìn một lượt:

— Theo lệnh ông toàn quyền Pát-ski-ê và ông Bút-sê — chánh hội đồng đề hình, tất cả tù « pô-li-tích » phải đưa vào đề lao, phạt cùm ba tháng rưỡi. At-tăng-si-ông!

Cái dây tù chính trị chúng tôi bị giải sang đề lao ấy nhiều người râu tóc sòm soàm nom như người rừng ấy. Mãi sau chúng nó mới lấy tông-đơ ngựa vào đưa cho mỗi người độ vài nhát là đầu đã trọc lều. Chúng tôi bảo nhau « thế càng mát ». Cứ nghĩ hồi ấy tài thật đấy, chỉ có cái quai thùng đựng phân, thế mà anh em mài gần một tháng ròng, rồi cũng thành con dao sắc để cắt tóc, cạo râu gọn ghẽ, tươm tất ra trò. Có lần thẳng cai ngục thấy lạ quá, nó dò hỏi, anh em trả lời: « có quái gì đâu, cạo bằng mảnh sành đấy mà ». Kỳ thực thì cứ mỗi lần dùng xong anh em lại kiệu nhau lên đề giấu con dao lên mái xà-lim. Minh mà không làm thế thì cũng khổ. Ai đời, tôi còn nhớ cái cậu Mẫn mới mười tám tuổi đầu thế mà râu mọc dài hàng gang tay.

Lại còn cái chuyện ăn uống nữa. Ngày hai bữa chúng nó quăng vào mấy chiếc thùng gỗ giống như những cái phượng cho lợn ăn ấy. Mỗi người được độ một vốc cơm gạo hầm nấu nhẽ, chông chơ mấy cái cuộng rau muống luộc còn nguyên cả rễ đâm ra tua tua và một dúm muối đỏ kẹch. Ấy vậy mà anh em tôi vẫn bảo nhau « cơm thế này cũng như ở nhà, chỉ tội đói quá thôi ». Vì ở nhà chúng tôi cũng ăn khổ chẳng kém gì.

Xà lim thì tối om, tường dày sáu mươi, lính gác nhan nhản. Cùm suốt ngày đêm, khổ sở quá chừng, quá đổi. Chúng tôi quyết định tuyệt thực đề đấu tranh đòi thả cùm. Mấy đồng chí biết nói tiếng Pháp được phân công giao thiệp. Nhịn ăn đến ngày thứ ba thì bụng nó cần nhức nhối, người lả ra nhưng anh em vẫn động viên nhau giữ vững tinh thần, mặc cho chúng nó mang cơm gạo trắng và các thức xào nấu thơm phức tới đề ngay trước mặt. Bụng tuy còn cào nhưng cố ngoảnh mặt đi. Rốt cuộc chúng nó thua. Tên xếp tù hẳn học nói:

— Các anh được thả cùm nhưng cấm không được nhốn nháo.

Tháo được cùm ra thì hai chân đã tê dại nhưng chúng tôi đã vịn tường xà-lim loạng choạng đi lại, chuyện trò vui nhộn hẳn lên.

Khoảng cuối tháng mười một chúng tôi bị ấn lên các toa đèn của tàu hỏa giải về Hòa lò Hà-nội. Bị khóa chung bốn người một xích, thế mà dọc đường nhiều chị vẫn cất giọng hát lanh lảnh: « Anh em binh sĩ đứng lên... » làm cho một số lính khố xanh đi áp giải cứ cúi gằm xuống không dám ngẩng mặt lên.

Ở Hà-nội cũng chẳng khác gì đề lao Hải-phòng mà còn có phần khắc nghiệt hơn là đằng khác. Ở đây tôi được biết thêm nhiều đồng chí mà có đồng chí bấy giờ công tác ở trung ương. Trong đó tuy là ở tù nhưng anh em ta có tổ chức chặt chẽ lắm. Ngày chúng tôi được dự lớp huấn luyện chính trị, học văn hóa thì chui xuống gầm giường lấy gạch non viết xuống đất rồi viết cả sách bằng giấy bồi, kể chuyện cách mạng Nga, cách mạng Pháp, Quảng-châu công xã, học hát các bài ca cách mạng, đủ cả. Chúng tôi lại còn diễn kịch nữa chứ. Anh Xuân Thủy, anh Khuất duy Tiến và tôi chuyên sắm vai nữ. Đóng đẹp đáo để, xôm ra trò, vui cứ như tết ấy. Về sau chúng nó cũng biết lảng máng và có âm mưu phân tán tù chính trị. Chúng tôi nhất quyết không nghe. Hò la đề đấu tranh. Chúng nó lại cùm, cùm lại càng hò to hơn. Chúng nó xoay ra lột hết quần áo, cho vòi rồng phun nước, đánh bằng roi song mặt giữa ngày tháng chạp rét tím người lại. Anh em ôm lấy nhau thành từng đám cho đỡ rét và vẫn hò la. Tội chúng nó dám hoang, phải cư xử nhẹ tay hơn. Thế là chúng tôi lại thắng. Lần ấy gang thật.

Nửa năm sau chúng tôi ra tòa và bị kết án treo ba năm. Giá mà không có mấy đồng chí phản cung thì tôi đã bị điệu đi đây ở Sơn-la hay Côn đảo rồi. Chính cũng nhờ lần nớ mà tôi sáng mắt ra rất nhiều, già dặn, phấn chấn hẳn lên.

Về đến nhà tuy được giới thiệu đầu mối nhưng vì đi lâu ngày mất cơ sở nên có phần nào lúng túng. Tội chúng nó thì theo dõi riết, bắt phải lên trình diện hàng tháng. Cuối năm nớ tôi lại bị bắt lần nữa nhưng được thả ngay. Chúng tôi tiếp tục gây cơ sở, duy trì phong trào chờ thời cơ vùng lên.

Năm một nghìn chín trăm ba mươi sáu phong trào đấu tranh lan rộng trong nhà máy nhưng vì tôi đã bị lộ nên phải rút vào bí mật, để một số đồng chí khác trực tiếp nắm phong trào.

Sang năm sau, đúng ngày hai mươi lăm, tháng hai, năm một nghìn chín trăm ba mươi bảy nhà máy ta nổ ra một cuộc đình công lớn. Trước đấy chúng tôi đã chuẩn bị rất kỹ càng.

Từ tờ mờ đất anh chị em công nhân đã lũ lượt kéo vào công sở.

Nhìn dòng người kéo vào kìn kịt, tôi mừng vì thấy anh em mình đồng lòng, nhất tề hành động, nhưng lại lo vì không hiểu anh chị em đã thật nắm vững cách thức đấu tranh chưa.

Bọn tay sai của chủ cũng bắt đầu đánh hơi thấy và chúng nó chạy nháo cả lên. Tốp anh em thợ đi đầu vào đến cửa nhà giấy thì dừng lại. Xếp thành hàng ngay ngắn, ngồi xuống. Những tốp sau ùn tới, ngồi tiếp vào hàng. Cả mấy nghìn công nhân sát cánh nhau thành một dãy dài qua cả công sở ra đến tận ngoài chân cầu Hạ-lý. Anh Bật được cử làm đại biểu đình đạc tiến vào nhà giấy đưa yêu sách. Ở phía ngoài thì quần chúng hô khẩu hiệu rầm rầm.

Bọn chúng nó sợ chết xanh chết xám đi, kéo nhau chúi vào trong nhà giấy, đóng cửa kín mít. Hễ động thấy cái mặt nào ngơ ngác, lắc lảo thò ra ở khe cửa là quần chúng lại thét lên giận dữ:

— Chủ phải tăng lương cho anh em thợ!

— Chủ không ra chúng ta nhất quyết ngồi đây. Thà chết còn hơn là sống ngắc ngoải. Khờ lắm rồi, khờ mãi rồi, vùng lên anh em ơi!

— Thằng công lưng làm cho thằng ngay lưng ăn, đề rồi anh em mình chết dần, chết mòn hết à?

— Những thằng tăng công, xấu bụng, mặt dày liệu tìm đường tìm nẻo mà cuốn xéo cho sớm kéo cổ ngày ăn độn như xường đấy!

— Lôi cổ những thằng ấy ra, vít cổ xuống giàn cho một trận.

Mấy đồng chí lãnh đạo cuộc đình công nhắc anh em:

— Ta vùng lên nhưng không gây sự đánh nhau anh em ạ.

Thế là mấy cái mặt chuột kẹp vội thụt vào, cửa đóng sập lại. Mặt trời lên cao nắng càng gắt, khí thế cuộc đình công càng bốc lên. Bao nhiêu nỗi cay đắng, căm hờn, uất ức đã tích lại, âm ỉ từ lâu, nung nấu mãi, bây giờ mới có dịp bùng lên nên cứ ngùn ngụt, ngùn ngụt như đám cháy rừng.

Gạo cao công hạ, làm quần quật mà vẫn lam lũ, xác xơ. Cứ cái cung cách ấy mà không nhất tề đứng dậy thì cũng chết. Có những cụ già gầy dẹt, ho khò khè luôn mồm nhưng cũng nhất quyết ngồi vào hàng ngũ, những chị gửi con thơ ở nhà khát sữa, cũng khăng khăng một mực ngồi sát cánh với anh em.

Giữa lúc chủ và thợ đang còn giằng co như thế thì xịch một cái bọn sen đầm, mặt thâm ập tới. Chúng nhâu nhâu như một đàn chó đói, nháy xò vào hàng ngũ anh chị em công nhân. Roi gậy, dùi cui vung lên, giáng xuống đầu xuống cổ công nhân tui bụi.

Bọn chúng sẵn vào đâu thì hàng ngũ ở đấy càng ken xít lại gan góc, mặt người nào cũng như đồ lửa.

Ỗ vào thế tui sen đầm, lúc nó bọn đốc công, cai thầu mới dám lộ mặt ra. Chúng lồng lộn, gào thét, tru chéo điên cuồng. Suốt từ đầu dãy đến cuối hàng lại thét lên quyết liệt:

— Chống đánh đập, khủng bố!

— Anh em ơi! Ngồi sát lại không một ai ra khỏi hàng.

Thấy đánh mãi không ăn thua, chúng giờ trò bắt đại biểu. Đoàn người bật dậy, xông ào tới, quây chặt lấy chiếc ô-tô. Báng súng, giầy đinh, dùi cui, roi da từ trên xe cứ tới tấp bổ xuống, đám người gầy guộc, rách rưới cứ cố sống cố chết bám lấy thành xe leo lên, người này ngã người khác thế chân. Tất cả anh chị em đều sôi lên, thét vang:

— Nhất quyết không để chúng nó bắt đi một người nào của mình.

— Đả đảo khủng bố! Xông lên anh em ơi! Ngăn này con người ta nhất định không chịu thua.

Cả đám người ủa tới đông nghịt. Nhiều tên lính sen đầm đã phải ôm đầu lùi lại. Quần chúng xông xáo giành giật trong tay địch người đại biểu của mình.

Quần nhau càng lất, anh em thợ càng thẳng thắn, tiếng reo hò càng vang lên tợn. Cái thế không trốn tránh được, mấy tên chủ Pháp đành khệ nệ vác cái bụng phệ ra trước cửa nhà giấy, mặt trắng bệch. Chúng nó biết là hàng ngàn cặp mắt đỏ ngầu đang đổ dồn về phía chúng nó. Thằng Sơ-muy bước ra ấp úng nói, người thông ngôn dịch lại:

— Ông chủ nhận yêu sách và hứa sẽ tăng lương cho anh em. Anh em cứ yên trí vào làm đi.

Từ trong đám quần chúng có tiếng thét lớn:

— Có nhận thì ký ngay đi. Không lơ mơ hứa hẹn gì cả.

Tên chủ Pháp gượng cười nhưng mắt nó thì méo sệch, trông đến thảm hại. Hắn lúng túng sờ tay vào các túi và rút ra chiếc bút máy. Mắt nhìn xuống đất, cái cảm nặng nề những mỡ của hắn càng chảy xệ xuống.

Anh Bật cầm tờ yêu sách có chữ ký của bọn chủ nhận tăng lương cho thợ, anh khoa khoa tờ giấy trên đầu:

— Chúng ta được tăng lương kể từ ngày hôm nay. Chủ đã ký vào đây rồi. Xin mời bà con, anh em ta giải tán thôi.

Anh em thợ reo lên hể hả. Kể về nhà, người vào xưởng chuyện nở như ngô rang. Thôi thì chẳng kể gì quen hay lạ, hể cùng cánh thợ thuyền với nhau là cứ bá vai, bá cổ nhau hỏi han, cười nói tíu tít. Một bác công nhân già, móm mém cười và bảo tôi: « Cái thói chúng nó vẫn thế, mềm nắn rắn buông, mình mà chịu lép

chúng nó càng được thê làm già». Thật quá là sau lần đấu tranh ấy khi thể của anh em công nhân ta càng ngày càng lên vùn vụt. Trong những năm sau còn liên tiếp nổ ra thêm nhiều cuộc đình công và biểu tình khác nữa, hàng ngũ càng ngày càng đông, càng cứng cỏi thêm ra. Dựa hẳn vào quần chúng mà hoạt động tôi càng mê say và thấy thú vị hơn nhiều.

Nhưng cũng chính sau cái lần đình công năm một ngàn chín trăm ba mươi bảy ấy thằng Lơ-bô-tép đã ký chữ đỏ vào sổ li-vê và đuổi tôi ra khỏi sở. Ở trong tình cảnh cả nhà đi làm phụ phen, cu ly mà tôi lại là chỗ dựa chính của gia đình nên đâm ra bán quá thê. Tôi lần ra Uông-bí định bụng sẽ kiếm một việc làm gì đấy tạm bợ cho đỡ túng. Nhưng rồi lại ngao ngán trở về vì đời nào chúng nó lại chịu nhận một thằng phu có chữ ký đỏ ở li-vê. Không làm đâu được, tôi dốt luôn sổ li-vê đi và chạy chọt sáu đồng bạc dút cho cai Suy, thế là lại vào làm ở sở. Đối với tội chúng nó «nén bạc đâm toạc tờ giấy» là thế đấy.

Vào làm được ít lâu, đến năm một ngàn chín trăm ba mươi chín tôi và một số anh em khác lại bị đuổi vì việc chuẩn bị một cuộc đình công khác bị bại lộ do một tên phản bội đi tố giác với bọn Tây. Thật đáng ghê tởm con người hèn nhát đã phản lại quyền lợi của giai cấp công nhân. Chủ lại ký chữ đỏ vào sổ li-vê, tôi lại dốt. Không xin việc được, tôi và mấy anh em chính trị phạm khác xoay sở kiếm đồ làm lò rèn để có miếng ăn thôi, và hoạt động. Quần chúng cảm tình lên lút cho gỗ và công nhân trong sở thì cho sắt, kim, búa. Nhờ vậy mà chúng tôi đủ sống và dành được tiền xây dựng quỹ của Đảng.

Tiếc rằng sống ở ngoài thật, nhưng chẳng có việc gì xảy ra ở trong sở mà chúng tôi không biết, vì anh em hết sức tin cậy chúng tôi mà chúng tôi thì bám lấy anh em mà hoạt động. Bấy giờ cái lò rèn còn con của chúng tôi cứ cặm cạch sống giữa lòng xóm thợ nghèo nàn, xơ xác nhưng rất sẵn tình thương yêu, đùm bọc.

Cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ. Bọn phản động thuộc địa bắt đầu trắng trợn khủng bố cách mạng. Nhật đổ bộ vào Đông-dương. Chi bộ rút vào bí mật nhưng truyền đơn vẫn rải, áp phích vẫn dán, cờ vẫn treo liên tiếp nhưng có điều chặt vật hơn trước nhiều. Lần lượt các đồng chí Tô Hiệu, vợ chồng đồng chí Đồng và các đồng chí Ngô minh Loan, Minh, Hạ, Ngũ, Đức, Ninh đều bị bắt. Bọn mật thám như rươi.

Trước tình hình tổ chức bị sút mẻ ghê quá, tôi và đồng chí Nhiệm bàn cách đi tìm và bắt liên lạc với các cấp bộ Đảng ở trên. Sau bao nhiêu lần lặn lội, cuối cùng chúng tôi tìm được đầu mối và

lập được cơ sở Việt minh ở nhà máy dưới hình thức «công nhân cứu quốc hội». Từ đấy phong trào trong nhà máy lại bắt đầu đấu tranh mạnh. Chống âm mưu của bọn chủ lấy cớ tình hình chiến tranh bắt phu làm chín giờ, công nhân đòi làm tám giờ, đòi cấp gạo theo giá quy định. Nghĩa là lại nhiều phen làm cho bọn chủ phải nới tay bóc lột.

Cũng vào hồi này khắp nơi rậm rịch chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Tôi liên lạc được với đồng chí Nguyễn Bình ở chiến khu Đông triều. Biết là chiến khu đang gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang mà tôi thì lại biết anh Hà là cai lính khố xanh, trước ngày cùng làm phu xi-moong, cũng là dân thợ thuyền cả. Một hôm tôi tìm gặp anh Hà. Sau vài câu chuyện phiếm, tôi gợi chuyện và bày tỏ ý định. Anh Hà mừng quá — Vì tôi biết trước là anh ấy rất ghét Tây — anh thì thăm bảo tôi:

— Thế thì còn gì bằng nữa. Cứ phải mặc bộ quần áo này của chúng nó lắm lúc tôi ức chết đi được. Đã lâu tôi cũng đã có ý định ấy, nhưng chẳng biết làm thế nào. Hơn nữa lại chẳng có ai mách mối thì còn biết đảng nào mà lần. Anh cứ về thu xếp cho xong đi rồi bảo một tiếng là tôi đi ngay. Mong anh thật lòng giúp tôi một phen.

Tôi mừng quá. Nhưng tôi gọi thêm.

Thế chứ anh đi cùng cái thể này thôi à?

— Tất nhiên là cả súng đạn nữa chứ — anh trả lời.

— Liệu có thêm được gì nữa không?

Anh Hà cau mày suy nghĩ rồi bảo tôi:

— Để tôi cố xem thể nào nhé. Chả dám hứa trước nhưng nhất định là có thêm nữa đấy — Anh nháy mắt với tôi và cười.

Bố trí, sắp xếp xong đâu đấy, tôi viết cho anh mảnh giấy: «Thân gửi chú Hà, tôi có người anh làm tốt, chăm chỉ nhưng không kiếm được việc. Chú cố gắng giúp tôi như tôi đã có nhờ nhờ chú». Nhận được giấy và có người đưa đường, anh Hà kéo theo mười hai anh em lính khố xanh với mười hai khẩu súng, mấy nghìn viên đạn, đi thẳng lên chiến khu, tham gia xây dựng lực lượng giải phóng quân. Làm xong xuôi được việc ấy, tôi mừng quá thê. Tưởng như chính mình được tham gia cầm súng với anh em ở chiến khu. Cứ mỗi lần đọc tin tức hoạt động của các chiến khu đăng trên tờ báo «Cứu quốc» — Tờ báo lưu hành bí mật của mặt trận Việt minh — là lòng dạ chúng tôi lại nóng như lửa đốt.

Giữa lúc chúng tôi đang náo nức thì bọn phát xít Nhật hất cẳng Pháp ở Đông-dương. Hồi ấy là đầu năm một ngàn chín trăm

hơn mười lăm, nghĩa là chỉ khoảng năm, sáu tháng trước ngày cách mạng thành công, cũng chỉ trong cái khoảng thời gian ngắn ngủi ấy tôi đã phải chịu thêm nhiều sự đau đớn, xót xa.

Nếu không có cuộc cách mạng nổ ra vào tháng tám năm ấy thì có lẽ tôi cũng chẳng còn sống sót được cho đến bây giờ. Chính quyền mà còn ở trong tay giai cấp bóc lột thì dù chỉ một ngày, cái khổ cái nghèo đói và cái chết còn bám lấy những người lao động và nó như một cái thòng lọng khổng lồ, lúc nào cũng sẵn sàng thít lại một cách phũ phàng, ghê tởm.

Đạo nớ là lần mà miền Bắc nước ta có tới trên hai triệu người chết đói. Người chết như ngã rạ, bà con nông dân các tỉnh bỏ quê bỏ quán ra đi và chết đường chết chợ không biết bao nhiêu mà kể. Tình cảnh của thợ thuyền lúc bấy giờ cũng điêu đứng quá chừng, quá đói. Dân xóm thợ thì chết vơi đi. Sở ruộng sản xuất, năm thì mười họa mới làm vét một tí. Giá gạo tăng lên vùn vụt. Sống trong tình cảnh ấy thì cái lò rèn cạm cạch của chúng tôi còn kiếm đâu ra việc nữa. Từ ăn đói chuyển sang ăn cháo rồi cuối cùng đến cháo loãng cũng không có để mà ăn, họa hoằn lắm mới kiếm được dùm gạo hầm nấu nước uống cầm hơi, ăn rau, ăn lá.

Thoạt đầu tiên thì xóm thợ nhao lên vì đói nhưng rồi đói quá người ta là ra, không còn đủ sức để mà ca thán nữa, người ta đổ đại đi vì đói, mệt, đau đớn. Người kiệt sức thì nằm chết đi ở xó lều, góc xóm. Người nào còn đủ sức để đi được thì cũng lêu khêu lêu khêu, dầm dẫm, còm nhom, chuyện trò trong xóm thợ thì chỉ thấy thều thào rất những chuyện người chết. Nào là chuyện anh phu máy cưa chỉ vì không có tiền nộp thuế thân, đã phải trốn lên nóc xưởng và rồi chết khô đét ở trên đó. Nào là chuyện bác thợ nhà lửa hết việc, đói quá phải bắt cả chuột cống mà ăn, vật vã vì bệnh miệng mửa trôn tháo rồi chết. Và còn vô khối, đâu đâu cũng thấy lăm răm rất những chuyện ấy cả.

Mấy anh em làm lò rèn chúng tôi người nào cũng hốc hác, xạm đi, gầy như que củi. Nhưng chúng tôi vẫn luôn nhắc nhở nhau. "Mình là những người làm cách mạng thì phải nghiêm rang lại, hãy đứng cho vững", và trong số chúng tôi thì anh Điều già là người chịu bền bỉ và cứng cỏi hơn cả.

Có những hôm thấy mấy chiếc niêu khô không và mấy mảnh lon vỡ vài chiếc bát mẻ vẫn dùng để thổi nấu vớt chớ chông mỗi thứ một nơi, anh Điều già bảo chúng tôi hãy thu vén, nhặt nhạnh lại xếp đặt cho ngăn nắp. Đói cho sạch, rách cho thơm, ta phải làm gương cho mọi người. Chúng tôi rất khâm phục khả năng

cường lại cái dõng của anh. Anh thường thúc giục, động viên chúng tôi phải xông xáo để mà sống mà làm việc.

Khi còn đủ sức để lê mỗi đôi chân thì chẳng ngày nào là anh không lui hui đi thu lượm tình hình tin tức về để phán đoán sự diễn biến của thời cuộc và đặt kế hoạch công tác cho cả nhóm chúng tôi cho nên đạo nớ tuy tình hình khó khăn là thế mà chỉ bộ vẫn thường xuyên tổ chức được những cuộc nói chuyện, vận động mít-tinh chớp nhoáng, vận động cộng nhân chuẩn bị cướp chính quyền, tổng khởi nghĩa. Chỉ cần tụ tập quần chúng lại, hai ba người kiệu một người lên nói chuyện hô hào. Loáng một cái, xong giải tán ngay, làm kiểu ấy nhạy lắm. Những chủ trương nớ chẳng bao giờ anh Điều chịu bỏ qua. Anh yếu quá không làm được thì đặt kế hoạch thật tỉ mỉ để anh em khác làm. Người anh đét lại như con cá mắm, chỉ còn trông thấy có hai con mắt thô lỗ. Anh luôn hỏi chúng tôi về sự tình của anh em phu phen ra sao và ước ao được sống đến ngày nước nhà độc lập. Có những đêm tôi nằm trần trọc và thỉnh thoảng lại thấy anh trở mình một cách hết sức khó nhọc. Nhưng tình không thấy anh thở dài một tiếng nào bao giờ.

Chúng tôi còn phải trải qua nhiều nạn gian nan nữa. Nhưng cứ mỗi khi thấy lòng mình ủ dột là tôi lại nhớ tới lời khuyên của anh ấy: "phải nghiêm rang lại và hãy đứng cho vững". Thế là tôi lại thấy mình hăng lên.

Chúng tôi thì như vậy mà bọn chủ sở "xi-moong" lúc bấy giờ chúng nó vẫn cứ phè phỡn trong những tòa nhà tây ngan ngát. Ngày mấy bữa chúng nó dọn thức ăn thức uống thừa bữa ra ngoài hiên ngồi nhấm nháp. Chúng nó quảng cho chó béc-giê từng miếng thịt bò rán to bằng bàn tay. Anh em cu ly, thợ thuyền đi qua ngoài hiên cứ quần lên từng khúc ruột.

Thằng thực dân Pháp cũng thế mà thằng phát-xít Nhật thì cũng vậy thôi. Chúng nó cùng một nòi, một duộc cả. Hồi ấy cái thằng Cô-dê-ma là thằng đầu sỏ ở sở hiến binh Nhật và bọn tay chân của nó, đứa nào cũng nung núc những thịt, những mỡ phè ra. Chúng nó đi ủng, đeo kiếm, xúng xục đi lung bắt Việt minh. Đời sống của dân mình lúc ấy cứ như là bị dồn vào trong cái hủ nút. Lăn lóc, ngột ngạt, tối tăm quá thê.

Khô cực mãi, chịu đựng mãi. Túc nước vỡ bờ, cuối cùng cái ngày mà chúng tôi mong mỏi đã đến.

Ngày hai mươi ba, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm, cả Hải-phòng rộn rịp khi đoàn giải phóng quân từ đề tứ chiến khu Đông-triều kéo về. Hôm ấy trời nắng thật là đẹp,

ngoài phố Bàng, trong xóm Chiêu thương, ở khu Đình hạ bà con ta đổ ùa cả ra đường, ào ào kéo nhau vào thành phố. Anh em thợ vác cờ đỏ sao vàng vào cắm ở những đỉnh cao nhất trong nhà máy, đầu đầu cũng tít tít cả lên. Bè lũ tớ thầy bọn chủ thì khiếp đảm. Cả lũ cứ nem nép, cắm găm mặt xuống.

Thành lập được Ủy ban công xưởng và Ủy ban kiểm soát Kỹ nghệ xong, chúng tôi bắt tay vào công việc quản lý nhà máy. Anh em công nhân kéo vào sớ, nướm nướp như trảy hội. Chúng tôi cho gọi thẳng chủ nhất Ri-sa lên giao trách nhiệm sản xuất và nói cho nó biết luật lệ của nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Cái thẳng thực dân hách dịch có tiếng này lúc ấy ngồi trước mặt chúng tôi cứ nhũn như con chi chi. Tay nó luôn mân mê chiếc mũ phớt. Hai con mắt mèo trước ngày chỉ biết có trợn ngược lên thì bây giờ lần đầu tiên tôi thấy nó bị kéo sụp xuống, chớp lia chớp lia. Mặt nó chảy ra, nó cười hết sức xã giao. Đã nhận rõ sự thay bậc đổi ngôi nên nó chỉ biết một điều « thưa ông vâng », hai điều « thưa ông vâng ».

Cướp được chính quyền xong thì công việc cũng ùn đến, thôi thì chẳng còn thiếu thứ gì. Chúng tôi cứ xoay tít như đèn cù mà vẫn làm không sao hết được việc. Nhưng có cái là quần chúng sẵn sàng chung lưng gánh vác việc dân, việc nước nên làm cũng trôi chảy cả.

Tháng chín năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu tôi được điều ra phụ trách mỏ Uông bí.

Quả thật như lời các lãnh tụ đã nói : cướp chính quyền đã khó dựng chính quyền mới lại càng khó hơn. Khi mỏ Uông bí đã về tay chúng ta thì nó chỉ còn là một vùng dân cư sơ xác. Nạn đói vẫn còn đè trên đầu người dân mỏ. Rõ cơ khổ. Mà số anh em chúng tôi thì chỉ vèn vèn có một trung đội võ trang tuyên truyền. Vừa phải chống đói, vừa phải tiểu phi vừa phải đương đầu với bọn Việt tam quân.

Đứng trước tình hình ấy chúng tôi bảo nhau phải đem hết sức mình ra mà làm và phải thật bình tĩnh, sáng suốt, kiên trì. Chúng tôi tổ chức phòng dân quân miền núi. Học tiếng Thanh nghị, Thanh phán. Tổ chức lễ Song thập đề tập hợp và giáo dục, giác ngộ đồng bào thiểu số và Hoa kiều. Chúng tôi vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, có gì khó chúng tôi thỉnh thị xin ý kiến của Đảng hoặc đưa ra tập thể bàn bạc. Thế rồi chúng tôi làm được. Dụ hàng được hơn một nghìn tên phi. Mở cửa mỏ, thợ có việc làm. Bộ mặt Uông bí đổi thay trông thấy.

Cả vùng mỏ Uông bí đang hơn hớn đi lên như thế thì kháng chiến bùng nổ. Chúng tôi cấp tốc tháo máy móc chuyển lên chiến khu để làm vốn cho các công binh xưởng sau này. Làm xong nhiệm vụ ấy, tôi được phân công cùng với một số anh em đi phá hoại cầu cống, chặn bước tiến quân thù. Là những người thợ đang chăm chút làm ra của cải cho đất nước mình, thế mà lại phải đi phá hoại. Thật, lòng chúng tôi đau như dao cắt. Càng nghĩ chúng tôi càng căm quân giặc.

Sau đó, tôi chuyển lên Việt-bắc và được phân công phụ trách xưởng quân giới Tiên phong. Rồi sang làm quản lý cục vận tải làm trưởng phòng vật liệu cục vận tải chịu trách nhiệm cung cấp xăng, dầu, mỡ cho toàn quân cho tới ngày chiến dịch Điện-biên phủ toàn thắng. Cứ mỗi lần chuyển sang một công tác mới, tôi lại vấp phải bao nhiêu là khó khăn. Nhưng cũng nhờ vậy mà tôi được dày dạn thêm lên nhiều. Trước ngày, tôi chỉ là một người thợ. Nào có biết công tác quân sự, hành chính, kinh tế là gì đâu. Vậy mà mình cứ chịu khó học hỏi, nghiên cứu, say sưa làm là tự khắc nó sáng ra. Cuộc kháng chiến đã rèn giũa tôi. Cách mạng đã cho tôi được làm người.

Cho tới ngày hòa bình được lập lại sao mà sung sướng thế : Tôi được về tiếp quản, đây là lần thứ ba tôi đặt chân lên thành phố Hà-nội. Lần thứ nhất là một thằng bé còm nhem, lem luốc, rách rưới, rách thụng quần ngơ ngẩn trên những phố phường, lạ ngơ lạ ngất. Một thằng bé « nhà quê, ăn mắm muối dòi » lạc lõng giữa cảnh phồn hoa, đô hộ. Tôi lúi thủi bước đi trên hè phố mà lòng dạ đắng cay, túi cực quá chừng. Lần thứ hai tôi trở lại Hà-nội với những xiềng, xích xúng xiàng khắp chân tay. Tôi là một người tù ở nhà pha Hỏa lò. Lần ấy, tôi đã phải chịu cảnh hành hạ đau đớn hơn lần trước nhiều nhưng không còn cảm thấy túi cực nữa mà trái lại trong những cái « còng » tôi tắm, ngọt ngọt ấy tôi đã lớn lên và sáng mắt ra rất nhiều, sáng mắt ra mà sống, mà đấu tranh.

Và đến lần thứ ba ấy thì lại là một người lính chiến thắng từ Điện-biên phủ trở về, là bộ đội của cụ Hồ. Ngồi trên chiếc xe công-măng-ca bon bon từ Trung-giã về Hà-nội mà lòng tôi phơi phới, cứ tưởng, như là mình đang bay bổng trên mây. Qua cầu Long biên, xe của chúng tôi len vào những phố xá đông nghìn nghịt, khắp mọi nơi rôm rộp những cờ.

Càng vui sướng, tôi càng thấy cuộc đời thay đổi chóng quá. Trước ngày, trong những lúc đấu tranh gian khổ tôi chỉ những định ninh rằng cuộc đời sẽ đẹp. Nhưng tôi cho là đời con, đời cháu

mình sẽ được hưởng hạnh phúc. Chứ đâu có ngờ rằng chính đời mình lại được hưởng những điều vui sướng ấy. Được hưởng cái ơn huệ ấy, tôi càng thương sót càng nhớ đến những đồng chí đã mất và càng thấy vinh dự quá đi thôi.

Trong suốt mấy năm sau hòa bình ấy, tôi vẫn ở bộ đội. Mãi đến tháng sáu năm một nghìn chín trăm năm mươi tám tôi mới chuyển ngành và về gặp các anh Hòa, anh Đinh đức Thiệu, anh Lê thanh Nghị. Các anh ấy ngỏ ý định điều tôi về công tác ở Hồng-quảng vì hồi đầu kháng chiến tôi đã khá thông thuộc nơi ấy. Nhưng tôi thì tôi nghĩ: đành rằng đối với Hồng-quảng tôi cũng quen thuộc thực đấy nhưng làm sao mà lại có thể gần bó, thân thiết với tôi được bằng cái nhà máy mà nửa đời người tôi đã lẫn lộn với nó. Từ tôi căm ghét nó, khổ sở vì nó mà bây giờ thì tôi lại yêu thương nó quá, tôi chỉ muốn bám chặt lấy nó mà sống, mà làm việc và phó thác cho nó cả đời mình. Chính vì thế nên tôi khẩn khoản xin được về Xi-măng. Nhà máy xi-măng tuy không phải là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi nhưng dù sao thì cũng từ ở đấy mà tôi được phong trào công nhân làm cho tôi thành người.

★
★★

Tôi già rồi nhưng lớp các đồng chí thì còn trẻ trung lắm. Ta hãy bảo ban nhau mà sống, mà làm việc cho được nên người. Cuộc đời cũng như dòng nước ấy. Có dòng trong, dòng đục, chính trên dòng sông Hạ lý ấy xưa kia những người thợ cơ cực cùng khổ của sở « xi-moong » đã chọn dòng nước uống, cái dòng trong mát ngọt ngào bên những dòng nước mặn, nước đục.

Đối với tuổi trẻ của các đồng chí bây giờ đã tắm trong dòng nước trong. Trước ngày chúng tôi phải lăn lộn mãi mới tìm gặp được Đảng. Còn các đồng chí bây giờ thì có Đảng ở ngay bên cạnh, sung sướng quá. Khó hay dễ là ở mình cả, cố dần lên là đạt được tất.

Hải-phòng ngày 3 tháng 7 năm 1964

NGUYỄN ĐĂNG LƯƠNG

(Ghi theo lời kể của bác Tỉnh)

MỤC LỤC

1. HẠNH PHÚC NGƯỜI THỢ	PHAN THANH TUẤN
2. ĐỜI THỢ XI-MĂNG	NGUYỄN KẾ TRUYỀN
3. TỪ THAN BỤI VƯỜN LÊN	XUÂN HỒNG
4. CHỌN DÒNG NƯỚC UỐNG	NGUYỄN ĐĂNG LƯƠNG